Viện Đại Học Đà Lạt là Quê Hương Tinh Thần của tôi, từ đó tôi bước vào đời. Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt, tôi nhớ ơn các bậc tiền bối, thầy cô và bạn bè đã cho tôi niềm hãnh diện là sinh viên trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt.

Quang Già Cơ

Tình Hoài Hương

MỤC LỤC

Lời mở đầu	6
Tri Ân	11
Ngày Khai Trường	16
Đà Lạt Năm 2010	35
Ngọn lửa Thụ Nhân	75
Hoa Mimosa	81
Huế Năm 2013	90
Hà Nội Quê Hương Trong Trí Nhớ	139
Một Yêu Câu Hát Truyện Kiều Lắng Lơ Như Tiếng Sáo Diều Làng Ta	198
Kim Vân Kiều	237
Lễ Mãn Khóa CTKD I	286

Lời Mở Đầu

…….
Ai về xa mãi cô thôn
Một mình trông khói hoàng hôn nhớ nhà
……
(*Bài Hát Mùa Thu – Đinh Cường)*

……
Lòng quê dợn dợn vời con nước
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà
……
(Tràng Giang – Huy Cận)

……
Tấm lòng yêu sông, lo chi ngày trở lại
Nước chảy đi, nước lại trở về sông
(Tấm Lòng Yêu Sông – Quang Già Cơ)

Anh về qua xóm nhỏ,
Em chờ dưới bóng dừa.
Nắng chiều lên mái tóc,
Tình quê hương đơn sơ .

Quê em nghèo, cát trắng,
Tóc em lúa vừa xanh.
Anh là người lính chiến,
Áo bạc màu đấu tranh .

Em mời anh dừng lại,
Đêm trăng ướt lá dừa,
Bên nồi khoai mới luộc,
Ngát thơm vườn ngâu thưa,

Em hẹn em sẽ kể:
Tình quê hương đơn sơ
……
(Tình quê hương – Phan Lạc Tuyên)

Tình hoài hương rất đơn sơ. Nải chuối, buồng cau, khói bếp buổi chiều ở làng quê, khói nồi khoai mới luộc, dòng sông … cũng đủ tạo nên nỗi nhớ quê nhà. Theo tôi Tình Hoài Hương chỉ là một yếu tố của tình yêu nước và không phải là yếu tố quan trọng nhất. Yếu tố quan trọng nhất của lòng yêu nước là Lòng Tự Hào Dân Tộc. Lòng Tự Hào Dân Tộc được nhạc sĩ Hùng Lân diễn tả qua bài hát Việt Nam Minh Châu Trời Đông :

Việt Nam minh châu trời đông
Việt Nam nước thiêng tiên rồng
Non sông như gấm hoa uy linh một phương
Xây vinh quang ngất cao bên Thái Bình Dương
Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi
Tiếng anh hùng tạc ghi núi non muôn đời
Máu ai còn vương cỏ hoa
Giục đem tấm thân so với sơn hà
Chung tâm cương quyết ta ôn lời thề ước
Hi sinh tâm huyết mong báo đền ơn nước
Dù thân này tan tành chốn sa trường cũng cam
Thề trọn niềm trung thành với sơn hà nước Nam

Hai yếu tố Lòng Tự Hào Dân Tộc và Tình Hoài Hương kết hợp tạo thành lòng yêu nước chân thành nên người Việt đã nhiều lần *vì yêu quốc gia vui lòng hiến thân, liều mình ra tay tuốt gươm bao lần (Bạch Đằng Giang – Lưu Hữu Phước).*

Ngày nay, lòng Tự Hào Dân Tộc bị bào mòn. Một nước 90 triệu dân, tài nguyên rừng biển phong phú, có nền văn hóa không lớn bằng Trung Hoa, Ấn Độ nhưng không nhỏ so với những nước Á Châu còn lại, có đạo quân thiện chiến và lớn đã từng đánh bại Tàu, Nhật, Pháp, Mỹ, một dân tộc có sức sống mãnh liệt mà Hán tộc không đồng hóa được. Vậy mà, dân tộc đó vẫn cho đất nước mình là nhỏ bé, nhược tiểu. Cả nước đang loay hoay với những câu hỏi : Có nên Thoát Trung hay không ? Thoát Trung như thế nào ? … vv ... Lúng túng, cầu an, chiến đấu với tới tinh thần cầu hòa, không nắm được điểm yếu, điểm mạnh của ta và của địch, khiến đất nước không chỉ mất biển đảo vào tay Trung Hoa Cộng Sản mà còn mất biển đảo vào tay Trung Hoa Dân Quốc, Phi Luật Tân có khi mất cả vào tay Mã Lai nữa.

Nhân kỷ niệm 50 năm thành lập trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại học Đà Lạt, để bồi đắp Niềm Tự Hào Dân Tộc cho thanh niên Việt Nam, tôi có ước mơ : *Đại học là nơi đào tạo ra những người trí thức, ông cha ta gọi là kẻ sĩ hay sĩ phu. Đại học Việt Nam ngày nay chỉ mới đào tạo được những chuyên viên làm những công việc chuyên môn, chưa đào tạo được những sĩ phu hay kẻ sĩ. Lý do là đại học Việt Nam hiện nay chưa có qui chế tự trị. Đại học Việt Nam hiện nay có hai cơ quan quyền lực là Đảng Ủy và Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh. Hai cơ quan này là nơi để cho sinh viên có cơ hội chiếm địa vị để tiến thân trong xã hội và là hai cơ quan công an để theo dõi, kìm kẹp sinh viên. Để đại học Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ đào tạo kẻ sĩ cho đất nước và nhân loại, tôi có ước mơ : Thứ nhất : Dẹp bỏ hai cơ quan Đảng Ủy và Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh trong các viện đại học. Thứ hai : Công nhận và thiết lập quyền tự trị cho các đại học và đại học phải đi đầu trong nghiên cứu phục vụ cho nhân sinh.*

Đại Hàn là bài học về qui chế tự trị đại học. Một quốc gia nhỏ bé, dân không đông, tài nguyên không nhiều, nhưng ngày nay Đại Hàn có đội ngũ trí thức giỏi về khoa học kỹ thuật, văn hóa, mỹ thuật, thể thao đã đưa đất nước Đại Hàn ngang bằng với cường quốc phương Tây và đóng góp cho nhân loại những phát minh sáng chế hữu ích. Đại học tự trị là một nhân tố quan trọng đã giúp Đại Hàn đào tạo được đội ngũ trí thức này. Ngày nay, các cuộc cách mạng về chính trị, kinh tế, khoa học, văn hóa trên thế giới hầu hết phát xuất từ sinh viên học sinh nghĩa là phát xuất từ các viện đại học.

Đại học Việt Nam chưa được hưởng qui chế tự trị thì nước Việt không thể trở thành con rồng để cùng bay bổng với con rồng Nhật Bản, Đại Hàn trên biển Thái Bình Dương.

Sau khi đọc lời mở đầu trên, bạn tôi email cho tôi : " Dĩ nhiên không phải chỉ có TỰ TRỊ ĐẠI HỌC mà đủ, nhưng tao đồng ý với mày phải có cái bắt đầu, mà có đi thì có đến . Có tự trị, đại học mới đào tạo được kẻ sĩ ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường :

Phù thế giáo một vài câu thanh nghị.
Kẻ Sĩ - Nguyễn Công Trứ

Rồi đến khi tốt nghiệp vào đời:

Cầm chính đạo để tịch tà, cự bí,
Hồi cuồng lan nhi chướng bách xuyên.
Rồng mây khi gặp hội ưa duyên
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng.
Trong lăng miếu, ra tài lương đống,
Ngoài biên thùy rạch mũi can tương.
Kẻ Sĩ - Nguyễn Công Trứ

Có kẻ sĩ thì lòng Tự Hào Dân Tộc mới hồi sinh.”

Tôi cám ơn bạn tôi. Anh đã làm rõ tầm quan trọng của sự cần thiết có nền tự trị đại học.

Tôi chân thành cám ơn tác giả hình ảnh, văn, thơ, nhạc được trích dẫn trong tuyển tập.

TRI ÂN

TRƯỜNG CHÁNH TRỊ KINH DOANH,
VIỆN ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

1964 – 1975

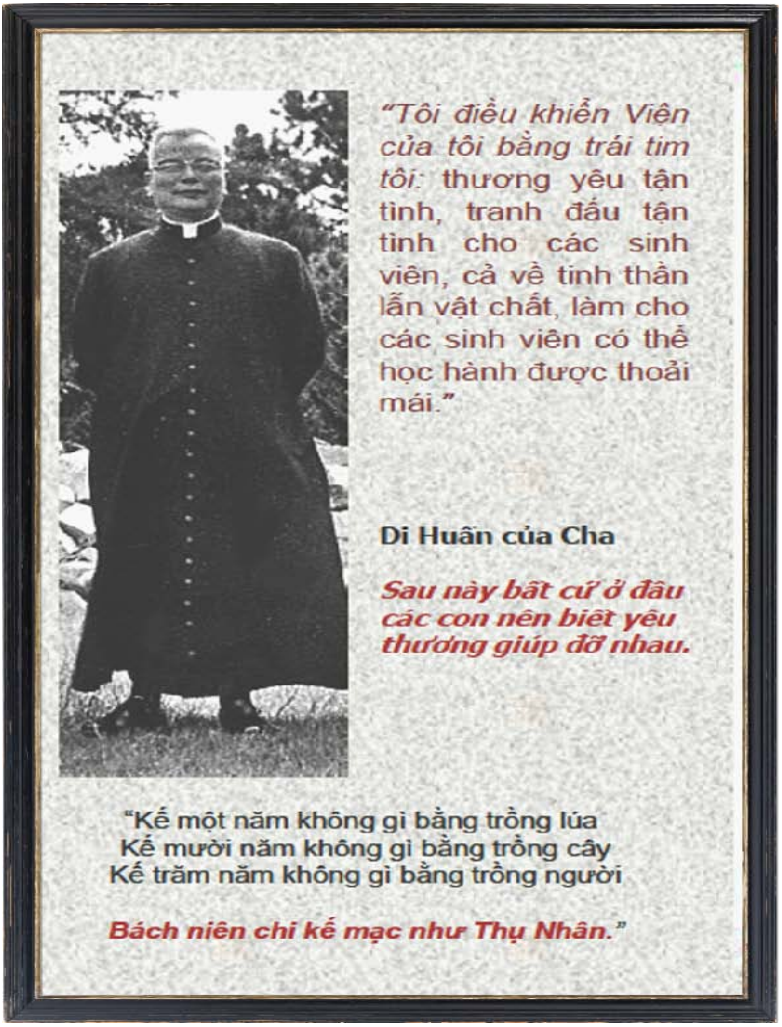

Đức Ông Nguyễn Văn Lập, Viện Trưởng Viện Đại Học Đà Lạt
(1911 – 2001)

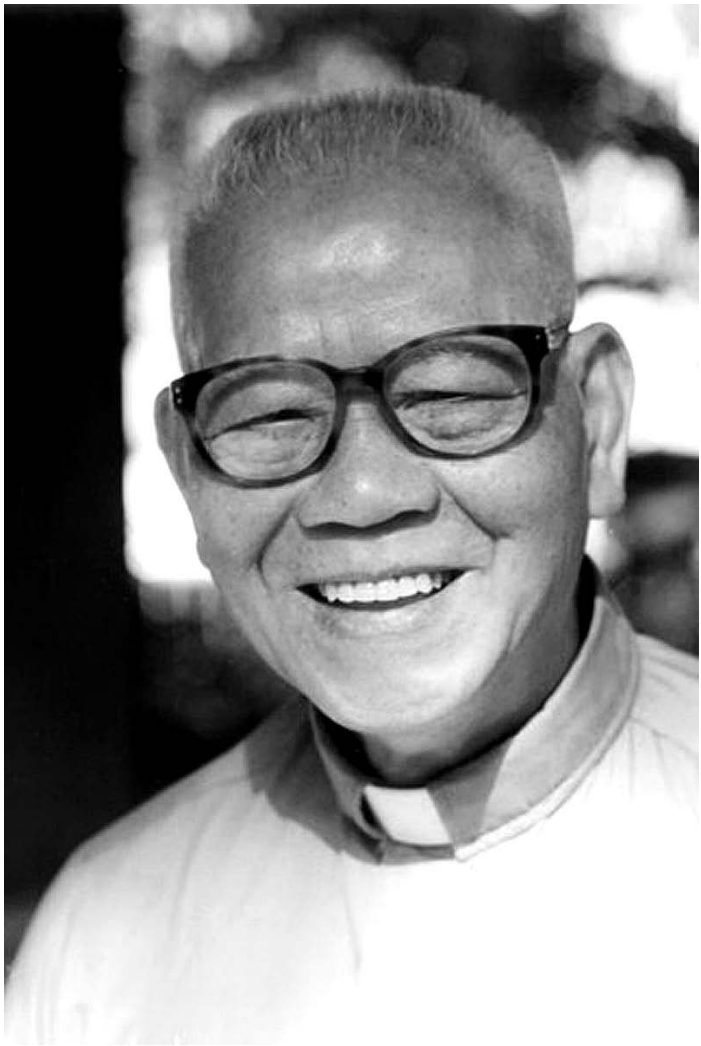

Linh Mục Ngô Duy Linh
Viện Phó Viện Đại Học Đà Lạt
(1922 – 1988)

Giáo sư Trần Long (ngồi giữa các Thụ Nhân B), khoa trưởng đầu tiên của trường Chánh Trị Kinh Doanh từ 1964 đến 1970

Giáo sư Phó Bá Long (hàng ngồi, đeo kính, tóc bạc), khoa trưởng thứ hai và cũng là khoa trưởng cuối cùng của trường Chánh Trị Kinh Doanh từ 1971 đến 1975

Trường Chánh Trị Kinh Doanh ra đời năm 1964 và qua đời năm 1975. Tuy chỉ sống được 11 năm, nhưng trường Chánh Trị Kinh Doanh đã đào tạo được nhiều sinh viên đã đóng góp cho đất nước, xã hội và cộng đồng trong nhiều lãnh vực :

Thể hiện tinh thần bất khuất

Văn hóa, giáo dục, âm nhạc, văn chương, mỹ thuật.

Chính trị, kinh tế, tôn giáo.

Đấu Tranh cho tự do dân chủ

Thể hiện tinh thần Thụ Nhân mà VĐH Đà Lạt đề xướng từ năm 1964

Làm giàu cho đất nước, xã hội, bản thân và san sẻ cho người khốn khó.

Tôi xin chân thành tri ân những bậc tiền bối đã khai sinh ra trường Chánh Trị Kinh Doanh, quí thầy cô và anh chị sinh viên đồng môn tài giỏi đã cho tôi niềm hãnh diện là sinh viên trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học, Đà Lạt.

Ngày Khai Giảng Khóa I
Trường CTKD – VĐH Đà Lạt

Lời Nói Đầu : Trong buổi họp mặt tại nhà anh Hoàng Văn Lộc, bốn anh Hoàng Văn Lộc, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Quốc Khánh và Cao Đình Phúc cãi nhau ỏm tỏi về vấn đề nhà ở của anh Hoàng Ngọc Nguyên sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Cả bốn anh đều nhận mình đã đến nhà Hoàng Ngọc Nguyên nhiều lần. Nhưng không ai đồng ý được với nhau : Căn nhà này thuộc quyền sở hữu của ai và sở hữu toàn ngôi biệt thự hay chỉ một phần. Trần Phú Hữu xin kể một câu truyện

liên quan đến Đức Khổng Tử. Hữu kể như sau : Hai đệ tử của Khổng Tử cãi nhau kịch liệt về một bài toán 4 X 8 = ???. Một anh cho đáp số 32, một anh cho kết quả 31. Hai anh cãi nhau ngày này qua ngày khác, mãi không đi đến kết luận 4 x 8 = 31 hay 32. Cuối cùng hai anh đồng ý đưa vấn đề lên Đức Khổng Tử giải quyết và đồng ý đánh cuộc một con gà. Đức Khổng Tử phán : 4 x 8 = 31. Anh đưa kết quả 31 ôm gà ra đi. Anh thua cuộc hậm hực hỏi Đức Khổng Tử : Tại sao Thầy lại cho hắn thắng. Đức Khổng Tử trả lời : Hắn là thằng cãi chầy cãi cối, cho hắn thắng cho yên … Từ đó anh nào cãi chầy cãi cối về vấn đề gì thì được anh em gọi là "Thằng 31".

Trong buổi họp mặt tại quán cà phê Suối Đá, chúng tôi bàn về Tổ Chức 50 Năm Ngày Khai Giảng CTKD I. Từ đây đến ngày tổ chức còn hơn 14 tháng, Cao Đình Phúc muốn ban tổ chức phải bàn chương trình cụ thể ngay. Phúc đưa lý do : Một "Thằng" CTKD I giải quyết vấn đề trong một ngày, hai "Thằng" trong một tuần, ba "Thằng" trong một tháng, bốn "Thằng" trong một năm, năm "Thằng" vấn đề phải đưa lên Đức Khổng Tử giải quyết. Do đó phải bàn ngay.

Trong bài Ngày Khai Giảng Khóa I có vấn đề nan giải liên quan đến cả khóa I CTKD : Ngày Khai Giảng CTKD I được tổ chức tại đâu ? Tại lầu 3 hay giảng đường Spellman. Trước khi viết, tôi xin ý kiến của nhiều anh em đồng khóa. Có hai anh, Lê Trọng Huấn và Phan Thạnh, khẳng định : Lầu 3. Một anh, Mai Kim Đỉnh, quả quyết : Giảng Đường Spellman. Dĩ nhiên cả ba anh đều đưa ra bằng chứng không ai có thể phủ nhận

được. Khoảng 10 anh được hỏi đều trả lời : Không nhớ. Mười anh này khuyên tôi nên hỏi thầy Trần Long, khoa trưởng đầu tiên của trường CTKD. Tôi nghĩ, nếu hỏi thày Trần Long thì có khi Đức Khổng Tử Trần Long cho "Thằng 31" thắng như câu truyện của Trần Phú Hữu. Vả lại theo Cao Đình Phúc : Năm "Thằng" khóa I CTKD thì vấn đề đã phải đưa lên Đức Khổng Tử giải quyết. Vấn đề này liên quan đến cả khóa I do đó một mình Đức Khổng Tử không giải quyết được mà phải đưa ra một hội đồng gồm Phật Thích Ca, Chúa Jesus, giáo chủ Mahomed, Đức Khổng Tử. Cứ nhìn tình hình thế giới hiện nay thì chắc chắn hội đồng này không giải quyết được. Có khi các tín đồ bênh giáo chủ của mình và gây thảm họa chiến tranh. Để tránh vì một vấn đề nhỏ mà gây ra tai họa lớn, tôi tự giải quyết vấn đề.

Tôi giải quyết vấn đề như sau. Tôi tắm rửa sạch sẽ, lên giường nhắm mắt, tập trung ý chí, và hồn mình về Viện Đại Học Đà Lạt ngày 28 tháng 9 năm 1964. Trong giấc mơ, tôi thấy : Mai Kim Đỉnh đang ngơ ngác đứng trên bậc thềm dẫn lên giảng đường Spellman. Nguyễn Kim Hùng, Nguyễn Văn Sơn xuất hiện. Hùng và Sơn vừa vẫy tay vừa la lớn : " Tư Liệt, Tư Liệt. Khai giảng tại lầu 3 …" Tôi thấy : … Cha Viện Trưởng, thầy Trần Long, thầy Phó Bá Long, thầy Ngô Đình Long từ con đường dốc đi xuống lầu 3. Theo sau là từng cặp, một nam một nữ nắm tay nhau. Nam mặc áo vét, thắt cà vạt. Nữ thì mặc áo dài hay váy đầm, tay cầm một bông hoa. Đi đầu là cặp Trần Quang Cảnh – Võ Kim Thoàn, tiếp theo là cặp Lê Xuân Nho – Trần Thị Ngọc Lang. Tiếp theo từng cặp Nguyễn Vân Cương - Trần Thị Kiểm, cặp Nguyễn Huỳnh Tân - Nguyễn Thị

Việt, cặp Huỳnh Thoảng - Trần Thị Ngọc Anh, cặp Phạm Hữu Tài - Nguyễn Ngọc Thiên Thơ, cặp Võ Văn Rọt - Nguyễn Thị Kim Xuyến cặp Thái Văn Lành - Nguyễn Thị Gấm, cặp Nguyễn Văn Vĩnh – Nguyễn Thị Ánh Tuyết, cặp Nguyễn Phi Hùng - Đặng Thị Phương, cặp Nguyễn Đức Quang Du Ca - Nguyễn Thị Minh Thông. Cuối cùng là bốn cặp Hoàng Ngọc Nguyên – Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Đình Cận - Nhan Ánh Xuân, Huỳnh Nhân Khiêm – Lê Minh Hiếu (Sophie Hiếu), Vũ Văn Hải - Nguyễn Thị Kim Định. Đoàn người đi thẳng vào hội trường lầu 3. Bốn cặp Cận – Xuân, Hải – Định, Khiêm – Sophie Hiếu, Nguyên - Phương bước vào cửa. Châu Tấn Xuyên, Võ Thành Xuân không biết từ đâu chạy đến ngăn không cho Ánh Xuân, Sophie Hiếu , Kim Định và Phương vào hội trường. Xuyên nói : Hôm nay là ngày khai giảng của khóa I, không phải là ngày đám cưới. Khóa II khai giảng tháng 9 năm sau tại giảng đường Thụ Nhân …

Tôi mở mắt, bàng hoàng và tự hỏi : " Lầu 3 là nơi tổ chức khai giảng khóa I CTKD sao ? Không thể tin được ".

Thưa các bạn CTKD khóa I, ngày khai giảng CTKD I tại lầu 3 hay giảng đường Spellman không quan trọng. Quan trọng là nội dung bài viết. Tôi cam đoan với các bạn 8o% bài viết là sự thật, chỉ 20% thêm mắn thêm muối cho bài viết dễ đọc. Giấc mơ là truyện hư cấu.

Thưa các bạn CTKD I, anh Mai Kim Đỉnh hay anh chị nào có mắng tôi : Mày là Thằng 31 đến 1000 lần. Tôi không giận mà cảm thấy vui. Bắt chước Cao Đình Phúc mỗi lần bị anh em vạch trần về tội cãi chầy cãi cối.

Phúc đứng dậy cười ha hả và nói :" Làm gìđư ợc nhau nào". Đà Lạt mãi mãi trong trái tim tôi. Những người bạn đồng môn trong thời gian tôi học tại Viện Đại Học Đà Lạt là niềm vui ấm áp mỗi khi tôi nhớ về Đà Lạt.

Đà Lạt Trong Trái Tim Tôi
Ngày Khai Trường

Tôi trở lại Đà Lạt không bằng máy bay. Tôi đáp chuyến xe đò đến Nha Trang, rồi từ Nha Trang, tôi lên Đà Lạt bằng xe lửa. Đoàn tàu ì ạch leo đèo bằng những bánh xe răng cưa. Tôi nghe thân sinh tôi nóiề vcon đường xe lửa Tháp Chàm – Đà Lạt. Ông nói : Đây là kỳ công của người Pháp. Kỳ công vì đoạn đường xe lửa Tháp Chàm – Đà Lạt chỉ có 84 kilomet mà phải mất ba mươi năm mới hoàn thành. Bốn mươi ba cây số cuối cùng từ Sông Pha lên Đà Lạt mới có hệ thống đường rầy răng cưa. Kỳ công vì trên thế giới chỉ có hai nước có đường xe lửa có bánh răng cưa. Để hoàn thành con đường xe lửa Sông Pha - Đà Lạt, người Pháp phải sử dụng kỹ thuật và vật liệu đặc biệt : đầu máy là đầu máy hơi nước có bánh xe răng cưa, đường rầy, ốc vít làm bằng loại thép đặc biệt, có ba đường ray, đường ray ở giữa là đường ray răng cưa.

Đường đèo Bellevue chạy vòng vèo quanh một vùng toàn đồi núi và rừng thông. Đèo Bellevue dài hơn đèo Hải Vân và đèo Cả. Tôi không cảm thấy đèo Bellevue cao hơn đèo Hải Vân, mặc dù tàu chạy qua những vực sâu thăm thẳm. Đèo Bellevue cũng có hầm nhưng không có nhiều hầm bằng đèo Hải Vân và không có hầm nào dài bằng hầm Sen (hầm số 1) của đèo Hải Vân. Đèo

Hải Vân và đèo Cả có biển, có núi, có đá, có cỏ cây hoa lá. Đèo Bellevue chỉ có rừng, có núi, có cây lá và không biển, không hoa. Tôi không hiểu tại sao đèo này có tên là Đèo Ngoạn Mục. So với đèo Hải Vân và đèo Cả thì đèo Bellevue không đẹp bằng.

Bốn giờ chiều, tàu tới ga Bellevue ở quận Đơn Dương. Tới nơi đây, tôi bỗng sững sờ và ngẩn ngơ. Tôi bước vô thế giới khác hẳn. Tôi cảm thấy nhẹ nhàng khoan khoái. Những phiền muộn lo âu biến mất trong tôi. Nhìn lại đoạn đường đi qua là một màu xanh của rừng thông tới tận chân trời. Mùi thơm của núi rừng, của thông xanh và khí hậu lành lạnh thật nhẹ nhàng dễ chịu. Đèo Hải Vân đẹp và đèo Bellevue cũng đẹp. Mỗi đèo có vẻ đẹp riêng. Trước đây tôi chưa nhận ra cái đẹp của đèo Bellevue vì tình cảm tôi dành cho đèo Hải Vân quá lớn.

Tôi tới ga Đà Lạt đã hơn năm giờ chiều. Tôi vội vàng gọi taxi để tới Viện Đại Học Đà Lạt. Tôi vô văn phòng để xin một chỗ ở trong Đại Học Xá. Nhân viên văn phòng cho biết không còn chỗ ở trong Đại Học Xá. Một nhân viên văn phòng bảo chúng tôi đến Lữ Quán Thanh Niên, nơi ông tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức kiêm thị trưởng thị xã Đà Lạt đang ở đó để giúp đỡ sinh viên chưa có chỗ ở. Chúng tôi ra đến Lữ Quán Thanh Niên. Trung Tá Tỉnh Văn Phấn, tỉnh trưởng tỉnh Tuyên Đức kiêm thị trưởng thị xã Đà Lạt, đang nói chuyện với khoảng hơn ba mươi người gồm cả mười người chúng tôi mới đến. Trung Tá Phấn hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi có chỗ ở. Ông còn hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi trong thời gian bốn năm chúng tôi học tại Đà Lạt. Trung tá Phấn gọi bà Quản Lý Lữ Quán Thanh Niên. Ông chỉ thị cho bà

Quản Lý sắp xếp chỗ ở cho chúng tôi. Tối hôm đó chúng tôi được sắp xếp ngủ trên giường sắt ngay trong phòng đại sảnh của Lữ Quán.

Tối hôm sau, chúng tôi xếp ghế thành vòng tròn. Tôi đếm được tất cả ba mươi sáu người. Chúng tôi tự giới thiệu. Chỉ có năm người mới bước lên đại học lần đầu. Số còn lại đều đã học ở đại học ít nhất là một năm. Nhiều người đã học đại học hai, ba năm và học nhiều phân khoa khác nhau. Người lớn tuổi nhất trong bọn là anh Phan Chi Hoan hơn tôi tám tuổi. Anh Hoan đã học qua các trường Dược, trường Khoa Học. Ba mươi sáu người nói đủ giọng ba miền. Ba mươi sáu người tới từ khắp nơi của bốn vùng chiến thuật. Từ vùng địa đầu giới tuyến Quảng Trị đến quận Hà Tiên cực Nam của đất nước. Sau phần tự giới thiệu, mỗi người kể một câu truyện. Anh Hoàng Văn Lộc kể một câu truyện về chuyến đi tàu hỏa của anh từ Nha Trang vô Sài Gòn. Anh Lộc đi tàu không mua vé. Vì đi tàu lậu vé nên anh phải tìm mọi cách trốn người soát vé. Nửa tiếng mà tàu không đến được ga Sài Gòn nên nhiều người sốt ruột hỏi anh Lộc

- Tàu đến Sài Gòn chưa ? Sao tàu chạy chậm quá vậy anh Lộc?

Anh Lộc hiểu ý nên trả lời :

- Bốn năm nữa tàu mới tới Sài Gòn. Hôm nay mới là ngày đầu tiên.

Chuyến tàu của anh Lộc là chuyến tàu bốn năm. Con tàu chở bốn năm kỷ niệm sống và học tại thành phố Đà Lạt thì làm sao tới ga được.

Hồ Phước Hải, người Long Xuyên, kể chuyện ông ngoại anh ta, điền chủ ở Long Xuyên, cởi áo khoác mặc cho tá điền đang bị lạnh vì mưa. Cụ thân sinh của Hải là Hướng Đạo Sinh. Cụ tham gia kháng chiến và bị ám sát chết khi tuổi mới ngoài ba mươi.

Kha Tư Giáo sau khi giới thiệu họ tên, anh lấy cây đàn ghita và đánh khúc dạo đầu bài Đêm Đông của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương. Anh cất giọng ca một cách tự nhiên thoải mái, không một lời giáo đầu. Mọi người im lặng nghe anh hát. Bài hát hợp với tâm trạng của mọi người xa nhà trong đêm lành lạnh, nhất là tôi mới đi xa nhà lần đầu, nhưng không ai cảm thấy buồn. Ba mươi sáu người đang quây quần thành một khối như đã quen nhau rất lâu. Kha Tư Giáo vừa chấm dứt bài Đêm Đông, trong phòng vang tiếng vỗ tay, tiếng huýt gió, tiếng la bis bis bis. Không nói một lời, Giáo hát tiếp bài Et Pourtant của Charles Aznavour. Cách cư xử đầy tự tin, thân tình, không màu mè của một người có máu văn nghệ. Kha Tư Giáo đối xử với mọi người như bạn bè thân nhau từ tuổi còn thơ của anh.

Đêm đó chúng tôi thức đến tận hai giờ sáng mới đi ngủ. Đêm nay, tôi thấy một sự ấm áp khác thường của tình đồng môn. Sự khác thường có lẽ là vì tôi ít được đi xa, ít được tiếp xúc với những cái khác biệt, cái mới lạ, với những người sẽ là đồng môn, nhưng tuổi đời, kinh nghiệm sống và kiến thức của họ vượt trội hơn mình.

Hôm sau, chúng tôi được đưa vô ở những phòng riêng, bốn người một phòng. Chúng tôi ngủ trên giường hai tầng bằng sắt. Không có bàn học, chỉ có giường ngủ. Bà quản lý dẫn chúng tôi xuống nhà ăn của Lữ Quán Thanh

Niên. Giá một bữa cơm thật rẻ, tôi chưa thấy quán cơm nào giá rẻ hơn. Ba đồng một phần cơm gồm món canh và món mặn. Cơm ăn tự do. Quán ăn đóng cửa chiều thứ bẩy và ngày chủ nhật. Chiều thứ bẩy và ngày chủ nhật chúng tôi phải ăn cơm tại quán ăn tại bến xe thành phố với giá đắt gấp năm lần bữa cơm tại quán ăn Lữ Quán Thanh Niên. Việc ăn ở coi như tạm ổn.

Buổi học đầu tiên của trường **Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp** Viện Đại học Đà Lạt là **ngày thứ hai, hai mươi tám, tháng chín, năm 1964**. Đến nay tôi vẫn còn cảm giác bùi ngùi, nuối tiếc khi nhớ hai bài tập đọc : Ngày Khai Trường của nhà văn Thanh Tịnh và Buổi Học Cuối Cùng của nhà văn Anatole France. Ngày xưa, các bạn tôi thường chỉ thuộc lòng bài tập đọc Ngày Khai Trường là trích đoạn của đoản văn Tôi Đi Học của nhà văn Thanh Tịnh. Tôi thuộc lòng cả đoản văn này, từ đoạn đầu " *Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường* " cho đến đoạn cuối của đoản văn " *Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm bẩm đọc : Bài tập viết : Tôi đi học !* " Nay mỗi khi nhắc đến bài Ngày Khai Trường, các bạn tôi thường chỉ nhớ một hai giòng :" *Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp*". Tôi không thuộc toàn đoản văn như ngày xưa, nhưng tôi vẫn còn thuộc nhiều đoạn tôi thích.

Ngày xưa, tôi thường thắc mắc : Có phải ông Thanh Tịnh tả lại ngày Khai Trường thửa nhỏ của chính bản

thân ông ở Huế hay không ? Tôi thắc mắc vì tháng chín ở Huế trời vẫn còn nóng thì làm chi có một buổi sáng đầy sương thu và gió lạnh. Sau này tôi học ở Huế, tôi đi khắp vùng Vỹ Dạ, Tây Thượng, Dưỡng Mông, Chợ Dinh, Bãi Dâu cho tới Chợ Nọ Dương Nỗ, tôi không tìm ra trường nào tên là Mỹ Lý ở làng Hoà An. Sau đó, có người nói với tôi : Mỹ Lý chỉ là một trường tưởng tượng, không có thật. Nhà văn Thanh Tịnh đã lấy tên cúng cơm của người con gái đầu đặt tên trường.

Sáng nay, cả phòng tôi đều dậy sớm để sửa soạn đi học. Chúng tôi từng tốp từ đỉnh đồi Lữ Quán Thanh Niên đổ xuống đường Võ Tánh. Trên đường Võ Tánh từng tốp người đang thong thả đi đến Viện Đại Học. Ngày khai trường hôm nay của tôi đẹp hơn hẳn ngày khai trường của ông Thanh Tịnh. Trời lành lạnh không phải vì gió mà vì trời cho Đà Lạt cái lạnh thật thú vị. Không có sương thu mà có nắng thu. Không có mây bàng bạc mà có bầu trời xanh màu ngọc bích. Không có con đường làng dài và hẹp mà có con đường nhựa không lớn chỉ đủ cho hai chiếc xe hơi du lịch tránh nhau. Không có những cô bé, cậu bé bỡ ngỡ thẹn thùng trong bộ quần áo mới nép bên cạnh mẹ cha mà có những nam thanh, nữ tú ăn mặc chỉnh tề chững chạc. Con đường Võ Tánh rực sáng. Đủ màu sắc xanh, vàng, tím, đỏ, đen, xám của những áo len, áo manteau, áo pardessus, áo vét, khăn quàng cổ. Không có tiếng khóc thút thít mà có những tiếng cười, tiếng nói, tiếng chào, tiếng hỏi. Một anh chàng và một cô làm mọi người chú ý. Anh chàng làm mọi người chú ý không phải vì gương mặt anh ta phúc hậu, đẹp trai, ăn mặc bảnh bao trong bộ vét kiểu Kennedy. Mọi người chú ý anh ta vì mặt anh ta như

thoa một lớp phấn hồng, tay anh ta cầm một cây dù đen cán dài. Anh ta đứng cạnh một cô tóc xõa ngang vai, mặc áo len tím, khăn quàng cổ màu xanh lá mạ. Hai anh chị giống như hai tài tử đóng phim. Tôi bỗng nghe giọng Huế chay :

- Hai mệ chưa đi còn chờ ai rứa ?
- Còn sớm, đi chi vội
- Không đi sớm thì làm răng tìm ra chỗ ngồi. Cả ngàn người ghi danh.
- Ngày đầu mà lo chi. Học cả năm chứ mô có phải học một ngày.

Đúng là tác phong an nhàn của con vua, cháu chúa.

Trước cổng viện, năm chiếc xe Lam đang đổ sinh viên xuống. Trong viện người đông như đi chẩy hội. Tiếng cười nói, tiếng gọi nhau đủ giọng Bắc, Nam, Trung. Đi qua cổng viện, tôi nghe một anh nói :

- Cha Viện Trưởng.

Nghe anh nói, nhiều người đưa mắt nhìn về phía cửa văn phòng Viện. Một vị linh mục mặc áo chùng đen đang nói chuyện với bốn sinh viên. Nhìn cha Viện Trưởng về tổng quát, cha là người phúc hậu. Thân hình cha to, cao và đường bệ uy nghi. Về chi tiết thì cha có ba điểm đập vô mắt tôi lúc đó : Trên khuôn mặt chữ điền hồng hào có vầng trán cao, đôi mắt sáng sau cập kính trắng, nụ cười tươi và đôn hậu. Điểm thứ hai là cái bụng to và tròn giống như bụng bao dung của ông Địa. Điểm thứ ba là cha cầm một điếu thuốc lá màu đen to và dài hơn những điếu Paul Mall, Salem nhưng không phải là điếu xì gà.

Tôi theo dòng người đi đến nơi làm lễ khai giảng. Tôi đứng trước giảng đường. Trên hành lang, nhiều sinh viên đi qua lại vì trong giảng đường đã chật cứng đến nỗi nhiều sinh viên ngồi trên thành cửa sổ. Giảng đường không có bảng tên. Tôi nghe một anh sinh viên ở trong Đại Học Xá nói như là người am hiểu nhiều về trường Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp:

- Đây là lầu III, không phải giảng đường. Có năm lầu : Lầu I , II, IV, V dành cho sinh viên nội trú, lầu III là lầu dùng cho việc hội họp sinh hoạt vui chơi của sinh viên đại học xá, hôm nay được dùng tạm cho ngày khai giảng. Giảng đường dành cho trường Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp là Giảng đường Thụ Nhân đang được sửa chữa. Một tháng nữa mới xong. Đông sinh viên như thế này thì phải học tạm ở giảng đường Spellman hoặc lầu III cho đến khi giảng đường Thụ Nhân sửa xong.

Không vô được bên trong giảng đường, tôi phải đứng ngoài hành lang. Tôi nhìn vào giảng đường qua vai những người ngồi trên cửa sổ. Tôi chỉ nhìn được mặt của cha Viện Trưởng Nguyễn Văn Lập. Ngài đang nói. Ngài nói, tôi nghe câu được, câu không vì quanh tôi nhiều người nói chuyện. Thỉnh thoảng tôi nghe những tràng pháo tay và những tràng cười tán thưởng của sinh viên trong hội trường. Tôi loáng thoáng nghe cha Lập nói về hai chữ Thụ Nhân và kế hoạch trồng người. Tôi nghe ngài nói đến chữ Thụ Nhân ít nhất là ba lần. Tôi thấy một chỗ trống trên cửa sổ. Tôi vội vàng điền vô

chỗ trống của một anh bạn vừa tìm được một chỗ trong giảng đường. Bốn người chúng tôi ngồi trên cửa sổ, chân thòng vô trong giảng đường. Trong phòng chật cứng người, những cửa sổ cũng chen chúc người ngồi, ngoài hành lang nhiều người đứng nhìn vô phòng. Một ngày khai giảng hiếm có. Bây giờ tôi mới nghe rõ những lời cha Lập nói, đúng lúc ngài nói lời kết luận. Ngài nói : " … *Thụ Nhân là tôn chỉ của Viện Đại Học Đà Lạt . Cha nhắc lại Thụ Nhân là tinh thần và lý tưởng của Viện Đại Học Đà Lạt nghĩa là của tất cả anh chị sinh viên viện Đại Học Đà Lạt gồm Văn Khoa, Khoa Học, Sư Phạm, Thần Học không phải của riêng trường Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp. Thụ Nhân nghĩa là Trồng Người . Làm kế hoạch cho trăm năm, nghĩa là cho tương lai, thì không gì bằng trồng người . Vì thế cha muốn nói lên cho sinh viên một mục tiêu cuộc sống của mình là phải làm cho mình có một tư cách để sau này trở nên cây cổ thụ giúp ích cho đời, cả về phương diện học thức, cả về phương diện đạo đức, cả về phương diện thể chất ..*"

Cha Viện Trưởng dứt lời. Cha Viện Trưởng giới thiệu giáo sư Vũ Quốc Thúc. Hội trường bừng dậy những tràng vỗ tay nồng nhiệt để chào mừng một nhà kinh tế, một giáo sư kinh tế nổi tiếng. Giáo sư Vũ Quốc Thúc nói : "… *Nhiều người thường ngộ nhận cho rằng một chuyên viên về kinh tế thường chỉ chú trọng đến những vấn đề rất thực tế liên quan đến quản trị xí nghiệp, kinh doanh, đầu cơ, đầu tư .. vân vân.. Đó là một sự ngộ nhận. Kinh tế học ngay từ lúc ngành học này mới khai sinh vào thế kỷ mười bẩy ở Âu Châu đã mang nặng tính cách chính trị học. Tên gọi đầu tiên của ngành học*

được gọi là Economy Politics tức là Kinh Tế Chính Trị Học chứ không dùng riêng chữ Kinh Tế. Trong chương trình năm Cao Học của môn Kinh Tế Chính Trị Học năm 1948 và ngày nay vẫn còn áp dụng có hai môn chủ chốt. Một môn là Lịch Sử Các Học Thuật Kinh Tế. Sau này được nới rộng ra thành môn Lịch Sử Tư Tưởng Kinh Tế. Môn học chủ chốt thứ hai là Lịch Sử Các Sự Kiện Kinh Tế. Điều đó nói lên sự liên lạc mật thiết giữa sinh hoạt kinh tế với chính trị trong một quốc gia và liên lạc rất mật thiết giữa chính sách quốc gia với lịch sử …".

Giáo sư Vũ Quốc Thúc nói về môn học Kinh Tế Chính Trị Học tại các đại học danh tiếng của Pháp. Sau đó giáo sư Vũ Quốc Thúc nói về sự chậm trễ của ngành học này tại nước ta. Bây giờ chúng ta mới có một đại học dạy khoa Kinh Tế Chánh Trị. Trường Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp của Viện Đại Học Đà Lạt là trường đầu tiên dạy môn Kinh Tế Chánh Trị tại nước ta. Giáo sư kết luận : Một kinh tế gia, một nhà quản trị xí nghiệp cần phải hiểu biết về chánh trị . Một chánh trị gia cũng cần phải hiểu biết về kinh tế và quản trị . Kinh tế và chánh trị là hai lãnh vực liên lạc mật thiết với nhau. Môn học mới và cần thiết cho đất nước ta vì vậy môn học này sẽ mở ra tương lai tốt đẹp cho sinh viên theo học. Giáo sư Vũ Quốc Thúc đã gây sự phấn khởi và tin tưởng cho chúng tôi.

Nghỉ giải lao, mọi người tụ họp thành nhóm ba người,bốn, năm người, có nhóm đông đến hơn mười người. Tiếng cười, tiếng nói ồn ào như vỡ chợ. Tôi đi tới nhiều nhóm để hóng chuyện và tìm người quen. Tôi

ngạc nhiên, mọi người quen nhau rất nhanh như đã biết nhau từ trước. Đến hóng chuyện tại nhiều nhóm, tôi được biết có rất nhiều bạn nhỏ tuổi hơn tôi và bước vô ngưỡng cửa đại học lần đầu. Tôi được một anh bạn chỉ cho tôi người nhỏ tuổi nhất trường. Anh ta sinh năm 1947. Vừng trán rộng, mắt sáng tinh anh, cử chỉ chững chạc, anh ta toát ra của người tuổi trẻ tài cao. Tôi đoán, anh học nhẩy ít nhất một lần hay hai lần. Sinh năm 1947, anh ta đậu tú tài hai lúc mới mười bảy tuổi. Anh ta như già trước tuổi. Tôi nghe một anh bạn nói: "Học quá thì già sớm, vừa học vừa chơi như mỏa, sinh năm bốn mươi lăm mà vẫn trẻ hơn nó ".

Tôi được nói chuyện với hai sinh viên từ Lào đến học. Hai anh đều là người Việt Nam sinh sống ở Vạn Tượng lâu năm. Một anh đã nhập quốc tịch Lào có tên Lào là Nathavong, một anh vẫn giữ quốc tịch Việt Nam tên là Lê Trọng Huấn . Anh Huấn kể với tôi rằng :" Anh và Nguyễn Minh Khôi, người có tên Lào là Nathavong, là bạn học cùng lớp. Cả hai vừa đậu tú tài hai. Mộng của hai anh là phải đạt được mảnh bằng đại học, ít nhất là bằng cử nhân. Vạn Tượng chưa có Viện Đại Học. Cả hai đều có mộng đi du học Pháp. Huấn xin học bổng đi Pháp không được vì không có quốc tịch Lào. Nathavong bị bác đơn xin du học Pháp. Một hôm Nathavong đến gặp Huấn. Nathavong nói:

- Tao đến để từ giã mày. Mai tao về Việt Nam. Tao được học bổng sang Việt Nam du học.
- Mày về Việt Nam học nghành gì ?

- Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp, Viện Đại Học Đà Lạt. Một ngành học mới ở Việt Nam.

Nghe nói đến Đà Lạt, mắt Huấn rực sáng. Huấn nhớ lại một chuyến đi nghỉ mát tại Đà Lạt hai năm trước trong dịp về thăm quê nhà. Học tại Đà Lạt có khi Huấn gặp lại cô bé Thùy Linh xinh xắn, nữ sinh trường Yersin. Huấn nói với Nathavong:

- Mày dời lại ngày đi được không ?
- Mày muốn học như tao ?
- Ừ
- Thế thì được

Huấn và Nathavong vội vàng đi vô tòa Đại Sứ Việt Nam để nhờ bác Hùng đánh điện tín về Viện Đại Học Đà Lạt xin ghi danh Văn Khoa Pháp và năm I Chánh Trị Kinh Tế và Quản Trị Xí Nghiệp cho Huấn. Cùng ngày hôm đó, Huấn đến sở xin nghỉ việc. Huấn là một thanh niên lịch lãm, xoay trở cuộc đời dễ như trở bàn tay. Mới học lớp đệ nhị, Huấn đã làm nghề thông dịch cho một công ty Mỹ và dạy toán cho một trường trung học. Tôi thầm phục anh chàng Lê Trọng Huấn tuổi trẻ, tài cao, chí lớn.

Trường tôi không phải chỉ có hai sinh viên du học mà ba sinh viên du học. Anh thứ ba, tôi không được gặp. Tôi chỉ nghe một anh bạn kể lại. Anh sinh viên du học này đến từ Nam Vang. Ba sinh viên đều là người Việt Nam nhưng sinh sống ở Lào và Campuchia.

Một nhóm năm sáu sinh viên làm tôi chú ý vì sự kín đáo và trầm lặng. Nhóm này không nói năng cười đùa to và thoải mái như các nhóm khác. Nét mặt và họ tên của

những sinh viên này như Thạch, Tiền, Ngụy, Tiêu … cho tôi biết các anh sinh viên này là người Việt gốc Hoa . Một anh sinh viên trong nhóm này, Trần Hi Dân, đã cùng gia đình trốn thoát Trung Hoa Lục Địa năm 1949. Gia đình anh đến được Hương Cảng sau nhiều tháng chạy trốn quân Cộng Sản Trung Hoa đầy cam go, gian nan và nguy hểm. Sau đó gia đình anh đến cư ngụ tại Chợ Lớn. Anh học trường Tabert. Anh ta nói tiếng Việt trôi chẩy không thua gì tôi.

Điều làm tôi ngạc nhiên. Đà Lạt là phần đất của Cao Nguyên Trung Phần. Cao Nguyên Trung Phần là núi rừng của đồng bào Thượng. Vậy mà trong số hơn một ngàn sinh viên ghi danh ở đó một sinh viên người Thượng. Tên anh là Ngụy Văn Cứng. *(Ghi chú : Tôi viết : Vậy mà trong số hơn một ngàn sinh viên ghi danh không có đến một người Thượng. Sơn Râu sửa : Vậy mà trong số hơn một ngàn sinh viên ghi danh chỉ có một người Thượng là Ngụy Văn Cứng. Tôi nói : Người Thượng hiếm có họ Ngụy. Họ Ngụy là họ của người Hoa. Khóa I có Ng Ngầu là người Việt gốc Hoa. Chữ lót Văn là chữ lót phổ biến của người Việt. Tên Cứng không phải tên của người Thượng. Sơn Râu trả lời nguyên văn : Ngụy Văn Cứng to con, nước da ngăm đen, mặt nhiều mụn, nói tiếng Việt không rành. Ngụy Văn Cứng người Jarai Pleiku, ở nhà 79 Võ Tánh, trên lầu, ngay trên phòng của Nguyễn Tường Cẩm. Nó học có 1 năm, rồi vào Quốc Gia Hành Chính theo chính sách đào tạo người dân tộc để sau đó đưa về tỉnh hoặc Bộ Phát Triển Sắc Tộc. Tao chịu hoàn toàn chịu trách nhiệm : Ngụy Văn Cứng là người Thượng không phải là người Kinh hay người Hoa. Trong cuộc điện đàm giữa*

tôi và Nguyễn Tường Cẩm, Cẩm xác định có sinh viên Ngụy Văn Cứng. Cẩm không liên lạc được nên không đưa Ngụy Văn Cứng vào kỷ yếu khóa I).

Sau giờ ra chơi, giáo sư Trần Long, giám đốc học vụ, nói về chương trình học bốn năm phỏng theo chương trình của đại học Harvard, Hoa Kỳ. Bốn năm đó là Nhập Môn, Khái Luận, Nhiệm Ý, Sưu Khảo. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân, sinh viên sẽ được tiếp tục học ban Cao Học trong hai năm. Giáo sư Trần Long nhấn mạnh đến phương pháp giảng dạy thiên về thực hành của các phân khoa Thương Mại Viện Đại Học Harvard hơn là giảng dạy từ chương của nền giáo dục hiện tại của ta. Sinh viên sẽ được phân thành các toán thảo luận. Toán thảo luận đi đến các nông trại, các xí nghiệp, các cơ quan để học hỏi, phỏng vấn và thảo luận. Sinh viên cũng được gửi vào làm việc tại các xí nghiệp, công sở để thực tập và học hỏi kinh nghiệm. Nhà trường sẽ mời các nhà quản trị, kinh tế gia, chính trị gia đến viện diễn thuyết thảo luận. Về phương diện đời sống của sinh viên, ban lãnh đạo Viện hiểu rõ rằng đa số sinh viên là những người ở địa phương khác tới Đà Lạt. Viện cố gắng chăm lo tinh thần và vật chất cho sinh viên như tạo thêm nhiều chỗ ở trong Đại Học Xá, cấp học bổng cho sinh viên nghèo … ".

Ngày khai giảng hôm nay, tôi gặp nhiều bạn nhỏ tuổi hơn tôi, tôi gặp những anh lớn tuổi hơn tôi. Phần lớn họ đều chững chạc, kiến thức rộng. Điều này khiến tôi vừa hy vọng vừa đầy lo lắng. Tôi tự hỏi, không biết tương lai mình sẽ về đâu ? không biết trường Chánh Trị Kinh Tế

và Quản Trị Xí Nghiệp có giúp tôi kiếm được công việc tốt trong tương lai ?

ĐÀ LẠT THÁNG 7, NĂM 2010

Trước năm 1960, có nhiều tư liệu viết về Đà Lạt, phần lớn là của người Pháp, có nhiều đề tài viết về Đà Lạt không gây nhàm chán vì không bị rơi vào cảnh biết rồi nói mãi khổ lắm. Những bài khảo cứu, thơ văn nhạc về

Đà Lạt của người Việt Nam chưa nhiều. Có lẽ tác phẩm xưa nhất của người Việt viết về Đà Lạt là quyển Lâm Viên Hành Trình Nhật Ký của quan Thượng Thư Đoàn Đình Duyệt. Tác phẩm này viết vào năm 1917 bằng chữ Hán. Ngày nay có hàng trăm ngàn bài khảo cứu, thơ, văn, nhạc mô tả nhiều khía cạnh của Đà Lạt, do vậy, chọn một đề tài viết về Đà Lạt không dễ. Tôi nhớ, anh bạn Cao Hoàng đề nghị tôi nói về Đà Lạt trong mười phút tại một buổi họp văn nghệ. Anh chị em tham dự buổi họp hôm đó không ai là đã không đến Đà Lạt vài lần. Có người sinh ra tại Đà Lạt, có năm cựu sĩ quan xuất thân từ trường Võ Bị Đà Lạt, nhiều anh chị có thơ văn nhạc viết về Đà Lạt. Tôi từ chối vì không biết nói gì để tránh cảnh múa rìu qua mắt thợ. Nhưng vì anh Cao Hoàng giới thiệu tôi đến ba lần nên không thể chối từ. Hôm đó, tôi đã nói về Phở Đà Lạt, đề tài ít được ai nhắc tới. Mọi người chăm chú nghe và sau đó đã có nhiều ý kiến tranh luận sôi nổi.

Tháng bảy năm hai ngàn mười, tôi trở lại Đà Lạt mục đích chính là để thăm anh bạn cùng phòng trong thời gian chúng tôi học tại Viện Đại Học Đà Lạt và thăm lại trường xưa Viện Đại Học Đà Lạt, quê hương tinh thần của tôi. Ở lại Đà Lạt ba đêm, bốn ngày chỉ đủ để hai chúng tôi tâm tình và đi thăm một vài nơi. Tôi muốn ghi lại một vài kỷ niệm của chuyến đi. Viết về những hoài niệm xưa, thuở chúng tôi sống tại thành phố Đà Lạt thì bạn bè tôi đã viết rất nhiều. Bạn bè gặp nhau nói về kỷ niệm thì không hết và không chán. Viết về những kỷ niệm mà nhiều người đã viết thì chẳng khác gì bắt độc giả ăn cơm nguội. Anh bạn tôi nói thà có cơm nguội ăn

còn hơn không. Tôi cố ghi lại đôi điều ít được đề cập đến.

Bát cơm nguội ghi lại cảm xúc và suy nghĩ của tôi về chuyến đi Đà Lạt ngắn ngủi đã đ ể lên mâm. Xin mời các bạn xơi.

ĐÀ LẠT THÀNH PHỐ KHÔNG ĐÈN XANH ĐÈN ĐỎ

Tôi đến Đà Lạt khoảng năm giờ chiều. Đà Lạt có nhiều biệt thự mới to, những con đường lớn, những bồn hoa, nhiều biểu ngữ và cờ treo dọc theo những con đường. Tôi không nhận ra Đà Lạt ngày xưa. Tôi khen Đà Lạt sạch, đẹp và trật tự hơn thành phố Sài Gòn. Tôi thêm :

- Đà Lạt sạch đẹp hơn nhờ mỗi năm có Festival Hoa cũng như Huế mỗi năm khá hơn nhờ mỗi hai năm có Festival Huế …

Anh bạn tôi nói :

- Đang đại hội đảng và thành phố có hội nghị Năng Lượng Quốc Tế nên thành phố sạch chứ bình thường thành phố cũng bẩn.

Ngày hôm sau, tôi được anh bạn cho đi thăm một vòng quanh thành phố. Thành phố đông đúc xe gắn máy và nhiều xe khách của công ty Thành Bưởi, Phương Trang và những công ty du lịch khác. Đà Lạt là thành phố có hạng ở Việt Nam về dân số và số lượng xe. Tôi không thấy đèn xanh đèn đỏ trên các ngã ba, ngã tư, ngã năm tại thành phố Đà Lạt. Ngay cả khu vực trung tâm thành phố đông đúc xe cộ cũng không có đèn xanh đèn đỏ. Những thành phố to nhỏ tôi đi qua như Huế, Đà Nẵng, Đồng Hới, Sông Bé … đều có đèn xanh đèn đỏ. Đà Lạt nghèo nên không có kinh phí để xây dựng những cột đèn xanh đèn đỏ chăng ? Chắc chắn là không. Nhìn bảng

hiệu to lớn quảng bá những công trình xây dựng cho thành phố du lịch Đà Lạt tương lai, chứng tỏ Đà Lạt là thành phố giàu. Hay vì Đà Lạt là thành phố cao nguyên nhiều đồi dốc nên không cần đèn xanh đèn đỏ. Điều này cũng không đúng. Thành phố Seattle của tôi nhiều đồi dốc dài và cao hơn Đà Lạt vẫn cần đèn xanh đèn đỏ. Tôi nêu thắc mắc này với anh bạn tôi. Anh bạn tôi trả lời :

- Đà Lạt có ba cái không : Thành phố không đèn xanh đèn đỏ, không xe xích lô và không máy lạnh. Không đèn xanh đèn đỏ là đặc trưng của Đà Lạt. Người Đà Lạt hiền lành, lịch sự thì cần gì phải có đèn xanh đèn đỏ. Đất lành sinh trái ngọt. Ở đây không khí trong lành, khung cảnh thiên nhiên xinh đẹp hiền hòa, con người ăn mặc đẹp. Đến Đà Lạt tự nhiên thấy tâm hồn thanh thản, mọi buồn phiền tạm lắng, con người trở nên thánh thiện hơn. Như vậy cần đèn xanh đèn đỏ làm chi. Có đèn xanh đèn đỏ mà con người không biết tôn trọng luật giao thông cũng như không.

Tôi đồng ý với anh bạn nặng tinh thần địa phương vì tôi cũng mang nặng tinh thần địa phương như bạn tôi : Đà Lạt có viện đại học Đà Lạt quê hương tinh thần của tôi không cần đèn xanh đèn đỏ vì con người Đà Lạt hiền lành lịch sự.

ĐỈNH LÂM VIÊN

Ngày xưa, tôi có mơ ước : Cắm cờ Hướng Đạo trên đỉnh núi Lâm Viên. Bạn tôi biết mơ ước của tôi nên đưa

tôi tới khu du lịch Lang Biang. Trước khi đi, anh ta nói với tôi :

- Lên đỉnh Lâm Viên bây giờ khỏe lắm. Có xe đưa lên tận đỉnh …
- Tao muốn trèo lên đỉnh Lâm Viên. Đi xe thì còn có ý nghĩa gì nữa.
- Thân lừa ưa nặng. Bây giờ đâu có còn phải trèo leo gì nữa. Đường trải nhựa lên tận đỉnh núi. Đường dài sáu cây số mi có đi bộ nổi không ? Mi đi bộ thì mi đi một mình. Tao đưa mi tới, rồi tao về nhà. Khi nào mi xuống gần đến chân núi thì phone cho tao ra đón.

Tôi bỏ ý định trèo lên đỉnh Lâm Viên.

Khi lên đường, bạn tôi nói:

- Mi có bị đau tim không ?
- Không. Nguy hiểm lắm sao?
- Cháu gái tao nói :" Lên đỉnh Lâm Viên không sợ không ăn tiền." Sau chuyến đi, mấy bà sợ xanh máu mặt. Mi đi, mi sẽ biết .

Chúng tôi đến khu du lịch Lang Biang. Đám đông đang tranh nhau mua vé. Một anh nhân viên nói với chúng tôi:

- Mua vé bây giờ cũng phải chờ khoảng một tiếng rưỡi đến hai tiếng mới có xe.

May mắn, bạn tôi có anh học trò là nhân viên của khu Du Lịch Lang Biang. Anh học trò nói với chúng tôi :

- Thầy muốn đi thì em giúp. Thì thầy trả tiền xăng cho tài xế.
- Tổng cộng phải trả bao nhiêu ?
- Thưa, một trăm hai mươi ngàn.

Chuyến xe chỉ chở hai chúng tôi thay vì sáu mươi người. Có nghĩa là chúng tôi phải trả tiền cho cả chuyến xe. Đúng

là nhất thân nhì thế. Chúng tôi được lên núi ngay, trong khi nhiều người mua vé trước chúng tôi phải chờ. Tôi tự an ủi thế mới là cõi trần, nếu công bằng thì làm gì có câu đầu lưỡi, ngày xưa sinh viên chúng tôi thường nói C'est La Vie.

Chiếc xe Jeep chở chúng tôi chạy trên con đường nhựa chỉ đủ cho hai xe du lịch chạy ngược chiều tránh nhau. Đường dốc quanh co, xe lên, xe xuống chạy với tốc độ nhanh. Đúng như cô cháu bạn tôi nói : Không Sợ Không Ăn Tiền. Tài xế lái xe quá giỏi, thật đáng khâm phục. Bạn tôi cho biết chưa hề có tai nạn xẩy ra từ ngày khai trương.

Khoảng mười phút chúng tôi đã đến đỉnh núi. Chúng tôi có bốn mươi lăm phút vui chơi trên đỉnh núi. Đỉnh núi đã được san bằng, chỗ thấp, chỗ cao để xây những công trình như bãi đậu xe, nhà hàng ăn uống, nhà bán đồ lưu niệm, những kiến trúc cho du khách chụp ảnh. Chúng

tôi đi quanh khu du lịch để ngắm cảnh và chụp ảnh. Bạn tôi nói trong bài Lâm Viên Hành Trình Nhật Ký, cụ Đoàn Đình Duyệt có viết : Đứng trên đỉnh núi nhìn về phía tây thì thấy Kon Tum, phía đông thì thấy biển. Chúng tôi đi ra phía tây chỉ thấy núi và rừng thông đến tận chân trời. Đi ra phía đông cũng chỉ thấy núi và thông không thấy biển. Về nhà, tôi mở computer để tìm đọc bài Lâm Viên Hành Trình Nhật Ký. Nguyên văn bài dịch của Phạm Phú Thành như sau : *Lại nghe nói gần Lâm Viên có một ngọn núi cao 2.200 thước tây là núi cao nhất Trung Kỳ. Đã mở một con đường nhỏ để tiện lên núi ngắm cảnh. Nếu đứng trên đỉnh núi này nhìn qua kính viễn vọng thì phía Tây thấy được nhà cửa của cư dân tỉnh Côn Tung (Kon Tum), phía Đông thấy tới biển. Đây cũng do quý Khâm Sứ đại thần cho biết.*
Tôi nói với bạn tôi : Mấy ông quan Tây nói dối để dọa quan Ta.

Những ngày ở Huế, tôi đến thăm ông cậu vợ. Cậu vợ tôi là cựu huynh trưởng Hướng Đạo. Tôi khoe với cậu vợ tôi về chuyến đi lên đỉnh Lâm Viên. Ông cậu vợ nói với tôi:

- Đỉnh mà xe đưa cháu lên là đỉnh thấp không phải là đỉnh cao nhất của rặng Lâm Viên. Từ ngọn núi thấp đi qua một cánh rừng nguyên sinh mới tới ngọn núi cao nhất. Trước 1975, sinh viên sĩ quan Đà Lạt phải leo lên đỉnh núi này mới được gắn Alpha.

Nghe ông cậu vợ nói, tôi sững sờ vì mình đổ tội oan cho mấy ông quan Tây. Tôi nói: "Cháu mừng hụt tưởng mình đã đặt chân lên đỉnh Lâm Viên, nhưng thật ra mới chỉ được xe đưa lên ngọn thấp của dẫy núi Lâm Viên. Thôi thì hẹn lần khác hay hẹn kiếp sau, ta sẽ cắm cờ Hướng Đạo trên đỉnh Lâm Viên."

VIỆN ĐẠI HỌC CÔNG GIÁO ĐÀ LẠT KHÔNG CÒN

Viện Đại Học Công Giáo Đà Lạt may mắn hơn Viện Đại Học Phật Giáo Vạn Hạnh và Viện Đại Học Hào Hảo. Viện Đại Học Đà Lạt chỉ đổi tên thành Trường Đại Học Đà Lạt và vẫn là một cơ sở giáo dục cấp đại học với đầy đủ các phân khoa. Viện Đại Học Vạn Hạnh trở thành cơ sở 2 của trường Đại Học Sư Phạm. Viện Đại Học Hòa Hảo một cơ sở biến thành Trường Đảng, một cơ sở biến thành Sở Thông Tin

Từ một viện đại học Công Giáo biến thành trường đại học của nhà nước Cộng Sản nên những di tích về tôn giáo cũng dần dần biến mất. Trước hết là cây thánh giá của Nhà Nguyện được thay bằng ngôi sao đỏ trong năm 1976 để kịp ngày khai giảng khóa đầu tiên của Trường Đại Học Đà Lạt. Trong email gửi lên diễn đàn Thụ

Nhân ngày 16 tháng 7 năm 2008 anh Phạm Văn Bân., CTKD 7 (Chính Trị Kinh Doanh 7), viết : "*Cuối năm 2005, khi làm Đặc San khóa 7, 35 năm sau mới lại . Giáo sư Phó Bá Long trao cho tôi bài viết bằng tay Cây Thánh Giá Trên Tháp Năng Tĩnh mà tác giả là bác Hương Bình, người trông coi sửa chữa các phòng ốc trong VĐH Đà Lạt trước 1975. Sau đó, tôi đánh máy bài viết này và in trong ĐS K7, trang 196 – 197.*

Đây là một tài liệu xác thực về cây thánh giá trên nóc Năng Tĩnh , do chính người làm "ngôi sao" để phủ cây thánh giá tường thuật lại các chi tiết. Xin hạ tải bài đính kèm."

Cuối bài Cây Thánh Giá Trên Tháp Năng Tĩnh, tác giả Hương Bình viết : "*Ngày nay đã 30 năm trôi qua, cây thánh giá vẫn đứng vững trong lòng ngôi sao và dang hai cánh đỡ ngôi sao đứng sừng sững giữa khung trời đại học*"**.** Nghĩa là cây thánh giá vẫn còn cho đến ngày nay. Xin đọc nguyên văn bài Cây Thánh Giá Trên Tháp Năng Tĩnh trong phần chú thích.

Những năm sau, tôi không biết vào năm nào, tượng Đức Mẹ Maria bằng thạch cao trên bức tường trong Nhà Nguyện bị xóa bỏ.

Nhín kỹ để thấy tượng Đức Mẹ Maria

Và tượng Mẹ Maria trước giảng đường Spellman không còn thấy nữa.

Nay Viện Đại Học Công Giáo chỉ còn lại một ít di tích trong khuôn viên Trường Đại Học Đà Lạt. Thứ nhất là những bức ảnh của những vị linh mục cựu viện trưởng

Viện Đại Học Đà Lạt được trưng bầy vào năm 2008 trong Thư Viện mới cùng với những bức ảnh của các vị hiệu trưởng Trường Đại Học Đà Lạt. Thứ hai phòng vi tính mang tên Frere Nguyễn Văn Kế, (Cựu Phó Viện Trưởng kiêm Giám Đốc Đại Học Xá Viện Đại Học Đà Lạt), được xây dựng năm 2008 do tiền của một cựu sinh viên trường CTKD, Viện Đại Học Đà Lạt tặng. Thứ ba là những phần học bổng của cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt tặng cho sinh viên Trường Đại Học Đà Lạt.

Ngày nay Trường Đại Học Đà Lạt có những giảng đường và một thư viện mới to lớn đồ sộ. Những giảng đường, những khu đại học xá cũ kỹ nhỏ bé như Thụ Nhân, Spellman, Hội Hữu, Lầu I, II, III, IV, V đã được thay tên và chiếc cầu gỗ nhỏ mầu đỏ xinh xắn gần giảng đường Spellman rồi trong tương lai có lẽ sẽ được thay thế bằng những tòa nhà to hơn, tân tiến hơn để đáp ứng với nhu cầu sinh viên gia tăng từ ba ngàn sinh viên trước năm 1975 lên tới hai mươi hai ngàn sinh viên hiện nay.

Cũng cần ghi nhận điều lạ là năm 2008, nhà trường làm lễ kỷ niệm 50 thành lập Trường Đại Học Đà Lạt. Có nghĩa là người Cộng Sản công nhận Trường Đại Học Đà Lạt và Viện Đại Học Đà Lạt là một. Trường Đại Học Đà Lạt là trường tiếp nối của Viện Đại Học Đà Lạt.

Viện Đại Học Đà Lạt đã đổi thay, nhưng có hai điều chắc chắn không thay đổi. Một là tình yêu của tôi với Viện Đại Học Đà Lạt vẫn còn mãi, Viện Đại Học Đà Lạt vẫn là quê hương tinh thần cho tôi nương tựa. Thứ hai là khi tôi bước thong thả trên con đường dốc ngắn ngủi từ cổng viện đến ngã năm Viện Đại Học. Tôi còn nhớ tiếng nổ dòn của những chiếc xe Lambretta ba bánh

đang đổ sinh viên trước cửa viện, tôi còn nhớ những hình bóng của những bạn ở khu Võ Tánhđang th ả bộ trên đường đến cổng viện. Hôm nay, tôi không thấy xe Lambretta ba bánh, nhưng tôi thấy những xe gắn máy hai bánh chạy trên đoạn dốc này và vào cổng trường. Tôi thấy những sinh viên đang đi về phía cổng trường. Điều không thay đổi trong hai hình ảnh này đó là tinh thần hiếu học. Hiếu học là truyền thống của dân tộc ta. Truyền thống hiếu học đã vượt lên mọi tranh chấp và đã giúp đất nước Việt Nam mãi mãiutr ờng tồn. Con đường lên dốc Viện Đại Học đối với sinh viên chúng tôi lúc nào cũng gi ống như La Rue Vers L'or của dân Mỹ hướng về tương lai tự do và giàu có.

KHU MẢ THÁNH SẮP TRỞ THÀNH TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO

Ngày xưa ra vô khu B vào những lúc chạng vạng tối đôi khi cũng thấy lạnh xương sống, nổi da gà. Đi trên con đường nhỏ tối tăm. Một bên là mả thánh, một bên là những ngôi nhà xoay lưng vào mả thánh. Con đường có nhiều truyện ma nghe kể ban đêm không dám tung chăn bước xuống giường, chứ đừng nói đi ra khỏi phòng để đi tiểu. Hôm nay, đi trên con đường này, tôi nhớ đến hai người bạn đã quá vãng. Trần Phước Tuyển, CTKD 2, theo học nghề bói toán với ông thầy bói Chiêm. Thầy Chiêm dẫn Tuyển lên mả Thánh để dậy cho Tuyển nói chuyện với ma. Đêm đầu tiên, Tuyển nằm một mình trong mả Thánh. Đêm thứ hai Tuyển trốn không tới gập thầy Chiêm. Đáng tiếc cho Tuyển, thầy bói Chiêm là một nhà chiêm tinhãđt ạo nhiều huyền thoại cho cá nhân ông và Đà Lạt trước 1975 và sau 1975.

Trước 1975, nhiều vị tướng và quan chức Vùng II Chiến Thuật là thân chủ của thầy Chiêm. Anh Diệp, bạn học, kể một huyền thoại về thầy Chiêm trước năm 1975. Cô Pauline Phụng nữ sinh trường Yersin, cháu nội của tướng Cao Đài Năm Lửa, là người yêu của Sơn Beattle. Sơn Beattle là tay anh chị giang hồ trấn giữ vùng Đà Lạt. Cô Pauline Phụng không có tin tức của Sơn Beattle một thời gian nên cô cùng bạn của Sơn Beattle tìm đ ến thầy Chiêm để hỏi. Cả bọn đến nhà thầy Chiêm thì gặp thầy Chiêm đang đi ra khỏi nhà. Thầy Chiêm dừng lại hỏi :" Tụi mi muốn biết tin thằng Sơn phải không ? Thằng Sơn chết rồi." Cả bọn lạnh xương sống. Cô Pauline Phụng khóc sướt mướt. Đó là một trong những huyền thoại đưa thầy Chiêm lên tuyệt đỉnh nghề tướng số. Đến năm 2008, Diệp gặp lại Sơn Beattle tại Atlanta, Hoa Kỳ. Diệp nói với tôi : " Thầy Chiêm đoán đúng 75%. Thằng Sơn Beattle vẫn còn sống. Sơn Beattle không chết chỉ bị mất tích. Nó như chết đi sống lại. " Năm 1966 Sơn đầu quân lôi hổ tại Đà Nẵng. Trận ra quân đầu tiên, Sơn bị bắt làm tù binh và bị đưa đi giam tại những trại tù ngoài Bắc. Sơn được qua Mỹ theo diện HO. Hiện nay Sơn Beattle đang làm báo tại Atlanta.

Anh Chính, bạn học, kể : Sau 1975 thầy Chiêm bị bắt vô trại tù cải tạo vì bị nghi làm việc cho CIA. Trong trại cải tạo, ông vẫn được mọi người gọi bằng thầy. Một số trại viên hỏi ông :" Thầy cho biết số phận chúng tôi ra sao " Bằng giọng Huế, ông trả lời :" Đ. M. tụi mi, số phận tao, tao còn chưa biết, làm răng tao biết số phận tụi mi ". Một thời gian sau ông được thả vì vô tội. Ông tiếp tục nghề coi bói và tướng số. Lần này ông bị bắt về tội buôn thần bán thánh. Trên xe chở thầy Chiêm đến

trại cải tạo, anh thượng sĩ công an người miền Bắc nói với thầy Chiêm :" Anh là thầy bói. Nếu anh đoán đúng thì tôi nói với cấp trên của tôi tha anh, anh nói trật anh ở trại cải tạo lâu dài ". Thầy Chiêm đồng ý. Thầy Chiêm nói về quá khứ, hiện tại và tương lai của anh thượng sĩ công an đúng đến nỗi anh thượng sĩ công an khâm phục, gọi ông bằng thầy và xưng con. Giữ đúng lời hứa, anh thượng sĩ đã vận động để cấp trên thả thầy Chiêm. Hai tháng sau, thầy Chiêm được thả. Trần Phước Tuyển và thầy Chiêm gặp nhau tại suối vàng. Nay Tuyển đã biết tài năng thầy Chiêm có thật hay không.

Người thứ hai là Lê Đường, CTKD I. Thân mẫu anh Lê Đường an táng tại mả Thánh. Dự lễ an táng, chúng tôi mới biết tên Lê Đường được ghép bởi họ Lê của thân phụ và họ Đường của thân mẫu anh. Lê Đường là một tài năng của khóa I CTKD. Anh là Hướng Đạo sinh có bằng rừng ngành tráng duy nhất tại Đà Lạt. Anh thành lập tráng đoàn Hùng Vương và có cao vọng làm một cuộc cách mạng ngành tráng. Tráng đoàn Hùng Vương có toán tráng nữ. Sau khi tốt nghiệp, anh được tuyển làm phụ khảo của trường CTKD. Năm 1970 anh được học bổng du học Mỹ trong một chương trình đào tạo những người lãnh đạo sau này cho VNCH của người Mỹ. Năm 1991, tôi gặp lại Lê Đường tại Seattle. Tôi ngạc nhiên và không hiểu lý do gì khiến cuộc sống của anh Đường thay đổi một trăm tám mươi độ. Từ một người có tương lai đầy hứa hẹn trở thành một người có đời sống của kẻ lang bạt kỳ hồ, không vợ con. Anh đi khắp nước Mỹ, làm đủ thứ nghề như bán McDonald, khuân vác, dọn dẹp, quản thủ thư viện … Sau cùng anh trở về sống với người em gái, cô Thoại Anh, tại tiểu

bang Massachusetts. Anh đã biến lầu hai nhà của người em gái làm nơi tu thiền. Thỉnh thoảng lắm anh mới trả lời điện thoại của tôi và chúng tôi nói chuyện mỗi lần khoảng hai ba tiếng. Nhiều lần tôi nói với anh :'' Sinh ra là người có tài, anh không làm việc giúp đời là không công bằng ". Một lần, trong khoảng năm tháng, tôi điện thoại cho anh nhiều lần, nhưng anh không bắt máy. Tôi điện thoại cho anh vào lúc một giờ sáng, giờ Boston. Lê Đường giọng hốt hoảng :

- Có chuyện gì mà Quang gọi giờ này.
- Tôi gọi anh nhiều lần, anh không trả lời. Bây giờ tôi biết anh còn sống. Chúc anh ngủ ngon.
- Quang à, bây giờ mình nói chuyện được không.

Chúng tôi nói chuyện hơn hai tiếng đồng hồ tối hôm ấy.

Mỗi lần viết xong một quyển truyện, tôi thường gửi cho Lê Đường. Tôi đã gởi cho anh hai quyển truyện : Quyển truyện dài Mưa Xứ Huế và quyển gồm nhiều truyện ngắn Seattle Việt Nam Đâu Có Xa. Viết xong quyển Trọc Sĩ Quyển I, tôi quên gởi cho anh. Mấy tháng sau, một hôm tôi chợt nhớ đến anh. Tôi vội vàng gởi quyển Trọc Sĩ Quyển I cho anh. Một tuần sau khi gởi quyển Trọc Sĩ Quyển I, tôi được tin anh từ trần. Cô Thoại Anh kể cho tôi về cái chết của anh. Lê Đường ở nhà cô Thoại Anh tại thành phố Worcester cách xa chỗ cô Thoại Anh làm việc tại Boston khoảng hai giờ lái xe. Hai anh em chỉ gặp nhau vào hai ngày cuối tuần. Hàng ngày cô Thoại Anh điện thoại cho Lê Đường. Tuần lễ khai giảng niên học vì bận việc nên cô Thoại Anh không điện thoại cho anh. Thứ bẩy cô trở về nhà. Kêu cửa nhiều lần không được, cửa khóa bên trong nên không

mở cửa được, cô gọi cảnh sát phá cửa để vô nhà. Anh Lê Đường nằm ngay ngắn trên giường, mặt bình thản, không thở, người còn ấm. Khám nghiệm y khoa cho biết anh từ trần vì bệnh quên thở khi ngủ. Hai ngày sau anh qua đời, người đưa thư mới giao quyển Trọc Sĩ đến cho anh. Tôi nói với cô Thoại Anh rất tiếc quyển Trọc Sĩ đến chậm hai ngày. Nếu quyển Trọc Sĩ đến trước hai ngày có khi anh Lê Đường không chết. Anh đọc, suy nghĩ để viết thư cho tôi, anh quên ngủ chứ không quên thở. Tôi yêu cầu cô Thoại Anh, trong lễ tang của anh Lê Đường, đọc dùm tôi lá thư tôi gởi kèm theo quyển Trọc Sĩ để coi như tôi có mặt trong buổi lễ tiễn đưa anh.

Hôm nay, tôi đi trên con đường trải nhựa rộng thênh thang. Một bên là mả thánh nằm trên đồi như ngày xưa. Một bên là cửa hàng chạy dài theo dọc con đường. Người dân ngày nay không còn sợ ma như ngày xưa. Họ dám mở cửa trước trông thẳng ra nghĩa địa. Sợ ma thì vẫn sợ, nhưng văn hóa ngày nay tại Việt Nam là văn hóa mặt đường. Nhà quay ra mặt đường để mở tiệm buôn bán làm ăn.

Về Sài Gòn, tôi gặp anh bạn Cẩn. Anh Cẩn và con trai đang làm việc cho công ty Đầu Tư Phát Triển tại Sài Gòn. Anh cho tôi biết công ty anh hiện đang thực hiện hai công trình lớn tại Đà Lạt. Một công trình tại khu mả Thánh. Công ty anh đã di dời được hơn một ngàn ngôi mộ. Sau khi hoàn thành việc di dời mộ, công ty sẽ xây Trung Tâm Thể Dục Thể Thao Đà Lạt tại khu mả Thánh. Công trình thứ hai là xây biệt thự tại khu bờ hồ đối diện với vườn Bích Câu.

Mả Thánh sẽ không còn. Đà L ạt sẽ có một trung tâm thể dục thể thao to lớn. Người dân ở đối diện với mả Thánh sẽ vui mừng. Duy có một điều tôi lo ngại không biết mộ của thân mẫu anh Lê Đường được dời chưa? Về đến Mỹ, tôi điện thoại cho Thoại Anh. Cô Thoại Anh cho biết cách đây hơn mười năm, người bạn cô ở Đà Lạt báo cho cô biết chính quyền đang có kế hoạch giải tỏa khu mả Thánh. Cô đã về Đà Lạt để hốt cốt thân mẫu và anh ba của cô. Thoại Anh đã đem tro cốt của hai người để trong chùa Vĩnh Nghiêm.

DẤU CHÂN TRÊN LỐI CŨ, TƯỞNG NHỚ NGƯỜI XƯA

Tôi nhớ những câu thơ Ly Sa Nguyễn Văn Sơn viết :

Còn chăng là giấc chiêm bao
Nhặt bao nhiêu lá, lá nào còn xanh ?
Phải chăng khi đã lìa cành
Lá nào cũng mất màu xanh lâu rồi !

- Trước 1975, bà thị trưởng Nguyễn Thị Hậu đã xuất tiền mua hạt giống hoa rải khắp hai bên đồi thông của dinh thị trưởng. Đồi lúc nào cũng đầy hoa : Cúc dại, glaieul, bồ công anh xen lẫn mùi hoa thông, trắc bách diệp, mimosa. Thỉnh thoảng lại có mùi lan rừng, ổ rồng. Hôm nay đi qua con đường trải nhựa phía sau dinh thị trưởng, nhà cửa nhấp nhô san sát đã l ấy mất mùi thơm của cỏ cây hoa lá …

- Hôm xưa đi trên con đường được chúng tôi đặt tên là con đường tình yêu Route D'amour, con đường dốc nhỏ dẫn từ Lữ Quán Thanh Niên đến

Hồ Xuân Hương. Con đường yên tĩnh, hiền hòa, đầy màu xanh của thông và dương sỉ. Tôi đi và nhớ người con gái xóm ga xứ Huế. Hôm nay đi trên con đường này, con đường vẫn nhỏ, không thay đổi, nhưng có nhiều nhà nhỏ xây chen lẫn những biệt thư cũ. Một biệt thự biến thành quán cà phê. Hỏi ra đây là của Huỳnh Chùm, một cựu sinh viên của Viện Đại Học Đà Lạt và là một nhà thơ của xứ sương mù. Xưa và Nay, tôi không biết con đường này tên gì. Ngày xưa chúng tôi gọi là con đường Tình Yêu. Học sinh, sinh viên Đà Lạt hiện nay có gọi đường này là Con Đường Tình Yêu như ngày xưa chúng tôi đặt tên cho nó không ?…

Tôi đi trên đường và nhẩm lại từng tên những bạn bè sống cùng tôi ở Lữ Quán Thanh Niên, nhớ hình ảnh xóm ga Huế và người con gái tôi yêu … Tôi vẫn nhận ra đây là con đường Tình Yêu ngày xưa. Tôi biết tôi vẫn còn yêu Đà Lạt, người con gái xóm ga Huế và bạn bè tôi …

- Đi qua khu Ngọc Lan. Nhớ bát phở với những miếng nạm dầy mềm và hũ hành ngâm dấm. Bạn tôi nói : ông chủ tiệm phở Ngọc Lan đã qua đời. Con ông không nối nghiệp được nghề nấu phở của cha.

- Đến khu Hòa Bình nhớ người ăn mày mặc áo hoàng bào mặt lúc nào cũng đỏ gay, miệng lúc nào cũng chửi lũ ăn hại đái nát. Bạn tôi nói : Ông vua Hòa Bình đã băng hà rồi.

  Ngày xưa, ông vua Hòa Bình chửi lũ ăn hại đái nát. Ngày nay ai nối ngôi ông …

- Vô uống cà phê Tùng. Vẫn ghế da cũ, vẫn ba bức tranh xưa. Chủ nhân mới nối nghiệp cha. Bạn tôi nói :
  - Đà Lạt bây giờ có rất nhiều quán cà phê. Cà phê Tùng là quán cà phê của giới nghệ sĩ. Cà phê Tùng có giá rẻ nhất Đà Lạt.
  - Tại sao ?
  - Giới nghệ sĩ nghèo làm gì có tiền để chém. Ngày nay giới sinh viên học sinh ít vô cà phê Tùng.
  - Tại sao ?
  - Mấy ông nghệ sĩ tóc dài coi cà phê Tùng như trụ sở của hội nghệ sĩ nên ngồi cà kê dê ngỗng hàng tiếng đồng hồ, nói ồn ào đủ mọi truyện trên trời dưới đất. Có xe khách xuất hiện, mấy ông tất bật xách túi máy ảnh chạy tưởng như có biến cố gì lớn …

- Xuống chợ Hòa Bình, trên vỉa hè phía đối diện với vũ trường Tulipe xưa, buôn bán trái cây nhộn nhịp. Người bán toàn là người Việt. Tôi không thấy một người Thượng bầy bán những bó củi nhóm bếp, hoa lan hay món đồ khác. Bạn tôi nói: Ngày nay nhà nào cũng dùng bếp ga, bếp điện thì cần gì đến bó củi nhóm bếp nữa. Hoa lan thì người ta sản xuất hàng loạt trong các nhà kính vừa rẻ vừa đẹp …

- Nhìn lòng hồ Xuân Hương và cầu ông Đạo còn bộn bề ngổn ngang lòng nôn nao buồn. Sớm muộn gì, một năm, hai năm Hồ Xuân Hương cũng lại có nước, cầu Ông Đạo sẽ to hơn. Nhưng … xin ghi lại lời của một ông già Đà Lạt :" Trước 75 và sau 75 người ta đều gọi là cầu Ông Đạo. Hiếm ai gọi là đập Ông Đạo. Đập cầu Ông Đạo thì dễ. Đập đập Ông Đạo thì khó. Đập

xây vững chắc hơn cầu cả vài chục lần. Nếu cứ để đập Ông Đạo và xây thêm bên cạnh một cầu to bằng đập Ông Đạo thì vừa nhanh vừa đỡ tốn công quỹ. Nhất là không phải làm một con đường giữa hồ…" Không biết trước khi thực hiện công trình, nhà ươn ước có công bố cho dân biết để góp ý không ?

- Nhìn lên Đồi Cù, lòng ngao ngán. Biết bao giờ người dân Đà Lạt mới được đi, được nằm trên Đồi Cù như chúng tôi ngày xưa. Tôi chắc chắn không một người dân Đà Lạt nào muốn biến Đồi Cù thành sân Golf. Cũng như không một người Huế nào muốn biến đồi Vọng Cảnh thành trung tâm khách sạn, khu giải trí vui chơi. Đồi Cù đã mất, đồi Vọng Cảnh vẫn còn …

- Bạn tôi dẫn tôi đến tiệm phở Bằng, quán phở lâu đời nhất của Đà Lạt. Cô con gái nối nghiệp bố mẹ. Ăn xong, bạn tôi hỏi :
  - Thế nào ?
  - Không ngon bằng ngày xưa.
  - Mi là thằng hoài cổ. Gần nửa thế kỷ, làm sao mi nhớ được vị phở ngày xưa mà so với sánh.
  - Khác xưa rõ ràng. Nhìn đĩa rau thì biết. Ngày xưa, đĩa rau chỉ có húng quế, ngò tây và xà lách đắng. Bây giờ, húng quế và giá sống …

- Đi qua phở Đắc Tín. Phở Đắc Tín không còn. Nhắc tới ba cô con gái của ông bà chủ quán. Bạn tôi trả lời : Không biết ông bà Đắc Tín đi đâu, sống hay chết.

- Đi đến ngã ba chùa Linh Sơn rẽ Tánh. Hỏi quán cơm Ba Duế đâu. Bạn tôi trả lời: " Ba Duế bán nhà và đi đâu không biết ". Ai nấu cơm cho sinh viên ngoại trú ?

- Vô viện Đại Học nhìn phòngăn c ủa sinh viên Đại Học Xá ngày xưa, nay được sửa chữa và xây thành hình chữ U để làm thành khu liên hợp gồm phòng học và phòng thí nghiệm. Hỏi ông Thầu còn sống hay đã chết. Bạn tôi trả lời: "Cách đây không lâu có gập bà thầu. Không thấy ông thầu. Chắc ông thầu đã mất. Bà thầu đã già lắm rồi ". Ai nấu cơm cho sinh viên nội trú?

- Hỏi những người cũ nay còn ai làm vi ệc cho trường Đại Học Đà Lạt ? Bạn tôi trả lời : Tất cả nhân viên cũ hoặc đã qua đời hoặc đã về hưu.

Đà Lạt thay đổi. Nhiều người bạn tôi thất vọng. Họ thất vọng vì Đà L ạt phát triển lộn xộn không có kế hoạch, rừng Đà Lạt bị tàn phá, Đà Lạt không còn lạnh như xưa, Đà Lạt không còn sương mù. Đà L ạt ngày nay không còn đẹp và thơ mộng như Đà Lạt ngày xưa của họ nữa. Các bạn tôi nhận xét rất đúng. Nhưng "*có ai tắm được hai lần trong một dòng sông*" như nhà văn người Đức Hermann Hesse viết trong quyển tiểu thuyết Câu Truyện Dòng Sông. Đà Lạt cũng thăng trầm theo vận nước. Đà Lạt đâu phải của thực dân Pháp, đâu phải của triều Nguyễn, đâu phải của Đệ Nhất Cộng Hòa, đâu ph ải của Đệ Nhị Cộng Hòa, đâu ph ải của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa, và đâu phải của ????? trong tương lai. Đà Lạt là của dân tộc Việt Nam. Hiện nay tôi sống tại thành phố Seattle, năm nay là năm thứ 20. Tôi chưa bao giờ ở một thành phố nào trong một thời gian lâu như tôi ở Seattle. Thành phố Seattle có nhiều điểm giống Đà Lạt. Nhiều người Việt Hải Ngoại ví Little Sài Gòn của California là Sài Gòn và Seattle là Đà L ạt. Seattle có nhiều đồi dốc, sương mù, rừng thông như Đà Lạt. Seattle có hồ, có núi

như Đà Lạt. Seattle có hoa đào như Đà Lạt. Nhất là người Seattle cũng hiền lành dễ thương như người dân Đà Lạt. Trở về Đà Lạt, thành phố tôi chỉ ở bốn năm trong thời gian học đại học. Đi trong thành phố với bạn tôi, tôi vẫn thấy thân thuộc, ngọt ngào, ấm cúng … Tôi nhìn Đà Lạt bằng trái tim không bằng con mắt. Tôi trót yêu Đà Lạt. Đà Lạt thế nào tôi vẫn yêu.

SỐ PHẬN NHỮNG QUYỂN LUẬN VĂN

Luận văn tốt nghiệp của tôi có tựa đề " Thử Tìm Một Đường Lối Ngoại Giao Của Nước Việt Nam Thống Nhất Qua Lịch Sử ". Tôi muốn đọc lại quyển luận văn của tôi. Nếu được tôi sẽ photo lại quyển luận văn để giữ làm kỷ niệm. Tôi vào thư viện của trường đại học Đà Lạt. Tôi hỏi anh nhân viên thư viện. Anh cho biết : Sau năm 1975, những quyển luận văn được đem vào kho có khóa cẩn thận. Sau này mở khóa thì kho trống rỗng. Anh nhân viên thư viện nói rằng đã có kẻ mở khóa đánh cắp những quyển luận văn và đem bán giấy vụn. Không ai quan tâm đến sách vở vào những năm giao thời lúc bấy giờ. Những tác phẩm của những nhà văn, nhà nghiên cứu tiếng tăm bị ghép vào tội văn hóa đồi trụy đã bị tịch thu hay đốt thì xá gì những cuốn luận văn tốt nghiệp cử nhân của trường CTKD. Những năm cả nước phải ăn bo bo, người ta lấy những quyển luận văn đi bán ve chai để kiếm tiền mua gạo cũng là bình thường. Tôi không chê trách gì họ, tôi chỉ tiếc đã mất đi một kỷ niệm.

Lúc viết luận văn tốt nghiệp, chúng tôi ở độ tuổi hai ba, hai bốn, hai mươi lăm, kiến thức còn non, kinh nghiệm đời còn ít. Vào độ tuổi ấy, tâm hồn chúng tôi trong

trắng, đầy lý tưởng muốn làm những việc đội đá vá trời cho xã hội đất nước hơn là cho bản thân mình. Cho nên đôi khi chúng tôi có những ý tưởng táo bạo, viển vông. Đang chiến tranh khốc liệt mà đã nghĩ đến đường lối ngoại giao của một nước Việt Nam thống nhất. Năm thứ ba CTKD, giáo sư Võ Quốc Thúc có chương trình kinh tế hậu chiến, nên tôi tưởng hòa bình thống nhất đã gần kề. Ngoại giao của một nước Việt Nam thống nhất là vấn đề sinh tử cần sự khôn ngoan và cam đảm. Kinh nghiệm của tiền nhân trong việc giữ nước vẫn quí báu. Trong chương Đối Phó Với Trung Hoa của quyển luận văn, tôi đã đề cập đến những vấn đề sau :

- Cương quyết chống lại khi bị Trung Hoa xâm lăng hà hiếp, hòa dịu sau khi thành công. Kinh nghiệm rút từ những kiệt xuất của dân tộc như Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Ngô Thời Nhiệm, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Lê Lợi ….

- Xây dựng phên dậu vững mạnh. Phên dậu phía bắc giáp Trung Hoa gồm các dân tộc thiểu số Nùng, Tày, Mán Mèo. Phên dậu phía Tây gồm Lào, Thượng, Mên … Phên dậu phía Đông là biển đảo và lực lượng hải quân hùng mạnh.

- Đi dây giữa các cường quốc. Thời bấy giờ người ta thường nói tới sự đi dây giữa Mỹ và Tàu. Năm học thứ tư, luật sư Tăng Thị Thành Trai dạy chúng tôi môn chính trị học : Tranh Chấp Nga Hoa. Thế giới đã hình thành thế chân vạc. Như vậy nước ta phải đi dây giữa ba thế lực Mỹ, Nga và Tàu. Trong ba nước, nước nào đáng tin cậy hơn cả. Dĩ nhiên chẳng có nước nào đáng tin cậy. Tàu chắc chắn là không, Mỹ thì ở quá

xa. Nga là nước có sức mạnh quân sự ngang ngửa với Mỹ, nghiến nát Tàu dễ dàng. Nga lại ở sát nách Trung Hoa. Nga là chỗ dựa tốt cho Việt Nam trong việc chống lại Trung Hoa luôn luôn muốn thôn tính nước ta.

- Chọn thủ đô cho nước Việt Nam thống nhất nên xa Trung Hoa và ở gần trung tâm đất nước. Rút kinh nghiệm từ các cuộc chiến tranh với Trung Hoa, Chàm và cuộc chiến thời Trịnh Nguyễn, tôi đề nghị chọn Đà Nẵng hoặc Nha Trang làm thủ đô cho nước Việt Nam thống nhất.

Đó là những ý nghĩ thô thi ển viển vông của tôi ngày xưa. Ngày nay vấn đề ứng xử với Trung Quốc trở nên nóng bỏng. Ứng xử với Trung Quốc ngày nay khó nhiều lần hơn ngày xưa. Ngày xưa vấn đề quân sự là chính. Ngày nay vấn đề kinh tế văn hóa quan trọng hơn quân sự. Chế ngự được kinh tế văn hóa thì lâu dài. Chiếm đóng bằng quân sự thì ngắn vì quốc tế phản kháng, chứ chưa nói đến sự kháng cự của dân bản xứ. Việt Nam cần có một cẩm nang trong việc ứng phó với Trung Quốc.

TIẾNG RAO HÀNG CỦA THẾ KỶ 21

Trằn trọc không ngủ được. Không biết trời đã sáng chưa ? Lắng nghe nhà dưới không thấy tiếng động. Chủ nhà chưa thức. Bỗng nghe tiếng phát thanh oang oang. Giật thót cả người. Tôi đang nằm mơ hay tỉnh. Tiếng phát thanh đem tôi về những ngày đầu của năm 75. Tiếng loa phát thanh của Phường vẫn ám ảnh tôi đến tận hôm nay. Bây giờ lại lùi về những năm đầu

1975 khủng khiếp hay sao ? Nghe tiếng hai vợ chồng chủ nhà. Tôi vội vùng dậy, rửa mặt, thay quần áo rồi xuống nhà dưới. Tôi hỏi bạn tôi :

- Phát thanh gì vậy ?
- Rao hàng chứ phát thanh gì : " Bánh bao nóng đây ". Rao hàng thế kỷ 21. Thu vào máy rồi phát ra to nhỏ tùy ý, khỏi phải mỏi miệng, khô cổ.
- Mi nói ông bán bánh bao vặn volume nhỏ vừa đủ nghe. Đà Lạt sáng sớm yên tĩnh, mở volume lớn quá, khó nghe và làm nhiều người mất ngủ.
- Sáng mai mi ăn bánh bao để tao gọi ông tới cho mi có ý kiến với ông ta.

XE KHÁCH SÀI GÒN - ĐÀ LẠT

Tôi đi lên Đà Lạt bằng xe khách Thành Bưởi và trở về Sài Gòn bằng xe khách Phương Trang. Hai xe của công ty Thành Bưởi và Phương Trang đều có máy lạnh mát rượi, khách được phát một chai nước và một khăn lau mặt giấy đựng trong bọc nhựa nylong. Sự việc này đã có cách đây bảy tám năm nên không có gì đáng nói. Hiện nay có nhiều tiến bộ hơn trước :

1. Xe không đón khách dọc đường. Trước khi xe chạy, anh hướng dẫn viên đã giới thiệu tài xế, bản thân anh và nói lời chào mừng khách. Giới thiệu lịch trình và thời gian chuyến đi. Anh nói xe không đón khách dọc đường, tuy nhiên có một hành khách ở Di Linh đặt mua vé trước nên xe sẽ ngừng tại Di Linh để đón vị khách này. Mong quí khách thông cảm.

Khác hẳn trước đây. Càng ngày càng chuyên nghiệp hơn.

2. Đến Đà Lạt có xe trung chuyển đưa khách về tận nhà.
3. Từ Đà Lạt muốn về Sài Gòn, bốc điện thoại gọi hãng xe để giữ chỗ. Ngày mai sẽ có xe trung chuyển đến tận nhà đón ra bến xe.
4. Sài Gòn thì không có xe đón đến bến xe và không có xe đưa về nhà

Nhờ có nhiều hãng xe cạnh tranh lành mạnh nên người dân được hưởng nhiều lợi ích hơn. Biết đâu vài năm sau, khách đi và đến Sài Gòn sẽ có xe đón và đưa về nhà miễn phí.

Nếu mọi lãnh vực đều có sự cạnh tranh lành mạnh thì đời sống người dân sẽ thoải mái và khá giả hơn. Trong lãnh vực chính trị thời Việt Nam Cộng Hòa có cạnh tranh nhưng thiếu lành mạnh. Các ông bà chính trị gia thậm tha thậm thụt với chùa, nhà thờ, thánh thất. Đất nước như chỉ có hai đảng lớn Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo. Các đảng chính trị chuyên nghiệp như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt … chỉ là những bóng mờ. Bầu cử Thượng Viện năm 1967, hai liên danh Hoa Sen và Bông Huệ đắc cử. Liên danh Sư Tử Cầm Bút của giáo sư đại học do thầy Vũ Quốc Thúc làm thụ ủy thất cử. Chính trị thời Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chỉ có một đảng Cộng Sản nên không có cạnh tranh, không có cạnh tranh thiếu lành mạnh và cũng không có cạnh tranh không lành mạnh. Anh bạn Hoàng của tôi nói : "Thật ra vẫn có cạnh tranh trong thời Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cạnh tranh giữa 2 triệu đảng viên Cộng Sản còn 80 triệu dân không Cộng

Sản chỉ chờ đảng lâu lâu cho một chút cạnh tranh thì họ đã mừng và biết ơn đảng. Tội nghiệp cho dân tộc ta ở chỗ đó. Bị bóc lột mà vẫn cám ơn những người bóc lột. Chỉ có xương để gậm vậy mà người dân Việt Nam đã xây dựng được nền kinh tế tốt. Thế mới biết bản lãnh và trí thông minh của người Việt ta. Đảng được ăn thịt nạc thịt ngon, lại được tiếng thơm về sự phát triển kinh tế mà thế giới công nhận." Anh bạn Phạm thì nói với tôi : " Tao dám tranh luận với bất cứ ai rằng nền kinh tế Việt Nam giống như cái lò xo bị ép xuống tận cùng lâu ngày, nay thả ra thì nó bung lên chứ không phải do chính sách hay chương trình kinh tế đúng đắn tốt đẹp gì cả. Cứ nhìn sự phát triển tự phát, lôi thôi nhếch nhác hiện nay thì rõ ".

Lãnh đạo Cộng Sản Trung Quốc và Việt Nam đã sáng suốt hơn giới cầm quyền Bắc Hàn, Cuba, Miến Điện và nhiều nước độc tài tại Nam Mỹ và Phi Châu. Họ đổi mới để cứu mình và đỡ khổ cho đất nước. Theo lý luận của anh bạn Phạm, nếu Bắc Hàn mở cửa để cho lò xo bung lên. Rút kinh nghiệm Trung Quốc, Việt Nam, họ mở toang cửa để cho mọi người cạnh tranh lành mạnh và có người Nam Hàn anh em tận tình giúpđỡ thì chỉ một ngũ niên đã đuổi kịp Trung Quốc, Việt Nam, hai ngũ niên đuổi kịp Đại Hàn, Nhật Bản và gia nhập khối G21 (G20 + Bắc Triều Tiên = G21).

Mong rằng trong mọi lãnh vực của đất nước có sự cạnh tranh lành mạnh như hai hãng xe Thành Bưởi và Phương Trang để đất nước sớm giàu mạnh như Đại Hàn và Nhật Bản.

BIẾT ĐÂU ĐỊA NGỤC THIÊN ĐÀNG LÀ ĐÂU

Tôi được dự một buổi họp mặt của sinh viên tốt nghiệp Hán Nôm năm 1988. Họ ở nhiều nơi trên đất nước về qui tụ tại Đà Lạt. Bạn tôi là thầy của họ nên tôi được mời dự. Ngồi cạnh tôi là anh Minh, cựu giáo sư chữ Nôm. Anh Minh chỉ được dậy một năm thì bị nhà trường cho nghỉ việc vì lý do anh là sĩ quan của chế độ cũ, mặc dù bạn tôi nói Minh là giáo sư chữ Nôm rất giỏi. Hiện nay anh Minh mở dịch vụ bán Trướng Liễn Hoành Phi Câu Đối và hướng dẫn về thủ tục nghi lễ để sinh sống. Tình thầy trò thật đáng trân trọng. Sinh viên đều có địa vị trong xã hội. Người làm trưởng phòng vật tư, người là hiệu trưởng trường trung học, người làm trưởng một phòng của đài truyền hình thành phố Sài Gòn, người có địa vị cao nhất là phó chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Tôi đoán tất cả đều là đảng viên. Họ biết anh Minh và tôi là sĩ quan chế độ cũ. Sinh viên gọi anh Minh bằng thầy và xưng là em. Cũng có vài người gọi tôi là thầy và xưng em. Họ săn sóc thức ăn và nước uống cho chúng tôi chu đáo, nói năng kính cẩn lễ phép và vui vẻ.

Sau những câu truyện xã giao thăm dò, tôi và anh Minh khám phá ra rằng : Không những là đồng môn tại Viện Đại Học Đà Lạt, chúng tôi còn là đồng môn tại trường Quốc Học. Sau đó chúng tôi còn biết mối liên hệ khác giữa hai chúng tôi. Anh Minh là em cột chèo với ông cậu vợ tôi. Gia đình ông cậu vợ hiện đang sống trong cùng thành phố Seattle với tôi. Có bốn mối liên hệ nên chúng tôi nói chuyện cởi mở vui vẻ. Anh Minh nói với tôi :

- Tôi đang đọc quyển Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đường. Quyển này viết về cuộc đời của thầy Nguyễn Khắc Dương.

Thầy Dương là giáo sư Triết, Viện Đại Học Đà Lạt. Cuộc đời thầy khắc khổ như một nhà tu. Quyển sách viết về cuộc đời thầy Dương chắc cũng không hấp dẫn nên tôi im lặng. Anh Minh nói tiếp :

- Trước đây thằng con tôi hỏi : Sau 1975, ba cảm thấy thế nào ? Tôi trả lời : Mất mát rất nhiều. Đọc quyển Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng, tôi kêu thằng con trai và nói : Baãd nhận định sai. Trong quyển này ũng có nhắc tới thằng Khánh.

Hai chi tiết anh Minh thêm vào : Sự mất mát của những người theo Cộng Sản cũng rất to lớn và nhân vật Khánh đã khiến tôi muốn đọc quyển truyện. Khánh là cán bộ Cộng Sản nằm vùng. Năm 1968 tôi là sinh viên năm thứ tư CTKD, Khánh là sinh viên văn khoa Triết năm thứ nhất. Khánh ở lầu I. Khánh thỉnh thoảng đến cửa sổ phòng tôi, lầu II đại học xá, để nói chuyện với chúng tôi. Sau này, tôi nghe Khánh bị lộ. Khánh thoát được cuộc lùng bắt của công an Việt Nam Cộng Hoà nhờ thầy Dương che dấu Khánh một tuần trong nhà thầy. Nay Khánh, bí danh Ba Định, là đại tá công an hồi hưu.

Anh Minh điện thoại cho anh Lĩnh, chủ tiệm sách Duy Tân, để hỏi mua cho tôi một quyển Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng. Anh Lĩnh trả lời sách đã bán hết. Thứ ba tuần sau mới có sách. Ngày mai chủ nhật, tôi dời Đà Lạt nên anh Lĩnh đề nghị anh Minh trao cho tôi quyển sách của anh, thứ ba tuần sau, anh Minh mua cuốn khác. Anh Minh tặng tôi cuốn sách, anh đọc chưa xong.

Tác giả truyện Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng là ông Nguyễn Khắc Phê, em ruột của thầy Dương. Theo lời giới thiệu ở bìa quyển truyện : Ông Phê là hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam. Nguyên là Tổng biên tập Tạp chí Sông Hương. Hiện là chi hội trưởng nhà văn tại Huế. Trong quyển Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng, ông kể lại những biến cố của gia đình ông trải qua từ trước 1945 đến sau 1975. Những sự kiện ông kể lại hầu hết mọi người đều đã biết qua sách báo. Những sự kiện đó hầu hết không còn xảy ra ngày nay nữa. Bìa sau của quyển sách, nhà văn Nguyễn Khắc Phê đã nêu lý do ông viết quyển tiểu thuyết "*Biết đâu địa ngục thiên đàng là đâu là câu Kiều mà bà mẹ thốt lên đau đớn khi cậu Tú Tâm con nhà quan "chạy trốn" người vợ sắp cưới, bỏ nhà đi tu. Mà đâu chỉ với cậu Tú Tâm, trong cuộc đời "dâu bể", câu Kiều ấy ứng với nhiều nhân vật, nhiều cảnh ngộ …*

Tiểu thuyết miêu tả những số phận trải qua mấy chục năm đầy biến động của đất nước nên không thiếu những tình huống éo le, bi thảm, nhưng tác giả cũng dành nhiều tâm huyết miêu tả những cảnh đời bình dị, êm đẹp ở một làng quê, với tình mẹ con, họ hàng, làng xóm đầm ấm - vẻ đẹp truyền thống và là cội nguồn của sức mạnh Việt Nam "

Nhà văn Nguyễn Khắc Phê đã nêu lên một vấn đề vô cùng hệ trọng của dân tộc đó là truyền thống gắn bó giữa anh em, họ hàng, bà con, thầy trò, bạn bè, hàng xóm láng giềng của dân tộc. Truyền thống tốt đẹp đó được nhiều nhà nghiên cứu ngoại quốc thừa nhận. Tôi xin trích nguyên văn bản tin được đăng trên báo Người

Việt Tây Bắc số 1952 thứ sáu ngày 27 tháng 8 năm 2010, trang 49 : *" Theo Daniel Ayala, trưởng dịch vụ toàn cầu của Wells Fargo,* ***điều duy nhất chỉ có ở Việt Nam*** *là người ta gửi tiền về cho cả tông chi họ hàng chứ không phải chỉ cho những người ruột thịt. Ngoài ra còn dùng tiền để giúp phát triển kinh doanh nữa . Mark Sidel, một giáo sư nghành luật ở University of Iowa, người chuyên nghiên cứu về sự luân lưu tiền tệ theo lối này nhận xét rằng, trong những năm gần đây, càng có nhiều người Việt gửi tiền về nước vì tính cách từ thiện gồm cả việc liên hệ đến y tế và giáo dục."*

Theo thiển ý của tôi, truyền thống mà nhà văn Nguyễn Khắc Phê nêu ra còn quan trọng hơn phát triển kinh tế. Kinh tế là việc cấp thời trước mắt, phải giải quyết trước. Nay kinh tế Việt Nam đã ổn định, đời sống của người dân đã khá lơn nh ững năm của thập niên 70, 80, 90. Việc phục hồi truyền thống đạo đức là việc lâu dài nhưng cần thiết và cấp bách vì truyền thống đó đã bị phá hủy, băng hoại tại miền Bắc do thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Cộng Sản. Mặc dù bại trận, xã hội nhiều biến động và có sự hiện diện của quân ngoại quốc, nhưng miền Nam vẫn còn giữ được nhiều truyền thống đạo đức, đặc biệt trong hai lãnh vực giáo dục và y tế : Lãnh vực giáo dục vẫn còn tinh thần Quân Sư Phụ và lãnh vực y tế vẫn còn tinh thần Lương Y Từ Mẫu. Đó là điều may mắn cho dân tộc. Miền Bắc, thắng trận, nhiều truyền thống đạo đức bị phá hủy, nhưng những truyền thống đó vẫn còn ở trong tiềm thức của người dân. Cho nên sau khi chiến thắng và tiếp xúc với miền Nam những truyền thống đạo đức đã đư ợc dần dần phục hồi

trong xã hội miền Bắc và cả nước. Nhưng con đường vẫn còn dài và lắm chông gai.

Đọc xong quyển Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng, cá nhân tôi có nhận xét, nhà văn Nguyễn Khắc Phê viết để bào chữa cho đảng Cộng Sản về những lỗi lầm mà họ gây ra trong thời gian đã qua một cách kín đáo nhẹ nhàng. Ông kín đáo nhẹ nhàng vì trong thâm tâm ông Phê và mọi người Việt đều cho rằng những lỗi lầm trong thời gian từ 1954 đến 1980 không thể bào chữa. Ông Phê đã đặt tựa đề cho quyển sách là Biết Đâu Địa Ngục Thiên Đàng. Thời điểm trước kia thì đúng, chẳng ai biết đâu là địa ngục, đâu là thiên đường mà lựa chọn. Cuộc sống của những người đi theo kháng chiến sống trong rừng thiêng nước độc chắc chắn hạnh phúc và cao quí hơn những người ở lại thành thị và theo Pháp. Nhưng từ năm 1954 đến 1975 thì lại khác. Ngày nay chắc chắn mọi người biết đâu là địa ngục, còn đâu là thiên đường thì còn đang tìm kiếm. Tuy nhiên, một nhà văn còn tại chức, còn có chức có quyền đã viết lên những sự việc sai lầm đã qua là một bước tiến đáng kể trong tiến trình đổi mới. Nhà văn Nguyễn Khắc Phê biểu lộ tình cảm kính yêu đối với người anh ruột của mình. Ông không còn coi thầy Dương là phần tử phản động. Tôi chắc chắn nhà văn Nguyễn Khắc Phê còn có nhiều điều muốn nói mà chưa dám nói hay chưa đến lúc được phép nói. Mong lắm thay …

NIỀM VUI

Ngày đầu tiên ở nhà bạn, trước mặt vợ và hai đứa cháu một nội, một ngoại, bạn tôi nói với tôi :

- Trong thời gian mi ở đây. Mi muốn ăn chi, cứ nói để vợ tao nấu. Thứ hai, mi tới Đà Lạt là đất của tao, mọi việc để tao lo. Thứ ba, nghiêm cấm mua quà cho hai đứa cháu tao.

Suốt thời gian ở Đà Lạt, mọi chi phí ăn uống, giải khát, trừ việc trả phí tổn lên đỉnh Lâm Viên, đều do bạn tôi thanh toán.

Hai vợ chồng bạn tôi là hai nhà giáo hưu trí. Chồng vẫn đi dạy thêm bán thời gian để kiếm tiền chi phí cho hội Hoàng Gia – Già Hoang của mấy ông già hưu trí hội họp vui chơi vào sáng thứ bảy hàng tuần. Vợ nhất định về hưu, không nhận thêm giờ dạy để ở nhà dạy dỗ hai đứa cháu. Thu nhập của hai anh chị cũng phải kể thêm khoản tiền bốn đứa con đưa hàng tháng để trả ơn công dưỡng dục và trả công ông bà trông nom dạy dỗ các cháu. Hai vợ chồng bạn tôi là những nhà giáo quí báu còn lại trong xã hội hỗn tạp, đầy cạnh tranh. Họ có đời sống trong sạch, đạm bạc, không đua đòi, thanh nhàn và hạnh phúc. Tôi là Việt kiều được người trong nước hậu đãi. Trước đây sự kiện này không xảy ra. Bây giờ là những việc bình thường và đôi khi gây ngạc nhiên cho nhiều Việt Kiều vì được người trong nước mời dự tiệc tại những nhà hàng sang trọng mà bản thân họ chưa chắc đã dám bước chân vào.

Mừng cho bạn tôi và mừng cho tôi.

Các bạn đã ăn xong bát cơm nguội. Xin chân thành cám ơn.

Ghi Chú : Say đây là nguyên văn bài Cây Thánh Giá Trên Tháp Năng Tĩnh của tác giả Hương Bình.

Cây Thánh Giá Trên Tháp Năng Tĩnh

Trường Đại Học Đà Lạt ngày nay có nhiều thay đổi về mọi mặt. Các giảng đường cũ đã được sửa chữa, tân trang lại nhưng tên các giảng đường cũ thì đã bị xáo bỏ. Đôn Hóa, Hòa Lạc, Cư Dị, Hội Hữu, Năng Tĩnh, Sinh Viên Vụ, con thuyền Dị An, Thụ Nhân, Đạt Nhân, Thượng Hiền, v.v. đã bị xóa bỏ. Giờ đây chẳng còn ai nhớ đến. Cũng có mấy giảng đường mới xây dựng thêm, rất khang trang, đẹp đẽ và hiện đại.

Lúc đất nước có chiến tranh hỗn loạn, một số người đã di tản ra nước ngoài vì sợ hãi. Trong dòng người di tản, có những giáo sư, sinh viên của Viện Đại Học cũ. Nay đất nước đã ổn định, yên bình nên trong các dịp lễ, có nhiều người đã về thăm lại quê hương nơi cội nguồn của mình. Khi về thăm trường cũ, chắc quí vị thấy Viện đã thay đổi rất nhiều nhưng nếu có vị nào để ý nhìn lên tháp Năng Tĩnh thì không còn thấy cây thánh giá đứng trên đỉnh tháp mà thay vào đó là một ngôi sao năm cánh, màu đỏ. Có thể quý vị nghĩ là cây thánh giá đã bị đập bỏ đâu rồi, nhưng không, cây thánh giá vẫn còn đứng nguyên đó và được ngôi sao bao phủ. Trong lòng ngôi sao, thánh giá đã dang hai cánh để đỡ lấy ngôi sao đứng giữa Trời yên ổn.

Năm 1975 Ban Quân Quản và Giáo Sư Nguyễn Lam Kiều tiếp quản Viện Đại Học, phối hợp với nhân viên của Viện canh gác bảo vệ cho Viện. Đến đầu năm 1976 thì có ba giáo sư ở Hà Nội vào tiếp nhận : Giáo Sư Hiệu Trưởng Trần Thanh Minh, Giáo Sư Phó Hiệu Trưởng Phạm Bá Phong và anh Nguyễn Hữu Mỹ. Cả ba vị ghé qua nhà thăm và nhờ tôi làm giúp một số việc kỹ thuật,

máy móc cho văn phòng. Tiếp theo giao cho tôi nhiệm vụ làm một ngôi sao năm cánh lắp trên tháp Năng Tĩnh, bao phủ cây thánh giá và làm cho kịp ngày khai giảng. Sau một hồi, tôi suy nghĩ có lẽ Ban Giám Hiệu tế nhị, không muốn đập bỏ cây thánh giá nên làm ngôi sao phủ thánh giá lại và ngôi sao là tượng trưng cho ngày khai giảng. Nghĩ vậy nên tôi nhận sơ đồ để thực hiện ngôi sao. Sau đó tôi leo lên đỉnh tháp, đo chiều cao, chiều ngang thánh giá và tính sức nặng của ngôi sao và sức cản của gió vì trên cao có những lúc gió thổi rất mạnh. Đo và tính xong, tôi báo cho Ban Giám Hiệu ngôi sao phải làm vật liệu bằng sắt chữ U và L, lợp tôn dày một ly. Ban Giám Hiệu bảo thủ kho giao cho tôi đủ vật liệu cần dùng và bảo tôi phải làm xong trước ngày khai giảng hai tuần lễ. Tôi làm ngôi sao mất 10 ngày, sơn phết xong giao ngôi sao tại sân đậu xe A2. Quý vị kiểm tra chất lượng và nghiệm thu xong, chỉ chờ đưa lên lắp mà thôi. Nhưng hơn một tuần, chưa thấy ai đưa ngôi sao lên.

Một buổi sáng, tôi sắp đi làm công tình thì quý vị lại đến nhờ tôi tìm cách nào đưa ngôi sao lên cho kịp ngày khai giảng vì không có nơi nào nhận làm. Cầu Đường thì nhận đưa lên lắp - họ đã làm bản vẽ : đóng một giàn đi quang tháp, cao tới đỉnh tháp để đưa ngôi sao lên (tốn mất 2 triệu đồng) nhưng nay họ hồi lại, bảo không làm được ngay mà phải chờ ba tháng nữa mới làm được. Nhưng nay chỉ còn năm ngày nữa là trường khai giảng. Họ đưa giàng giáo cho tôi xem. Tôi nói là làm theo cách này thì một tháng chưa chắc đã xong : để tôi làm theo cách của tôi thì may ra kịp ngày khai giảng.

Thật ra, nếu vào thời điểm bây giờ thì ngôi sao đó chỉ nửa ngày là làm xong hết vì bây giờ đã có xe cẩu lên tới 100 mét nhưng vào thời 1976 – 77 thì khó lòng tìm đâu ra loại cần cẩu đó. Do đó, phải dùng sức người. Tôi chỉ còn bốn ngày để lo tìm cách đưa ngôi sao lên đỉnh tháp cao 48 m. Tôi lo hàn các bánh xe ròng rọc, mượn giây, cây đà sắt và đà gỗ để làm hai hệ thống dây kéo thẳng đứng theo tường tháp, một hệ thống kéo ngôi sao và một hệ thống bảo đảm an toàn cho ngôi sao và công nhân. Sắp xếp xong, tôi đến xin Ban Giám Hiệu 20 người phụ giữ dây chằng hai cánh ngôi sao và ba người có thể leo lên đỉnh tháp phụ cho tôi lắp ngôi sao.

Sáng hôm sau tôi sắp xếp hai bên có 20 người giữ dây chằng, còn ba người leo lên tháp là anh Trần Tưng, Giáo Sư Nguyễn Hồng Giáp và anh Nguyễn Văn Quang. Chỉ chờ quan khách vào đông đủ là tôi ra hiệu cho kéo ngôi sao lên, từ từ theo sát tường. Lúc đó, gió thổi ngôi sao bay như diều ở dưới hai bên dây chằng. Khó khăn lắm mới ghì kéo được ngôi sao vào gần tháp. Lúc đó chúng tôi mới nắm được cánh ngôi sao kéo vào vị trí. Ba người lo giữ ngôi sao để tôi leo ra cánh ngôi sao lắp bù – lơng siết các cánh ngôi sao cho ôm cứng vào cây thánh giá.

Ngày nay đã 30 năm trôi qua, cây thánh giá vẫn đứng vững trong lòng ngôi sao và dang hai cánh tỏ ở ngôi sao đứng sừng sững giữa khung trời đại học.

Đà Lạt, ngày 30 tháng 04 năm 2005 - Hương Bình

Khóa I CTKD - Đại Hội Thụ Nhân Năm 2000

NGỌN LỬA THỤ NHÂN

Đại Hội Thụ Nhân năm 2000 tại quận Cam, California là đại hội đầu tiên cựu sinh viên của Viện Đại Học Đà Lạt trên toàn thế giới về dự. Đại hội Thụ Nhân năm 2000 đã mở đầu cho truyền thống cứ hai năm một lần, cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt sẽ về một nơi nào đó để xum họp. Đến nay cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt đã tổ chức được những đại hội Thụ Nhân sau :

Năm 2000 Quận Cam, California Hoa Kỳ

Năm 2002	San Jose, Hoa Kỳ
Năm 2004	Houston, Hoa Kỳ
Năm 2006	Vancouver BC, Canada
Năm 2008	Washinton DC, Hoa Kỳ
Năm 2010	Melbourne, Australia
Năm 2012	Paris, Pháp
Năm 2014	Montreal, Canada

Ngoài những đại hội Thụ Nhân truyền thống hai năm một lần, để kỷ niệm những năm đặc biệt đánh dấu sự kiện quan trọng của viện đại học Đà Lạt, cựu sinh viên đã tổ chức họp mặt như sau :

Năm 2008	Đà Lạt, Việt Nam để kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Đại Học Đà Lạt, 40 năm ngày ra trường của khóa 1 trường Chánh trị Kinh Doanh.
Năm 2014	Đà Lạt, Việt Nam để kỷ niệm 50 năm thành lập trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt, 50 năm ngày vào trường của khóa 1 trường Chánh trị Kinh doanh.

Những khác biệt về quan điểm là trở ngại cho việc tổ chức đại hội. Chẳng hạn đại hội năm 2000 có tranh luận về việc có nên phát bằng cử nhân cho khóa 8 CTKD không ? (Khóa 8 CTKD là khóa đã thi xong các môn học, đã làm xong bài luận văn tốt nghiệp, chỉ còn ba tháng là chấm dứt học trình 4 năm thì xảy ra biến cố lịch sử 30 tháng tư). Đại hội 2008, 2010, 2012 có tranh luận về việc chào cờ hay không chào cờ Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng nói chung tất cả đại hội đều thành công tốt đẹp. Sự thành công nhờ những yếu tố sau :

* Ban tổ chức có tình yêu đối với Viện đại học Đà Lạt nên đã đem hết tâm trí để tổ chức đại hội.

* Tham dự đông đảo của cựu sinh viên khắp nơi trên thế giới

* Sự tham gia của các nhân tài khắp nơi, nhất là anh chị em giỏi về văn nghệ văn chương.

* Ban tổ chức có khả năng mời gọi sự tham gia của mọi người và phối hợp chương trình hoàn hảo.

Những ngày dự đại hội là những ngày hạnh phúc của tôi. Tôi có thể so sánh con người tôi trong những ngày Đại hội cũng có vài điểm giống như con người tôi trong những đêm ba mươi tết. Trong đêm ba mươi tết tôi thấy tâm hồn tôi trong sạch hơn, tôi thấy tôi độ lượng hơn, nói chung tôi thấy tôi lương thiện hơn những ngày thường. Có sự thay đổi tốt đẹp đó trong tôi, theo tôi nghĩ có lẽ vì trong đêm ba mươi tết, hồn thiêng sông núi, hồn thiêng của tổ tiên bao trùm quanh tôi . Trong những ngày Đại Hội tâm hồn tôi rộng lượng hơn, chan hòa, thân ái với mọi người hơn, thích được phục vụ tập thể hơn. Sở dĩ có sự thay đổi tốt đẹp trong tôi, theo tôi có lẽ vì tất cả những người tham dự từ cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt đến con cháu họ đều đem theo một ngọn lửa nhỏ, một chút hơi ấm của Đà Lạt còn sót lại trong họ. Ngọn lửa và hơi ấm của họ là những câu chuyện về giảng đường Thụ Nhân, Spellman, Hội Hữu, Năng Tĩnh. Ngọn lửa và hơi ấm của họ là những câu chuyện về Đại học xá, đường Võ Tánh, Lữ quán thanh niên, khu Hòa Bình, đồi Cù, ... vv … Nói chung họ đã đem đến cho nhau hơi ấm của nơi họ sống trong những năm đẹp nhất của cuộc đời họ. Họ đã nhận ra và khẳng định rằng

những năm sống tại Viện đại học Đà Lạt là những năm tháng đẹp nhất, hạnh phúc nhất trong cuộc đời họ.

Mặc dầu những quan điểm khác biệt trong nhiều vấn đề, nhất là trong lãnh vực chính trị là trở ngại lớn, tưởng chừng đã dập tắt ngọn lửa Thụ Nhân, nhưng những cựu sinh viên Viện đại học Đà Lạt đã giữ được ngọn lửa Thụ Nhân càng ngày càng bùng cháy to hơn, ấm áp hơn. Làm được điều đó là nhờ Cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt đã xác định và khẳng định họ đã, đang và mãi mãi đứng dưới màu cờ sắc áo Viện Đại Học Đà Lạt. Màu cờ sắc áo Viện Đại Học Đà Lạt là một trong hàng ngàn, hàng vạn màu cờ sắc áo khác của đại gia đình Việt Nam. Màu cờ sắc áo đó tuy không còn, nhưng họ vẫn giữ và cố gắng dựng lại. Đó là lý do tại sao tôi xúc động

Mỗi một Đại Hội đều đóng góp giúp ngọn lửa Thụ Nhân tiếp tục cháy :

Đại Hội 2000 : Thắp ngọn lửa Thụ Nhân thế giới đầu tiên.

Đại Hội 2006 : Kết hợp họp mặt và tham quan du lịch giúp Đại Hội hấp dẫn và phong phú hơn

Đại Hội 2008 : Mở đầu mời gọi được nhiều cựu sinh viên ở Việt Nam tham gia và ấn hành được quyển nội san cho đại hội.

Đại Hội 2010 và Đại Hội 2012 : Tưởng chừng năm 2010 và 2012 không có đại hội Thụ Nhân vì bất đồng về việc chào cờ hay không chào cờ. Ban Tổ Chức Đại Hội 2010 và 2012 đã từ chức. Nhờ những anh chị không đành lòng nhìn ngọn

lửa Thụ Nhân tàn lụi đã ra tay giữ cho ngọn lửa Thụ Nhân vẫn cháy.

Đại Hội 2014 : Thành công lớn nhờ ban tổ chức gồm anh chị có bản lãnh và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ được tập thể giao phó. Đại Hội 2014 đã giúp giảm thiểu tầm quan trọng của những bất đồng quan điểm để chú trọng vào tình thân hữu. Đại Hội 2014 đã khai thông cho những Đại Hội Thụ Nhân sau không còn vướng mắc vì vấn đề bất đồng quan điểm.

Tôi chân thành cám ơn Ban Tổ Chức các Đại Hội Thụ Nhân, Ban Tổ Chức Hội Ngộ Thụ Nhân vào những năm trọng đại của Viện Đại Học Đà Lạt, Ban Điều Hành Thụ Nhân Net, Ban Điều Hành Hội Ái Hữu. Anh chị đã giữ được ngọn lửa Nhân vẫn cháy đến hôm nay. Cám ơn, cám ơn, cám ơn …….

Nửa thế kỷ sau này, tất cả cựu sinh viên Viện đại học Đà Lạt gặp nhau nơi miền vĩnh cửu. Nửa thế kỷ sau này hy vọng chế độ Cộng Sản không còn thống trị đất nước Việt Nam. Nhưng chắc chắn rằng nửa thế kỷ sau này tại số 01 đường Phù Đổng Thiên Vương, Đà Lạt vẫn có Đại Học Đà Lạt. Trong quyển lịch sử của đại học này vẫn ghi rằng :

* Năm 1958 : Thành lập Viện Đại Học Đà Lạt

* Năm 1964 : Thành lập phân khoa Trường Chánh Trị Kinh Doanh

* Năm 1975 : Đổi tên thành Trường Đại Học Đà Lạt

* Năm 2??? : Đổi tên thành ????? Đại Học Đà Lạt

* Năm 2??? : Tái lập lại tinh thần Thụ Nhân đã đư ợc đề xướng từ năm 1964 (đây là mong ước của cá nhân tôi) và ngọn lửa Thụ Nhân lại bùng cháy to hơn, ấm áp hơn.

HOA MIMOSA

Mùa xuân khi hoa đào bắt đầu nở, vợ tôi thường hỏi tôi :" Hoa đào Đà Lạt có đẹp bằng hoa đào ở đây không ? Màu hồng của hoa đào Đà Lạt có giống mầu hồng hoa đào ở đây không ?" Vợ tôi cố tìm trong ký ức xem màu hồng của hoa đào Đà Lạt như thế nào, nhưng cô nàng

không thể nào nhớ được. Nên mỗi khi mùa xuân về, nàng nhìn những cánh hoa đào đầu tiên nở, nàng lại hỏi tôi :" Hoa đào Đà Lạt có đẹp bằng hoa đào ở đây không?". Câu trả lời của tôi vẫn thường là :" Hoa đào ở đây thiếu nắng nên không đẹp bằng hoa đào Đà Lạt. Nắng xuân ở đây hiếm hoi và đầy những hơi lạnh của mùa đông nên hoa đào ở đây không tươi, không thắm. Nắng xuân Đà Lạt là nắng ấm miền nhiệt đới được trộn với hơi sương của miền cao nguyên nên nắng xuân Đà Lạt dịu dàng đủ làm cho hoa đào Đà Lạt tươi thắm. Chắc chắn hoa đào Đà Lạt đẹp hơn hoa đào ở đây bội phần …". Vợ tôi thường ngắt lời tôi :" Tôi chỉ muốn biết màu hồng của hoa đào Đà Lạt như thế nào. Màu hồng hoa đào Đà Lạt đậm hơn hay nhạt hơn so với mầu hồng của hoa đào nhà ông John ?". Câu hỏi này làm tôi thật lung túng. Ông John là hàng xóm chung hàng rào với nhà tôi. Vài buổi sáng vừa thức dậy, kéo màn cửa sổ, tôi giật mình đ ến tỉnh ngủ. Cây đ ào p hủ đầy hoa sừng sững trước mặt tôi. Tôi cau mày nhìn cây đào m ột lúc. Sở dĩ tôi cau mày nhìn cây đào vì tôi có cảm tưởng cây đào đang thách thức tôi. Cây đào như cố phô trương tất cả những cái đẹp của nó cho tôi thấy. Tôi có cảm tưởng như nó nói với tôi :" Anh đừng tưởng chỉ Đà Lạt của anh mới có hoa đào đẹp. Hãy nhìn tôi đây này. Tôi cũng đẹp chẳng kém gì hoa đào Đà Lạt của anh ". Một vài buổi sáng sớm tôi ra vườn, trong cảnh im lặng của khu vực tôi đang ở, nắng sớm mới lên trong vườn nhà tôi, nhìn những cánh hoa đào của nhà ông John nằm trên sân nhà tôi, tôi ngẩn ngơ tưởng mình đang s ống ở Đà Lạt. Những cánh hoa đào sống khi còn ở trên cây và vẫn còn sống khi nằm trên mặt đất. Nhìn những cánh

hoa đào mỏng manh nằm trên mặt đất, tôi thấy những cánh hoa đào vẫn còn đầy sức sống. Màu hồng của những cánh hoa đào đã thu hút tôi khi đến tôi quên hẳn cảnh vật chung quanh. Trong giây phút đó, tôi sững sờ tưởng như mình đang đứng ở một nơi nào đó tại Đà Lạt. Tôi không bao giờ nhìn cây đào của ông John một thời gian lâu. Tôi không nhìn nó lâu không phải vì tôi sợ nó quyến rũ tôi. Tôi biết chắc chắn rằng nó không thể nào quyến rũ được tôi để đến nỗi tôi quên cái đẹp của hoa đào Đà Lạt. Cây đào của ông John chỉ gợi sự nhớ nhung quê hương trong lòng tôi. Đó là lý do tại sao tôi không dám nhìn hoa đào của ông John lâu. Tôi trả lời câu hỏi của vợ tôi :" Ở Seattle hiếm có một cây hoa đào đẹp như cây hoa đào của ông John. Seattle có quá nhiều loại hoa đào. Cây hoa đào cuả ông John là cây hoa đào quí và hiếm có ở Seattle. Còn Đà Lạt chỉ có một loại hoa đào. Màu hồng của hoa đào Đà Lạt đẹp hơn màu hồng của hoa đào nhà ông John ". Vợ tôi nói :" Tôi chỉ muốn biết màu hông hoa đào Đà Lạt đậm hơn hay nhạt hơn màu hồng hoa đào nhà ông John ". Tôi bị vợ tôi đẩy vào chân tường. Tôi trả lời :" Màu hồng của hoa đào nhà ông John cũng gần giống màu hoa đào Đà Lạt …". Dĩ nhiên vợ tôi không thỏa mãn với câu trả lời của tôi.

Mùa xuân năm nay hoa đào nhà ông John bắt đầu nở. Buổi sáng chủ nhật tôi đang ở ngoài vườn thì vợ tôi gọi tôi vào nhà. Vợ tôi nói :" Anh bảo hoa đào Đà Lạt đẹp hơn hoa đào ở đây. Tôi vừa nói chuyện bằng điện thoại với chị Trâm. Chị Trâm bảo hoa đào ở đây đẹp hơn hoa đào Đà Lạt nhiều. Chị nói hoa đào ở đây đẹp đến nỗi chị ngắm mãi mà không chán. Tôi tin chị Trâm nói đúng. Anh chỉ học ở Đà Lạt có bốn năm. Còn chị Trâm

là người sống ở Đà Lạt từ bé và chỉ dời Đà Lạt mới có sáu năm …". Tôi ngắt lời vợ tôi :" Chị Trâm có nói màu hồng của hoa đào Đà Lạt thế nào không ?" Vợ tôi lắc đầu. Tôi nói với vợ tôi :" Đẹp, xấu đôi khi tùy tâm tình của mỗi người. Một cây hoa đào đứng một mình ngoài đồng nội không đẹp bằng một bông hoa dại giữa cánh đồng. Một cây hoa gạo đầu làng giá trị hơn một cây hoa đào cũng được trồng ở đầu làng. Hoa đào Seattle được đặt trong một bầu trời xám ngắt, lạnh và ướt. Những cơn mưa ở Seattle không phải là những cơn mưa bụi. Hoa đào mong manh và mau tàn. Được sống trong một không gian lạnh ướt và xám xịt, hoa đào Seattle khó có thể làm xúc động được lòng người dù màu hồng của hoa đào nhà ông Johnũng r ất đẹp. Còn hoa đào Đà Lạt được sống dưới ánh nắng ấm áp của mùa xuân, trong một bầu trời trong xanh của miền cao nguyên xanh tươi và khô ráo. Hoa đào Đà Lạt phô trương được tất cả vẻ đẹp khiến lòng người phải mê mẩn vì hoa ". Tôi ngừng rồi chậm rãi nói tiếp :" Muốn yêu hoa đào Seattle có lẽ anh phải chờ kiếp sau. Kiếp sau nếu anh được đầu thai làm người Seattle thì có lẽ anh mới yêu, mới xúc động khi nhìn hoa đào khoe sắc trong cơn mưa lê thê và bầu trời xám. Còn kiếp này thì không thể vì anh đã tr ót yêu hoa đào Đà Lạt ". Tôi không thể quên được cảm giác hồi hộp xúc động của tôi, khi chiếc xe đò chở tôi vượt qua đèo Prenn, vượt qua thác Datanla và vào thị xã Đà Lạt. Nhìn những cây hoa đào rực nở thấp thoáng trong vườn của những biệt thự, tôi xúc động đến muốn khóc.

Nhưng Đà Lạt đẹp không phải chỉ nhờ vào hoa đào, mặc dù Đà Lạt được mệnh danh là xứ Hoa Đào. Còn m ột

loại hoa nữa giúp Đà Lạt làm say đắm du khách là hoa Mimosa. Mimosa có hai loại : Mimosa Nhật và Mimosa Việt Nam. Tôi muốn nói đến Mimosa Việt Nam. Tôi còn nhớ cây Mimosa Việt Nam trước cửa phòng tôi ở Lữ Quán Thanh Niên. Ngắm cây Mimosa tôi có cảm tưởng có hàng ngàn con ngan mới nở được thu nhỏ bằng đầu ngón tay út đang ở trên cây. Màu vàng của hoa Mimosa cũng tương tợ như màu vàng mơn mởn của lông những con ngan mới nở. Màu vàng của Mimosa đã làm nổi bật màu hồng của hoa đào và màu xanh của bầu trời Đà Lạt, màu xanh của thông và màu xanh của núi Lâm Viên. Dáng của cây Mimosa đẹp hơn dáng cây Dogwood ở Seattle. Hoa Mimosa lại rất lâu tàn. Lá của Mimosa cũng đẹp hơn lá Anh Đào.

Tôi còn nhớ toán Hướng Đạo Thụ Nhân được cha Viện Trưởng thuê cắt cỏ và dọn sạch quanh hàng rào viện. Làm xong công tác này tôi có hai điều áy náy trong lòng. Thứ nhất là Trương Viên cho chúng tôi biết : Trước đó hai ngày các bác lao công trong viện lãng công đòi tăng lương. Cha viện trưởng mướn chúng tôi để thay thế họ trong công việc này. Thứ hai là tôi được giao nhiệm vụ đốn tận gốc một cây Mimosa rất đẹp. Tôi hỏi anh tráng trưởng Lê Đường :" Tại sao lại chặt cây Mimosa này ? Chặt cây Mimosa này thì quá uổng ". Anh Lê Đường trả lời :" Cha Viện Trưởng bảo chặt tất cả các cây, chỉ để lại những cây hoa Anh Đào. Chúng mình cứ làm theo ý muốn của cha Lập ". Mấy ngày sau khi dọn dẹp, nhìn hàng rào viện, tôi thấy phong cảnh trở nên nghèo nàn và tẻ nhạt. Những cây Anh Đào chưa có hoa đứng trơ trọi như những phụ nữ đã tàn phai nhan

sắc. Phải chờ đến khi hoa Anh Đào nở thì hàng rào viện sáng sủa được một tháng và khi Anh Đào tàn thì hàng rào viện lại tẻ nhạt trong mười một tháng. Nếu trồng cả một vườn toàn cây anh đào thì có thể không cần trồng thêm những cây khác vườn vẫn đẹp. Năm mười cây anh đào trồng cách xa nhau thì cần có những cây khác chen vào để phong cảnh được phong phú linh động. Một rừng cây phong trụi lá trong mùa thu vẫn thấy đẹp. Năm mười cây phong không lá đứng xa cách nhau thì không thành một bức tranh. Tôi tiếc những cây Mimosa bên hàng rào viện. Hoa Mimosa đứng cạnh hoa đào thì đúng là bức tranh Thúy Kiều, Thúy Vân. Hoa đào đẹp như nàng Kiều, còn hoa Mimosa đẹp dịu dàng như nàng Vân.

Ở Seattle tôi thấy hoa anh đào, nhưng tôi chưa thấy hoa Mimosa. Một hôm Lê Nhung dẫn tôi đến tiệm bán mỹ phẩm của người bạn gái của Nhung. Nhìn bảng Mimosa tôi thấy bực tức trong lòng. Tôi định nói với Nhung :"Mày nói với bà Hoàng tháo bảng hiệu xuống. Màu vàng của hoa Mimosa đâu có phải là màu vàng nhợt nhạt như thế kia. Cái bảng hiệu làm giảm giá trị của hoa Mimosa". Ở Seattle không có cây Mimosa, người ta nhìn chữ Mimosa được vẽ bằng loại sơn màu vàng nhạt bệnh hoạn thì làm sao người ta có thể nói hoa Mimosa là loài hoa đẹp. Chị Hoàng chủ tiệm Mimosa làm tôi bực tức, còn nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng thì lại làm tôi ấm ức trong lòng cũng chỉ vì hoa Mimosa. Một buổi tối, Lê Nhung và tôi đến Gorge Town Inn để đón Nguyễn Đức Quang Du Ca về nhà tôi. Vào phòng khách của Georgetown Inn, tôi thấy bốn người nữa ngồi chung bàn

với Quang Du Ca. Tôi đoán họ đều là nhạc sĩ bạn của Quang Du Ca vì Quang Du Ca đã được mời chấm thi cho giải ca sĩ Tượng Vàng của ông Quốc Nam. Quang Du Ca chỉ một người đàn ông chạc 60 tuổi và hỏi tôi :" Mày nhớ anh này không ? ". Tôi lắc đầu :" Không nhớ nổi ". Quang Du Ca nói :" Nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng". Đây là lần đầu tiên, tôi được gặp nhạc sĩ Anh Việt tác giả bản nhạc bất hủ Bến Cũ, một bản nhạc tôi rất thích. Tôi chỉ nghe danh anh Anh Việt chứ không biết anh, mặc dù anh là bạn đồng môn của tôi. Nhạc sĩ Anh Việt là sinh viên khóa I CTKD như tôi. Sở dĩ tôi không biết anh vì hai lý do. Lý do thứ nhất là anh Anh Việt là sinh viên hàm thụ, còn tôi là snh viên thực thụ. Lúc là sinh viên năm I, anh đã là đại tá làm việc tại bộ quốc phòng ở Sài Gòn. Dođó th ỉnh thoảng , anh mới từ Sài Gòn lên Đà Lạt dự lớp. Lý do thứ hai là anh học chuyên nghành về Kinh Doanh, còn chuyên nghành của tôi là Chính Trị.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về Đà Lạt. Tôi buột miệng nói :

- Đà Lạt và Seattle có nhiều cái giống nhau. Giống nhau về phong cảnh, giống nhau về con người. Seattle chỉ thiếu một điều là Seattle không có hoa Mimosa …".

Anh Anh Việt ngắt lời tôi :

- Seattle có hoa Mimosa. Tôi đi Tacoma, tôi thấy một rừng hoa Mimosa vàng rực.

Tôi định nói :" Anh lầm rồi …", nhưng tôi không nói vì anh Anh Việt và tôi không quen biết gì nhau từ trước đây và tôi biết tôi có thói xấu là hay bị xúc động lúc tranh cãi. Anh Anh Việt lầm thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Ở Việt Nam, anh ít lên Đà Lạt, mà có lên Đà Lạt anh cũng chỉ ngồi trong xe ô tô đi quanh thành phố, chứ

không cuốc bộ hang cùng ngõ hẻm như tôi. Sang Mỹ, anh Anh Việt không sống ở Seattle mà định cư ở Cali. Anh Anh Việt đã lầm cây Mimosa với cây hoa vàng dại mà tôi không biết tên. Cây hoa vàng dại mọc đầy dọc theo xa lộ 5 ở Seattle. Có lẽ vì nhạc sĩ Anh Việt quá yêu Đà Lạt và hoa Mimosa nên cứ thoáng thấy cây nào ở xứ lạnh mà hơi giống cây Mimosa và hoa màu vàng thì anh cho cây ấy là cây Mimosa chăng ? Màu vàng của hoa Mimosa khác hẳn với màu vàng của các loài hoa khác. Dù cây Mimosa trồng thành rừng thì màu hoa Mimosa cũng không làm thành một bức tranh màu vàng rực. Màu vàng của hoa Mimosa là màu vàng dịu dàng, không giống màu vàng quê kệch của đám cây mọc dọc theo xa lộ 5. Dáng cây Mimosa cũng khác với dáng của những cây dại mọc dọc theo xa lộ 5. Dáng cây Mimosa cao và có nhiều cành xòe nhỏ nhỏ ững cái tán tròn thanh nhã khác hẳn với dáng lúp xúp của những cây hoa dại dọc theo xa lộ 5. Trên đường về nhà tôi, Nhung nói :

- Tao ở Seattle gần 20 năm, tao chưa hề thấy cây Mimosa. Nhạc sĩ Anh Việt lầm Mimosa với cây hoa vàng dại mọc đầy dọc xa lộ.

Đà Lạt có rừng thông, có núi Lâm Viên, có hồ Xuân Hương, có hoa đào, có sương mù. Seattle cũng có rừng thông bát ngát xanh tươi, Seattle có ngọn Rainier cao chót vót quang năm tuyết phủ, Seattle có hồ Washington mênh mông như một vịnh nhỏ, Seattle có hoa đào, Seattle có sương mù huyền ảo. Seattle còn nằm bên bờ biển Thái Bình bao la bát ngát. Nhưng Seattle không có hoa Mimosa.

Tôi nhớ lại đêm Dạ Vũ của Đại Hội Thụ Nhân năm 2000. Tối hôm đó nghe Phong Râu hát bài " Cúc cù ru

cù rú Pa Lố Ma ", tôi đã khóc. Lúc đó, đối với tôi, không một ca sĩ nào trên thế giới hát bài này hay hơn Phong Râu. Tôi biết rằng, tôi nghe Phong Râu hát không phải bằng tai tôi mà bằng trái tim của những sinh viên khóa I trường Chính Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt. Tôi cũng biết rằng tôi đã nhìn quê hương tôi không phải bằng mắt mà bằng trái tim của những người Việt Nam tha hương. Tôi nhớ Đà Lạt, tôi nhớ những người bạn thân thương của tôi. Họ là những bông hoa Đào, họ là những bông hoa Mimosa, họ là những bông hoa Hồng, họ là những bông hoa Forget Me Not, họ là những bông hoa Pensée, họ là những bông hoa Tulip, họ là những bông hoa Huệ, họ là những bông hoa Lan … Nếu hỏi tôi tại sao tôi yêu quê hương tôi, tại sao tôi yêu em, tại sao tôi lại thấy hoa Đào Đà Lạt đẹp, tại sao tôi bảo Phong Râu là ca sĩ hát bài "Cúc cù rú cù rú Paloma" hay nhất thế giới. Tôi xin trả lời :" Bởi vì tôi là Quang Già Cơ ngu si khờ dại ". Trả lời xong, tôi mỉm cười sung sướng. Hoa Mimosa và hoa Đào đang nở trong trái tim mang nặng tình thương yêu Đà Lạt của tôi …

HUẾ THÁNG 8, NĂM 2013

Mở đầu những bức thư trong quyển Những Lá Thư Màu Xanh xuất bản trước 1975, nhà văn Văn Quang viết : Nam Giao có mưa không em ?. Tôi về thăm Huế trong mùa hè nắng gắt. Huế không mưa, nhưng dường như có những cơn mưa trong lòng tôi.

Bạn tôi nói về Huế :" Cái cũ mất đi, cái mới chưa có ". Bạn tôi giải thích :" Lăng tẩm còn đó, nhưng người ta ăn nhậu trong các lăng. Ngày xưa, các bà bán rau, bán bún cũng mặc áo dài đã tạo nên phong cách Huế. Ngày nay, chiếc áo dài biến mất trên đường phố Huế, trong các chợ Huế. Ngày xưa, chỉ có khu Lạc Sơn trước chợ Đông Ba là nơi thanh niên ngồi uống cà phê và ăn bún bò, hủ tíu trên vỉa hè thành phố. Ngày nay, trên vỉa hè nhiều con đường, dân chúng thành phố Huế ăn nhậu vô tư. Cái mới to đẹp của Huế quá ít so với thành phố khác như Đà Nẵng, Long Xuyên, Cần Thơ, Sông Bé, Nha Trang, Đà Lạt …..".

Tôi trở lại Huế năm 2013 và ở lại Huế 10 ngày. Ở Huế trong thời gian dài, nhưng tôi chỉ đi vài nơi quanh thành phố Huế. Tôi đi quanh thành phố Huế như một người cưỡi ngựa xem hoa. Cưỡi ngựa xem hoa nghĩa là chỉ nhìn thoáng qua bề ngoài thường không chính xác, sâu sắc. Nhưng đôi khi những cái bắt gặp tình cờ thoáng qua cũng có cái thú vị và gợi lại những kỷ niệm đẹp ngày xưa.

Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như truyện một đêm mưa
(Đôi Bờ - Quang Dũng)

Cầu Tràng Tiền

Tôi đi bộ qua cầu Tràng Tiền ba lần ở những thời điểm khác nhau về giờ và ngày, ba lần đi qua và ba lần đi về. Trên đường dành riêng cho người đi bộ chỉ có tôi và vài

du khách người Âu Mỹ hoặc Nhật Bản hay Đại Hàn. Một lần duy nhất tôi thấy một bà cụ Việt Nam khoảng 85, 90 tuổi ngồi một chỗ ở gần giữa cầu. Quanh cụ là những đồ lỉnh kỉnh. Cụ mặc chiếc áo dài bạc màu. Cụ ngửng mặt nhìn tôi. Mặt cụ thật bình thản, nhân hậu, tươi tắn không có vẻ gì là nghèo nàn hay khắc khổ của người ăn xin. Ngày xưa cụ là một mỹ nhân ? Tôi biếu cụ một ít tiền. Tôi nghe giọng Huế đặc sệt :"Cảm ơn, cảm ơn".

Ngày xưa trước 1975, những tà áo trắng của nữ sinh Đồng Khánh đi bộ trên cầu Tràng Tiền đến trường hay về nhà đã là đề tài cho nhiều văn nhân, thi sĩ, nhiếp ảnh gia. Ngày nay, dường như đường đi bộ của cầu Tràng Tiền chỉ dành riêng cho du khách nước ngoài. Có thể là tôi đi qua cầu Tràng Tiền vào dịp nghỉ hè, không phải vào những ngày đi học nên không có cô nữ sinh nào trên cầu chăng ? Nhưng tôi đoán những ngày đi học cũng gần giống những ngày hè trên cầu Tràng Tiền. Trên đường Lê Lợi, con đường đẹp nhất Huế, cũng chỉ có tôi và vài người du khách ngoại quốc vai mang ba lô rảo bước. Theo tôi, lý do có ít người Việt đi bộ trên cầu Tràng Tiền vì ngày nay mức sống của người dân Huế cao hơn ngày xưa. Người lớn có xe gắn máy, trẻ em có xe đạp. Người lớn và học trò không còn đi bộ như ngày xưa. Mừng cho dân Huế đã giải phóng được đôi chân.

Bạn tôi nói lý do của tôi đưa ra có thể đúng, nhưng không phải là nguyên nhân quan trọng. Nguyên nhân sâu xa là người dân Huế thất vọng chính quyền mới đã làm mất tính chất thơ mộng và lãng mạng của cầu Tràng Tiền. Bạn tôi giải thích : Ngày xưa, trên con đường dành cho người đi bộ của cầu Tràng Tiền có những khoảng rộng hình vòng cung giống như cái ban công. Hình vòng cung tạo đường nét làm cho chiếc cầu đẹp và duyên dáng. Người bộ hành dừng lại và đứng trên

những ban công này để ngắm dòng sông. Ban công cũng là điểm hẹn hò của những đôi trai gái … Không phải vì không có xe gắn máy hay xe đạp mà ngày xưa nữ sinh hay người dân Huế phải đi bộ qua cầu Tràng Tiền. Người dân Huế thời xưa thích đi bộ trên cầu vì cầu Tràng Tiền đẹp, thơ mộng và lãng mạng. Sau 1975, chính quyền không sửa lại một nhịp cầu bị đặt mìn đánh sập trong biến cố tết Mậu Thân 1968. Chính quyền cho sửa lại toàn bộ. Đường đi bộ của cầu là một đường thẳng, không còn những ban công. Cầu Tràng Tiền không còn đẹp và duyên dáng như xưa. Không còn ai thích đứng trên cầu để ngắm dòng sông, do đó ngày nay hiếm còn thấy người dân Huế đi bộ qua cầu Tràng Tiền.

Cầu Tràng Tiền trước 1975

Lấy trên net

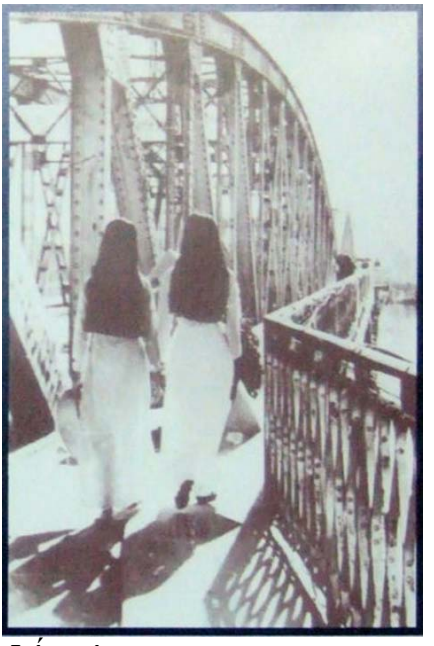

Lấy trên net

Cầu Tràng Tiền – Xuân Mậu Thân 1968

Cầu Tràng Tiền sau 1975

Cầu Tràng Tiền sau 1975 - Lấy trên net

Quán Thịt Chó

Năm 2006, em tôi đưa tôi vào quán giải khát Không Gian Xưa trên dốc Nam Giao. Tôi nói với em tôi

- Bây giờ người ta chuộng cổ, tiếc xưa nên đặt toàn tên hoài cổ. Quán giải khát Không Gian Xưa, khách sạn Cung Đình xây chẳng khác chi cung vua, phủ chúa, chè cũng có tên chè Cung Đình …
- Anh muốn em đưa anh đi xem Không Gian Ngày Nay không ?

Tôi gật đầu.

Em tôi đưa tôi đến ăn ở tiệm phở trên đường Lê Lợi gần trường Đại Học Luật ngày xưa. Tiệm phở Gia Truyền Nam Định. Tôi hỏi em tôi:

- Không Gian Ngày Nay đây à ?
- Không phải. Trước 75 cũng có một tiệm phở trên đường Trần Hưng Đạo gần rạp chiếu bóng Tân Tân. Phở thì có chi lạ với dân Huế mình. Ăn xong, em đưa anh đến Không Gian Ngày Nay.

Đi về phía cầu Bạch Hổ, chúng tôi đi đến một ngã ba, chưa đến cầu Lòn. Rẽ vào đường Tôn Thất Tùng, em tôi đậu xe ngay trước một quán khá đông khách. Tôi nhìn tấm bảng hiệu : CẦY TƠ. Em tôi nói với tôi:

- Đây mới thật là Không Gian Ngày Nay. Mời anh vô thưởng thức.
- Chú mới cho anh ăn phở no rồi. Để khi khác.

Trên đường về nhà, em tôi nói:

- Huế là đất Phật. Trước đây, Huế làm chỉ có quán bán thịt chó. Năm 1954, một triệu người Bắc di cư vô miền Nam. Các quán thịt cầy có nhiều tại Sài Gòn, Biên Hòa. Huế vẫn không có quán bán thịt chó. Sau năm 1975, miền Bắc chiến thắng miền Nam. Huế có quán bán thịt chó, khẳng định sự chiến thắng của miền Bắc. Em đếm được có ít nhất năm quán. Hai ở Long Thọ, hai trên đường đi đến các lăng và quán anh vừa thấy. Còn ở đâu nữa thì em không biết...

Năm nay 2013, đi qua đường Tôn Thất Tùng, tôi không thấy quán Cầy Tơ. Một cơ sở sản xuất tôn thay chỗ quán Cầy Tơ. Ảnh hưởng miền Bắc đã bị đẩy lùi. Huế vẫn giữ được phong cách của đất Phật. Em tôi cho biết hiện nay chỉ còn một quán bán thịt chó tại vùng Long Thọ.

Đền Huyền Trân Công Chúa

Năm 2006, em tôi đưa tôi đi qua đường Huyền Trân Công Chúa nay đổi tên là Bùi Thị Xuân . Chính quyền mới đổi tên trường Đồng Khánh thành trường Hai Bà Trưng thì hợp lý. Thay tên đường Huyền Trân Công Chúa bằng tên Bùi Thị Xuân thì tôi không hiểu được. Tôi hỏi em tôi :

- Thay tên đường Huyền Trân Công Chúa thành Bùi Thị Xuân, nhà nước không sợ hai bà xích mích sao.

- Lo chi anh, hai vị nữ anh hùng chấp chi những truyện nhỏ nhặt. Nhà nước đang cho xây dựng đền Huyền Trân Công Chúa to đẹp. Xây dựng đền Huyền Trân Công Chúa thực hiện được cả hai mục đích : Con cháu biết Huyền Trân Công Chúa có công trong việc mở mang lãnh thổ về phương Nam mà không đổ một giọt máu của dân Việt và đền của Huyền Trân Công Chúa sẽ là địa điểm thu hút khách du lịch.

Trong tuyển tập Tượng Đài Sông Hương của những nhà văn Thừa Thiên Huế xuất bản sau năm 1975 có một bài đề nghị xây dựng tượng đài sông Hương. Tác giả đề nghị xây dựng tượng bốn người : Huyền Trân Công Chúa, Ngọc Hân Công Chúa, Bùi Thị Xuân, còn một người nữa cũng thuộc phái nữ tôi quên tên. Nay thì Huế đã xây không phải là tượng đài mà là đền đài Huyền Trân Công Chúa trang nghiêm, uy nghi trên vùng đất thông đẹp. Theo tôi, xây dựng đền Huyền Trân Công Chúa cho sông Hương là đủ. Một dòng sông chỉ có một vị thần. Nhiều thần quá thường xảy ra những điều không tốt đẹp. Những việc không tốt đẹp không phải do các vị thần mà do con người gây ra. Huyền Trân Công Chúa xứng đáng là thần của dòng sông Hương. Châu Ô và Lý trong đó có thành phố Huế là do người đem về cho dân tộc Việt mà không phải động đến binh đao.

Năm 2013, tôi đến thăm đền Huyền Trân Công Chúa. Đền Huyền Trân Công Chúa được khánh thành ngày 26 tháng 3 năm 2007. Đền Huyền Trân Công Chúa cách Huế khoảng 7 km phía Nam sông Hương. Đền của người được xây cất trên núi Ngũ Phong thuộc phường An Tây. Bao quanh đền là núi đồi trùng điệp, rừng thông xanh.

Đền Huyền Trân Công Chúa – Hình lấy trên net

Phần chính của đền gồm : Đền thờ Công Chúa , tượng ni sư Hương Tràng pháp danh của Huyền Trân Công Chúa, vườn bồ đề có tượng Phật Di Lặc, đền thờ vua Trần Nhân Tông, những bậc thang dẫn lê n đỉnh núi có tháp Chuông Hòa Bình.

Tôi thắp hương kính cẩn vái lạy người. Người là hiện thân của mẹ Âu Cơ. Hiện thân của sự hy sinh và lòng chung thủy. Tôi không bao giờ tin những câu truyện thêu dệt về người. Tôi yêu bài hát *Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi* của nhạc sĩ Phạm Duy đã tả hình ảnh người, tâm tình của người trong việc thực hiện nhiệm vụ được vua cha Trần Nhân Tông giao phó một sứ mạng lịch sử giữa hai dân tộc Việt – Chiêm. :

Nước non ngàn dặm (à a a) ra đi
Nước non ngàn dặm (à a a) ra đi
Dù đường thiên lý xa vời
Dù tình cô lý chơi vơi
Cũng không dài bằng lòng thương mến người

Bước đi vào lòng (ừ ư ư) muôn dân

Bước đi vào lòng (ừ ư ư) muôn dân
Bằng hồn trinh nữ mơ màng
Bằng tình say đắm ơi chàng
Ước nuôi dân hòa bình trong ái ân

Nhưng ánh Tháp vàng
Cây quế giữa rừng
Chỉ một mùa tang là hương là sắc (ứ) tan
Tàn cả tình yêu
Vì hận còn gieo
Đất nước cháy theo với ngọn lửa thiêu

Mới hay tình nhẹ (è e e) như tơ
Mới hay tình nhẹ (è e e) như tơ
Mộng ngoài biên giới mơ hồ
Chẳng ngăn được sóng vỡ bờ
Với đêm mờ hồn về trên Tháp ma

Đường lên đỉnh núi có tháp chuông Hòa Bình, chúng tôi phải bước lên những bậc thang bằng đá. Đường ngoằn ngoèo và dài. Chúng tôi phải nghỉ hai lần mới lên tới đỉnh núi. Tôi không đếm có bao nhiêu bậc thang. Người em cột chèo cho biết, anh ta đếm được có tất cả 246 bậc. Giữ tháp chuông là một người đàn ông khoảng 60 tuổi. Hàng ngày ông ta lên đỉnh núi lúc 7 giờ sáng và xuống núi lúc 5 giờ chiều. Du khách được thỉnh chuông Hòa Bình. Lúc đó không có du khách, chỉ có vợ chồng tôi và người em cột chèo nên tôi có thời giờ rộng rãi để thỉnh chuông. Tôi nói với người giữ chuông :

- Thưa ông, tôi xin thỉnh ba tiếng chuông được không ạ ?
- Dạ được. Ông thỉnh ba lần để cầu cho hòa bình thế giới, quốc gia an lạc và bản thân an vui ?
- Cám ơn ông. Ông nói đúng ý muốn của tôi

Tháp Chuông Hòa Bình – Hình lấy trên net

Tôi kính cẩn vái chuông và khấn :

" Chiến tranh loạn lạc khắp thế giới : Syria, Irak, Aghanistan, Somalie, Nam Bắc Hàn, Biển Đông … Cầu xin : Thế Giới Hòa Bình - Tôn Giáo Hòa Đồng - Chủ Nghĩa Đại Đồng – Màu Da Bình Đẳng " Tiếng chuông thứ nhất

" Chính quyền Việt Nam thường đưa ra hình ảnh một nước Việt Nam ổn định về chính trị, không có nạn khủng bố, một xã hội an bình. Trên mặt nước phẳng lặng có những con sóng ngầm cực lớn : Tranh đấu đòi tự do dân chủ - Tranh đấu chống tham nhũng - Tranh đấu của những người mất ruộng đất - Nạn anh hùng Lương Sơn Bạc nổi khắp các địa phương - Tranh chấp tôn giáo âm ỉ - Nạn ngoại xâm từ phương Bắc … Cầu xin : Đất nước c sản sinh ra bậc anh hùng kiệt xuất về chính trị, ngoại giao và quân sự như Lý Nhân Tôn, Trần Nhân Tông, Trần Hưng Đạo, Quang Trung, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi, Ngô Thời Nhậm, Chúa Tiên Nguyễn

Hoàng …, những nhà giáo dục, văn hóa như Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm, La Sơn Phu Tư, Lê Quí Đôn, Nguyễn Du .., những nhà cải cách như Nguyễn Tường Tộ, Phan Châu Trinh … Nếu không, đất nước Việt Nam sẽ bị nhận chìm trong cơn đại hồng thủy. Cầu xin, cầu xin ". Tiếng chuông thứ hai.

" Vợ chồng khắc khẩu thường hay cãi nhau. Về già tưởng không còn sức để cãi nhau. Lớn tuổi đầu óc hay quên, tai lãng, tính tình thất thường nên thường quên hay làm sai những lời vợ dặn. Thật tình là quên hay không nghe rõ, nhưng vợ thì quả quyết cho rằng giả đò quên để trốn việc. Cầu xin : Cãi nhau thì cãi nhưng vẫn thương yêu quí trọng nhau để con cháu vui vẻ xum vầy ". Tiếng chuông thứ ba.

Đường Trịnh Công Sơn

Năm 2006, tôi đã nghe chính quyền sẽ làm một con đường chạy dọc theo bờ sông Hương từ cầu Gia Hội đến tận Bao Vinh. Người dân có nhà trên đường Chi Lăng dọc theo bờ sông Hương rất vui mừng. Họ vui mừng vì những lý do : Thứ nhất, nhà của họ sẽ có hai mặt tiền. Một mặt tiền trên đường Chi Lăng và một mặt tiền trên con đường sẽ mở. Chắc chắn nhà của họ sẽ lên giá. Thứ hai, khi đường này hoàn thành, các nhà đầu tư bỏ tiền vào xây dựng những công trình thì con đường sẽ là đường đẹp nhất Huế. Dân chúng có thể mở cửa hàng, quán xá. Thứ ba, được nhà nước bồi thường cho việc cắt đất làm đường.

Nay con đường có tên là Trịnh Công Sơn. Đọc trên báo điện tử Huế : " *Trong cuộc họp chiều 17 tháng 3 năm 2012, Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã chính thức thông qua việc đặt tên của cố nhạc sĩ Trịnh*

Công Sơn cho con đường mới mở ven sông Hương thuộc phường Phù Cát, Huế ".

Về Huế năm 2013, tôi đi trên đường Trịnh Công Sơn vào khoảng 5 giờ chiều. Đường Trịnh Công Sơn hoàn thành chưa được một nửa. Đoạn hoàn thành từ cầu Gia Hội cho tới đường Nguyễn Bỉnh Khiêm dài khoảng hơn một cây số. Còn đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh Khiêm đến Bao Vinh thì chưa khởi công. Một anh bạn cho biết lý do phải ngừng dự án vì hết tiền và chưa có nhà đầu tư nào bỏ tiền cho con đường. Tôi hỏi bao giờ tiếp tục hoàn thành con đường ? Anh bạn tôi trả lời " Hỏi trời ".

Trên đoạn đường hơn một cây số chỉ có khoảng một trăm mét ở đoạn cuối đến đường Nguyễn Bỉnh Khiêm là không có hàng quán giải khát và ăn nhậu. Tôi hỏi một vài người Huế : "Tại sao lại cho mở nhiều quán ăn nhậu như ri ?" Có hai người trí thức khoảng 50 tuổi trả lời giống nhau :" Thể hiện đời sống của Trịnh Công Sơn : Âm Nhạc và Ăn Nhậu ". Hai người trí thức chỉ nói đúng 50 % : Âm nhạc thì đúng còn Ăn Nhậu thì không.

Trịnh Công Sơn độc ẩm cũng có nơi có chốn. Uống rượu với ai, ông ta chỉ uống rượu với những văn nhân, thi nhạc họa sĩ có lựa chọn. Một ông trạc tuổi tôi, 70 tuổi, nói :" Chưa có tiền, chưa có công trình thì cho mở quán. Khi nào có tiền, dẹp quán xá mấy hồi. Bây giờ nghèo, tiền là trên hết. Nhếch nhác kém mỹ quan, tệ hại của nạn ăn nhậu vỉa hè tính sau. Lo chi, có nhà nước lo ." Ông bạn già của tôi nói đúng. Nhưng đến khi nào nhà nước mới lo ?

Quán Nhậu Trên Đường Trịnh Công Sơn – Hình lấy trên net

Một anh bạn cho tôi biết : Chính quyền cấp cho gia đình Trịnh Công Sơn xây dựng một công viên và nhà tưởng niệm Trịnh Công Sơn bên cạnh đồi Vọng Cảnh. Nhà tưởng niệm này sẽ là nơi tổ chức những đêm nhạc Trịnh.

Như vậy là sau khi qua đời, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có một con đường sau khi hoàn thành sẽ là đường dài nhất Huế, đẹp nhất Huế và có một công viên và nhà tưởng niệm bên cạnh đồi Vọng Cảnh. Đồi Vọng Cảnh nhìn xuống sông Hương là ngọn đồi đẹp nhất Huế. Nhà tưởng niệm chưa biết to nhỏ như thế nào. Để tổ chức những buổi ca nhạc thì ít nhất nhà tưởng niệm cũng phải có một hội trường chứa được hai, ba trăm người.

Chính quyền Huế đã đưa Trịnh Công Sơn lên thành một người có công với chính quyền Cộng Sản. Ông đã dùng âm nhạc để làm tinh thần quân địch ngả nghiêng như Trương Lương dùng tiếng sáo làm tan rã quân Hạng Võ. Việc này khiến tôi ngỡ ngàng. Tôi ngỡ ngàng vì một người có vấn đề với nhà nước Cộng Sản nay lại được chính những người Cộng Sản đưa lên đài vinh quang để ca tụng, mặc dù việc này chỉ xảy ra ở Huế, quê hương của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Tội của ông ta là : Trong bài *Gia Tài Của Mẹ*, ông đã cho Chiến tranh Chống Mỹ Cứu Nước là Nội Chiến. Tổng Công Kích Tết Mậu Thân là một cuộc thảm sát trong hai bản nhạc *Hát Trên Những Xác Người* và *Nghe Tiếng Muôn Trùng*. Làm bài hát tưởng nhớ Lưu Kim Cương, đại tá không quân Việt Nam Cộng Hòa trong bài *Hát Cho Người Nằm Xuống*, có lập trường không vững vàng.

Thời gian ở Huế, tôi mua quyển *Trịnh Công Sơn Có Một Thời Như Thế* của nhà Huế Học Nguyễn Đắc Xuân. Đọc quyển sách này tôi liên tưởng tới bài viết : *Trịnh Công Sơn và Những Hoạt Động Năm Vùng* của thiếu tá Liên Thành, Trưởng Ty Cảnh Sát Huế, Việt Nam Cộng Hòa. Ông Xuân thì ca tụng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hết lời, ông Thành thì công kích ông Sơn kịch liệt, nhưng cả hai ông đều đồng ý rằng nhạc sĩ Trịnh Công Sơn hoạt động cho tổ chức nằm vùng của Việt Cộng. Hai ông đã lựa chọn những sự kiện có thể có thật để chứng minh và nhìn những sự kiện đó bằng cặp kính màu chính trị của mình để nhận định. Ca tụng hay đả kích, hai ông đã làm hại nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Lý do theo tôi, bản chất của Trịnh Công Sơn không thể là Cộng Sản. Trịnh Công Sơn là người quen sống phong lưu, không chịu được gian khổ (*Mặc dù cũng có không ít người giàu có, sống trong nhung lụa đi theo kháng chiến). Trịnh Công Sơn là người biết lợi dụng những thế lực để tồn tại

và vẫn giữ được bản chất nghệ sĩ của mình. Số của ông là số tiền hung hậu kiết. Nay thì ông ở tột đỉnh của vinh quang.

Người yêu nhạc họ Trịnh đi trên đường Trịnh Công Sơn chắc chắn không thấy hình bóng ông, không nghe được tiếng đàn, tiếng hát của ông vì ông đang ở nhà ông tại số 11 đường Nguyễn Trường Tộ, Huế. Có thể họ thấy nụ cười mỉa mai và nghe lời bình phẩm của văn, thi, họa, nhạc sĩ miền Nam thời Việt Nam Cộng Hòa với tinh thần Bụt Nhà Không Thiêng : " Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ thiên tài. Đặt tên đường, xây khu tưởng niệm Trịnh Công Sơn thì phải có dụng ý. Không biết mấy ông Cộng Sản định dở trò gì đây ?" Và đồng thời có thể họ thấy vẻ mặt cay đắng của một số văn thi nhạc họa sĩ Cộng Sản vì lòng ganh ghét đố kị và câu hỏi chua chát của họ : "Ông Trịnh Công Sơn ông hiến được bao nhiêu bản nhạc cho cuộc chiến chống Pháp và Mỹ ? Ông ở tù bao lâu trong nhà tù Pháp, nhà tù Mỹ ? Ông Sơn có bao nhiêu ngày nằm gai nếm mật bên cạnh thần chết trong rừng núi, chiến khu ? Ông Sơn có bao nhiêu tuổi đảng ? …"

Trịnh Công Sơn là một thiên tài âm nhạc. Ông không chỉ ở giữa hai làn đạn như họa sĩ Trịnh Cung viết trong bài Thảm Kịch Trịnh Công Sơn. Ông ở giữa nhiều làn đạn : Làn đạn giữa người chống Cộng và người Cộng Sản, làn đạn giữa những người Cộng Sản với nhau, làn đạn giữa những người không Cộng Sản với nhau ….. Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là người con của dân tộc Việt Nam. Ông được hun đúc trong nền văn hóa Miền Nam. Ông đứng vững trong lòng dân tộc Việt Nam nhờ vào gia tài âm nhạc của ông, một thiên tài âm nhạc.

Theo tôi nên chọn một con đường nhỏ nào đó ở khu vực nơi có căn nhà của gia đình Trịnh Công Sơn để đặt tên

đường cho ông, dùng căn nhà của gia đình ông làm nhà tưởng niệm ông. Trả lại sự yên bình và ấm cúng cho tâm hồn ông. Khu vực đó là nơi đầy ắp kỷ niệm của ông với gia đình, với bạn bè và với quê hương Huế thân yêu của ông. Người yêu nhạc ông đi trên con đường này chắc chắn sẽ thấy bóng hình ông, nghe tiếng đàn, tiếng hát của ông vọng ra từ căn nhà số 11 Nguyễn Trường Tộ.

Núi Bân

Trước 1975, tôi không hề biết hoặc nghe ai nói về núi Bân. Học sử chỉ biết về việc xưng vương của Nguyễn Huệ trước khi xuất quân đánh giặc Thanh. Cụ Trần Trọng Kim ghi lại trong Việt Nam Sử Lược : *Bắc-bình-vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn -sơn, ngày 25 tháng mười một năm mậu-thân (1788), vương làm lễ lên ngôi Hoàng-đế, rồi tự mình thống-lĩnh thủy-bộ đại-binh ra đánh giặc Thanh*.. Học hành không đến nơi đến chốn nên tôi cứ tưởng rằng Nguyễn Huệ ban lệnh hành quân ở Đàn Nam Giao hiện nay (do vua Gia Long xây dựng). Thật là xấu hổ.

Sau năm 1975, nhờ Festival Huế, tôi mới biết núi Bàn Sơn là núi Bân. Núi Bân ở gần núi Ngự Bình. Núi Ngự Bình thì chẳng xa lạ chi với tôi. Tôi muốn tới thăm núi Bân do tôi muốn viết một đoản văn mang tên Tiếng Thét Của Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Để thực hiện dự định này, tôi sẽ đến thăm núi Bân ở Huế, đi Đồng Hới thăm lăng La Sơn Phu Tử, đến Thanh Hóa thăm đền thờ vua Quang Trung ở chân núi Liên Phong, gần cửa biển Lạch Bạng, đến Ninh Bình thăm núi Tam Điệp, về Hà Nội thăm Gò Đống Đa. Thì giờ quá eo hẹp nên dự định không thành. Tôi chỉ đến thăm được núi Bân.

Đọc Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia vết về núi Bân :
Khi xưa, không rõ núi tên gì, nhưng từ khi Nguyễn Huệ cho ban xẻ núi Bân thành ba tầng, để lập đàn tế cáo trời thì người dân gọi núi là Động Tầng, Ba Tầng, Tam Tầng, Ba Vành, Hòn Thiên. Theo PGS.TS. Đỗ Bang, thì rất có thể Nguyễn Huệ là người đã đặt tên Bân cho núi (nơi mà ông chọn để đắp đàn), với nghĩa: trong và ngoài đều hoàn mỹ. Sách Hoàng Lê nhất thống chí (bản của Ngô Thì Chí) chép nhầm chữ Bân (chữ Hán) thành chữ Sam; và khi phiên âm, các tác giả Trần Trọng Kim, Hoa Bằng, Phan Trần Chúc đều đã ghi nhầm chữ Bân thành chữ Bàn.

Để trở thành Đàn Nam Giao, những người thiết kế và thi công đã ban xẻ núi Bân thành ba khối hình nón cụt chồng lên nhau tăng dần theo chiều cao. Từ chân núi lên đỉnh ở độ cao 37 m, là tầng thứ nhất có chu vi 220 m. Bề rộng của tầng này không đều nhau. Ngay ở chính giữa mặt tầng thứ nhất về phía Tây Nam, hiện còn dấu vết một tầng phụ cao 1 m.

Tầng thứ hai có chu vi 122,5 m, chiều cao so với tầng thứ nhất là 1,65 m.

Tầng thứ ba ở ngay đỉnh đồi, bề mặt khá phẳng, có chu vi 52,7 m và cao hơn tầng thứ hai 1,2 m.

Đường lên đàn theo bốn hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc), bề rộng các con đường càng lên cao càng thu hẹp dần, bề ngang ở tầng thứ nhất là 5,2 m, ở tầng thứ hai chỉ còn 4 m...

Và để sử dụng lâu dài, sau khi Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi và xuất quân ra Bắc năm 1788, người ta đã dùng gạch và đá xếp thành ba vòng tròn bó vỉa quanh ba tầng đàn (hiện nay chỉ còn lại dấu vết) nhằm hạn chế sự xói

lở. Nhờ vậy, đàn vẫn được tiếp tục sử dụng để làm lễ cáo trời cho đến khi kinh đô Phú Xuân (Huế) bị chúa Nguyễn Phúc Ánh dẫn quân ra chiếm lấy vào mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (15 tháng 6 năm 1801)

Núi Bân – Hình lấy trên net

Chúng tôi đến núi Bân vào buổi sáng. Tại núi Bân chỉ có vợ chồng tôi và hai người em cột chèo của tôi. Núi Bân chỉ là ngọn đồi thấp, lưa thưa ít cây thông. Không còn di tích gì như được tả trong Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia. Nghĩa là chẳng còn ba tầng, vỉa đá, hay bậc thang. Núi Bân hiện nay chỉ là đồi cỏ với ít cây thông. Người em cột chèo cho tôi biết : Trước đây núi Bân đầy rẫy mồ mả lớn nhỏ. Xây dựng lại di tích lịch sử, chính quyền phải di dời toàn bộ các mồ mả tại núi Bân.

Dưới chân núi có một công trình tượng đài Quang Trung. Nhờ công trình này tôi mới có xúc động và cảm nhận được đây là núi Bân nơi Nguyễn Huệ ban lệnh hành quân. Công trình này được khánh thành ngày 9 tháng 1 năm 2010. Tôi đọc được trên net viết về công trình như sau : " *Tượng đài Quang Trung - Nguyễn Huệ*

cao 21m, hệ thống phù điêu sau chân tượng có chiều dài 50m bằng chất liệu đá Thanh được đặt ở vị trí trang trọng. Phần phù điêu mô tả khái quát một số hình ảnh tiêu biểu của phong trào Tây Sơn từ khi mở cờ khởi nghĩa đến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa. Xen kẽ những mảng phù điêu hình tượng là các đoạn văn trích bài Chiếu lên ngôi của hoàng đế Quang Trung như: Nhân, nghĩa, trung, chính là đầu mối lớn lao của đạo làm người. Nay, trẫm cùng dân đổi mới (...) sẽ dắt dìu dân lên con đường lớn, đặt vào đài xuân. Hay: "Đánh cho để dài tóc/Đánh cho để đen răng/Đánh cho nó chích luân bất phản/Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn/Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ" (trích bài Dụ tướng sĩ). Tác phẩm tượng đài của nhà điêu khắc Lê Đình Quỳ và phần phù điêu do nhà điêu khắc Nguyễn Quyết Thắng sáng tác, Công ty TNHH xây dựng mỹ thuật Hà Nội thực hiện. "

Tượng Đài Quang Trung – Hình lấy trên net

Đứng trên sân lễ đài, nhìn tượng Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ uy nghi, nhìn lên đỉnh núi Bân. Tôi chợt nhận ra, tôi đang đứng tại núi Bân vào ngày 25 tháng 11 năm 1788. Tôi nghe tiếng thét vang của ngài, tôi nghe tiếng ngựa hí, tiếng quân reo. Tôi nghe tiếng pháo lệnh

nổ, gió thổi ào ào. Đoàn quân của ngài ra đi như gió cuốn. Xin ngài cho con đi theo đoàn quân của ngài đến lăng La Sơn Phu Tử để con biết làm sao ngài thu phục được người vừa có tài vừa có đức như La Sơn Phu Tử, Ngô Thời Nhậm mà ngài không dùng những người có tài nhưng không có đức như Nguyễn Hữu Chỉnh. Xin ngài cho con theo đoàn quân ngài đến Thanh Hóa để con nhìn hàng hàng lớp lớp thanh niên hăng hái xin nhập ngũ tòng quân. Xin ngài cho con đi theo đoàn quân của ngài đến Đền Quán Cháo ở Ninh Bình để con biết tại sao người dân nô nức nấu thức ăn nuôi đoàn quân của ngài. Xin ngài cho con theo đoàn quân của ngài đến núi Tam Điệp để con biết kế hoạch công thủ lâu dài của ngài để đối phó với mối họa xâm lăng phương Bắc và để con biết tại sao ngài không chọn Hà Nội mà chọn Nghệ An làm thủ đô. Xin ngài cho con theo đoàn quân của ngài đến Gò Đống Đa để con thấy sức mạnh của dân tộc Việt Nam và con được nghe bài hát bất hủ *Thăng Long Hành Khúc* của Văn Cao ca tụng chiến công hiển hách của ngài :

Cùng tiến bước về phương Thăng Long thành cao đứng
Trong khói sương chiều ám trên dòng sông
Nhị Hà còn kia
Nhị Hà còn đó
Lũ quân giặc Tôn sập cầu trôi đầy sông
Tháp đây ! Gươm thần đâu dưới nước biếc
Có chăng ! Bao người bao nhiêu luyến tiếc
Này phường này phố cũ
Này đường về ô xưa
Bóng xưa ngàn năm hồ phai khi tàn mơ
……

Niềm tự hào trở về đầy ắp trong con. Mơ ước theo đoàn quân của ngài, con không thực hiện được, nhưng tiếng thét của ngài vang vọng trong con. Tiếng thét của ngài

rung chuyển sông núi, thức tỉnh dân Việt, quân thù khiếp sợ :
Anh hùng thanh sắt Bân Sơn cổ,
Miếu mạo quang lưu Bạng hải kim.
Tạm dịch:
Tiếng thét của người anh hùng vang dậy từ núi Bân xưa
Ánh sáng của tòa miếu mạo còn tỏa chiếu nơi cửa Bạng ngày nay
Bách Khao Toàn Thư Wikipedia : Tại đền thờ Quang Trung ở chân núi Liên Phong, gần cửa biển Lạch Bạng, thuộc xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, còn lưu hai câu đối trên hai trụ gạch trước cổng đền.

Đến trước tượng Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, tôi chắp tay khấn : Năm nay, con bảy mươi tuổi, lãng tai, ở xa Việt Nam gần nửa vòng trái đất. Con nghe những tiếng thét của các nhà tranh đấu đòi tự do dân chủ, đòi diệt trừ tham nhũng, đòi đất đai bị mất vang vọng trong đất Việt và vượt ra năm châu bốn bể … Các vị lãnh đạo chính quyền Việt Nam trẻ tuổi hơn con và ở tại Việt Nam không nghe tiếng thét của những người con vừa kể hay họ nghe mà họ bỏ ngoài tai. Cầu xin ngài : Hồn thiêng sông núi ban cho ngài có tiếng thét oai linh thần thánh. Xin ngài thét để thức tỉnh các vị lãnh đạo và quần chúng Việt Nam hầu cứu nước Việt thoát cơn đại hồng thủy ".

Ba Cây Cầu

Hiện nay có ba cây cầu đường bộ lớn bắc ngang sông Hương : cầu Tràng Tiền, cầu Phú Xuân và cầu Dã Viên. Cầu Dã Viên là cầu mới nhất, to nhất, dài nhất và đẹp nhất. Cầu được khánh thành ngày 31 tháng 8 năm 2012. Khi mới khánh thành, cầu này có tên là cầu Bạch Hổ. Sau đó có bài viết *Trái Khoáy Việc Đặt Tên Cầu Ở Huế* trên báo *Tiền Phong Online*, cầu được đặt tên lại là cầu Dã Viên.

Anh bạn tôi nói với tôi : " Cầu Dã Viên mới nhất, to nhất, dài nhất thì đúng. Đẹp nhất thì không. ". Không đợi cho tôi hỏi tại sao … Anh bạn nói : " Xây cầu thì hiện đại. Xây vọng lâu thì kiểu cổ. Đúng là đầu voi đuôi chuột … ". Tôi nói :" Ông khó tính quá. Cầu Tràng Tiền mất ban công để ngắm sông Hương, ông chê. Cầu Dã Viên có vọng lâu để ngắm sông Hương, ông cũng chê " Bạn tôi trả lời :" Không phải ý kiến của tôi. Những ý kiến này là của đại đa số người dân Huế. Họ bực tức, họ phê phán lãnh đạo địa phương và những người thiết kế hai cây cầu về trình độ thẩm mỹ thấp, trình độ kém kiến thức về lịch sử, văn hóa, sự thiếu hiểu biết về tâm tư người dân Huế … "Nhà nhạc mẫu của tôi ở cách xa cầu Dã Viên khoảng 100 mét. Cô em dâu của vợ tôi thường tập thể dục trên cầu vào sáng sớm, khoảng 5 giờ sáng. Cô ta rủ chúng tôi đi tập thể dục trên cầu và ngắm cảnh bình minh trên sông Hương. Chúng tôi chấp nhận lời mời.

Trên cầu Dã Viên năm giờ sáng thật đông vui. Nam phụ lão, thanh niên, thanh nữ trang phục gọn gàng đi bộ hoặc chạy bộ trên vỉa hè rộng lớn của cầu để tập thể dục. Họ đi từ đầu cầu này đến đầu cầu kia và vòng lại hoặc qua vỉa hè phía bên kia để vòng lại. Chúng tôi đi hai vòng. Vợ tôi và cô em dâu đi về nhà. Tôi đứng ở vọng lâu ngắm sông Hương. Tôi thấy hai cái đầu nhấp nhô giữa sông Hương. Lâu lắm, có lẽ đã nửa thế kỷ từ năm 1963 tôi rời Huế đến nay, tôi mới thấy có người bơi từ cồn Dã Viên về hướng cầu Tràng Tiền. Thời tôi học trung học, hằng năm có đại hội thể dục thể thao của sinh viên hay của học sinh thì thường có thi bơi từ Cercle đến cồn Dã Viên và vòng về. Cũng có vài lần chúng tôi bơi từ trường Bình Linh đến Cercle hay Thương Bạc và vòng về. Sau 1975, em tôi nói không ai tắm trên sông Hương vì sông Hương ô nhiễm. Cầu mong cho nước sông

Hương trở lại trong và sạch để người dân Huế bơi lội, lặn hụp trong dòng sông quê hương.

Cầu Dã Viên – Hình lấy trên net

Đúng như cô em dâu nói : Đứng trên cầu Dã Viên ngắm bình minh trên sông Hương thật tuyệt vời. Nhà hàng gần Thương Bạc đã được dời về gần Đập Đá nên không gian sông Hương rộng và thoáng. Bình minh thật rạng rỡ bắt đầu một ngày hy vọng tốt đẹp.

Buổi sáng, đứng ở vọng lâu trên cầu Dã Viên ngắm bình minh trên sông Hương, Buổi chiều ngồi tại restaurant Festival ngắm hoàng hôn trên sông Hương. Răng sông Hương đẹp như ri. Đẹp đến mê hồn. Có bao nhiêu người được diễm phúc như tôi, có thì giờ, có tiền ngồi ăn ở nhà hàng đẹp đẽ và an nhàn ngắm thành phố Huế bên sông Hương. Tôi cảm thấy không vui.

Huế, hàng năm, may mắn thì bị bão nhỏ, không may mắn thì bị bão lớn tàn phá.. Sau những cơn bão lớn, mặt trời vẫn mọc vào buổi sáng và lặn vào buổi chiều hùng vĩ và thơ mộng. Bữa cơm chiều sau cơn bão của nhiều

gia đình trong vùng bị bão tàn phá là những gói mì cứu trợ. Ngày mai, tương lai mù mịt. Người cha hay người mẹ hay người con, ai sẽ là người phải bỏ nhà lên tỉnh thành kiếm sống …

Bây giờ đến truyện cầu Phú Xuân. Bách Khoa Toàn Thư Wikipedia viết về cầu Phú Xuân : *Vào năm Mậu Thân (1968), sau khi cầu Trường Tiền bị đặt mìn đánh sập, người ta đã thiết lập một cầu phao ở vị trí cầu Phú Xuân hiện nay với trọng tải khá lớn dùng để phục vụ cho mục đích dân sự và quân sự. Cầu phao này được dùng trong hai năm 1968 và 1969.*

Bấy giờ, chính quyền thị xã Huế thấy rằng cần thiết phải thay thế cầu phao ấy bằng một chiếc cầu kiên cố để đáp ứng nhu cầu giao thông và nhu cầu phát triển của đô thị Huế cũng như các vùng phụ cận. Do đó, vào năm 1970, cầu Phú Xuân đã được hãng Eiffel của Pháp thiết kế và tổ chức thi công. Cầu được xây dựng trong hai năm thì hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Lúc mới xây xong (1971), cầu được đặt tên theo tên dòng sông mà nó bắc qua, cầu Sông Hương. Sau năm 1975, nó được chính quyền đổi tên là cầu Phú Xuân.

Tôi đọc quyển sách *Phác Họa Chân Dung Một Thế Hệ* của *Tần Hoài Dạ Vũ và Nguyễn Đông Nhật*. Quyển sách này tôi mua tại Nhà Sách Thành Phố Đà Nẵng. Trước khi mua quyển sách này, tôi hỏi cô tiếp viên cửa hàng sách :" Tôi muốn mua một quyển sách của một tác giả trẻ viết về hiện tình xã hội hiện tại ". Cô ta chỉ cho tôi khu vực trưng bầy sách loại này và bảo tôi đến đó mà lựa. Quyển sách *Phác Họa Chân Dung Một Thế Hệ* được bọc giấy kính trắng nên tôi không thể mở ra để xem lời nói đầu và mục lục của quyển sách. Tôi chỉ đọc bìa trước mà không đọc bìa sau. Tác giả là hai cựu

sinh viên tranh đấu Huế viết về cuộc đời tranh đấu của họ. Tôi chỉ dở lướt qua và đọc đề mục lớn vì những điều họ viết tôi không cần biết và không hấp dẫn tôi. Điều tôi muốn biết là thanh niên trong nước hiện nay nghĩ gì, làm gì và mơ ước gì cho xã hội hiện nay. Tôi dở đến phần phụ lục của quyển sách. Một bức hình làm tôi chú ý. Hình một chiếc cầu và hàng chữ. *Cầu Phú Xuân (Huế) được Sinh viên Huế đặt tên là Cầu Chống Mỹ.*

Cầu Tràng Tiền - Xuân Mậu Thân 1968

Tôi muốn biết lý do sinh viên tranh đấu Huế đặt tên cho cầu Sông Hương là Cầu Chống Mỹ, nên tôi đọc lướt qua vài chương. Tôi không tìm thấy lý do tại sao sinh viên tranh đấu Huế đặt tên cho cầu này là Cầu Chống Mỹ. Sinh viên tranh đấu không biểu tình chống việc xây cầu phục vụ cho nhu cầu vận chuyển của quân Mỹ, không có biến cố trọng đại xảy ra trên cầu chẳng hạn như quân Mỹ thảm sát hằng trăm người tranh đấu trên cầu hoặc có một cuộc biểu tình nằm lỳ chống Mỹ trên cầu trong nhiều ngày. Như vậy chỉ còn lý do chiếc cầu này do Mỹ xây nên đặt tên là Cầu Chống Mỹ. Nếu đúng như tôi nghĩ thì đây là ý tưởng dị hợm, dở hơi.

Cầu Phú Xuân (Huế) được Sinh viên Huế đặt tên là Cầu Chống Mỹ

Sau năm 1975, chính quyền đặt tên cầu là Phú Xuân, không dùng tên Cầu Chống Mỹ của sinh viên tranh đấu Huế cũng là điều sáng suốt. Nếu không ngày nay, có khi phải đặt cầu Tràng Tiền do Pháp xây là Cầu Chống Pháp, cầu Sông Hương do Mỹ xây là Cầu Chống Mỹ và cầu Dã Viên do Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam xây là Cầu Chống Cộng.

Nhà Sách

Tôi đi trên hai đường chính của thành phố Huế : Lê Lợi và Trần Hưng Đạo. Tôi đếm được bốn nhà sách, hai trên đường Lê Lợi và hai trên đường Trần Hưng Đạo. Tiệm bán sách Y Khoa trên đường Lê Lợi nhỏ giống như kios bán sách. Tôi không vô tiệm sách này vì tôi không cần sách y khoa. Nhà sách thứ hai có tên là Nhà

Sách Phương Nam. Nhà sách Phương Nam là một tòa nhà to lớn, nằm ở vị trí thật đẹp, sát bên bờ sông Hương. Mùa hè nắng chang chang vô tiệm sách thì thật là sung sướng. Nhà sách rộng rãi, sạch sẽ, máy lạnh mát rượi làm thân thể và tâm hồn thoải mái như ở trên cõi tiên. Tiệm sách không có sách giáo khoa chỉ có tiểu thuyết trong nước và sách dịch thuật, nhưng không nhiều. Diện tích khu trưng bày sách chỉ bằng một phần mười diện tích tòa nhà. Nghĩa là rất nhỏ. Khách mua sách cũng rất ít. Tôi vô nhà sách hai lần để tìm mua vài cuốn sách. Lần thứ nhất, chỉ có một người khách và tôi. Vị khách này ở trong nhà sách không quá năm phút. Lần thứ hai, chỉ có một một mình tôi. Phần lớn diện tích còn lại của nhà sách là để trưng bày sản phẩm mỹ nghệ, tranh vẽ cao cấp để bán cho du khách. Cả hai lần, tôi không thấy khách vãng lai trong khu vực mỹ nghệ này. Cũng có vài bàn và ghế cho khách ngồi uống nước và đọc sách giống như nhà sách Barnes & Noble ở Mỹ. Cả hai lần vào tiệm sách, tôi không thấy ai ngồi đọc sách ở những bàn này. Lần thứ ba tôi vào nhà sách Phương Nam do người bạn của vợ tôi mời vợ chồng tôi đi ăn điểm tâm bún bò Huế tại một quán gần nhà sách Phương Nam. Ăn điểm tâm xong, anh ta mời chúng tôi đến nhà sách Phương Nam uống cà phê. Khu giải khát của nhà sách Phương Nam rộng lớn. Có một số người ngồi ở balcon nhìn ra sông Hương. Chỗ ngồi này thật lý tưởng đối với tôi. Ngồi uống nước và ngắm sông Hương. Anh bạn bảo chúng tôi vào phòng lạnh ngồi cho mát. Trong phòng lạnh rộng và trang trí đẹp. Khách rất đông, chỉ còn hai bàn trống. Ban đêm, nơi này biến thành phòng hát karaoke và khiêu vũ. Theo tôi nên đổi tên Nhà Sách Phương Nam thành Khu Giải Trí Phương Nam thì mới đúng thực chất của tòa nhà.

Nhà sách thứ nhất trên đường Trần Hưng Đạo nằm ngay chân cầu Tràng Tiền, cạnh một mall mới xây sát chợ

Đông Ba là nhà sách Lạc Việt. Nhà sách không lớn. Diện tích bày bán sản phẩm mỹ nghệ hàng chợ rẻ tiền chiếm hai phần ba, một phần ba diện tích còn lại trưng bày sách giáo khoa và tiểu thuyết. Chỉ có một mình tôi trong tiệm sách. Tôi không lựa được quyển sách nào để mua. Tôi ở trong tiệm sách này không quá năm phút. Tiệm sách thứ hai là nhà sách Phú Xuân, nằm tại điểm thẳng góc với cầu Tràng Tiền và đường Trần Hưng Đạo, trước 1975 là Ty Thông Tin. Nhà sách Phú Xuân là tòa nhà ba tầng lầu. Tầng thứ nhất trưng bày nhiều loại sách : sách giáo khoa, tiểu thuyết, chính trị … Khách mua sách cũng khá. Lúc tôi có mặt tại tầng một nhà sách, có khoảng 20 em học sinh hoặc đang chọn sách hoặc đang đọc sách. Tôi ở tầng một khoảng hai mươi phút. Tầng hai là nơi bán hàng mỹ nghệ khá hơn hàng chợ của nhà sách Lạc Việt, nhưng không cao cấp bằng hàng mỹ nghệ của nhà sách Phương Nam. Tầng ba là quán cà phê. Tôi ở tại tầng hai và ba không quá năm phút.

Về nhà, thấy hai đứa cháu bên vợ đang cắm đầu vào hai cái computer. Thời đại internet nên nhà sách ế ẩm vắng khách như thời của cụ Trần Tế Xương, tình trạng chung của thế giới chứ chẳng riêng gì của thành phố Huế :

Cô hàng bán sách lim dim ngủ
Thầy khóa tư lương nhấp nhổm ngồi
(Trần Tế Xương)

Đổi Phiên Gác Tại Đại Nội

Một anh bạn bảo tôi đến Đại Nội để xem màn biểu diễn thay gác tại cửa Ngọ Môn. Anh ta nói :" Màn biểu diễn này mới có từ ngày 26 tháng 3 năm nay. Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế muốn tái hiện phiên đổi gác cung vua từ Kỳ Đài đến Ngọ Môn và từ Ngọ Môn đến Duyệt Thị Đường. Màn trình diễn này diễn ra hàng

ngày từ 9 giờ đến 9 giờ 30 nhằm giới thiệu với du khách một trong những nghi thức trong triều đình xưa, đồng thời để thu hút du khách ".

Tôi đến Đại Nội. Đang đứng trước cửa Ngọ Môn, tôi nghe tiếng trống và tiếng nhạc ò í e. Một toán quân đang tiến vào khu vực cửa Ngọ Môn. Tôi và năm, sáu du khách người phương Tây vội vàng đón toán quân để chụp hình. Tôi đứng xem màn biểu diễn đổi gác tại cửa Ngọ Môn. Đứng xa người chỉ huy khoảng hai mươi thước nhưng tôi nghe khẩu lệnh của ông ta rất nhỏ : Đổi gác. Sau khi hai người lính đổi gác, người chỉ huy ra lệnh :" Kèn, trống ". Kèn ò í e và trống nổi lên. Người chỉ huy hô :" Bước ". Màn biểu diễn đổi phiên gác chấm dứt, không dài quá hai phút.

Đi đầu đoàn quân là người cầm cờ, tiếp theo là vị quan đeo kiếm, sau vị quan là đoàn quân xếp hàng hai, hai hàng đầu là kèn và trống nhỏ, những hàng cuối là quân nhân vác giáo. Trong những quân nhân cầm giáo có hai nữ quân nhân. Tôi kể với anh bạn tôi về màn biểu diễn đổi gác tại cửa Ngọ Môn. Anh bạn cười hì hì và nói với tôi :" Màn trình diễn đổi gác tuyệt vời. Phản ảnh đúng quân đội thời Đồng Khánh, Khải Định, đánh đâu thua đó " Anh ta nói tiếp :" Màn trình diễn đơn giản, làm cho có. Thôi, rứa cũng được. Sửa đổi hoàn chỉnh dần dần.

"Tôi mở internet để xem các phiên đổi gác tại nghĩa trang Arlington, Hoa Kỳ, tại Stockholm, Thụy Điển, tại điện Cẩm Linh, Nga, tại Vatican …vv… Những màn biểu diễn là những lễ nghi trang nghiêm khiến người xem có ấn tượng về tinh thần kỷ luật và uy dũng của quân đội. Màn biểu diễn đổi gác tại Đại Nội không gây cho tôi ấn tượng như tôi xem những phiên đổi gác trên internet của các quốc gia khác. Người chỉ huy và người

lính không thể hiện được tác phong của quân đội từ cách đi đứng và khẩu lệnh.

Theo tôi, màn trình diễn chưa khai thác được thế mạnh của Việt Nam. Chẳng hạn :

- Các nước phương Tây có kèn đồng. Chúng ta có chiêng tống. Mở màn phiên đổi gác, động chiêng và đánh ống có khí thế hơn thổi kèn đồng tò tí te của phương Tây.

- Cờ của nước ta thời xưa đẹp, có nhiều màu sắc hơn cờ của Thụy Điển, Nga, Vatican … Một cờ chưa đủ. Nhiều cờ tạo sự uy dũng. Cờ gây cho người xem : Đổi gác là lễ nghi không phải là màn giải trí.

- Nên trang bị cho người lính gác súng thay vì cầm giáo. Người lính gác cung vua thời vua triều Nguyễn cầm giáo, theo tôi, không phản ảnh đúng thời đại vua triều Nguyễn. Giáo mác là thời xa xưa Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần ... Lịch sử đã ghi dân tộc ta dùng súng từ thế kỷ 16.

Bách khoa toàn thư Wikipedia : *Tại Việt Nam, súng hỏa mai là thứ vũ khí phổ dụng kể từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19. Các chúa phong kiến lớn như vua nhà Lê, vua nhà Mạc, chúa Trịnh, chúa Nguyễn đều trang bị súng hỏa mai với số lượng khổng lồ cho quân đội. Sử sách lẫn văn học đều ghi chép các trận đánh thời đại này "đạn bay như sao sa". Ca dao Đàng Trong ghi lại hình ảnh người lính thú:*
Ngang lưng thì thắt đai vàng
Đầu đội nón dấu vai mang súng dài
Một tay thì cắp hỏa mai
Một tay cắp giáo quan sai xuống thuyền.

Đến đầu triều Nguyễn, súng hỏa mai dùng mồi thừng hoặc đá lửa dần dần bị thay thế bằng súng trường tiên tiến hơn, sử dụng hạt nổ và vỏ đạn tương tự phương Tây bấy giờ. Tuy nhiên, sau thời Minh Mạng, do quốc lực hao kiệt, súng trường lại bị hỏa mai thế chỗ, nhưng với số lượng khiêm tốn hơn nhiều lần so với các thế kỷ trước (10 người 1 súng).

Súng hỏa mai đốt bằng dây cháy chậm - bảo tàng vũ khí- Hà Nội

Trong bài " 10 hỏa khí đáng gờm của quân đội Đại Việt " : … *Trong cuộc khởi nghĩa Cần Vương cuối thế kỷ 19, thủ lĩnh Cao Thắng đã tổ chức mở xưởng đúc vũ khí theo kiểu châu Âu ở chiến khu Vũ Quang và sản xuất được 500 khẩu súng theo mẫu 1874 của Pháp …"*

Súng trường do Cao Thắng chế tạo

Hình ảnh lễ công bố người trúng tuyển kỳ thi Hương, Nam Định năm 1897 lấy trên net. Bởi lễ có ngựa, có cờ, có đội lính làm dàn chào mang súng và quân phục

khác với lính vác giáo, đội nón tại phiên đổi gác cửa Ngọ Môn.

Công bố tên người trúng tuyển kỳ thi Hương, Nam Định năm 1897. Người có nhiệm vụ xướng danh các sĩ tử đỗ đạt sẽ cầm một chiếc loa, đứng trên cao và đọc to họ tên, quê quán của từng người.

Người lính gác với cây súng đúng với thực tế thời đại và trông oai phong hơn cầm giáo.

- Đoàn quân đổi gác đi ngựa với cờ xí, súng ống oai phong hơn đi bộ với giáo mác, n gười xem sẽ đánh giá cao tinh thần chiến đấu của người Việt.

Kiến thức về Huế của tôi ít ỏi, tôi có những câu hỏi sau : Câu hỏi thứ nhất của tôi : Màn trình diễn có phản ảnh đúng phiên đổi gác tại Ngọ Môn thời những vị vua của triều Nguyễn không ?

Câu hỏi thứ hai của tôi : Nếu phản ảnh đúng. Sự phản ảnh đúng có cần thiết hay không ? Với tư cách người du khách : Màn trình diễn không hấp dẫn. Với tư cách

người Việt : Màn trình diễn không thể hiện được tinh thần uy dũng của người Việt Nam.

Câu hỏi thứ ba : Có nên thực hiện phiên đổi gác vừa phản ảnh sự thật vừa không thật để đạt mục đích du lịch và nêu tinh thần quật cường của dân tộc không ?

NHỮNG QUÁN ĂN NHỎ CỦA THÀNH PHỐ HUẾ

Thời gian ở Huế, hằng ngày, trưa chiều, chúng tôi ăn cơm ở nhà. Chỉ có một buổi chiều, vợ chồng tôi đãi tất cả gia đình anh em bên vợ từ khắp nơi về Huế tại một nhà hàng lớn ở Kim Long. Ăn ở nhà ngon và sạch. Nhạc mẫu tôi thường nấu những món ăn ngày xưa, thời tôi là học trò ở trọ trong nhà hay nấu món ăn theo đơn đặt hàng của vợ tôi. Ăn sáng thì mua xôi bắp, bánh canh … tại các gánh bán hàng rong tụ tập ở đầu ngõ. Ăn xế trưa vào khoảng ba giờ chiều thì ăn bánh bột lọc, bánh nậm làm tại nhà hay mua tại chợ Bến Ngự. Đặc biệt vài buổi sáng, tôi được cậu em vợ đưa đi ăn sáng tại những quán ăn nhỏ.

Quán ăn nhỏ chỉ nấu một món, không có món thứ hai. Quán ăn nhỏ thường ở những đường vắng, sạch sẽ. Quán chứa tối đa khoảng 15 đến 20 người. Quán ăn nhỏ không có bàn cao ghế cao, không có bàn ghế bằng sắt. Bàn ghế của quán ăn nhỏ chỉ là những bàn nhỏ bằng gỗ thấp và ghế đẩu. Đôi khi là bàn gỗ dài và thấp, ghế được đóng dính liền với bàn. Ăn ở quán ăn nhỏ không ngồi lâu được, ăn xong nên nhường chỗ cho người khác.

Quán ăn nhỏ ở Huế thể hiện được nghệ thuật ẩm thực của Huế : ngon, sạch và đẹp giống Nhật, khác Sài Gòn giống Tàu : ngon và nhiều.

Sạch : Bếp ngay trước cửa ra vào, ai cũng thấy. Bẩn hay sạch biết ngay. Bếp rất gọn và sạch vì diện tích của quán không lớn.

Ngon : Phải ăn mới biết ngon hay dở. Nhưng thường là ngon. Gia chủ phải tự tin lắm về món độc nhất của mình nấu mới dám dùng phía trước nhà để mở quán.

Đẹp : Những tô, chén, dĩa đều nhỏ không có những tô tàu bay, tàu thủy.

Quán Cháo Lòng Lịch Đợi : Nói đến những món ăn Huế thường người ta hay nói đến bún bò Huế, cơm Hến, bánh Khoái, bánh Bèo, bánh Nậm, bánh Bột Lọc. Ít ai nói đến cháo lòng Huế. Theo tôi, cháo lòng Huế không đâu ngon bằng. Sài Gòn, Đà Nẵng có những tiệm bán bún bò ngon hơn Huế. Nhưng cả nước không có quán cháo lòng nào ngon bằng cháo lòng Huế. Thịt, lòng, gan của con heo xứ Huế ngon và thơm. Chỉ có các chợ ở Huế mới có bán những miếng thịt heo luộc sẵn, chợ ở các nơi khác không có bán thịt heo luộc sẵn. Đến Huế không ăn cháo lòng, theo tôi là thiếu sót lớn.

Quán cháo lòng Lịch Đợi ở cách nhà khoảng 300 mét nên anh chị em chúng tôi đi bộ đến quán. Khu Lịch Đợi là khu đất cao, những con đường nhỏ chỉ dành cho xe gắn máy, xe đạp. Đường chỉ vừa cho một chiếc xe hơi nhỏ. Không có nhiều xe và nhiều người trên các con đường tại Lịch Đợi. Quán cháo lòng không có bảng hiệu nên chúng tôi gọi là Quán Cháo Lòng Lịch Đợi. Ai đến Lịch Đợi hỏi quán cháo lòng, người địa phương sẽ chỉ cho ngay. Các cô em vợ khẳng định quán cháo lòng Lịch Đợi là quán cháo lòng ngon nhất Huế, ngon hơn cháo lòng danh tiếng chợ Mai hay cháo lòng An Hòa. Quán cháo lòng Lịch Đợi là nhà nhỏ. Chúng tôi đến đã đầy khách đang ăn. Chúng tôi phải ngồi tại hiên của nhà

đối diện bên kia đường. Khách ăn tại chỗ và khách mua về nhà. Chúng tôi phải chờ nửa tiếng và phải luôn miệng nhắc cô phục vụ : Gọi lâu rồi răng chưa có.

Ở Huế hai tuần, cả nhà dẫn nhau đi ăn cháo lòng hai lần. Nói ít hiểu nhiều. Nghĩa là rất ngon.

Quán Cơm Hến ở Cồn Hến : Cậu em vợ hỏi tôi :" Sáng nay, anh muốn ăn chi để em đưa anh đi " Tôi nói :" Đưa anh đi ăn cơm Hến mà phải tại Cồn Hến ".

Quán cơm Hến vắng khách. Chỉ có hai anh em tôi. Một lúc sau mới có một cô đến mua và đem về nhà. Quán sạch sẽ. Cơm hến có nhiều gia vị ruồi dễ bắt mùi, nhưng trong quán không có ruồi. Tôi hỏi bà chủ quán :

- Tôi nghe nói sông Hương không còn hến, phải nhập hến Sài Gòn, Quảng Trị phải không chị ?
- Cũng còn hến chứ bác, nhưng còn ít, bác nờ. Chừ, phải trộn ít hến Huế với hến Quảng Trị hay Sài Gòn cho ngon.
- Tại răng sông Hương còn ít hến ?
- Vì sông Hương ô nhiễm. Nước bẩn thải ra sông nhiều. Lý do chính là làm đập thủy điện ngăn nước ở thượng nguồn. Sông Hương không còn gây lụt. Nước mặn không tràn vô sông Hương. Hến thì sinh sản trong vùng nước lợ.
- Rứa răng không nuôi hến như nuôi tôm, nuôi cá ?
- Không được, bác nờ. Nuôi hến trong chum, trong bể hến chết hết.

Nếu tôi không được anh bạn cho biết cơm Hến bây chừ nấu bằng hến Sài Gòn hay Quảng Trị thì tôi vẫn tưởng rằng cơm hến vẫn như ngày xưa. Tôi ăn hết một tô cơm hến và còn thấy thèm. Tôi gọi thêm một tô nữa. Ăn xong tô thứ hai định gọi tô bún Hến. Điện thoại reo.

Tiếng cậu em cột chèo :" Tụi em đang đợi anh tại Không Gian Xưa "… Cơm Hến vẫn ngon. Chỉ có người Huế mới nấu được cơm Hến, biết nấu cơm Huế và dân Huế mới biết thưởng thức món cơm Huế.

Về nhà, tôi khoe tôi ăn hai tô cơm hến. Cả nhà cười ầm :'' Thằng Phê (con cô em vợ ở Houston, Texas) năm ngoái về đây ăn bảy tô cơm hến ". Tôi cụt hứng và im lặng.

Quán Phở Gà : Huế có ít quán phở. Trên đường Lê Lợi có hai quán phở : Phở Gia Truyền Nam Định và Quán Phở gần Cầu Ga trước cửa trường Bình Linh cũ, đều bán phở bò. Nay thì Phở Gia Truyền Nam Định không còn chỉ còn quán phở gần Cầu Ga. Cậu em vợ đưa tôi đi ăn phở gà.

Quán phở gà nằm trên con đường nhỏ số 9 Phan Đình Phùng, bên bờ sông Bến Ngự, nằm giữa cầu Ga và cầu Bến Ngự. Quán Phở là nhà hai tầng. Quán chỉ dùng phần trước, diện tích khoảng 4X4 mét. Phở của quán chỉ có thịt gà xé nhỏ trong tô phở gà nước trong, không có những chùm trứng gà non treo lủng lẳng trong tủ kính và bát phở to óng ánh mỡ gà màu vàng của tiệm phở gà Hiền Vương, Sài Gòn trước năm 1975. Vợ tôi thỉnh thoảng nấu phở gà thay vì nấu phở bò. Vợ tôi nói : Nấu phở gà dễ, nấu phở bò khó ngon, nấu phở bò hôi nhà, phở gà không hôi nhà. Vợ tôi nấu phở gà bằng gà đi bộ nhập từ Cali. Gà Mỹ luộc làm nước dùng. Xương và thịt gà Mỹ vứt vô thùng rác vườn. Gà Mỹ rất rẻ. Gà đi bộ Cali đắt gấp ba lần gà Mỹ. Sau này, nghe con tôi nói quan niệm dinh dưỡng ngày nay đã thay đổi : Ngày xưa, nước là bổ còn xác không còn chất bổ. Ngày nay, nước chỉ có hương vị và không có chất bổ, xác mới còn chất bổ vì protein không tan trong nước. Vợ tôi vứt xương gà Mỹ và giữ lại thịt gà Mỹ để làm chà bông

dùng vào việc ăn sáng cho tôi. Bữa phở của gia đình tôi ngoài tô phở giống như Phở Gà bên bờ sông Bến Ngự : Thịt gà xé nhỏ trong tô phở nước trong, chúng tôi còn có dĩa thịt gà chặt miếng với đầy lá chanh xắt nhỏ rắc trên mặt, chén nước mắm nguyên chất với ớt chỉ thiên xanh đỏ xắt nhỏ hoặc chén muối tiêu chanh. Riêng tôi còn có đĩa đầu gà và hai chân gà.

Quán phở gà bên bờ sông Bến Ngự không có chùm trứng gà non như phở gà Hiền Vương, Sài Gòn trước 1975, không có đa thịt gà chặt miếng đầy lá chanh xắt nhỏ như của gia đình tôi, nhưng có hai đặc điểm. Thứ nhất, thịt gà Việt Nam ngon hơn thịt gà đi bộ Cali. Thứ hai tô phở phục vụ được giới khá giả, trung lưu Việt Nam và du khách bình dân như tôi. Giá một tô phở 30.000 đồng Việt Nam.

Quán Bún Bò : Ngày xưa, năm 1960, tại bến Thương Bạc, bên bờ sông Hương , tôi thấy có một gánh bán bún bò. Tôi nhớ rổ đựng giò heo đã luộc chín và rổ đựng nhiều thứ rau. Trong rổ rau có rau muống chẻ, rau chuối và một ít rau sà lách xắt nhỏ. Tên của món ăn là Bún Bò Giò Heo. Nhưng trong nồi bún bò giò heo còn có những viên tròn chạo tôm, những miếng huyết heo, những miếng thịt heo lớn, nhiều phần nạc và ít phần mỡ, dành cho những người không thích ăn giò heo. Vợ tôi giải thích về nghệ thuật nấu bún bò giò heo : Thịt bò, giò heo được nấu trong nồi và múc ra ăn nên đậm đà hơn các món ăn khác. Khác với phở. Nấu phở thì người ta lấy tảng thịt ra ngoài xắt nhỏ. Khi ăn, sắp trên tô bánh phở đã được tráng nóng thịt tái, chín gầu hay nạm, gân, sách … rồi múc nước phở tưới vào tô. Giò heo chín để trong rổ được vợ tôi giải thích : Giò heo này sẽ lần lượt được bỏ từng đợt vô nồi bún. Người nấu bún bò giò heo giỏi là người biết bỏ giò heo đúng lúc để giò heo không

chín quá ăn mềm không ngon hoặc giò heo chưa thấm ăn cũng không ngon.

Vợ tôi thỉnh thoảng nấu bún bò giò heo. Giò heo được nấu chung trong nồi bún bò, không vớt ra để ngoài như gánh bún bò bến Thương Bạc. Dĩa rau của gia đình tôi chỉ có bắp chuối và rau sà lách xắt nhỏ, không có rau muống chẻ. Vợ tôi bảo : Sức đâu, thời giờ đâu mà ngồi chẻ rau muống.

Giò heo của gánh bún bến Thương Bạc nhỏ, ăn dòn. Giò heo của gia đình tôi to, ăn mềm. Vợ tôi nói :" Đừng hy vọng nồi bún bò ở Mỹ ngon bằng nồi bún bò ở Việt Nam. Thịt bò, thịt heo Mỹ để trong phòng đá cả năm, sáu tháng. Thịt heo, thịt bò Việt Nam mổ xong là được đem nấu trong ngày ".
Năm 2013, người bạn của vợ tôi nói với chúng tôi tại nhà sách Phương Nam :" Bún bò ngon phải ăn bún bò gánh của các mệ. Chín, mười giờ các mệ mới gánh bún ra bán, mười hai giờ dọn về … ". Tôi không hỏi kỹ về gánh bún của các mệ ở đâu vì một giờ trưa hôm đó, chúng tôi phải vô Đà Nẵng để đáp chuyến bay năm giờ đi Sài Gòn.

Trong thời gian ở Huế, tôi được người em cột chèo đưa tôi đi ăn bún bò tại một quán nhỏ đường Phạm Hồng Thái - bún bò Vân. Con đường nhỏ sạch sẽ, có nhiều quán ăn và có vài xe du lịch nhỏ đậu ở vỉa hè đối diện. Tôi nghĩ khu ăn uống này dành cho du khách bình dân như tôi, người dân khá giả và trung lưu của thành phố. Quán bún bò này của người bà con bên vợ, người làng Dương Nỗ, nên tôi không nói nhiều sợ rằng mang tiếng quảng cáo cho bà con bên vợ. Nhưng tôi vẫn bảo đảm rằng các quán ăn nhỏ Huế đều đạt tiêu chuẩn : ngon, sạch, đẹp của nghệ thuật nấu ăn Huế. Tôi thêm đặc điểm nữa là rẻ. Một tô bún bò giá 25,000 đồng Việt Nam.

Vỹ Dạ

Anh bạn gốc Huế điện thoại từ Sài Gòn :

- Ông viết về Huế thì phải viết về Vỹ Dạ. Xóm Vỹ Dạ đã mất và không bao giờ tìm lại được. Người ta đã phá đi rồi, bây giờ thấy tiếc nên tính chuyện phục hồi một con đường tre nào đó để hoài niệm về một không gian lãng mạn đã ăn sâu trong tâm khảm người dân Huế cũng như trong thơ văn. Viết về Huế mà không nói về Vỹ Dạ là thiếu sót đấy nhe bạn.
- Ông nói Vỹ Dạ mất rồi thì viết chi nữa.
- Một người bỏ xứ Huế ra đi từ hơn nửa thế kỷ như ông thì nhìn dưới lăng kính hoài niệm và đối chiếu
- Hoài niệm và đối chiếu về Vĩ Dạ, đề tài rộng lớn dành cho ông là người gốc Huế. Tôi đã đi qua Vĩ Dạ. Về nhà đọc bài thơ *Đây Thôn Vĩ Dạ* của *Hàn Mặc Tử* là đủ ngậm ngùi, tiếc nuối và xót xa

Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông Trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

Lời Tâm Tình Cùng Anh Bạn Gốc Huế

Thưa bạn,

Huế nghèo. Ai cũng biết Huế nghèo. Trước năm 1975, người Quảng Nam gọi dân Huế
là Dân Trèo Đèo. Vì nghèo nên người Huế phải trèo qua đèo Hải Vân đến Đà Nẵng để tìm kế sinh nhai. Mậu Thân 1968, Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972 dân Huế lũ lượt vượt đèo Hải Vân nhưng không ở lại Đà Nẵng vì Đà Nẵng gần Huế quá. Họ vượt đèo Bình Đê, nhưng ít ai ở lại Qui Nhơn, hầu hết đi về miền Nam. Họ trèo qua đèo Cù Mông, nhưng không ở lại Tuy Hòa nghèo nàn. Họ vượt đèo Cả, đèo Rù Rì một phần ở lại Nha Trang, một phần trèo đèo Ngoạn Mục lên Đà Lạt, một phần lớn vô định cư tại Sài Gòn. Năm 1975 người Huế trèo đèo và vượt biển. Vượt biển cả gia đình, vượt biển cả giòng họ, vượt biển cả làng, Máu não Huế chảy. Năm 1975 máu não chảy như sông lớn chảy ra biển. Hiện nay máu não Huế vẫn chảy. Một anh bạn ở Huế nói với tôi : Huế sinh ra người tài, đào tạo ra người tài, nhưng không ai trụ lại Huế.

Người dân đi tha phương, máu não chảy, nhưng Huế vẫn là một trung tâm văn hóa lớn của cả nước.

Bạn quí mến,
Năm 2013 về thăm Huế, tôi cảm thấy Huế mất dần địa vị trung tâm văn hóa lớn. Dựa vào đâu để tôi nói Huế mất dần địa vị trung tâm văn hóa ? Theo tôi, triều đình chúa Nguyễn, triều đình vua Nguyễn và Phật Giáo đã tạo nên văn hóa, phong cách đặc trưng của Huế. Trải qua hằng thế kỷ nhà Nguyễn và Phật giáo (Từ thời chúa Nguyễn Hoàng cho tới thời vua Bảo Đại gần 400 năm) mới tạo được cho Huế một nền văn hóa và phong

cách nổi trội so với các miền khác của đất nước. Ngày nay, Huế đã được UNESCO công nhận là di sản của thế giới. Những nhà nghiên cứu đã lập nên một ngành nghiên cứu gọi là Huế Học mà không có Hà Nội Học hay Sài Gòn Học.

Trước 1975, mặc dù chiến tranh và nghèo, người Huế vẫn giữ gìn được những nét đặc trưng của Huế. Sau 1975, ba tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên được sát nhập thành một tỉnh Bình Trị Thiên. Các nhà lãnh đạo tỉnh là cán bộ Cộng Sản cốt cán người Quảng Bình, Quảng Trị đem văn hóa xã hội chủ nghĩa của miền Bắc vào cai trị thì làm sao văn hóa Huế không mất mát, đặc trưng Huế không sứt mẻ. Câu ca dao, tôi mới đọc cho bạn hai chữ đầu, bạn đọc tiếp những câu sau, đã nói được tình trạng văn hóa Huế lúc đó :

Trần Hoàn cùng với Bùi San
Hai thằng hợp lại phá đàn Nam Giao

(Bùi San lúc đó là Ủy viên Trung ương Đảng CSVN, Bí thư tỉnh ủy tỉnh Bình Trị Thiên. Trần Hoàn là Tỉnh ủy viên, Trưởng Ty Văn hóa tỉnh Bình Trị Thiên, sau là Ủy viên Trung ương Đảng CSVN, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông Tin)

Hợp vào rồi lại tách ra, người Huế cai trị người Huế, nhưng người cai trị vẫn là những người Cộng Sản Chuyên Chính nên cũng chẳng khá hơn được bao nhiêu.

Ngày nay, chính quyền đã đổi mới, văn hóa không bị kềm chế như thời ông Tố Hữu chỉ đạo văn hóa tư tưởng.

Hai năm, Huế tổ chức Festival Huế một lần. Tôi chưa bao giờ được dự Festival Huế, tôi chỉ xem Festival Huế năm 2012 trên net. Festival Huế năm 2012 được tổ chức thật hoành tráng, công phu và chuyên nghiệp. Những tiết mục được dàn dựng to lớn, thiết kế âm thanh, trang

phục lộng lẫy và do những diễn viên ưu tú trình diễn. Một Festival sang trọng và tốn kém, nhưng thiếu tính cách đại chúng của Festival là dành cho quảng đại quần chúng. Hầu hết những tiết mục đều do diễn viên chuyên nghiệp thực hiện, không có sự tham dự của quần chúng không chuyên nghiệp như sinh viên, học sinh, gia đình Phật tử …

Huế có hội nghiên cứu Huế Học, có Festival Huế nhưng văn hóa Huế vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc. Lý do, những nhà nghiên cứu am hiểu về Huế đã đi ra nước ngoài hoặc ở những nơi khác trong nước, những người này không muốn tham gia vì họ ngại và không tin chính quyền Cộng Sản. Còn những người điều hành Huế Học hay Festival phần lớn là thuộc thành phần sinh viên tranh đấu trước 1975. Những người này là đảng viên hay không phải là đảng viên, họ không hài lòng với chế độ mới, nhưng vì miếng cơm manh áo và an toàn bản thân, họ phải cộng tác làm việc với tinh thần không thoải mái và dưới sự chỉ đạo tư tưởng của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân, sở văn hóa thể thao du lịch.

Không phải chỉ có chính quyền Cộng Sản phá hoại văn hóa, phong cách Huế mà cả Việt kiều hải ngoại cũng tham gia làm nghèo văn hóa Huế. Tôi đi thăm khu nghĩa địa làng An Bằng, xã Vinh An, huyện Phú Vang. Hai bên con đường chật hẹp là những biệt thự to lớn và những ngôi mộ hoành tráng. Đường xá vắng bóng người. Phần lớn những biệt thự là do Việt kiều xây và bà con giữ giùm. Nơi này được gọi là thành phố nghĩa địa. Người ta nói thành phố nghĩa địa là biểu hiện của tinh thần tôn kính tổ tiên. Tôi thì nghĩ đây là sự biểu hiện của thói khoe khoang, dị hợm trong xã hội còn quá nhiều người nghèo.

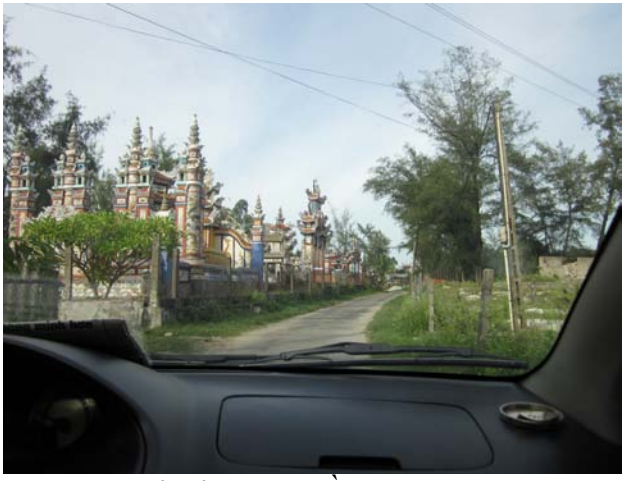

Khu nghĩa địa làng An Bằng

Về Việt Nam, tôi đến chùa Vĩnh Nghiêm là nơi để cốt của bà ngoại tôi và mẹ tôi. Chùa Vĩnh Nghiêm nhếch nhác, nhốn nháo như một nơi buôn bán. Xem hình ảnh Phật tử nhét tiền khắp nơi trên các tượng Phật tại chùa Bái Đính, Ninh Bình, đúng là Phật giáo ở trong thời kỳ mạt pháp. Trước 1975 và ngay cả trong thời Pháp thuộc, các ngôi chùa vẫn giữ được tính cách : Chùa là nơi phật tử đến lễ Phật. Ngày nay các ngôi chùa là nơi buôn thần bán thánh. Pháp nạn ở trong lòng Phật giáo, không phải từ bên ngoài. Chính những người Phật tử biến chùa thành nơi thương mại, mê tín dị đoan, làm hỏng sư sãi. Tình trạng Phật giáo cả nước suy thoái, khiến tôi nghĩ Phật giáo Huế cũng ở trong tình trạng suy thoái. Phật giáo làm mất không khí thanh tịnh, thi vị, hiền hòa và vui tươi của xứ Huế.

Chính quyền Cộng Sản và sự băng hoại của Phật giáo đã làm Huế mất vị trí là thành phố văn hóa lớn của cả nước.
Bạn quí mến,
Bạn là người Huế chính gốc. Tôi là rể xứ Huế, là người Mỹ gốc Việt. Chắc chắn tình yêu xứ Huế và kiến thức

về xứ Huế của bạn sâu sắc và rộng hơn tôi rất nhiều. Tôi cảm thấy buồn và mất mát vì Huế không còn là trung tâm văn hóa lớn. Mười năm phá hoại kinh tế, chỉ cần một hai năm xây dựng là có thể có một nền kinh tế no ấm. Thời kỳ bao cấp, ngăn sông cấm chợ từ năm 1954 đến 1990, kinh tế Việt Nam kiệt quệ. Vậy mà chỉ mấy năm mở cửa nửa vời, người dân có cơm ăn áo mặc, có xe gắn máy, thậm chí có người có xe hơi, nhà lầu mới. Nếu đổi mới kinh tế và chính trị hoàn toàn thì có thể ngày nay Việt Nam đã vượt Thái Lan, Đài Loan và bắt kịp Đại Hàn, Nhật Bản. Kinh tế phát triển hơn trước nhưng văn hóa giáo dục vẫn ì ạch thụt lùi. Một năm phá hoại văn hóa giáo dục, hàng thập niên chưa chắc đã sửa chữa phục hưng lại được.

Đất nước đã vượt qua khó khăn cơm áo, nhưng xây dựng lại văn hóa giáo dục là vấn đề khó khăn và lâu dài gấp bội phần. Đôi khi mất cả hàng thế kỷ. Theo tôi, có thể có bước đại nhảy vọt về kinh tế, nhưng không thể có bước nhảy vọt trong xây dựng văn hóa giáo dục cho một quốc gia. Đạo đức giữa con người và con người, giữa con người với con vật, với đất đai, với thiên nhiên biển rừng, kiến thức khoa học kỹ thuật, văn chương thẩm mỹ cần thời gian lâu dài để ngấm dần và tích lũy vào con người.

Bạn quí mến,

Tôi viết không đúng hay quá đáng, bạn giận thì cứ giận. Tôi chỉ xin bạn đừng nghĩ rằng : Tôi ở nước ngoài nên nói cho sướng miệng. Một vài tâm tình gửi người bạn gốc Huế. Tôi vẫn trân quí bạn vì bạn là viên ngọc trong một xã hội mà nền văn hóa đang băng hoại.

Tôi Không Phải Là Du Khách
Tôi Không Muốn Là Du Khách
Nhưng …

Về Việt Nam tôi không ở khách sạn. Tôi ở nhà nhạc mẫu hay nhà của gia đình những người em vợ. Ở nhà bà con ruột thịt thay vì ở khách sạn, tính cách du khách của tôi giảm đi rất nhiều, gần như không còn. Tôi không phải là du khách.

Tôi tới nhà em tôi. Cháu tôi thấy tôi, nó kêu lớn :

- Ba Mạ, bác Quang về.

Em dâu tôi từ trên lầu đi xuống :

- Anh mới về.

Tôi về. Tôi không phải là du khách.

Một buổi chiều 2013, tôi ngồi tại Festival Restaurant nhìn sông Hương. Sông Hương đẹp như một bức tranh. Một buổi trưa 2006, tôi đứng bên bờ sông Hồng tại làng Bát Tràng, nhìn những hàng cây hai bên bờ sông, lòng tôi giật dào thương nhớ, nhưng không biết mình thương nhớ gì. Đi thuyền hay phà trên dòng sông Tiền, sông Hậu 2013, tôi xúc động lạ kỳ, lòng chứa chan biết ơn dòng sông. Dòng sông Cửu Long mênh mang đục ngầu phù sa chảy cuồn cuộn đã đem ấm no cho hàng triệu người Việt. Cửu Long đã tạo ra người miền Nam phóng khoáng, phúc hậu, nhân ái một cách tự nhiên. Tôi yêu những dòng sông Việt Nam. Tôi không phải là du khách.

Nhưng ….

Bình thường tôi không thấy có gì khác lạ giữa tôi và người Việt trong nước. Nếu không được ai giới thiệu thì họ không biết tôi là người Việt hải ngoại. Nhưng tôi vẫn

có nhiều điều khác với người Việt trong nước khiến họ nhận ra tôi là người Việt ở nước ngoài.

Một hôm, tôi đi xe ôm. Tôi co chân phản ứng lại mối nguy khi các xe khác đang lao vào chân tôi. Anh xe ôm nhắc tôi mấy lần : " Bác đừng sợ. Không sao đâu ". Anh xe ôm nhận ra tôi là người Việt ở nước ngoài.

Một hôm, vợ chồng tôi tới Saigon Square để mua quần áo cho cháu ngoại tôi. Sau khi thỏa thuận giá cả xong, vợ tôi đếm tiền để trả cho cô bán hàng. Mấy phút sau, tôi nghe cô bán hàng nói :

- Nhìn cách bác đếm tiền cũng biết bác ở đâu. Hai bác ở tiểu bang nào bên Mỹ ?

Cô bán hàng nhận ra chúng tôi là người Việt ở nước ngoài.

Mở email, nhìn hình những đứa cháu ngoại. Nhìn hình thằng Khoa mếu máo khóc, tôi muốn thời gian qua thật nhanh, trở về Mỹ, ôm thằng Khoa vào lòng. Tôi phải trở về Mỹ, nơi vạn đại dung thân của vợ chồng tôi, của con cháu chúng tôi và nhiều đời sau. Tôi phải về thành phố có căn nhà ấm cúng ngọt bùi của chúng tôi.

Tôi là khách du lịch trên chính quê hương mình dù tôi không muốn.

Tôi chân thành cám ơn những người ruột thịt, những bạn bè, những đồng bào cùng là con rồng cháu tiên với tôi, mặc dù khác biệt về chính kiến, tôn giáo, giàu nghèo, học vấn đã tiếp đón chúng tôi thật thân tình. Cám ơn, cám ơn, cám ơn … Chúng ta vẫn là anh em trong ngôi nhà Việt Nam.

Seattle đang vào mùa thu. Ban đêm trên đường lái xe từ nơi làm việc về nhà, trời mưa rả rích, lòng bâng khuâng

nhớ Huế. Buổi sáng nhìn sương mù và rừng thông thấp thoáng, giật mình tưởng mình ở đâu đây tại thành phố Đà Lạt. Ở Bên Ni thì Nhớ Bên Nớ. Ở Bên Nớ thì Nhớ Bên Ni.

Thân này ví xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường
(Nguyễn Du)

Cám Ơn

Điều không may cho tôi là tôi làm mất một memory những hình ảnh chụp được trong chuyến đi. Do đó một số hình minh họa được lấy từ trên net. Xin chân thành cám ơn tác giả của những hình ảnh được dùng trong bài. Xin chân thành cám ơn tác giả bài hát, bài thơ, bài viết được dùng trong bài. Xin chân thành cám ơn quí độc giả đã đọc những câu truyện nhỏ về Huế của một người không phải là người Rất Huế và đã xa quê hương 22 năm. Xin chân thành cám ơn.

HÀ NỘI QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ

Giấy khai sinh của tôi ghi : nơi sinh tại phố Takou, Hà Nội. Ít ai trong gia đình biết phố Takou là nơi nào ở Hà Nội. Nhờ quyển hồi ký của nhạc sĩ Phạm Duy, tôi mới biết phố Takou, Hà Nội. Nhạc sĩ Phạm Duy viết trong quyển hồi ký của ông :" *Tôi ra đời tại nhà hộ sinh ở số 40 Rue Takou (phố Hàng Cót) Hà Nội vào lúc 1 giờ 15 sáng ngày 05 tháng 10 năm 1921, theo âm lịch là ngày mùng 5 tháng 9 (nhuận) năm Tân Dậu* ". Điều này có nghĩa là nhạc sĩ Phạm Duy và tôi sinh cùng một nơi tại

nhà hộ sinh ở số 40 Rue Takou (phố Hàng Cót) Hà Nội. Nhạc sĩ Phạm Duy sinh năm 1921. Tôi sinh năm 1944. Sau này đọc Wipipedia, tôi mới biết tại sao gia đình tôi không biết phố Takou :" *Nhà hộ sinh của bà đỡ Tiến (số 40) hàng Cót là một nhà hộ sinh lâu đời nhất ở Hà Nội. Phố Hàng Cót nằm trong khu vực phố cổ Hà Nội. Thời Pháp thuộc phố được đặt tên theo tiếng Pháp là Rue Takou. Tên gọi Hàng Cót được hình thành từ năm 1945 cho đến nay. Vào những năm đầu của thế kỷ XX, phần lớn cư dân sinh sống ở đây làm nghề đan cót và buôn bán cót (một loại phên mành được đan ghép bằng nguyên liệu bóc tách từ cây tre và cây nứa*). Tôi sinh năm 1944 nên nơi sinh trong khai sinh của tôi là phố Takou. Năm 1945 phố Takou đổi tên là phố Hàng Cót nên không ai nhớ đến tên Takou.

Giấy khai sinh chứng nhận tôi là người Hà Nội và tên bạn bè đặt cho tôi cũng chứng nhận tôi là người Hà Nội. Năm thứ I, trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt có hai người tên Nguyễn Đức Quang cùng sinh năm 1944. Để phân biệt bạn bè gọi tôi là Quang Hà Nội. Anh kia sinh ở Sơn Tây nên bạn bè gọi là Quang Sơn Tây. Năm học thứ hai, anh Quang Sơn Tây nổi tiếng trong cả nước. Anh sáng lập ra Phong Trào Du Ca. Bạn bè đặt tên cho anh là Quang Du Ca. Anh không còn tên Quang Sơn Tây. Đồng thời tôi cũng mất tên Quang Hà Nội. Bạn bè đặt tên mới cho tôi là Quang Già Cơ. Tôi là người Hà Nội, nhưng tôi không nói giọng Hà Nội như anh tôi. Bạn bè đặt tên cho giọng nói của tôi là Giọng Thập Cẩm. Giọng Bắc pha một ít giọng Quảng Nam và pha một ít giọng Huế. Người miền

Trung hay miền Nam nghe tôi nói, họ biết tôi là người Bắc, nhưng họ nói tôi không phải là người Hà Nội. Ngày nay, bạn tôi hỏi tôi : Nếu phải chọn nơi để định cư ở Việt Nam thì tôi chọn nơi nào ? Tôi sẽ chọn Sài Gòn, kế đến là Đà Lạt quê hương tinh thần của tôi, kế đến là Huế quê vợ, kế đến là Đà Nẵng nơi tôi sống thời niên thiếu. Tôi không chọn Hà Nội, quê ngoại tôi, nơi tôi sinh ra đời. Lý do thứ nhất là tôi được nuôi dưỡng, đào tạo và trưởng thành trong một nền văn hóa thấm đẫm tính nhân bản của miền Nam. Lý do thứ hai là tôi có nhiều bạn bè ở miền Nam, Miền Bắc tôi không có bạn. Miền Nam thân thuộc với tôi hơn miền Bắc. Tuy vậy tôi vẫn hãnh diện tôi là người Hà Nội. Hà Nội vẫn luôn ở trong trái tim tôi : Hà Nôi Quê Hương Trong Trí Nhớ.

Xa Hà Nội lần thứ I

Năm 1946, quân Pháp tái chiếm Hà Nội. Gia đình tôi phải tản cư đến vùng Tự Do. Bố tôi gia nhập Việt Minh tham gia kháng chiến chống Pháp. Mẹ tôi dắt díu đàn con chạy giặc. Mới đầu, gia đình tôi chạy về phía Nam đến Phủ Lý, Nam Định. Sau đó, gia đình đổi hướng chạy lên phương Bắc. Vùng Tự Do là những làng quê và rừng núi. Chúng tôi sống trong những khu Tạm Cư. Những địa danh chúng tôi đi qua như Khuyến Công, Chi Nê nay tôi không biết thuộc tỉnh nào. Những năm tháng sống trong vùng Tự Do của đất nước, những sự việc sau đây vẫn còn in đậm trong trí nhớ của tôi. Chúng tôi được học hát. Tôi còn nhớ được bài hát Thằng Tây

Đời xưa có anh mũi dài
Mắt hơi xanh xanh

Tóc đỏ lom lòm
Hay ngoạm miếng to
Mùi thơm như thế thì ngon
Gà quay pho mát xào bơ
Ăn xong béo xù
Tiếng nói bu bơ
Cái giọng xì xồ
Cái bụng tố lô

Tôi nhớ những câu hát đã sửa lời bài Làng Tôi của Văn Cao. Những câu hát sửa lời bài Bắc Sơn của Văn Cao, tôi nghe được từ miệng của người lớn hát, để nói lên những gian khổ lúc bấy giờ : "*Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu giá. Ai về Chi Nê nhớ hồi mắm thối tương cà*."

Mọi người trong vùng tự do đều được giao nhiệm vụ tùy theo tuổi tác. Người lớn như bố, mẹ và chị tôi phải tham gia sản xuất và chiến đấu. Ở tuổi mười ba, mười bốn như hai anh trai tôi thì được giao nhiệm vụ liên lạc và do thám. Người già và nhỏ như tôi thì được giao nhiệm vụ báo động. Tôi nhớ mỗi khi có máy bay Bà Già (thám thính L19) của Tây xuất hiện, tiếng mõ lóc cóc nổi lên khắp nơi. Chúng tôi chạy ra hầm và mang theo mõ để gõ.

Đời sống thiếu thốn và cực khổ nên có nhiều gia đình bỏ vùng tự do để hồi hương. Trong một trang hồi ký, bố tôi viết : " …. *Một hôm chị Đính con dâu bà cả Bảng hỏi thăm đến trại tìm tôi và có ý định đưa tôi về hồi hương. Tôi, bà ấy, con Khôi, thằng Quang, con Nga gồng gánh theo chị Đính với lý do đi thăm Khanh*và

Xương đang công tác liên lạc trên khu. Về đến chợ (lâu tôi quên mất tên) chỉ qua con sông và đi thêm vài cánh đồng là đến làng mình. Không hiểu tại sao, tôi lại quyết định trở lại. Sau khi bà Cả Bảng cho tôi và gia đình ăn một bữa bún lòng lợn, đậu phụ chấm mắn tôm, gia đình tôi lại gồng gánh trở về trại tạm cư. Bà ấy cũng không có ý kiến gì. Bà Cả Bảng và những người làng cùng đi khuyên tôi về. Bà con trong họ nói : Sao bác không về, đã có rất nhiều người về rồi. Thế là gia đình lại về trại Khuyến Công … "

Đầu năm 1950, gia đình tôi bỏ vùng tự do để trở về vùng tề do Pháp chiếm đóng. Gia đình tôi không cùng ra đi một lần mà đi nhiều đợt. **Đợt thứ nhất** : Trong một trang hồi ký, bố tôi viết : " … *Một hôm, cháu nhà tôi, con bà cả Đang, làm cán bộ cho Việt Minh, hoạt động ở làng, ra đón gia đình tôi về. Cả nhà gồng gánh, thuê thuyền lên Vân Đình. Rồi đi bộ đến bến Phà Đen. Qua bên kia sông là vùng địch. Chỉ còn chờ đến xẩm tối là qua sông về vùng địch. Đến chiều tối, sắp sửa hành trang lên đường, không biết tại sao tôi đổi ý kiến : Tôi ở lại, để nhà tôi về với con cái. Tôi nhất định đòi ở lại, mặc dầu mọi người đều khuyên tôi về. Tôi ở lại, thằng Khanh lúc đó còn nhỏ không biết tại sao cũng đòi ở lại với tôi. Thế là chỉ có nhà tôi, con Khôi, thằng Xương, thằng Quang, con Nga là về thành. Thật là đau đớn …"*

Tôi nhớ, chúng tôi và những người ra hàng Pháp đứng dọc theo con đường ở đầu làng. Một ông lính người Pháp và một ông lính người Việt Nam tay cầm súng tiểu liên đi trước mặt chúng tôi. Chúng tôi chắp tay và cúi

lạy, miệng nói lớn : " Lạy Quan Lớn ". Lính Pháp bắt theo họ trâu bò và những vật dụng tôi không rõ. Trâu bò và những đồ đạc này được giao cho những người lao công dẫn, gánh hoặc vác. Đoàn người di chuyển chưa được năm mươi mét, tôi nghe một tiếng la lớn "Phơ" (Feu), tiếp theo là tiếng súng nổ. Chúng tôi quay lại nhìn. Những ngôi nhà trong làng bốc cháy. Trên đường đi, lính Pháp đi lẫn trong chúng tôi để tránh bị quân du kích bắn tỉa. Tôi không còn nhớ, chúng tôi phải đi bao nhiêu ngày đêm để tới địa điểm cuối cùng. Địa điểm dừng chân cuối cùng hình như là một ngôi đình. Nơi đó có nhiều cây to, nhưng thuộc địa phận nào thì tôi không biết. Tại đây những người phu lao công được thả tự do. Họ sẽ đi về đâu, tôi không rõ. Những người về vùng Tề thì được thân nhân đến đón. Tôi nhớ đêm đầu tiên trở về Hà Nội, chúng tôi ở tại căn nhà số 37 đường Phạm Hồng Thái. Căn nhà này của người chị ruột mẹ tôi. Tối hôm đó, sau khi mọi người hàn huyên đến khuya, dì tôi bảo tắt đèn đi ngủ. Tôi nhanh nhẹn xung phong tắt đèn. Tôi phùng mang trợn mắt thổi ngọn đèn đến năm phút mà đèn không tắt. Anh chị họ tôi cười ngặt nghẽo. Bỗng đèn tắt. Mười giây sau, đèn lại sáng. Tôi quay lại định thổi tắt đèn. Dì tôi cầm tay tôi, dắt đến góc tường. Dì tôi âu yếm bảo tôi :" Tắt đèn như vậy này, ngố ".

Đợt thứ hai : Trong một trang hồi ký, bố tôi viết :" …. *Tôi và Khanh được anh em giao thông đưa vào cơ quan ở. Lúc đó, trong lòng hoang mang. Gặp anh em cán bộ được cổ võ tinh thần yêu nước. Ăn uống thì chỉ có cơm hẩm. Họ phát cho một cái bát, một cái chén, một đôi đũa. Ăn uống thì anh em trông nhau ăn. Họ đã rỉ tai,*

mỗi người chỉ được hai bát cơm và một chén canh thôi. Không được ăn hơn. Họ luôn mồn nói chữ " Bí Bo " nghĩa là hai bát …… Bà ấy thuê chị Đính, con dâu bà cả Bảng, ra đón thằng Khanh về. Phải khen chị Đính rất giỏi. Chị ấy lần mò lên chỗ cơ quan hai cha con tôi ở vào một buổi chiều gần tối. Chị ấy gọi tôi ra và nói là bà ấy bảo phải đưa thằng Khanh về. Lúc đó, chị Đính bảo tôi về, không biết tại sao tôi cũng không chịu về. Tôi đưa thằng Khanh theo chị Đính. Lúc đó trời sắp tối. Tôi trông theo hút. Chị Đính dắt thằng Khanh chạy vì sợ trời tối … "

Đợt thứ ba : Trong một trang hồi ký, bố tôi viết :" …. *Thế là chỉ có một mình tôi ở lại theo cơ quan ở Vân Đình. Lúc ở làng này, khi ở làng khác. Chỗ nào ở lâu nhất là một tháng. Sau này, Tây đổ bộ càn quét vùng Vân Đình luôn. Cơ quan bị lộ bí mật …. Tôi ở trong một trung đội thuộc trung đoàn "Địch Vận Thành " phải thuyên chuyển lên Hòa Bình, vào ở trong một làng Mường, đóng dọc đường đi Liên Khu 4 và Liên Khu 5. Đường này là nơi chuyển khí giới từ miền Bắc vào Thanh Hóa. Trung đoàn này chuyên môn lấy tin tức ở nội thành và có bổn phận bảo vệ những làng ở ngoại thành vùng phía nam như Ngã Tư Sở, Khu Kim Liên, Ngã Tư Vọng, Bạch Mai. Trung đoàn Địch Vận này có nhiều anh em bà con ở làng Bằng Liệt và người trong thành phố Hà Nội tham gia vừa đảng tuyên bố khi nào chiếm được thành phố, chỉ có những đơn vị nào đã tham gia giải phóng Hà Nội mới được phép vào Hà Nội trước. Tôi càng hăng hái đi theo đơn vị này. Tháng nào cũng có cán bộ về họp báo cáo tình hình nội thành. Họ*

đi ra, đi vào như đi chợ. Không có gì trở ngại. Tin tức gia đình được cán bộ, các anh chị em đi hoạt động ở Hà Nội cho biết tình cảnh gia đình và tôi. Thư về, thư đi luôn luôn ..... Tôi theo cơ quan Địch Vận Thành thấm thoát đã ăn được hai cái tết ở Hòa Bình, nơi cơ quan đóng. Trong thời gian hai năm, tôi nhờ bà ấy tiếp tế tiền bạc, thuốc men nên cũng đỡ khổ hơn các anh em không có gia đình tiếp tế ..... Ăn uống thì thiếu thốn. Mỗi bữa chỉ được ăn hai bát cơm (anh em thường gọi là " Bí Bo " tức là hai bát). Hàng ngày, họ cắt một số vào rừng lấy củi, lấy măng về luộc ăn, một số anh em đi chợ. Đời sống thực là khổ, không biết nói sao hết được. Thỉnh thoảng lại có một hay hai anh em đào ngũ. Họ trốn ra chợ Vân Đình rồi tìm cách về Hà Nội ..... Thấm thoát cũng được hai cái tết trong khu. Ngày thì đi công tác. Tối đến phải họp để nhận công tác ngày mai và bá cáo công tác trong ngày ..... Đêm ngủ lúc nào cũng cái ba lô gối đầu. Có đêm bất thình lình có lệnh phải di tản đến một làng thật xa. Trời rét buốt, cứ cắm đầu mà đi. Người nọ phải bám vào người kia mà theo. Nếu bị đau ốm không đi được thì phải ở lại, vào làng xin ăn, rồi đợi khi hồi sức mới tìm cách bắt liên lạc ..... Tôi nhớ năm ấy là cuối năm 1951. Dạo này cơ quan cứ thuyên chuyển luôn vì được mật tin Pháp sẽ đổ bộ đánh Hòa Bình. Hễ mình thuyên chuyển đi được một vài ngày thì chỗ làng đó bị máy bay bắn nát cả làng. Một hôm, tôi đi công tác ở trên khu về thì gặp bà ấy đội nón đi tìm tôi. Bà ấy khi vào tìm tôi đã liên lạc với anh em cán bộ đi đường cho biết chỗ tôi đóng. Hai vợ chồng gặp nhau. Bà ấy thấy tôi quá tiều tụy. Bà ấy khóc lóc. Tôi đưa nhà tôi về cơ quan trình diện. Khi ấy tôi đang đau ốm.

Tôi gặp anh đại đội, tên anh là Huyền Vũ. Anh rất quí mến tôi vì tôi thật thà. Tôi xin anh về vì quá ốm đau. Anh chuyển thư lên Khu. Hai hôm sau trên Khu quyết định cho tôi về thành nhưng phải nhận công tác hoạt động trong thành. Lúc đó anh Tài, con bà Cả Sắc, cùng ở phố Hàng Bún Trên, cùng làm một đơn vị, cũng xin theo tôi về. Tôi và anh Tài phải lên Khu học một tuần lễ về cách thức tuyên truyền trong thành và chờ phân công. Tôi để lại cho anh em quần áo, thuốc men, tiền bạc. Chúng tôi được giao liên chỉ đường đi. Chúng tôi theo những người bên kia sông sang buôn bán hay đi chợ …… Tất cả dân cư đã chạy hết vì bên kia sông lính Ta và lính Tây đang sửa soạn qua sông để tiến vào Hòa Bình. Qua sông, chúng tôi bị quân đội Việt Nam bắt đưa về đồn chỉ huy. Nhờ biết tiếng Pháp, tôi trình bày với ông quan ba Tây. Chúng tôi được ông quan ba Tây cho xuống nhà bếp xin ăn. Ngày hôm sau, họ đưa chúng tôi sang cơ quan Việt Nam. Bên Việt Nam cho chúng tôi về xum họp gia đình. Bà ấy có công với chồng con. Nếu không có bà ấy thì tôi đâu có về được. Tôi nhớ là cuối năm 1951 …. "

Xa Hà Nội lần thứ hai

Trở về Hà Nội, gia đình tôi ở tại nhà số 37 Phạm Hồng Thái của dì tôi. Mẹ tôi và người chị cả bán dưa muối và cà muối tại chợ Châu Long, Ngõ Xã để nuôi chúng tôi ăn học. Cuối năm 1951, thân sinh tôi trở về vùng Tề. Bố tôi xin được việc làm tại sở Hỏa Xa. Bố tôi từ bỏ Việt Minh. Mẹ tôi và chị tôi chuyển sang nghề may gia công quần áo cho một người quen, chúng tôi gọi là bà Hai Hy. Đời sống của gia đình dần dần ổn định. Chiến

tranh càng ngày càng khốc liệt. Anh Thỉnh, anh Tuyến, chị Hà con các bác tôi và dì Phương, bà con bên ngoại, phải lên lánh nạn tại nhà tôi. Thân sinh của những người này đều tham gia Việt Minh kháng chiến chống Pháp và vẫn còn ở trong chiến khu.

Năm 1954, tôi mười tuổi. Tôi đang học lớp nhì trường Nguyễn Công Trứ. Thằng Hiếu, bạn cùng lớp, nói với tôi :" Gia đình tao đi vào Nam. Mỹ ném bom Nguyên Tử ". Tôi không quan tâm gì đến lời nói của thằng Hiếu. Tôi còn nhỏ nên không biết gì về việc xảy ra cho đất nước sắp bị cắt làm hai.

Đất nước phân ly và gia đình, họ hàng tôi cũng chia làm hai. Tôi chỉ cảm nhận được nỗi đau của sự phân ly đất nước và ly tán gia đình khi tôi trưởng thành. Ngày nay, đất nước đã thống nhất, nhưng tôi vẫn cảm nhận rằng : Hàng thế kỷ, dân tộc Việt Nam vẫn không hàn gắn được vết dao cắt đôi đất nước vào năm 1954.

Mở đầu của sự chia lìa là bà ngoại tôi, đang ở với chúng tôi, bà ngoại dời về ở với gia đình người chị cả của mẹ tôi, tôi gọi là Bác Cả, ở gần hồ Thuyền Quang. Đi theo gia đình bác Cả vào Nam đã chấm dứt niềm hy vọng của bà Ngoại tôi được gặp lại người con trai độc nhất, cậu Ngô Kim Cương. Cậu Cương, người cậu tôi không biết mặt, là con út trong gia đình. Trong một trang hồi ký, thân phụ tôi viết : "… *Ông Ngô Kim Cương sau khi đỗ bằng Thành Chung, thi đỗ tham tá Sở Toàn Quyền. Làm việc được ba năm thì ẩo chính. Ông Cương lúc đó hoạt động cho Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cả nhà không ai biết điều đó…."* Cậu Cương theo ông Trương Tử Anh lên chiến khu Yên Bái. Việt Minh tấn công

chiến khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Yên Bái. Gia đình không còn nhận được tin tức của cậu tôi từ sau trận tấn công đó. Dì tôi kể lại rằng : Một buổi chiều, ít lâu sau trận tấn công, một người đàn ông đến gõ cửa và nói với dì tôi :''Đồng chí Ngô Kim Cương đã hy sinh ". Nói xong, người đó vội vã bước đi trong sự bàng hoàng đau đớn của dì tôi. Dì tôi nhìn theo người đó một lúc lâu, mới bật khóc thương cho người em trai duy nhất của gia đình. Mọi người trong gia đình đều tin cậu tôi đã tử trận, chỉ có bà ngoại tôi không tin. Bà ngoại tôi tin rằng cậu tôi đã chạy thoát sang Tàu. Hai năm sau, kể từ ngày di cư vào Nam năm 1954, bà ngoại tôi đòi về Hà Nội để đón cậu tôi từ Tàu trở về. Nay thì bà ngoại tôi đã gặp cậu tôi nơi miền vĩnh cửu … Tôi đã viết lại tâm tư của bà ngoại tôi trong quyển tiểu thuyết Mưa Xứ Huế. Nhân vật bà Duẫn mang niềm hy vọng gặp lại đứa con trai như bà ngoại tôi. Trong chiến tranh, người mẹ chưa tận mắt thấy xác người con thì không bao giờ tin người con đã chết. Người mẹ vẫn luôn hy vọng gặp lại người con khi chiến tranh chấm dứt.

Tiếp theo, gia đình người dì, chủ nhân căn nhà 37 Phạm Hồng Thái, ra đi. Gia đình tôi không còn may gia cô ng vì gia đình bà Hai Hy cũng đã vào Nam. Bố tôi không còn việc làm. Những người thuê phòng trong căn nhà 37 Phạm Hồng Thái như gia đình bác Đội Bện theo quân đội vào Nam. Ông Tư, người làng Bằng, trở về quê. Căn nhà chỉ còn gia đình tôi. Căn nhà 37 Ph ạm Hồng Thái vắng vẻ và buồn, nhưng đường phố Hà Nội lại chộn rộn lạ thường. Một lần tôi theo bố tôi và một lần tôi theo anh tôi lên chợ trời tại Khâm Thiên. Chợ trời Khâm Thiên tấp nập người buôn bán. Người ta mua bán

đủ thứ trên lề đường và cả lòng đường. Chúng tôi đi chợ trời Khâm Thiên chỉ để ngắm người ta mua bán. Sau này vào Nam, tôi mới biết bố tôi mua hai quyển sách tại chợ trời Khâm Thiên và đem theo vào Nam. Quyển thứ nhất là quyển Kim Vân Kiều khổ rộng, giấy dầy có hoa văn màu vàng nhạt, chữ viết theo kiểu chữ viết rông không theo lối chữ in, không có lời chú thích hoặc bình giảng. Kèm theo quyển Kim Vân Kiều có sáu bức tranh màu nước. Thỉnh thoảng tôi thấy mẹ tôi, hoặc bố tôi đem quyển Kim Vân Kiều ra để bói. Cuối năm 1990, di cư sang Mỹ, bố tôi đem theo quyển Kim Vân Kiều. Hiện nay, anh tôi giữ quyển Kim Vân Kiều. Quyển sách thứ hai khổ nhỏ, dày khoảng một trăm trang. Mỗi trang có hai hình vẽ và lời chú thích bên dưới. Hình vẽ là những nét vẽ đơn giản. Tôi không nhớ tên và tác giả cuốn sách. Nội dung của cuốn sách nói về thói hư tật xấu của xã hội Việt Nam. Tôi chỉ xem quyển sách này một lần và chỉ nhớ hai bức vẽ của trang đầu. Bức thứ nhất vẽ bàn tiệc nhậu với lời chú thích : Rượu vào lời ra. Bức thứ hai vẽ cảnh đánh nhau trong bàn tiệc với lời chú thích : Lời ra máu chảy.

Một sự kiện của sự chia ly nữa là chị cả của tôi lấy chồng vào năm 1954. Chồng chị tôi là trung sĩ của quân đội Việt Nam. Anh rể tôi là người cùng làng Bằng. Đơn vị của anh di chuyển vào Nam, anh đã trốn ở lại Hà Nội, lý do anh có bà mẹ già đang sống tại làng Bằng. Chị tôi ở lại Hà Nội với chồng. Chính quyền Cộng Sản đã bắt anh rể tôi đi tù cải tạo bốn năm tại Hoàng Liên Sơn.

Gia đình tôi vẫn chần chừ trong việc đi hay ở. Khu phố tôi ở vắng lặng hơn. Lò bánh mì Hợp Thành ở cách nhà tôi 10 căn cũng đóng cửa, không còn ai. Sau này tưởng thành, tôi mới biết và hiểu được nỗi lòng của thân phụ tôi trong việc quyết định ở lại Hà Nội hay đi vào Nam. Đi vào Nam nơi xa lạ với hai bàn tay trắng là một vấn đề, nỗi băn khoăn chính của Bố tôi đi vào Nam là bỏ lại anh chị em ruột thịt và quê cha đất tổ. Ở lại Hà Nội thì Bố tôi lo sợ sẽ bị chính quyền Cộng Sản kết tội phản bội vì đã đào ngũ để về vùng Tề. Tình anh chị em ruột thịt nặng hơn là đi vào Nam, bố tôi đưa mẹ tôi và anh tôi đi Hải Phòng. Theo anh tôi, mục đích của chuyến đi Hải Phòng là để mẹ tôi và anh tôi thấy cảnh nheo nhóc, gồng gánh đi xuống tàu " Há Mồn " của những người di cư vào Nam. Di cư vào Nam rồi sẽ ở trong những trại tạm cư cực khổ chẳng khác gì những trại tạm cư trong vùng tự do trước đây.

Một hôm, Bố tôi đưa tôi về quê nội ở Hưng Yên. Đây là lần đầu tiên tôi về quê nội. Quê tôi là làng Trung Lập, thôn Đào Du, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (nay đổi là xã Phùng Chí Kiên, thôn Đài Nghĩa, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hải Hưng). Mấy ngày ở tại quê nội, hai cảm giác ăn sâu vào tôi. Quê nội tôi đẹp và sung túc. Đẹp vì tôi nhớ cái hồ ngay đình làng. Hồ có tường xi măng thấp bao quanh, nước trong và có hoa súng hoặc hoa sen tôi không nhớ rõ. Sung túc vì tôi ở trong căn nhà gạch vắng người. Nhà có ao và có vườn trồng rau và hoa quả. Tôi nhớ thêm một điều nữa là mỗi lần gặp Cụ Sư (Cụ Sư thỉnh thoảng lên Hà Nội và ở lại nhà tôi. Tôi không biết rõ liên hệ giữa bà và gia đình tôi. Cả nhà tôi đều gọi bà là Cụ Sư), bà nói với tôi : " Cháu không được vào Nam

theo đế quốc Mỹ. " Tôi không gật đầu và không lắc đầu. Cụ Sư nói với tôi, nhưng có lẽ là cụ Sư nói với bố tôi.

Sau khi, Bố tôi và tôi trở về Hà Nội, gia đình tôi sửa soạn đồ đạc để vào Nam. Anh Thỉnh, anh Tuyến, chị Hà về quê. Dì Phương theo gia đình tôi vào Nam. Buổi tối đầu tháng 10, gia đình tôi rời căn nhà 37 Phạm Hồng Thái để đến ngủ tại Tòa Thị Chính. Khoảng 2 giờ sáng hôm sau, mọi người thức dậy. Người ta gọi tên và đưa chúng tôi lên xe cam nhông. Dì Phương quyết định ở lại Hà Nội vào giờ chót. Xe cam nhông đưa chúng tôi vượt cầu Long Biên để đến phi trường Gia Lâm. Máy bay cất cánh rời phi trường Gia Lâm vào khoảng 5 giờ sáng. Máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhứt khoảng 8 giờ 30 sáng. Sau này, tôi nghe bố tôi nói : Gia đình di cư vào Nam ba ngày trước khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội. Tôi xem trên net, ngày Việt Minh vào Hà Nội là ngày 10 tháng 10 năm 1954. Như vậy gia đình tôi đi vào Nam ngày 07 tháng 10 năm 1954.

Quê Hương Trong Trí Nhớ

Trường Tiểu Học Nguyễn Công Trứ :

Tôi học trường tiểu học Nguyễn Công Trứ từ lớp Năm đến lớp Nhì. Trường Nguyễn Công Trứ gây ấn tượng sâu sắc cho tôi. Tôi không thấy trường tiểu học nào có tổ chức độc đáo như trường Nguyễn Công Trứ, Hà Nội của tôi. Trường có khu Nông Phố trồng rau. Học sinh trồng rau và săn sóc khu Nông Phố. Mỗi lần thu hoạch rau, nhà trường bán rau cho học sinh. Tôi lập kỳ công với gia đình. Tôi mua được hai củ su hào. Một tay cầm cặp, một tay cầm hai củ su hào, tôi đi về nhà với lòng

hân hoan vui sướng. Mẹ tôi nấu canh với hai củ xu hào cho cả nhà ăn. Trường có Hợp Tác Xã bán vở, bút, mực và thỉnh thoảng bán rau thu hoạch từ khu Nông Phố. Trường thường tổ chức diễn kịch hay ca hát ngay tại sân trường. Lớp tôi đã trình diễn vở kịch Trần Bình Trọng. Tôi nhớ một buổi chiều năm 1954, hai anh mặc đồng phục Hướng Đạo đến trường và nói chuyện với chúng tôi về phong trào Hướng Đạo. Sau buổi chiều hôm đó, tôi xin bố mẹ tôi cho tôi gia nhập phong trào Hướng Đạo. Tôi được cả nhà hân hoan đồng ý. Nhưng ý định của tôi không thành do tình hình chính trị của những tháng gần ngày 20 tháng 7, 1954. Đến khi tôi học lớp đệ lục trường Phan Châu Trinh, Đà Nẵng, tôi mới trở thành thiếu sinh của thiếu đoàn Lam Sơn, đạo An Hải, châu Hải Trung.

Bờ Hồ Hoàn Kiếm : " Chủ nhật đi bờ hồ ăn kem kẹo dừa " là câu ca dao của trẻ con chúng tôi. Nhưng chúng tôi đi lên bờ Hồ không phải để ăn kem kẹo dừa mà để xem phim tại rạp xi nê Lửa Hồng tại phố Hàng Trống. Rạp Lửa Hồng chiếu phim Tarzan hoặc phim Zorro hợp với trình độ thưởng thức nghệ thuật thứ bảy và sở thích của chúng tôi. Giá vé rẻ hợp với túi tiền của chúng tôi. Hai anh tôi có thú vui khác ở vùng quanh bờ Hồ. Hai anh tôi đi bắn trái Sấu bằng ná cao su. Tôi không được tham gia trò chơi vui thú này vì còn nhỏ, khó chạy thoát mỗi khi có cảnh sát xuất hiện. Sự kiện tôi nhớ nhất là những cuộc đua xe đạp quanh bờ hồ. Tôi nhớ vì cuộc đua có tay đua cụ Bát Già. Tôi không biết cụ Bát Già bao nhiêu tuổi. Cụ có râu dài và tóc trắng như tóc của những ông tiên trong phim kiếm hiệp Tàu. Nếu dựa vào tên để đoán tuổi thì tuổi của cụ là 80. Bát là tám,

Bát Già là cụ già tám mươi. Để gọi cho gọn người ta gọi cụ Bát Già. Cụ luôn luôn là người về chót cuộc đua, nhưng không bao giờ cụ bỏ cuộc. Có một lần cụ bị ngã nhưng cụ vẫn là người cuối cùng về đến đích. Ngô Văn Lai và Mạc Đình Trường là hai cua rơ nổi tiếng của Hà Nội lúc đó. Hai anh thường chia nhau giải nhất, nhì.

Nhà Hát Lớn Hà Nội : Tôi được vào nhà Hát Lớn hai lần. Lần đầu tôi được xem một chương trình ca nhạc giống như chương trình Đại Nhạc Hội tại Sài Gòn trước năm 75. Tôi còn nhớ bài hát do một nam ca sĩ trình bày. Anh ca sĩ này đã làm khán giả cười ngả nghiêng. Tôi thuộc một đoạn của bài hát này cho tới nay :

Từ ngày tôi lên Cai
Việc làm tôi rất nhiều
Tinh sương cho đến tối
Lắm cái lôi thôi
Ngày ngày đi gác bốt
Chiều chiều đi gác phòng
Binh ngoan cho nốt tốt
Cười cho có duyên
……
Đêm đêm bu nó ngáy
Tiền đâu bố Cai

Lần thứ hai, tôi được bố tôi dẫn đi xem trận quyền anh giữa võ sĩ Việt Nam tên là Ngọc Long và võ sĩ Pháp, tôi không nhớ tên, tại nhà hát lớn Hà Nội. Sau trận đấu, võ sĩ Ngọc Long được đưa vào bệnh viện và qua đời trong đêm hôm đó. Học trò trường Nguyễn Công Trứ rỉ tai nhau rằng : " Võ sĩ Pháp bị võ sĩ Ngọc Long đánh tơi bời nên anh ta tìm cách cho thi xấu ". Nhiều đứa nói tôi :"Gáy là nơi có nhiều giây thần kinh dễ đứt. Luật đấu

quyền anh là không được đấm vào gáy. Vậy mà võ sĩ người Pháp tìm cách đấm vào gáy võ sĩ Ngọc Long nhiều lần." Tôi là khán giả của trận đấu, vậy mà tôi tin những lời của bạn học cùng trường không có mặt trong trận đấu nói về cái chết của võ sĩ Ngọc Long là sự thật. Chúng tôi càng căm thù người Pháp hơn. Đám tang võ sĩ Ngọc Long được tổ chức long trọng.

Sân Vận Động Cột Cờ : Bố tôi rất mê môn bóng tròn nên tôi thường được Bố tôi dẫn đi xem những trận đấu túc cầu tại sân vận động Cột Cờ. Tôi nhớ ba cầu thủ danh tiếng thời đó : Trần Văn Ứng, cầu thủ người Pháp Camille có tên Việt là Trương Văn Cam, thủ môn Thọ Ve. Cầu thủ Trần Văn Ứng đá vai trung ứng. Năm 1954, ông di cư vào Nam. Ông đá cho đội Cảnh Sát Sài Gòn và đội tuyển Việt Nam Cộng Hòa. Ông bị cầu thủ Đỗ Quang Thách, trung phong đội AJS, đá gẫy chân và chấm dứt đời cầu thủ của ông. Cầu thủ Camille Trương Văn Cam đá vai hậu vệ phải. Ông Camille đá bóng giỏi và chơi bóng chuyền hay. Sau năm 1954, tôi nghĩ ông Camille về Pháp vì tôi không thấy tên ông trong đội tuyển bóng tròn nào của miền Nam như Tổng Tham Mưu, Cảnh Sát Quốc Gia, AJS, Ngôi Sao Gia Định, Quan Thuế …. Cầu thủ Thọ Ve có biệt danh là Bàn Tay Nhựa. Tôi đoán ông ở lại Miền Bắc, không di cư vào Nam năm 1954. Thọ Ve không có tên trong các đội tuyển bóng tròn miền Nam sau 1954.

Món Ngon Hà Nội :

Những món ngon Hà Nội như Chả Cá Lã Vọng, Bún Chả Hà Nội, Bánh Cuốn Thanh Trì, Bánh Tôm Hồ Tây, Gỏi đu đủ thịt bò khô của bà Béo gần nhà Thủy Tạ hồ

Hoàn Kiếm…, những món ngon này tôi chưa được thưởng thức.

Món ngon Hà Nội của tôi chỉ có năm món : Kem cây của hãng kem Nguyên Tử. Cây kem dài khoảng 2 tấc. Tôi thích nhất kem đậu xanh màu vàng nhạt. Hai món ăn sáng hàng ngày của tôi là xôi khúc và cháo sườn. (Tôi mở ngoặc để nói về xôi khúc. Chủ nhật tháng bảy, 2014 tôi mời bạn bè đến nhà tôi ăn trưa lúc 11 giờ sáng. Trong số bạn bè có một người Hà Nội, nói giọng Hà Nội. Tôi muốn đãi anh bạn Hà Nội món xôi khúc do người Hà Nội nấu. Tám rưỡi sáng hôm đó, tôi lái xe lên tiệm Thanh Sơn cách nhà tôi khoảng 25 miles để mua xôi khúc. Ở Seattle chỉ có một tiệm Thanh Sơn bán xôi khúc. Tôi hí hửng giới thiệu món xôi khúc với anh bạn Hà Nội. Anh bạn Hà Nôi mỉm cười nói với tôi : " Xôi này không phải là xôi khúc. Làm gì có lá khúc để nấu xôi. Ở Việt Nam ngày nay cũng chẳng còn xôi khúc. " Anh ta giải thích :" Chỉ Hà Nội mới có lá khúc. Ngày nay đô thị phát triển thì làm gì có đất để trồng rau khúc. Không phải chỉ có xôi khúc biến mất mà nhiều món ăn dân gian khác cũng không còn. Đất dành cho việc xây cao ốc, khu giải trí, còn đâu đất cho những cây cỏ tầm thường ". Tôi hỏi : " Xôi này làm bằng lá gì ? " Anh bạn Hà Nội trả lời " Spinach ". Anh bạn Hà Nội không ăn xôi khúc Thanh Sơn vì không phải là xôi khúc Hà Nội. Sáng hôm sau, tôi đến tiệm Thanh Sơn. Tôi hỏi cô chủ tiệm thành phần của xôi khúc. Cô trả lời : " xôi, thịt, đậu xanh, tiêu ". Tôi chỉ vào màu xanh trên xôi khúc và hỏi : " màu xanh này là gì ? " Cô chủ trả lời : "Lá cải ". Tôi nói : " Vậy xôi lá cải chứ đâu phải là xôi khúc ? " Cô ta cười rất tươi và nói: " Nếu cháu để

bảng là xôi lá cải thì ai mà thèmăn, thưa bác. Bác th ấy có ngon giống xôi Khúc không ? “. Tôi gật đầu và mua hai hộp xôi khúc. Buổi tối, tôi gọi điện thoại cho anh bạn ở Việt Nam. Anh bạn ở Việt Nam trả lời nguyên văn : “ Quang Già Cơ ơi, thông tin của anh bạn này quá sai. Hà Nội bây giờ có cả một con phố Cầu Gỗ bán bánh khúc vào buổi sáng và có những người bán rong vào buổi tối , thường là nam, đội thúng và rao bán. Có 2 loại lá khúc là khúc tẻ và khúc nếp. Thường nấu xôi bằng khúc nếp vì thơm ngon hơn. Mùa lá khúc là vào tháng hai, tháng ba âm lịch. Rau khúc ít người trồng vì chúng mọc hoang ven đê và bãi sông H ồng. Người ta phơi lá để dành nấu bánh khúc quanh năm “).

Món ngon thứ tư là phở. Quán Phở gánh ở ngõ gần phố hàng Bún Trên cách nhà tôi không đầy năm mươi mét. Thật là hiếm hoi, tôi được mẹ tôi cho tôi một đồng để mua một bát phở không thịt. Phở có thịt giá b a đồng. Tôi chưa được ăn bát phở có thịt Hà Nội. Sau năm 1954 và trước 1975, tôi ăn phở tại nhiều tiệm phở : Ngọc Lan, Bằng, Đắc Tín (Đà Lạt), phở Quyền, phở Bắc Huỳnh (Phú Nhuận), phở Pasteur, phở Tàu Bay (Sài Gòn) vv , nhưng khi nhớ đến hình ảnh thằng bé chín, mười tuổi đưa bát và một đồng cho anh chủ tiệm phở gánh, trong khi chờ đợi, nhìn làn khói tỏa quanh gánh phở, hít hương thơm của phở lan trong ngõ nhỏ, tôi khẳng định rằng phở Hà Nội ngon nhất và phở Hà Nội đã đi vào huyền thoại của những món ngon Việt Nam. Năm 2006, tôi trở về Hà Nội với quyết tâm sẽ ăn một bát phở Hà Nội. Tôi nói với anh gác cửa khách sạn Kim Liên, khách sạn tôi ở trong thời gian tôi ở Hà Nội : “ Anh chỉ giùm tôi tiệm phở nào ngon nhất Hà Nội.” Anh ta trả

lời : " Phở Mai Lan ". Chúng tôi gọi taxi. Anh tài xế vồn vã hỏi chúng tôi : " Hai bác đi đâu ? " Tôi trả lời : "Anh đưa chúng tôi đến phở Mai Lan." Anh tài xế nói : " Cháu đưa hai bác tới tiệm phở ngon nhất Hà Nội. " Anh tài xế đưa chúng tôi đến tiệm phở Thìn. Tôi sung sướng nghĩ rằng mình sắp được ăn một bát phở ngon nhất Hà Nội. Tôi sẽ gọi một tô phở : Tái, Nạm Gầu, Gân, Gối, Sụn, Sách … với hành chần và nước béo. Ngay tại cửa tiệm, một anh hỏi tôi : " Mấy người ". Tôi trả lời : " Ba người ". Anh ta nói : " Chín chục ". Tôi trả tiền cho anh ta, trong lòng ngạc nhiên : phải trả tiền trước khi ăn. Trong tiệm toàn những bàn ghế bằng gỗ và thấp. Sàn nhà thì đầy giấy trông mất thẩm mỹ và không vệ sinh. Không đầy mười phút, người phục vụ bưng phở đến cho chúng tôi. Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là tôi chưa đặt hàng mà đã có phở. Tiệm chỉ có một món phở độc nhất. Trong tô phở chỉ có những miếng thịt bò xào tai tái. Chúng tôi ăn nhanh, đứng dậy đi ra, trong lòng đầy thất vọng.

Món ngon thứ năm : Lạc rang húng lìu của anh người Hoa. Những hạt lạc đựng trong giấy báo hình nón nhỏ. Ăn những hạt lạc thơm mùi húng lìu, quế và hồi, giòn giòn, bùi bùi trong mùa lạnh thật thú vị. Trước năm 1975, ngồi tại một quán nước gần rạp xi nê Đa Kao, Tân Định, Sài Gòn, tôi đã được nghe bản nhạc về Lạc Rang Húng Lìu do ban hợp ca Thăng Long trình bày, tôi nhớ Hà Nội và anh Tàu bán lạc rang. Tôi không tìm được bài nhạc này trên net. Tôi điện thoại hỏi anh Võ Thành Xuân, giỏi về vi tính và am hiểu về văn thơ âm nhạc. Anh Xuân nói : " Về hưu, mày định mở nhà hàng bán lạc rang húng lìu hay sao ? Ý kiến hay. Trời lạnh ở

Seattle, ăn lạc rang húng lìu nóng giòn thì hết xẩy ". Xuân nói tiếp :" Bài này tên là Hàm Xôi Phá Xa của Phạm Đình Chương. Mày g L ạc Rang Húng Lìu thì làm sao tìm đ ợc. Mười phút nữa tao email cho mày ". Có lời bản nhạc Hàm Xôi Phá Xa, tôi hát bài này trong đầu, không dám hát thành lời. Hát thành tiếng, vợ tôi nghe được có khi nàng gọi 911 đưa tôi vào bệnh viện tâm thần. Ngồi ở Seattle, hát trong đầu bài Hàm Xôi Phá Xa, tôi nhớ Hà Nội, nhớ anh Tàu và trong đầu tôi mơ mơ màng màng vang vang tiếng hát bài Hàm Xôi Phá Xa của ban hợp ca Thăng Long.

Hàm Xôi Phá Xa

Phạm Đình Chương

Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn
Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn

Lạc rang !
Lạc tôi rang rất thơm và ngon
Ai mua ra mua
Lạc tôi rang vừa thơm vừa ngon
Lại tốn ít tiền !

Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn
Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn

Đậu phọng tôi rang vừa thơm, vừa ngon
Đậu phọng tôi rang lại có húng lìu

Ai... lạc rang !

Mới ra thơm ròn
Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn

Này ông kia béo, đẹp, tươi
Vì ăn lạc rang
Còn cô kia ốm gầy nhom
Vì không ăn lạc rang
Nào họp tới mà ăn... cho tươi... cuộc... đời...

Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn
Ai... lạc rang !
Mới ra thơm ròn...

Chợ Đồng Xuân : Tôi đi qua chợ và đứng lại trước cửa chợ Đồng Xuân nhiều lần. Nhưng tôi không nhớ được tôi đã vào chợ Đồng Xuân chưa. Tôi nhớ tiếng chuông leng keng của những con tàu điện chạy trước cửa chợ Đồng Xuân. Hình ảnh những con tàu điện và tiếng chuông leng keng đã ghi sâu trong ký ức tôi. Mỗi lần tôi coi phim Pháp xưa hay phim Charlot có những tàu điện, tôi lại nhớ Hà Nội … Hà Nội là Paris của Đông Phương. Gần chợ Đồng Xuân có chợ Hàng Khoai. Tôi nhớ chợ này vì chợ hàng Khoai bị một trận hỏa hoạn tiêu hủy hoàn toàn.

Đê Yên Phụ : Nhà tôi ở gần Đê Yên Phụ. Chúng tôi thường lên con đường đê chơi và sau đó xuống bờ sông Hồng để bắt dế và tắm trên sông Hồng. Những năm phục vụ ở sư đoàn 22 bộ binh, trầm mình trong dòng sông Lại Giang, Bồng Sơn vào mùa hè, tôi lại nhớ sông Hồng. Mùa hè hai dòng sông cạn, có những dãy cát dài

giữa sông. Sông Lại Giang nước trong và mát. Sông Hồng nước đục.

Những Bài Hát Về Hà Nội : Tôi nghe rất nhiều bài hát về Hà Nội. Có bài tôi đã nghe đến vài trăm lần. Sau đây là bốn bài hát viết về Hà Nội. Bốn bài này không hẳn là những bài hay nhất viết về Hà Nội. Tôi chọn bốn bài này vì bốn tác giả có bốn hoàn cảnh khác nhau và họ đều yêu Hà Nội

Hà Nội Ngày Tháng Cũ
Tác giả: Song Ngọc

Hà Nội ngày tháng cũ
Có bóng trăng thơ in trên mặt hồ
Hà Nội ngày tháng cũ
Có tiếng oanh ca bên bờ tường vi

Hà Nội ngày tháng cũ
Có dáng em tôi áo trắng nghiêng nghiêng đường chiều
Tiếng guốc lưa thưa lao xao khua trên vỉa hè
Mùa thu nghe gió heo may

Hà Nội người có nhớ
Tháp Bút chơ vơ liễu xanh vật vờ
Hà Nội người có nhớ
Hương lan vương vương bên hồ Thuyền Quang

Hà Nội người có nhớ
Chiếc áo xanh lam thơ ngây cô em học trò
Áo trắng Trưng Vương Tây Sơn em tan trường về
Đường qua nẻo phố hẹn hò

Ai ra đi mà không nhớ về
Mùa Thu ngày ấy ta bên nhau
Ai ra đi mà không nhớ về
Hồ Gươm mù tối gương xưa
Nhớ hàng Bạc, nhớ qua hàng Đào
Nhớ cơn mưa phùn chạy ngang thành phố
Bên em cùng đội mưa mà đi
Đội mưa mà đi ... mà đi

Hà Nội ngày tháng cũ
Mãi mãi theo tôi trôi trên biển đời
Hà Nội ngày tháng cũ
Như mây như mưa trong cuộc tình tôi

Hà Nội còn sống mãi
Chiếc ao xanh lam áo trắng nghiêng nghiêng mặt hồ
Chiếc lá cô đơn lang thang trôi trên vỉa hè
Giờ đâu xa vắng ... mây chiều

Trước năm 1975, tôi nghe bài hát này, tôi tưởng rằng nhạc sĩ Song Ngọc là người Hà Nội và tuổi đời ngang với Phạm Duy. Sau này tôi được biết nhạc sĩ Song Ngọc tên thật là Nguyễn Ngọc Thương, sinh năm 1943 tại Long Xuyên, An Giang. Tôi ngạc nhiên, một người không phải là người Hà Nội, chưa ra Hà Nội (cho đến khi ông ta viết bản nhạc Hà Nội Ngày Tháng Cũ) đã sáng tác được bài nhạc về Hà Nội rất hay gợi cho người nghe nhớ thương Hà Nội. Tôi nghĩ rằng có lẽ kiếp trước nhạc sĩ Song Ngọc là người Hà Nội. Nghe đi nghe lại nhiều lần bài Hà Nội Ngày Tháng Cũ, tôi nhận ra rằng những hình ảnh như áo trắng Trưng Vương, tháp

Bút, hồ Thuyền Quang được các văn thi sĩ, nhất là nhóm tự lực văn đoàn thường nhắc nhở. Bài hát Hà Nội Ngày Tháng Cũ nhẹ nhàng, lời hay đẹp nhưng không có một cái nhìn, một cảm xúc riêng mãnh liệt của tác giả về Hà Nội. Hà Nội của Song Ngọc là bức tranh đẹp tĩnh lặng, không động. Tôi lại có ý nghĩ rằng nhạc sĩ Song Ngọc sáng tác được bản nhạc Hà Nội Ngày Tháng Cũ do ông đọc nhiều văn thơ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Ông yêu Hà Nội.

Đoản Khúc Thu Hà Nội
Tác giả : Trịnh Công Sơn

Bởi vì mùa thu tôi ở lại
Hà Nội mùa thu Hà Nội thu
Hà Nội mùa thu tràn nỗi nhớ
Không bởi vì em hay vì em
Hà Nội mùa thu Hà Nội gió
Xôn xao con đường xôn xao lá
Nhoà phố mong manh nhoè phố mưa
Chợt nắng long lanh chợt nắng thưa
Bởi vì mùa thu tôi ở lại
Hồng má môi em hồng sóng xa
Vì một bàn tay không ngần ngại
Tặng hết cho tôi một phố chờ
Sẽ thêm một đời nhớ trăng Hà Nội Thu ơi!

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là người Huế. Trong tất cả những bản nhạc của ông chỉ có một bản *Huế - Sài Gòn - Hà Nội* có chữ Huế (*Huế Sài Gòn Hà Nội quê hương ơi sao vẫn còn xa* …). Nhưng bài này ông không viết riêng

cho Huế. Ông viết vì khát vọng cầu mong cho đất nước thống nhất, hòa bình, xóa bỏ hận thù giữa hai miền đất nước. Bài *Hát Trên Những Xác Người*, ông có nhắc tới địa danh của Huế là Bãi Dâu. Bài này là bài nhạc viết về thảm sát năm Mậu Thân 1968. Như vậy, ông không có một bài nhạc nào viết riêng cho Huế, mặc dầu ông khẳng định rằng rất nhiều bài nhạc của ông đầy chất Huế và chứa chan tình cảm của ông dành cho đất Thần Kinh, quê hương ông. Sau 1975, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đến Hà Nội. Ông sáng tác hai bản nhạc Đoản Khúc Thu Hà Nội và Nhớ Mùa Thu Hà Nội. Ông diễn tả cảm xúc của riêng ông đối với mùa thu Hà Nội thật tha thiết, một Hà Nội sống động, một Hà Nội biết thở, biết vui, biết buồn và biết yêu, khiến người nghe cảm thấy yêu mùa thu Hà Nội. Tôi mở internet và được nghe ca sĩ Hồng Nhung, người con gái đã t ặng hết cho ông một phố chờ, hát bài Đoản Khúc Thu Hà Nội trong một buổi đại nhạc hội. Ca sĩ Hồng Nhung đã đọc một bức thư của một nữ khán giả. Cô nữ khán giả viết như sau : " *Bài hát tôi hết sức mong chờ là Đoản Khúc Thu Hà Nội của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Ai đã ng ồi ở Hồ Tây vào buổi chiều thì dù là lần nghe đầu tiên cũng s ẽ thấy cảm xúc trong bài này, quen thuộc lắm, rất nhẹ nhàng nhưng cũng rất mãnh liệt bởi vì mùa thu tôi ở lại, vì một bàn tay không ngần ngại tặng hết cho tôi một phố chờ.*" Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã ch inh phục được tình cảm của người Hà Nội.

Giấc Mơ Hồi Hương
Tác giả: Vũ Thành

Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về
Lòng khách tha hương vương sầu thương
Nhìn "em" mờ trong mây khói, bước đi nhưng chưa nỡ rời
Lệ sầu tràn mi, đượm men cay đắng biệt ly

Rồi đây dù lạc ngàn nơi
Ta hướng về chốn xa vời
Tìm mộng xưa lãng quên tháng ngày tàn phai
Nghẹn ngào thương nhớ "em" ... Hà Nội ơi

Ta nhớ thấy em một chiều chớm thu
Dáng yêu kiều của ngày đã qua
Thướt tha bên hồ liễu thu
Lắng tiếng tiêu buồn của ngàn phím tơ
Thiết tha thề ước ...
mối duyên hờ đã phai mờ trong bóng đêm mơ hồ

Mơ ước thấy "em" một ngày sáng tươi
Tắm nắng hồng của một sớm mai
Say hương thanh bình khắp nơi
Lắng tiếng huy hùng của từng lớp trai
Cất cao lời hứa xây cuộc đời
Sầu tàn trong bóng đêm dài

Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm khi heo may về
Lòng khách tha hương vương sầu thương
Nhìn "em" mờ trong mây khói,

Bước đi nhưng chưa nỡ rời Lệ sầu tràn mi,
Đượm men cay đắng biệt ly

Rồi đây dù lạc ngàn phương
Ta hướng về chốn sa trường
Cùng dìu nhau sát vai sống trong tình thương
Để cùng say giấc mơ hồi hương
Lời 2

Chiều nay nhìn về quê xưa
Hình bóng thân yêu chưa mờ
Gửi tới cố hương chút niềm thương
Tìm em qua bao năm tháng
Vó câu chinh nhân chưa mòn
Ngoài chân mây xa bừng lên muôn ánh hào quang
Rồi đây trên đường hồi hương
Vang tiếng cười chốn xa trường
Mình dìu nhau sát vai sống trong tình thương
Để cùng say giấc mơ hồi hương

Nhạc sĩ Vũ Thành sinh năm 1926 tại Hà Nội. Ông là sĩ quan nhạc trưởng của ban nhạc kèn đồng quân đội Việt Nam Cộng Hòa, chủ sự phòng văn nghệ đài phát thanh Sài Gòn. Ông sáng tác Giấc Mơ Hồi Hương sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 để ước mơ thấy lại một Hà Nội đã mất. Tôi nghe bài này cả trăm lần do nhiều ca sĩ hát : Anh Ngọc , Kim Tước, Thái Thanh, Lệ Thu, Khánh Hà, Vũ Khanh, Quỳnh Giao, Ngọc Hạ …, nhưng tôi không được nghe người ca sĩ đã làm thế hệ thanh niên Hà Nội 1954, trong đó có anh tôi, đứng im lặng trong trời mưa tại Đại Học Văn Khoa cũ ở đường Lê Thánh Tôn, Sài

Gòn, nước mắt dàn dụa để nghe người ca sĩ này hát bài Giấc Mơ Hồi Hương : Ca sĩ Ánh Tuyết.

Nhạc sĩ Vũ Thành mất tại Mỹ năm 1987. Ông không thực hiện được giấc mơ hồi hương của ông. Hà Nội đã vĩnh viễn mất ông. Nhưng biết đâu, ông đang lang thang trên những phố phường Hà Nội …

Thăng Long Hành Khúc
Tác giả : Văn Cao

Cùng tiến bước về phương Thăng Long thành cao đứng
Trông khói sương chiều ám trên dòng sông
Nhị Hà còn kia, Nhị Hà còn đó!
Lũ quân giặc Tôn sập cầu trôi đầy sông.

Tháp đây! Gươm Thần đâu dưới nước biếc
Có chăng! Bao người bao nhiêu luyến tiếc
Này phường này phố cũ
Này đường về Ô xưa!
Tiếng thơm ngàn năm chẳng hề bao giờ phai

Thăng Long! Thành xưa!
Thăng Long, ngày nào cờ khoe sắc phấp phới
Loa vang xa chiêng thu không tiếng bát ngát trong trống thành
Bao năm qua các chốn cũ vẫn lấp lánh dáng tinh anh.

Thăng Long thành:
Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long ngày nay
Bao ánh sáng tương lai từ khắp chốn theo về
Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long ngày

mai
Xây đắp dưới vinh quang bằng chí khí anh hùng
Người trang sử cũ:
Thăng Long! Thăng Long! Thăng Long Thành.

Thế kỷ 20, đất nước Việt Nam sản sinh được ba thiên tài trong lãnh vực tân nhạc : Phạm Duy, Văn Cao và Trịnh Công Sơn. Trong ba thiên tài, Văn Cao là người tài hoa nhất, nhưng kém may mắn nhất nên sự nghiệp âm nhạc của ông không đồ sộ bằng Phạm Duy và Trịnh Công Sơn. Chế độ Cộng Sản không những đã giam cầm được tư tưởng của nhạc sĩ Văn Cao mà còn triệt hạ được tinh thần phản kháng và dũng khí của ông. Thật đáng tiếc cho dân tộc Việt Nam. Sau đây là trích đoạn tiểu sử Văn Cao trên Wikipedia : " *Như những nghệ sĩ khác của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm , tuy có muộn hơn, đến tháng 7 năm 1958, Văn Cao phải đi học tập chính trị. Tên tuổi của Văn Cao hầu như không còn xuất hiện trên các tạp chí văn nghệ ở Hà Nội. Những năm sau đó, Văn Cao tiếp tục bằng nhiều công việc, như viết nhạc không lời cho các truyện phim và truyện kịch, trang trí sân khấu cho các đoàn kịch, vẽ quảng cáo các báo, vẽ nhãn diêm... Các tác phẩm của ông, cũng như các ca khúc lãng mạn tiền chiến khác, không được trình diễn ở miền Bắc, trừ bài quốc ca. Giai đoạn này, Văn Cao hầu như không còn sáng tác.Đến cuối năm 1975, Văn Cao viết Mùa Xuân Đầu Tiên , nhưng ca khúc bị phê bình là không đi đúng đường lối của Đảng, không phục vụ cho Cách Mạng, vì thế bản nhạc mới phát hành đã bị tịch thu. Nhưng các chương trình Việt Ngữ tại Moskva vẫn cho trình bày bài hát, và như vậy Mùa Xuân Đầu Tiên đã không bị lãng quê. Văn Thao, người con trai của Văn Cao, tiết lộ tiếp rằng: "Nhưng cũng thật bất ngờ (không hiểu bằng con đường nào), trong cái năm 1976 ấy Mùa Xuân Đầu Tiên được in ở nước Nga và được Liên Xô trả nhuận bút cho tác giả 100 Rúp. Văn Cao phải viết giấy*

uỷ quyền qua sứ quán để con gái ông đang học bên đó lĩnh hộ. Ông bảo con gái: "Con cứ lấy mà tiêu, ở nước mình bao lâu nay bố có được biết đến đồng nhuận bút tác phẩm nào đâu."

Thăng Long Hành Khúc có ba lời, có nhiều bản với lời khác nhau. Thậm chí có bản đề lời của Đỗ Hữu Ích, nhạc của Văn Cao. (Đỗ Hữu Ích là bạn của Phạm Duy và Văn Cao. Trong hồi ký Phạm Duy viết : " .... *Đỗ Hữu Ích, con ông chủ bán đồ sắt phố Hàng Đồng, soạn lời ca rất hay. Đa số những bản đầu tay của Văn Cao đều đã được Đỗ Hữu Ích giúp đỡ trong phần lời ca…* " Bài Thăng Long Hành Khúc trích trên, tôi nghĩ không phải là bản gốc đầu tiên.

Nhạc sĩ Văn Cao nói ông sáng tác bài Thăng Long Hành Khúc lúc ông là một tráng sinh Hướng Đạo. Ông viết Thăng Long Hành Khúc khi chưa gia nhập đảng Cộng Sản và đang sống tại Hà Nội dưới sự thống trị của thực dân Pháp nên ông viết rất đắn đo. Ông viết về Hà Nội ngày xưa cổ kính, đẹp đẽ, hào hùng. Viết về Hà Nội ngày nay và ước mong Hà Nội ngày mai. Ông nói, ông viết Thăng Long Hành Khúc để kêu gọi, thúc dục thanh niên tinh thần yêu nước.

Những bài viết của tôi viết về Hà Nội

Tôi chỉ ở Hà Nội không quá bốn năm vào thời gian học tiểu học nên không có nhiều ký ức về Hà Nội. Tôi chỉ viết được một bài thơ Quê Ngoại và một đoản văn rất ngắn về Hồ Gươm.

Bài thơ Quê Ngoại

(Trong ngày giỗ mẹ, tôi đọc bài thơ Quê Ngoại. Anh tôi nói " Chú đã về làng Bằng." Anh tôi kể rằng : " Năm 1946, Pháp tái chiếm Hà Nội. Gia đình và bà con họ hàng về làng Bằng lánh nạn. Bình định xong Hà Nội, Pháp kêu gọi mọi người trở về Hà Nội. Nhiều gia đình trở về nhà. Bố tôi đem gia đình đi về Phủ Lý, Nam Định theo tiếng gọi của Việt Minh : "Trường kỳ kháng chiến", với chiến lược " Tiêu Thổ Kháng Chiến ". Lúc đó, tôi chưa đầy hai tuổi nên không biết sự việc này. Do đó, mở đầu bài Quê Ngoại, tôi đã viết : Từ khi sinh ra. Chưa một lần, tôi về thăm quê ngoại.)

Từ khi sinh ra
Chưa một lần, tôi về thăm quê ngoại
Quê mẹ tôi làng Bằng Liệt tỉnh Hà Đông
Quê chỉ cách Hà Thành chưa đầy mười dặm
Mà sao thời thơ ấu chẳng về thăm

Mẹ thường kể
Ngày tôi còn nhỏ
Nước loạn ly
Chạy giặc lên tận miền núi rừng Tây Bắc
Nhà khó khăn
Mẹ tần tảo suốt ngày đêm

Kỷ niệm quê ngoại là những lời mẹ kể
Giọng mẹ vui khi nhắc lại những ngày xanh
Lời mẹ kể như giòng suối mát
Thấm vào tôi tình đất lẫn tình quê
Tôi yêu mẹ và tôi yêu quê ngoại
Yêu làng Bằng dù chưa một lần thăm

Quê làng Bằng sinh cho tôi người mẹ
Mẹ tôi là bà mẹ rất Việt Nam
Mẹ ít học nhưng mẹ là người có học
Mẹ cư xử với chồng con bè bạn
Có khác gì những bậc nữ lưu
Được ghi trong sách vở thánh hiền

Kỷ niệm quê ngoại là bà con bè bạn
Từ làng Bằng lên thăm hỏi chúng tôi
Những câu truyện kéo dài tưởng như vô tận
Đã biến thành truyện cổ tích của tôi
Để mỗi khi nhắc đến những tên người
Là quê mẹ hiện ra trước mặt
Dù tôi chưa có đến một lần thăm
Kỷ niệm quê ngoại là những chùm vải ngọt
Vải làng Bằng mang nặng trĩu tình quê
Màu của vải, vị thơm ngon của vải
Và huyền thoại về sự tích của cây
Đã cho tôi niềm kiêu hãnh lạ thường
Khi tôi kể với ai về quê ngoại
Tôi yêu mẹ và tôi yêu quê ngoại
Yêu làng Bằng dù chưa một lần thăm

Lá thư trích trong quyển tiểu thuyết Mưa Xứ Huế

Hà Nội ngày tháng năm
Hai em yêu quí,
Hành trình của anh từ Huế ra Hà Nội thật tuyệt diệu. Trong chuyến đi anh đã dừng lại nhiều nơi, gặp được nhiều người. Vui nhất là gặp lại được bốn, năm anh

bạn cũ trong đó có anh Lê Quốc Túy. Anh Túy gửi lời hỏi thăm Thanh và Lịch …….. ……...

……..……

Anh đến Hà Nội lúc mười một giờ sáng. Anh bắt tay làm việc ngay. Chậm một phút thì mẹ Việt Nam gầy mòn đi một chút vì gót giầy của bọn Pháp xâm lăng. Anh và các bạn đi trên đường phố Hà Nội trong buổi trưa hè nắng chang chang. Cái nóng Hà Nội chẳng khác chi cái nóng ở Huế. Mồ hôi chảy, mà tâm hồn thì tươi mát. Tâm hồn khoan khoái phấn khởi không phải vì những cây bàng rợp bóng mát mà nhờ những anh chị đồng hành cùng chí hướng. Tất cả đều nói một thứ tiếng Việt nhưng nhiều giọng. Bảy người nói năm giọng. Chị Quỳnh Hương và anh Thành nói giọng Hà Nội, anh Long nói giọng Nam, anh Bình nói giọng Quảng Nam, Chị Kim Anh và anh Trúc nói giọng Hà Tĩnh Nghệ An, anh nói giọng Huế. Tất cả đều hiểu nhau. Tình thân yêu nở nhanh chóng trong lòng mọi người. Phải chăng vì tất cả đều yêu tổ quốc Việt Nam.

Buổi tối anh và anh Ninh đi dạo quanh hồ Gươm. Anh Ninh là sinh viên trường Luật. Anh mến và quý trọng anh Ninh ngay. Anh Ninh là người điềm đạm và có kiến thức rộng, hát hay đàn giỏi, nói chuyện khôi hài rất có duyên. Trước khi đi dạo hồ Gươm, trong bữa cơm chiều tại nhà anh chị Vũ Minh Trung ở khu Ngũ Xã, anh đã được nghe anh Ninh hát bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lân. Bài hát thật hay, lời thật đẹp

Việt Nam minh châu trời đông

Việt Nam nước thiêng tiên rồng
Non sông như gấm hoa uy linh một phương
Xây vinh quang ngất cao bên Thái Bình Dương
Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi
Tiếng anh hùng tạc ghi núi non muôn đời
Máu ai còn vương cỏ hoa
Giục đem tấm thân so với sơn hà
Chung tâm cương quyết ta ôn lời thề ước
Hi sinh tâm huyết mong báo đền ơn nước
Dù thân này tan tành chốn sa trường cũng cam
Thề trọn niềm trung thành với sơn hà nước Nam

Giọng anh Ninh thật ấm, thật hùng hồn. Khi anh hát mọi người như bất động. Chị chủ nhà Lê Thị Quỳnh Hoa đang sửa soạn nấu ăn trong bếp cũng ra ngồi cạnh chồng là anh Vũ Minh Trung để nghe anh Ninh hát. Anh Ninh hát xong mọi người đứng dậy vỗ tay. Anh cảm thấy máu anh sục sôi. Bỗng anh Nguyễn Mạnh Hùng cất giọng :'' Việt Nam minh châu trời đông, hai ba '' Mọi người hát theo anh Hùng. Hát được đến câu **Giục đem tấm thân so với sơn hà,** anh Trần Nam Anh nói: ''Thôi, thôi hát to quá. Bọn mật thám nghe được thi chí nguy ''. Mọi người ngừng hát. Anh Trung cười nói : '' Hôm nay mình ăn gì ỗ chứ có họp chính trị đâu '' Anh Nam Anh xua tay :'' Thôi, thôi, đề phòng là tốt nhất. Mật thám nghe ai hát bài này là bỏ mẹ với chúng ngay. Hương cũng g ần tàn, Trung khấn rồi ăn, để Ninh còn đưa Nhân đi bờ hồ ngắm trăng. Hôm nay ngày rằm, bờ hồ chắc phải đẹp lắm ''. Bữa cơm thật là vui, thật đầm ấm. Một bữa cơm của một gia đình g ồm những

người trẻ tuổi Việt Nam đang xả thân thề trọn niềm trung thành với sơn hà nước Nam.

Trung tâm Hà Nội rất đẹp. Tạo hóa tặng đồng bào Hà Nội một viên ngọc xinh tươi, mỹ miều. Nước hồ xanh màu cẩm thạch, lung linh dưới ánh trăng ngày rằm. Hồ rộng khoảng chừng năm mẫu. Giữa hồ nổi lên một thảm cỏ xanh hình tròn. Một hòn đảo xinh xinh trong một hồ nước mênh mang tuyệt đẹp. Tạo hóa ban và người Hà Nội đóng góp những công trình khiến hồ trở thành bảo vật quí báu của dân tộc. Người Hà Nội đóng góp công trình tinh thần và công trình vật chất cho hồ. Đóng góp đầu tiên là giấc mơ của vị minh quân Lý Công Uẩn. Kinh đô Thăng Long ra đời. Đóng góp thứ hai là của Bình Định Vương Lê Lợi. Thần Rùa ra đời trong một câu truyện cảm động và đầy tính dân tộc. Trên vua còn có thần thánh. Vua được thánh thần trao nhiệm vụ bảo vệ dân, chăm sóc dân. Thần thánh là ai ? Thần thánh là người dân. Người dân đã tạo ra truyền thuyết, người dân đã tạo ra thần Rùa, người dân đã trao trách nhiệm vào tay các vị vua. Vua không làm tròn trách nhiệm thì dân sẽ trừng phạt. Công trình về tinh thần của người dân Hà Nội thật to lớn quan trọng. Đứng bên hồ, anh cảm nhận được hình ảnh vua Lý Công Uẩn đang cưỡi rồng bay trong bầu trời trong xanh trên hồ, hình ảnh vua Lê Lợi bước ra khỏi tháp Rùa, bước lên lưng rùa, dạo quanh hồ, rồi trở về tháp Rùa. Người dân Hà Nội tạo nên những công trình xây dựng thật hài hòa quanh hồ. Những cây phượng, những cây liễu xanh, cầu Thê Húc đỏ dẫn đến đền Ngọc Sơn, ngọn tháp Bút, tháp Rùa đã tạo nên một phong cách Hà Nội. Một Hà Nội thanh lịch và trong sáng.

Nhớ hai em, lòng anh bâng khuâng nhớ Huế. Mặc dù trời nắng chói chang, nhưng nhớ đến Lịch là anh thấy cả một mùa Mưa Xứ Huế. Lịch là cô gái mau nước mắt. Thanh dỗ Lịch dùm anh. Bây chừ Huế đang nóng lắm phải không hai em ? Cái nóng Hà Nội cũng không thua chi cái nóng Huế. Không có Thanh bên cạnh để bàn bạc, năng suất làm việc của anh sút giảm. Thanh đã đ ự một phần quan trọng trong đời anh. Anh hy vọng một ngày nào đó anh lại có Thanh bên cạnh để cùng làm việc, cùng công tác. Làm việc với Thanh anh rất yên tâm và thoải mái. Thư đã dài, hai em cho anh d ừng bút. Anh chúc hai em nhiều sức khoẻ.

Anh của hai em

ƯỚC MƠ

Trả Lại Tên Đường Cổ Ngư : Đường Cổ Ngư là con đường đẹp và thơ mộng nhất Hà Nội. Con đường đã đi vào văn l ọ c sử và tâm tìn h của người Hà Nộ i Co n đườn g n ằm giữa h ai h ồ : Hồ Tây và Hồ Trú c Bạch . Đường có chùa Tấn Quốc với tiếng chuông vang vọng con đường và mặt hồ, có đền Quán Thánh cổ kính, có món ăn nổi tiếng Bánh Tôm. Năm 1959, đường đã được đổi tên thành đường Thanh Niên. Trả lại tên đường Cổ Ngư là trả lại cho người Hà Nội tâm hồn lãng mạng của thơ văn. Tôi không biết sau khi đổi tên đường thì văn, thi, nhạc sĩ có những sáng tác cho con đường Thanh Niên không ? Riêng tôi, tôi chđọc được đoản văn trích sau đây.

Ai đã đặt tên đường Thanh Niên, Hà Nội?

Hà Nội có nhiều đường phố mang tên các danh nhân. Nhiều đường phố mang tên sản phẩm hàng hóa đất Kẻ

Chợ, chỉ riêng một con đường thơ mộng mang tên đường Thanh Niên.

Và không mấy người biết chính Bác Hồ đã đặt tên cho con đường này.

Sau ngày thành phố được giải phóng (10/10/1954), Hà Nội bắt tay vào khôi phục và phát triển kinh tế. Tối thứ bảy tuần nào nhân dân các đường phố cũng tấp nập ra quét dọn vỉa hè, cống rãnh, làm tổng vệ sinh.

Chủ nhật là "ngày lao động kiến thiết tổ quốc", các tầng lớp nhân dân đặc biệt anh chị em thanh niên, học sinh từ sáng sớm đã nô nức kéo nhau đi san nền, đào móng xây dựng các nhà máy Cơ khí Hà Nội, Diêm Thống Nhất, gỗ Cầu Đuống…

Thời kỳ này, mọi người làm việc 6 ngày trong tuần, chỉ được nghỉ chủ nhật… Nhưng trên công trường xây dựng công viên Thống Nhất, nạo vét sông Tô Lịch mỗi ngày có hàng nghìn người lao động. Riêng việc sửa sang, tôn cao, mở rộng con đường đi giữa Hồ Tây, hồ Trúc Bạch được giao cho thanh niên Hà Nội "độc quyền".

Đây là con đập đắp vào đầu thế kỷ thứ 17 để giữ cá nuôi trong hồ Trúc Bạch lúc đầu mang tên "Cố Ngư" (giữ vững). Sau người dân đọc chệch thành "Cổ Ngư". Đường dài gần 1 km, từ dốc Yên Phụ đến phố Quán Thánh. Đoạn giữa có đảo Cá vàng nhô ra Hồ Tây với chùa Trấn Quốc nổi tiếng. Bên hồ Trúc Bạch có một gò nổi trên có đền Cẩu Nhi xây dựng từ đời nhà Lý. Cuối đường là đền Quán Thánh có pho tượng đồng lớn, thờ một vị trong Tứ trấn của Thăng Long thành.

Thanh niên Hà Nội đã đổ đất mở cho đường rộng, đẹp hơn, nhất là đoạn giữa, nơi có các hàng bánh tôm Hồ Tây ngon nổi tiếng. Đoạn dốc Yên Phụ được nắn thẳng, thoai thoải dễ đi. Phía trước đền Quán Thánh từng

được cạp rộng thêm tạo thành một vườn hoa.

Những chàng trai cô gái Hà Nội phấn khởi gánh, xúc, đẩy xe chở đất… Họ vui vì được trực tiếp góp phần làm đẹp Thủ đô, còn vui hơn vì được gặp Bác Hồ. Vì công trường ở ngay gần Phủ Chủ tịch nên hai lần Bác Hồ đi công tác về qua, đã dừng xe xuống thăm.

Các cháu thanh niên, học sinh đang giờ lao động, lưng áo ướt đẫm mồ hôi, chợt ngửng đầu thấy Bác Hồ đứng trước mặt thì ngạc nhiên đến sửng sốt. Họ reo to: Bác Hồ! Bác Hồ! Thế là tất cả mọi người vứt bỏ quang gánh, chân đầy bùn đất ùa tới vây quanh Bác.

Bác hiền từ hỏi các cháu làm có mệt không? Bác dặn dò phải giữ an toàn lao động. Rồi Bác lên xe, vẫy chào các cháu thanh niên. Cả hai lần, Bác đều đến thăm đột xuất. Khi các đồng chí lãnhđạo thành phố được tin, phóng ôtô đến thì Bác đã rời công trường.

Ngày 19/5/1959 là kỷ niệm ngày sinh lần thứ 69 của Bác Hồ. Thanh niên công trường đường Cổ Ngư nảy ra ý định tổ chức một cuộc diễu hành dương cao biểu ngữ có trưng những con số thành tích tăng năng suất và dòng chữ "Kính chúc Hồ Chủ tịch sống lâu muôn tuổi" đến trước cổng Phủ Chủ tịch.

Khu vườn hoa nhỏ với những cây xanh vốn yên tĩnh, chiều hôm ấy bỗng trở nên tưng bừng. Tiếng hát, tiếng hô khẩu hiệu "Hồ Chủ tịch muôn năm!" vang lên không ngớt. Đồng chí bộ đội cảnh vệ vào báo cáo với văn phòng Phủ Chủ tịch nguyện vọng của các đoàn viên thanh niên. Một lát sau, đồng chí thư ký của Bác Hồ ra gặp, chuyển lời cảm ơn của Bác tới các cháu thanh niên. Bác chúc các cháu lao động tốt, học tập tốt hơn nữa.

Cuối năm 1959, công việc sửa chữa, mở rộng con đường đã xong, các đồng chí lãnhđạo thành phố, thành đoàn thanh niên Hà Nội bàn nên đặt cho con đường một

tên mới. Cái tên "Cổ Ngư" nghe nó "cổ" quá. Một số đồng chí đề nghị đổi là đường Lý Tự Trọng, tên một đoàn viên thanh niên cộng sản tiêu biểu.

Một nhà văn hóa đề nghị nên đặt tên là đường Hồ Xuân Hương vì con đường thơ mộng này gắn liền với Bà Chúa thơ Nôm, nữ thi sĩ lãng mạn ở phường Khán Xuân, Thăng Long thành.

Bác sĩ Trần Duy Hưng, khi đó là chủ tịch ủy ban hành chính Hà Nội được giao nhiệm vụ lên báo cáo và xin ý kiến Bác Hồ.

Sau khi nghe trình bày, Bác Hồ hỏi lại:

- Những ai là người xây dựng con đường này?

Bác sĩ Trần Duy Hưng trả lời:

- Thưa Bác, thanh niên Thủ đô.

Bác nói giản dị:

- Thế thì nên đặt tên là đường Thanh Niên!

Đường Cổ Ngư mang tên Thanh Niên từ đấy. Ở đầu đường, còn có một cây đa do Bác trồng, bên tượng Lý Tự Trọng. Đây là một trong những con đường đẹp nhất của Thủ đô Hà Nội. Cái tên đường Thanh Niên tuyệt đẹp đã khắc sâu vào ký ức của bao lớp người, cần được gìn giữ cho mai sau.

Theo Lê Văn Ba và Trần Tư
(Cựu cán bộ tuyên huấn Thành đoàn Hà Nội)
Báo Tiền phong

Việt Báo (Theo Dân trí)

Đọc bài này tôi có cảm tưởng đây là bài văn châm biếm. Thay vì ca tụng ông Hồ Chí Minh trong việc chọn tên Thanh Niên thay cho tên Cổ Ngư, thì tác giả lại cho người đọc thấy nhiều điều khôi hài của giới lãnh đạo và thi sĩ Hồ Chí Minh. Thứ nhất là tinh thần coi lãnh tụ như

thần thánh khiến cho họ mất hẳn tính suy tư. Thứ hai, lý do đổi tên đường Cổ Ngư vì tên quá cổ thì thật là ngây ngô. Thứ ba cách giải quyết quá giản dị một vấn đề liên quan đến tâm tình của người dân. Cả một hội đồng không tìm nổi tên khả dĩ để thay cho tên đường Cổ Ngư khiến thi sĩ Hồ Chí Minh ngán ngẫm chọn đại tên Thanh Niên và bọn quần thần tung hô vạn tuế vạn vạn tuế .

Dẹp bỏ tượng Lenin : Nhiều nước cộng sản cũ ở Đông Âu đã giật xập tượng Lê Nin lý do ông là một trong những người chủ chốt lập ra chế độ cộng sản. Chế độ này đã gây ra nhiều thảm họa cho nhân loại và đất nước của họ. Tượng Lê Nin tại thành phố Poprad, Czechoslovakia (bây giờ là Slovakia) sau khi bị giật đổ, một người Mỹ, Lewis E. Carpenter, đã mua tượng này và đem về dựng tại một con đường tại thị trấn Fremont, Seattle, tiểu bang Washington. Nhiều người nghĩ rằng ông Carpenter đã cứu ông Lê Nin và đem ông đến xứ sở tự do. Nhưng theo tôi, ông Carpenter đã trừng phạt ông Lê Nin một cách thật thông minh. Ông đã để ông Lenin sống trong sự ăn năn hối hận vì ông mà đất nước Nga ngày nay tan rã và thua kém các nước tư bản phương Tây. Ông Lê Nin đứng cô đơn tại con đường đông người qua. Ông nhìn người dân Mỹ sống tự do, sung túc. Chắc hẳn ông Lê Nin phải đấm ngực : " Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi. Xin nhân dân Nga tha tội cho tôi. " Ngay tại quê hương ông, nước Nga, người dân Nga cũng đã trừng phạt ông. Người Nga đã thay thành phố mang tên ông, Leningrad, và lấy lại tên cũ của nó xưa Saint Petersburg. Vậy, không có lý do gì chúng ta lại để tượng Lê Nin trên đất nước Việt Nam trong công viên lớn, tại một thành phố lớn. (Xin xem chú thích 1)

Đưa ông Hồ Chí Minh về an nghỉ tại Nghệ An, quê hương ông : Thứ nhất để chấm dứt việc điều hành và bảo trì tốn kém cho công quỹ. Điều này gần với ước mơ của ông viết trong di chúc hơn là ướp xác xây lăng. Thứ hai để công bằng trong việc đánh giá công tội của ông. Ông Hồ Chí Minh có công trong việc lãnh đạo dân tộc đánh bại quân xâm lược Pháp. Ông Hồ Chí Minh có tội là đem chế độ Cộng Sản để cai trị đất nước và đã thi hành cải cách ruộng đất khiến văn hóa đạo đức của dân tộc hàng thế kỷ cũng không phục hồi được. Thứ ba để giải thoát cho ông khỏi ngục tù của đồng chí đàn em ông đã giam cầm ông từ sau cải cách ruộng đất năm 1954 thất bại và cả sau khi ông qua đời. Thứ tư để chấm dứt sự lợi dụng hào quang của ông trong việc duy trì một chế độ lỗi thời nhằm củng cố địa vị của các đồng chí đàn em.

Dời thủ đô về Pleiku hoặc Đà Lạt (Trong luận văn tốt nghiệp cử nhân năm 1968 của trường Chánh Trị Kinh Doanh, Viện Đại Học Đà Lạt : Thử Tìm Một Đường Lối Ngoại Giao Cho Nước Việt Nam Thống Nhất, tôi đã đề nghị chọn Đà Nẵng hoặc Nha Trang làm thủ đô. Tôi xin đề nghị lại : Nên chọn Pleiku hay Đà Lạt làm thủ đô vì hai lý do : Thứ nhất Đà Nẵng, Nha Trang là các tỉnh ven biển dễ bị lực lượng hải, không quân của Trung Hoa ngày càng hùng mạnh đánh phá. Pleiku, Đà Lạt ở sâu trong lục địa lại có nhiều núi đồi nên dễ dàng cho việc phòng thủ và ngày nay vấn đề giao thông, thông tin, tiếp tế cho các tỉnh cao nguyên không khó khăn như trước kia.)

Việc dời thủ đô từ Hà Nội về Pleiku hoặc Đà Lạt để thực hiện được ba điều :

> Thứ nhất : Thực hiện kế hoạch chống Trung Quốc lâu dài. Hà Nội sẽ trở thành bộ tư lệnh tiền phương. Để tiếp tế lương thực, quân trang quân dụng, đạn dược vũ khí cho tiền phương nên kiến tạo xa lộ và tuyến đường sắt Trường Sơn. Đó chỉ là một điểm trong thế thủ. Hiện nay, nhà nước Việt Nam đã thực hiện được những công việc sau cho việc phòng thủ : Thứ nhất để cho nước Nga trở lại vịnh Cam Ranh đã sửa chữa sai lầm trước đây là khi Liên Xô tan rã, Việt Nam đã đồng ý cho Nga cắt hợp đồng thuê Cam Ranh trước thời hạn 2 năm và Nga không có 200 triệu Mỹ kim để trả tiền thuê. Nếu lúc bấy giờ, Việt Nam vẫn để cho Nga sử dụng cảng

Cam Ranh và thay vì trả bằng tiền, Nga trả bằng huấn luyện quân sự hoặc vũ khí chiến cụ hoặc cung cấp chuyên gia …vv... Hải quân Nga ở Cam Ranh là đối trọng với Trung Hoa và Mỹ. Thứ hai, Việt Nam đang xây dựng lực lượng hải quân và phòng không mạnh mẽ hơn. Thứ ba, Việt Nam liên kết quân sự với Mỹ, Nhật, Ấn Độ. Những kế hoạch phòng thủ này đã có hiệu quả khiến Trung Hoa phải dời giàn khoan HD 981 khỏi biển Đông. Nếu dời thủ đô về Pleiku hay Đà Lạt thì kế hoạch phòng thủ hoàn chỉnh. Về thế công, Trung Hoa có nhiều tàu lớn, nhiều máy bay hiện đại hơn Việt Nam nên có lợi thế về mặt này vì hải quân và không quân cần số lượng và tối tân hơn là binh sĩ thiện chiến vì hai bên không trực tiếp đối mặt trong trận chiến. Trận chiến trên bộ, quân sĩ Việt Nam thiện chiến, tinh nhuệ và có tinh thần quyết chiến hơn quân sĩ Trung Hoa. Ông cha ta và lịch sử chứng minh rằng trong chiến tranh trên bộ không cần quân nhiều mà cần quân tinh nhuệ. Lịch sử cũng cho thấy, trong các cuộc xâm lăng Việt Nam, Trung Hoa đều dùng quân sĩ của hai tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông. Theo nhận xét của cá nhân tôi thì dân Lưỡng Quảng thân thiện và hiểu biết Việt Nam hơn là với Bắc Kinh. Lý do dân Quảng Tây, Quảng Đông và Việt Nam qua lại buôn bán làm ăn với nhau. Quảng Đông và Quảng Tây lại khác biệt

tiếng nói với Bắc Kinh. Trong cuộc cách mạng Hoa Dù tại Hồng Kông năm 2014 để đòi dân chủ, những người tranh đấu đã dùng tiếng Quảng Đông thay vì tiếng Quan Thoại làm phương pháp đấu tranh (Xin xem chú thích 2 để biết những mâu thuẫn giữa Lưỡng Quảng và Bắc Kinh). Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Địch dùng sức mạnh hải quân để bắt người và tịch thu tài sản của ngư dân ta. Đáp trả, ta dùng biệt kích bắt người của địch về giảng dạy những sai lầm của chính quyền Bắc Kinh vài ngày rồi thả về hoặc phá cầu, hoặc phá đường ray xe lửa của địch … Nếu địch dùng lực lượng lớn để chiếm đảo của ta. Đáp trả, ta dùng lực lượng cấp tiểu đoàn xâm nhập vào Lưỡng Quảng, Vân Nam và áp dụng sách lược chiến tranh du kích của Mao Trạch Đông :" Địch mạnh thì ta rút, địch rút thì ta lại tới … Có kế hoạch công và thủ tốt là lời cảnh cáo đanh thép cho chính quyền Trung Hoa. Họ sẽ không dám có những hành động ngang ngược như hiện nay. Nhưng ngày nay, chống xâm lược Trung Hoa rất khó khăn, không đơn thuần quân sự như ngày xưa. Trung Hoa dùng ba mũi nhọn để thực hiện " Giấc Mơ Trung Hoa " của ông Tập Cận Bình : Quân sự, kinh tế và viện Khổng Tử. Trong đó kinh tế là mũi chính. Bước đường cùng, họ mới dùng quân sự. Trung Hoa không dám tấn công Việt Nam bằng lực lượng lớn và lâu

dài. Thứ nhất, Việt Nam có quân đội hùng mạnh và thiện chiến đủ sức gây tổn thất đáng kể cho Trung Hoa. Thứ hai, nếu Việt Nam đáp trả bằng chiến tranh lâu dài thì phần thua sẽ về phía Trung Hoa. Lý do chính, gây chiến tranh với Việt Nam sẽ có lợi cho đối thủ chính của Trung Hoa là Hoa Kỳ, Nhật. Hiện nay, Việt Nam vẫn ở trong thế bất lợi so với Trung Hoa. Thứ nhất, Việt Nam chưa đủ sức chống lại mũi tấn công chính của Trung Hoa vì kinh tế Việt Nam còn yếu chưa thoát khỏi sự khống chế của Trung Hoa. Kinh tế yếu kém, Việt Nam không thể đi giây giữa ba ông lớn Mỹ, Trung Hoa và Nga. Việt Nam vẫn chỉ là sân sau cho các nước lợi dụng : Nga, Ấn bán võ khí, Trung Hoa rút tỉa tài nguyên, Mỹ hoàn thành kế hoạch xoay trục sang Thái Bình Dương, Đại Hàn, Nhật, Đài Loan, Tân Gia Ba lợi dụng nhân công rẻ. Thứ hai, ông cha ta dạy rằng : Thiên thời, địa lợi và nhân hòa là ba yếu tố để thắng một trận chiến. Trong cuộc chiến giữa Việt Nam và Trung Hoa hiện nay, Việt Nam có thiên thời (đa số các nước lên án về thái độ ngang ngược của Trung Hoa), Việt Nam có địa lợi (Việt Nam có vị trí địa lý quan trọng và chiến tranh xảy ra trên đất và lãnh hải Việt Nam), nhưng Việt Nam không có nhân hòa (nội bộ chia rẽ, tham nhũng, nạn sứ quân, dân chúng không còn tin vào chính quyền, đó là chưa kể đến tranh chấp đất đai, tranh chấp

tôn giáo ..vv…). Ông cha ta ũng d ạy rằng thiên thời thì không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa. Vì không có nhân hòa nên Việt Nam vẫn ở thế thủ bất lợi và thua thiệt. Tóm lại, Việt Nam chưa có kinh tế vững mạnh và người dân mất niềm tin vào chính quyền thì Việt Nam vẫn chưa được các cường quốc đối xử công bằng, thân thiện và nể nang như họ đối xử với Đại Hàn, phần thua thiệt vẫn ở phía Việt Nam. Buồn thay.

- Thứ hai : Dời thủ đô để thực hiện hòa hợp hòa giải dân tộc. Xáo bỏ được cảm tưởng miền Bắc thống trị miền Nam.

- Thứ ba : Trả lại Hà Nội sự thanh lịch, khiêm cung. Hà Nội là thành phố sinh sản ra các nhà văn hóa, những kẻ sĩ có tài đức và khí phách của sĩ phu Bắc Hà ngày xưa và là nơi hội tụ của văn, thi, họa sĩ. Hà Nội không phải là đỉnh cao trí tuệ loài người như người cộng sản rêu rao. Sự tự phụ không đúng sự thật chỉ làm trò cười cho thiên hạ.

Viết ước mơ này dài d ng t ởng như lạc đề, mục đích của tôi chỉ để nêu rõ việc dời thủ đô từ Hà Nội vào Pleiku hoặc Đà Lạt là quan trọng trong việc phòng thủ và thực hiện hòa hợp hào giải dân tộc. Dời thủ đô để đất nước lật sang trang mới, chấm dứt thời kỳ lịch sử đen tối, kể từ lúc các thế lực ngoại bang chặt đôi đất nước vào ngày 20 tháng 7 năm 1954.

Kết luận :

Tôi viết bài này vào những ngày giữa mùa thu, cuối tháng 10, năm 2014. Lá đổi màu vàng, đỏ, da cam …. nhiều buổi sáng sương phủ mờ những cánh rừng thật mơ màng và đẹp, những cơn mưa rả rich cũng thật buồn tại nơi tôi đang cư trú, thành phố Seattle. Đêm khuya, trong căn phòng ấm cúng, những hạt mưa đập nhẹ vào kính cửa sổ, mở Youtube nghe ca sĩ Mỹ Linh hát bài Hà Nội Đêm Trở Gió của Trọng Đài :

Hà Nội ơi tươi xanh màu áo học trò
Những con đường thân quen còn đó
Tiếng rao vang đâu đây nghe động trời đêm.

Hồng Hà ơi buồm ai khe khẽ thuyền về
Cành me thì thầm gục đầu vào dĩ vãng
Tiếng ve kêu râm ran suốt đêm hè
Giọng dân ca sao gợi nhắc hồ Gươm.

Hà Nội ơi xanh xanh liễu rủ mặt hồ Gươm
Cô đơn sấu rụng ngoài ngõ vắng
Con sóng nào vẫn vỗ về vào đam mê
Hà Nội ơi, Hà Nội ơi.

[ĐK:]
Ta nhớ không quên những tháng năm qua
Một nét riêng tư gợi nhắc cho ai
Là nhắc đến những kỷ niệm đã qua.

Hà Nội ơi nhớ về mùa thu tháng mười
Hà Nội Đêm Trở Gió lyrics on ChiaSeNhac.com

Áo học trò xanh những hàng me
Hà Nội ơi ta nhớ không quên
Hà Nội ơi trong trái tim ta.

Chiều mùa thu gió về rộng trên phố phường
Nắng vàng hồng tươi những nụ cười
Hà Nội ơi ta nhớ không quên
Hà Nội ơi trong trái tim ta.

Xin cám ơn nhạc sĩ Trọng Đài, ca sĩ Mỹ Linh. Bài hát như nhắc nhở tôi là người sinh ra tại Hà Nội. Hà Nội Quê Hương Trong Trí Nhớ và ở cả trong trái tim tôi.

Chú Thích 1 : Statue of Lenin, Seattle

From Wikipedia, the free encyclopedia

Artist	Emil Venkov
Year	1988
Type	Sculpture
Material	Bronze
Dimensions	5 m (16 ft)
Location	Seattle

There is a 16 foot (5 m) bronze sculpture of Communist revolutionary Vladimir Lenin located in the Fremont neighborhood of Seattle, Washington.
The statue was constructed by a Bulgarian sculptor residing in Slovakia, Emil Venkov, under commission

from the Soviet and Czechoslovak governments. While following the bounds of his commission, Venkov intended to portray Lenin as a bringer of revolution, in contrast to the traditional portrayals of Lenin as a philosopher and educator. His Lenin marches ahead fiercely, surrounded by torrid flames and symbols of war.

Venkov's work was completed and installed in Poprad, Czechoslovakia (now Slovakia), in 1988, shortly before the fall of Czechoslovak communism during the 1989 Velvet Revolution. Despite popular belief, the Poprad Lenin was not toppled in the demonstrations during the fall of communism. Instead, it was quietly removed from Lenin's Square, in front of Poprad's main hospital, several months after the Velvet Revolution.

Lewis E. Carpenter, a resident of Issaquah, Washington, who was teaching English in Poprad, found the monumental statue lying in a scrapyard ready to be sold for the price of the bronze. In close collaboration with a local journalist and good friend, Tomáš Fülöpp, Carpenter approached the city officials with a claim that despite its current unpopularity, the sculpture was still a work of art worth preserving, and he offered to buy it for $13,000. After many bureaucratic hurdles, he finally signed a contract with the mayor on March 16, 1993.[1]

With the help of the original sculptor, the statue was professionally cut into three pieces and shipped to the United States at a total cost of $41,000. Lewis Carpenter financed much of that via mortgaging his home.

On February 18, 1994 in the midst of the uproar in Seattle that was set off by his import of a statue of a communist leader, Lewis Carpenter was killed in a car accident.[2] The statue, now part of his estate, was left lying in his backyard. The family contacted a local brass foundry, who offered to move it off the property. In 1995, the statue was first placed in Fremont at the corner of N 34th St & Evanston Ave N, one block south of a salvaged Cold War rocket fuselage, another artistic Fremont attraction. It now stands two blocks northward at the intersection of Evanston Ave N, N 36th St, and Fremont Place, outside a falafel shop and a gelato shop. This new location is just 3 blocks west of the Fremont Troll, another Fremont art installation under the Washington State Route 99 bridge.

The Carpenter family continues to seek a buyer for the statue. The asking price as of 2006 is $250,000, up from a 1995 price tag of $150,000.

Fremont was considered a quirky artistic community, and like other statues in the neighborhood (such as *Waiting for the Interurban*), the Lenin statue is often the victim of various artistic projects, endorsed or not. A glowing red star and sometimes Christmas lights have been added to the statue for Christmas since 2004. For the 2004 Solstice Parade, the statue was made to look like John Lennon. During Gay Pride Week, the statue is dressed in drag. Other appropriations of the statue have included painting it as a clown, and clothing it in a custom-fitted red dress by the Seattle Hash House Harriers for their annual Red Dress Run.

The BBC highlighted Seattle's Lenin statue after protesters in Ukraine, a former subject of Lenin's Soviet Union, removed their statues of their former ruler.

Zygimantas Pavilionis, envoy to Washington D.C. from Lithuania, referred to the 2014 Russian military intervention in Ukraine by saying, "In Seattle, I saw that ugly monument to Lenin there. So, one day you will wake up and instead of 'Go Huskies' you have those self-defense units without insignia with Russian plates defending you."

Chuyển sang Việt Ngữ : Lê Trọng Huấn

Lê Trọng Huấn bên trái

TƯỢNG LENIN TẠI SEATTLE

Một bức tượng đồng của trùm cộng sản Vladimir Lenin, cao 5 thước (16 feet), được đặt
tại Fremont, ngoại ô phía tây của thành phố Seattle, Bang Washington.

Bức tượng đồng này do nhà nước Liên Xô và Tiệp (Czechoslovak) giao cho một điêu khắc gia Emil Venkov, người Bulgary nhưng sống ở Slovakia thực hiện. Trái với lệ thường, tượng Lenin luôn được miêu tả như một nhà hiền triết hoặc một nhà giáo dục, lần này, điêu khắc gia Venkov đã tạc hình tượng Lenin với uy thế một lãnh tụ cách mạng. Lenin ở trong tư thế hùng dũng tiến về phía trước trong đám lửa hùng hực và những biểu tượng của chiến tranh.

Câu Chuyện

Tiên khởi bức tượng được hoàn tất và đặt ở thành phố Poprad, Tiệp Khắc (Czechoslovakia bây giờ là Slovakia), vào năm 1988, không lâu trước khi chế độ Cộng Sản sụp đổ vào năm 1989 trong Cuộc Cách Mạng Nhung. Trái với điều người ta thường nghĩ, bức tượng đã đứng yên tại Công Trường Lenin, trước bệnh viện chính của Poprad, và nó đã không bị kéo sập trong suốt các cuộc biểu tình làm sụp đổ chế độ Công Sản, mãi cho đến mấy tháng sau khi Cuộc Cách Mạng Nhung thành công nó mới được lặng lẽ dời đi.
Một cư dân của Issaquah, ngoại ô của Seattle, Ông Lewis E. Carpenter dạy Anh Ngữ tại Poprad, đã tìm thấy

bức tượng khổng lồ này nằm lăn lóc tại một khu bán đồng, sắt vụn chờ người mua về đúc lấy đồng.

Với sự hợp tác của một người bạn thân đồng thời cũng là phóng viên của một tờ báo địa phương, Ông Fulopp, họ đã tiếp xúc với Tòa Thị Chính để mua bức tượng với lý do thuyết phục rằng mặc dầu không mấy ai yêu thích bức tượng nhưng dầu gì nó cũng là một tác phẩm nghệ thuật cần được bảo tồn. Ông ta đề nghị mua với giá 13 nghìn Đô La. Sau khi vượt qua nhiều trở ngại về thủ tục, ngày 16 tháng 3, 1993, Ông Carpenter đã ký được hợp đồng mua bán với thị trưởng của thành phố.

Với sự trợ giúp của chính điêu khắc gia tác giả, bức tượng được khéo léo cưa làm ba khúc và gởi về Mỹ với phí tổn là 41 nghìn Đô La. Ông Carpenter đã phải thế chấp căn nhà của mình để trang trải phần lớn phí tổn.

Ngày 18 tháng 2, 1994, trong lúc Seattle đang xôn xao dị nghị việc đem tượng một trùm Cộng Sản về thành phố thì Ông Carpenter bị tử vong trong một tai nạn ôtô. Bức tượng được để nằm sau vườn Ông Carpenter.

Gia đình liên lạc với một xưởng đúc và họ bằng lòng di dời bức tương ra khỏi khuôn viên nhà. Ban đầu bức tượng được đặt ở góc đường N 34th Street và đường Evanston Ave N, cách một khoảng ngắn với nơi trưng bày một vỏ hỏa tiễn của thời kỳ Chiến Tranh Lạnh cũng được xem như một tác phẩm nghệ thuật cho vùng Fremont. Hiện nay bức tượng được dời về cách hai khoảnh của góc đường Evanston Ave, đường N 36th Street và Công Trường Fremont, bên ngoài tiệm bánh đậu rán và tiệm kem Ý. Địa điểm mới này chỉ cách Fremont Troll, một tác phẩm nghệ thuật khác nằm dưới cầu trên đường 99.

Gia đình Ông Carpenter hiện vẫn kiếm người mua. Họ kêu giá 250 nghìn Đô La, vào năm 1995 giá ích 150 nghìn.

Fremont là một cộng đồng có khiếu thẩm mỹ mang tính diễu cợt, khôi hài, tượng Lenin cũng chịu chung số phận với các tượng đài khác (như tượng Waiting for the Interurban) nghĩa là thỉnh thoảng bị biến dạng, mặc kệ có đồng ý hay không. Từ năm 2004 có khi một ngôi sao đỏ nhấp nhánh được gắn trên đầu tượng trong dịp Lễ Giáng Sinh, có khi thì lèo tèo vài vòng đèn Giáng Sinh quanh cổ.

Năm 2004, trong cuộc diễn (diễu) hành Ngày Hạ Chí (Solstice Parade), tượng được tô điểm giống ca nhạc sĩ John Lennon của nhóm The Beattles. Trong dịp Gay Pride Week (Tuần Lễ Niềm Hãnh Diện Đồng Tính) tượng được khoác lên bộ y phục phụ nữ. Một vài biến dạng khác như tượng được tô vẽ giống một tên hề, hoặc mặc nguyên bộ đồng phục đỏ choét may sít sao của Hội Hash House Harriers Seattle trong cuộc đua thường niên Red Dress Run của Hội.

Đài BBC nhắc đến tượng đài Lenin ở Seattle sau khi những người biểu tình ở Ukraine, một cựu chư hầu của Xô Viết, kéo sập tượng nhân vật đã từng cai trị họ. Ông Zygimantas Pavilionis, Đại Sứ của Lithuania tại Hoa Kỳ, khi nhắc đến cuộc can thiệp quân sự của Nga vào Ukraine đã nói, "Tôi đã trông thấy tượng đài kịch cợm Lenin ở Seattle. Sẽ có một ngày khi thức dậy đáng lý được nghe tiếng reo vang 'Go Huskies' (Huskies tiến lên - Huskies là đội banh của Đại Học University of Washington, Bang Washington) thì mọi ta chỉ thấy từng nhóm nhân dân tự vệ không mang một huy hiệu nào cả chỉ có những biển hiệu tiếng Nga đứng canh phòng".

Chú Thích 2 :

Published December 8, 2014 | Posted in Thời Sự

Tú Anh/RFI

Sau game video, sinh viên Hồng Kông còn dùng tiếng Quảng Đông làm vũ khí đấu tranh
– REUTERS /Tyrone Siu

Trong những căn lều cắm dùi phong tỏa đường phố hay trên mạng Internet, thanh niên sinh viên Hồng Kông tạo từ ngữ mới để thúc đẩy nền dân chủ. Trong cuộc đấu tranh chống lại chính sách độc đoán Bắc Kinh, người dân Hồng Kông có một đồng minh bất ngờ : dân Quảng Đông nói cùng một thứ tiếng và cũng bất bình với chính quyền trung ương.

Theo AFP, từ khi cách mạng Hoa Dù phát khởi tại Hồng Kông ngày 28/09, cuốn tự điển điện tử của Helen Fan trên mạng tràn ngập từ mới. Cô họa sĩ trẻ tuổi họ Phạm này thu thập những khẩu hiệu bằng tiếng Anh, bằng tiếng Quảng Đông và những hình vẽ sáng tạo suốt hai

tháng tranh đấu trong danh sách *« từ vựng hoa Dù »* trên mạng.

Đúng là một hiện tượng *« bùng nổ chơi chữ »* tại nhượng địa của Anh Quốc được trả về Trung Quốc. Mỗi tuần đều có từ mới xuất hiện và có cùng tác động nhạo báng chế độ và lãnh đạo chính trị.
Thừa biết các nhà độc tài xem thường công kích nhưng họ sợ nhất là bị chế nhạo, bị chọc quê, người dân Hồng Kông sử dụng giọng Quảng Đông để đổi nghĩa tên họ của chủ tịch hành pháp Lương Chấn Anh thành Lang Chấn Anh tức là con chó sói. Lối chơi chữ tuyệt diệu này vừa nói lên sự khinh thường nhân vật bị xem là tay chân bộ hạ của Bắc Kinh vừa chế giễu chính quyền Trung Quốc dùng chó sói để ngăn cản nguyện vọng dân chủ của Hồng Kông.

Tại khu Admiralty, khu đặt cơ sở chính quyền Hồng Kông, người biểu tình treo hàng loạt *« chó sói nhồi bông »* để nhấn mạnh thông điệp này.

Một thí dụ cụ thể khác là khẩu hiệu *« chiếm đóng đường phố »* nếu đọc theo giọng Bắc Kinh là *« gou wu »* hay *« cấu vật »* có nghĩa là *« mua sắm »*. Nhưng âm sang tiếng Quảng Đông thì từ *« gou wu »* mang ý nghĩa *« chiếm đóng đường phố »* cộng thêm một chút tiếu lâm, ám chỉ bộ phận sinh dục của đàn ông.

Từ mới này rất được thịnh hành sau khi Lương Chấn Anh ra lệnh cho cảnh sát giải tỏa khu thương mại Mongkok và kêu gọi người biểu tình *« đi mua sắm »* để giúp đỡ doanh nhân.

Theo AFP, cách mạng Hoa Dù đã sáng tạo thêm nhiều từ mới như các phong trào tranh đấu Occupy Wall Street tại New York hay Mùa Xuân Ả Rập tại Ai Cập.

Song song với cuộc tranh đấu bằng ngôn ngữ này mà một thanh niên cho rằng để bảo vệ bản sắc văn hóa, ngôn ngữ Quảng Đông, tự điển *« từ vựng Hoa Dù »* còn định nghĩa, giải thích những danh từ chính trị như *« quyền công dân »* hay *« điều hành »* đất nước để giúp công luận hiểu rõ thêm ý nghĩa và lợi ích của phong trào tranh đấu đòi dân chủ thật sự.

Thật ra, chính quyền Bắc Kinh không phải chỉ sợ Hồng Kông ly khai. Toàn tỉnh Quảng Đông sát cạnh Hồng Kông cũng bất mãn chính quyền trung ương. Sau khi lên cầm quyền Tập Cận Bình đã bổ nhiệm Hồ Xuân Hoa thay thế lãnh đạo Quảng Đông Uông Dương, một người có tiếng cởi mở trong vụ dân làng Ô Khảm nổi dậy.

Tính độc đoán của Bắc Kinh thể hiện cụ thể nhất qua chính sách xóa bỏ tiếng Quảng Đông trong học đường và trên các chương trình truyền hình mà chính quyền trung ương gọi là thổ ngữ đang gây phẫn nộ cho dân địa phương.

Mùa hè năm nay, báo chí địa phương thường can đảm vượt rào đã phổ biến rộng rãi phản ứng chống đối của dân cư địa phương : chính quyền định dùng một ngôn ngữ (quan thoại) mới hoàn chỉnh cách nay 100 năm để ức chế tiếng Quảng Đông đã có từ 1.000 năm.

Trong học đường, học sinh đã bị bắt buộc phải nói tiếng quan thoại. Giáo sư Hán học Victor Mair đại học Pennsyvalnia Hoa Kỳ cho biết là khi áp đặt chính sách này, chính quyền Trung Quốc ngoài ý muốn thống nhất

ngôn ngữ còn có ý đồ dùng tiếng quan thoại ở phía bắc để thống trị người dân phương nam nói tiếng Quảng Đông và những cộng đồng khác như Triều Châu, Thượng Hải.

Hệ quả là trẻ nhỏ ở nhà không nói tiếng Quảng Đông và số lượng người nói tiếng Quảng đã ít đi từ kể từ năm 1949 khi Mao chiến thắng. Giáo sư Victor Mair kết luận là nếu không nhờ ảnh hưởng của Hồng Kông có lẽ tiếng Quảng Đông đã chết từ lâu tại Quảng Đông.

Lăng cụ Nguyễn Du – Hình lấy trên net.

Một Yêu Câu Hát Truyện Kiều
Lắng Lơ Như Tiếng Sáo Diều Làng Ta
Tình Ca - Phạm Duy

Truyện Thật

- Trong bài Nguyên Vọng Hình Hài của nhạc sĩ Phạm Duy có bốn câu nói về quê hương của cụ Nguyễn Du.

  Ai có về biển dài cát rộng
  Nơi công dân nào cũng làm thơ
  Tôi hết thuộc lời vàng châu ngọc
  Xin ru tôi nghe truyện Kiều xưa.

  Quê hương cụ Nguyễn Du, ai cũng biết làm thơ, nhưng cụ Nguyễn Du là người làm thơ hay nhất. Thơ của cụ là những lời vàng châu ngọc. Đây là sự thật.

- Anh bạn học họ Phạm của tôi đi tù cải tạo đem theo quyển Kim Vân Kiều và mười chỉ vàng. Trong buổi họp mặt bạn bè vào một buổi tối tháng sáu năm 2007 tại nhà tôi, có nhân chứng là bạn tù cải tạo của anh bạn họ Phạm và cũng là bạn của chúng tôi, anh bạn họ Phạm nói :" Miền Nam Tự Do và Miền Bắc Cộng Sản đều thích truyện Kiều, tao nghĩ đem truyện Kiều đọc cho đỡ buồn cũng không có vấn đề gì. Đem mười chỉ vàng là nằm trong kế hoạch trốn trại để vượt biên của gia đình ". Anh bạn họ Phạm kể tiếp :" Tao chôn mười chỉ vàng dưới đất, không dám giữ vàng trong người. Một hôm tao bói Kiều. Tao khấn rồi lật quyển Kiều và đọc :
  Đùng đùng gió giục mây vần,
  Một xe trong cõi hồng trần như bay .
  Giật thót mình, tao vội vàng tìm cách đào 10 chỉ vàng và đem dấu trong vạt áo. Ngày hôm sau chuyển trại. Tao tin : Cụ Nguyễn Du đã hiển Thánh."

Truyện Khó Tin Nhưng Có Thật

Trong một bài phỏng vấn, nhạc sĩ Phạm Duy nói ông thuộc truyện Kiều lúc ông mới mười tuổi. Anh bạn học họ Phan khoe với tôi : Anh thuộc truyện Kiều lúc anh tám tuổi. Từ ngày biết đọc chữ Quốc Ngữ, lúc sáu tuổi, buổi tối nào anh cũng đọc truyện Kiều cho bà ngoại anh nghe. Đọc riết nên anh thuộc lòng truyện Kiều. Tôi cũng vừa mới xem một youtube nhan đề : " *Bé 3 tuổi đọc truyện Kiều bằng giọng Huế* ". Đoạn phim dài 2 phút 59 giây. Cô bé đọc từ câu đầu *Trăm năm trong cõi người ta* cho đến câu *Cung thương lầu bậc ngũ âm*, tổng cộng 31 câu. Tôi không biết cô bé thuộc truyện Kiều đến đâu. Nếu thuộc hết truyện Kiều thì cô bé là Đại Thần Đồng. Nếu chỉ thuộc 31 câu thì cô bé có trí nhớ tốt. Điều lạ đối với tôi là cô bé được bà ngoại và ông bố dạy truyện Kiều. Điều này chứng tỏ rằng bà ngoại và ông bố của cô bé say mê truyện Kiều và thuộc truyện Kiều như cháo. Đối với tôi, trong thời đại ngày nay, vẫn còn có gia đình dạy con cháu truyện Kiều thì đây là điều đáng mừng.

Truyện Tiểu Thuyết

Hoàng Lùn, bạn học thân thiết, kể cho tôi câu truyện cũng có chút ít liên quan đến truyện Kiều. Hoàng kể : " Năm Đệ Nhất trung học (lớp 12 bây giờ), trong một buổi họp ban văn nghệ, chúng tao nói về bói Kiều. Anh Thư nói : " Mẹ tao không biết chữ nhưng thuộc hết truyện Kiều. Mỗi lần bói Kiều, mẹ tao khấn vái rồi bà mở quyển sách Kiều của bà. Bà nhờ tao đọc câu đầu trang sách. Bà đọc những câu tiếp theo của trang sách." Tao không tin nên nói :

- Tao thuộc hết truyện Kiều, câu đầu đến câu cuối.

- Mi nói dóc.
- Mi dám cá không, Anh Thư ?
- Nếu mi không đọc được thì tao tát vô miệng mi vì tội nói dóc, mi chịu không?
- Nếu tao đọc được thì răng ?
- Mi tát vô miệng tao
- Ai lại đánh phụ nữ. Tao đọc được, mi cho tao nắm tay mi ?

Tất cả vỗ tay. Anh Thư ngần ngừ, cuối cùng Anh Thư nói:

- Được ..

Chị Mai, trưởng ban văn nghệ, được đề nghị làm trọng tài cho cuộc thi đấu. Tao đằng hắng giọng, rồi đọc :

- *Trăm năm trong cõi người ta*
  Mua vui cũng được một vài trống canh

Tao thuộc câu đầu đến câu cuối truyện Kiều. Tao thắng, Anh Thư thua.

- Mi thắng cái mốc xì. Đưa miệng cho tao tát.

Đứa nào cũng nhận phần thắng về mình, cãi nhauỏm tỏi. Trọng tài phải đứng ra phân xử. Chị Mai tuyên bố :

- Trọng tài tuyên bố : Thằng Hoàng thắng.

Anh Thư la bải bải :

- Chi Mai, chị mê thằng Hoàng răng mà chị xử nó thắng. Còn lâu, em mới cho thằng Hoàng nắm tay em …
- Tao se duyên cho mi với thằng Hoàng. Tao biết mi ưa thằng Hoàng … Mi đừng có làm bộ làm tịch. Thành vợ chồng đừng có quên tao.

Anh Thư đỏ bừng mặt :

- Còn lâu, em mới ưa thằng Hoàng. Nó lùn một khúc, ai mà ưa.

Một tuần sau, trong giờ ra chơi, Anh Thư gặp tao và nói : " Tan học, mi đến Cổ Viện Chàm gặp tao. Mi đến trước, tao đến sau ". Tại Cổ Viện Chàm, hai đứa tao ngồi bên bức tượng đá. Anh Thư đưa hai bàn tay và nói:

- Mi nắm tay tao. Bữa trước chị Mai xử tao thua.
- Răng bữa đó, mi không cho tao nắm tay mi.
- Bữa đó cho mi nắm tay để tụi nó chọc tao cho mà chết.

Tao nắm tay nàng. Nhìn thẳng vô mắt Anh Thư, tao nói:

- Tay mi đẹp quá.
- Tay đẹp, còn mặt tao thì răng ?
- Mi đẹp nhất lớp.

Cả hai đứa tao ngồi im nhìn nhau. Anh Thư nói :

- Mi nắm tay tao lâu quá.

Tao xiết chặt tay nàng. Anh Thư nói :

- Mi bóp tay tao đau. Bỏ tay tao ra để tao đi về.

Tao kéo nàng đến gần và hôn nhanh lên má nàng. Anh Thư rút tay ra và tát vô mặt tao. Nàng trừng mắt nói :

- Tao cho mi nắm tay răng mi hôn tao.

Tao nhìn nàng. Tao nói thật chậm :

- Anh Thư, anh yêu em.

Nàng nhìn tao với đôi mắt mở to ngạc nhiên. Tao lập lại :

- Anh Thư, anh yêu em.
- Thật không ?
- Thật. Anh yêu em.
- Mi nói mi yêu tao. Ai làm chứng.

Tao nhìn quanh chỉ có những tượng đá. Tao định nói: "Những bức tượng làm chứng". Nhưng tao không nói. Tao rút ví và lấy hình của mạ tao. Tao đưa hình của mạ tao cho nàng và nói :

- Mạ anh làm chứng.

Anh Thư nhìn hình mạ tao, nàng nói :

- Thời gian qua nhanh quá. Mới đó, mà mạ mi mất đã hơn hai năm.
- Đám tang mạ anh, em khóc.
- Nhiều đứa khóc chứ đâu phải mình tao.

- Trước ngày, mạ anh mất khoảng 6 tháng, ban văn nghệ họp tại nhà anh để tổng dợt văn nghệ. Chiều hôm đó, phe nữ nấu cơm. Ba mạ anh được mời ăn cơm. Trong bữa cơm, mạ anh khen đến hai lần món mì Quảng. Chị Mai nói với mạ anh :" Anh Thư nấu mì Quảng đấy bác ". Mạ anh nhìn em và nói :" Xinh gái, nấu ăn giỏi, cậu nào lấy được cô này thì có phước ". Chị Mai hớn hở nói :"Tụi mi thấy không, hai bác chấm con Thư cho thằng Hoàng ". Mạ anh đã chọn em cho anh. Tình yêu em thấm dần dần vô anh.
- Hôm đó, mạ mi và chị Mai làm tao ngượng đến chín người.
- Mạ anh và chị Mai làm em ngượng, răng sau đó, em giận anh cả tháng.
- Nguyên nhân là tại mi nên tao giận mi, chứ răng nữa

Hai đứa tao nhìn nhau im lặng. Anh Thư nói :

- Mi đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu. Nhiều đứa mê mi. Răng mi lại chọn tao.
- Vì em đẹp nhất.
- Mi đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu chỉ tội là mi hơi lùn …
- Nhưng không răng. Anh đi giày đế cao. Em không đi guốc cao gót. Đứng lên xem ai cao hơn.

Tao và Anh Thư chân đất và đứng sát nhau. Tao nói :

- Thấy chưa. Anh chưa đi giày đế cao mà vẫn cao hơn em.

Chúng tao lại ngồi. Anh Thư nhìn tao. Bỗng nàng khóc nức nở. Vừa khóc nàng vừa nói:

- Em yêu anh. Em yêu anh.

Nàng nhìn tao. Đôi mắt nàng còn long lanh nước mắt :

- Em yêu anh không phải vì anh đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu. Em yêu anh vì anh thông

minh, nhân hậu, tốt với bạn bè. Nhiều đứa con gái trong lớp và cả lớp khác để ý anh. Nhiều đứa đẹp hơn em, gia đình khá giả, giàu có hơn gia đình em. Năm học đệ tam, em đã có tình cảm yêu anh, nhưng em không hy vọng được anh yêu. Chừ, em thật là hạnh phúc. Em cám ơn anh.

- Em và anh yêu nhau vì hiểu nhau. Anh và em học chung lớp với nhau từ đệ thất … Mạ anh làm chứng cho lời anh nói anh yêu em. Ai làm chứng cho lời nói em yêu anh.
- Không ai làm chứng. Em có cái ni làm tin.

Anh Thư vén mái tóc bên trái. Nàng tháo bông hoa tai. Đưa bông hoa tai cho tao, Anh Thư nói :

- Anh giữ bông hoa tai ni làm tin. Khi mô làm đám hỏi anh trả lại em. Nếu anh bỏ em, em sẽ đeo một bông tai bên phải suốt đời …
- Anh giữ bông hoa tai. Em giữ hình của mạ anh… Chừ em cho anh hôn em.

Anh Thư lắc đầu. Anh Thư đưa hai tay. Nàng nói :

- Nắm tay em. Từ nay, em là của anh. Em giữ em trinh trắng là giữ cho anh.

Tao nắm tay nàng. Ngồi bên nhau, chúng tao không nói về tương lai của chúng tao mà nói về những người bạn của hai đứa tao. Chúng tao nói về mi, chị Mai, Thiên Nga, Báu Cà Nhắc, Giá Bồng Nga … Chúng tao nói về những kỷ niệm thân thương của hai đứa. Trời chạng vạng tối, Cổ Viện Chàm sắp đóng cửa, Anh Thư nói :

- Muộn rồi, em phải về. Anh cho phép em về. Đêm nay em sẽ có một giấc mơ đẹp.

Nếu tôi ngừng câu truyện tình của bạn tôi tại đây thì đôi khi độc giả lại suy đoán rằng cô bạn gái Anh Thư của tôi bị đày đọa, luân lạc trong chốn Thanh Lâu hàng chục năm như nàng Kiều. Còn anh bạn trai Hoàng Lùn của tôi thì ôm chai rượu say sưa suốt ngày đêm và khóc sướt

mướt than van cho cuộc tình duyên không may mắn của mình như chàng Kim Trọng.

Tôi xin kể tiếp. Bốn năm sau kể từ ngày Anh Thư cho Hoàng nắm tay tại Cổ Viện Chàm, trong lễ hứa hôn, Hoàng đã trả lại chiếc bông tai cho Anh Thư . Trong lời phát biểu, Hoàng và Anh Thư đã gọi chi Mai và anh Nhân chồng chị Mai là ông tiên và bà tiên đã xe duyên cho hai đứa trở thành vợ chồng.

Vợ chồng Hoàng Lùn sinh được hai cô công chúa tên là Minh Thư và Kim Thư, tức Võ Thị Minh Thư và Võ Thị Kim Thư. Hai đứa mơ ước có thêm một hoàng tử. Anh Thư có thai lần thứ ba. Bạn bè chúc mừng rằng

- Chắc chắn lần này Anh Thư sẽ sinh một cậu con trai cho thằng Hoàng

Có đứa lại cắc cớ hỏi :

- Anh Thư, lần này mi sinh con gái thì mi đặt tên là chi ?
- Hoạn Thư

May mắn, Anh Thư sinh một cậu quí tử rất khảu khỉnh. Cậu quí tử có tên là Hoàng Thư, Võ Hoàng Thư.

Lượm Lặt Trong Sách Báo

Nam sinh chuyên Toán tóm tắt Truyện Kiều trong 38 câu

Tôi đọc được trên trang mạng điện tử của báo VietNam Express một bản tin

Phạm Quốc Đạt (lớp 11 Toán 1, THPT chuyên Lê Quý Đôn, Bà Rịa - Vũng Tàu) đang gây xôn xao cộng đồng với bài tóm tắt Truyện Kiều vỏn vẹn trong 38 câu lục bát, thay vì 3.254 câu nguyên bản gốc của đại thi hào Nguyễn Du. Bản tóm tắt này khái quát cuộc đời bể dâu của Kiều suốt 15 năm lưu lạc bị lừa bán vào lầu xanh.

Mỗi dấu mốc cuộc đời nàng Kiều đều được gói gọn bằng đôi câu thơ dễ hiểu. Chia sẻ về "tác phẩm" này, Quốc Đạt cho hay, bài thơ được sáng tác cách đây hơn một tháng khi người em lớp 10 nhờ tóm tắt hộ Truyện Kiều cho buổi thuyết trình. Nhiệm vụ ấy được Đạt hoàn thành trong một buổi sáng. Viết xong, Đạt gửi qua tin nhắn cho em và buổi thuyết trình được đánh giá cao nhờ bài thơ xuất sắc.

"Em cảm thấy bất ngờ khi bài thơ được đưa lên mạng và nhiều người yêu thích. Lúc sáng tác, em chỉ nghĩ làm giúp và không ngờ lại được đánh giá cao. Mới đây, cô giáo dạy Văn trong trường gọi em xuống văn phòng và hỏi về bài tóm tắt ấy. Cô thấy thú vị và giới thiệu cho nhiều người".

Nam sinh cho biết thêm, trước khi viết bài thơ tóm tắt trên, cậu chưa đọc qua Truyện Kiều lần nào. Đạt có mua Truyện Kiều nhưng mới chỉ đọc được vài trang.

Nhận lời giúp, nam sinh này sáng tác dựa trên dàn ý người bạn đưa cho.

"Làm xong, em đọc lại cũng thấy hay hay. Một số ý kiến góp ý thiếu nhân vật Sở Khanh nhưng lúc đó em xây dựng bài thơ theo dàn ý thiếu chi tiết này", Đạt nói.

Theo Đạt, tình yêu thơ văn của cậu được khơi dậy từ đam mê của bố và tâm hồn thơ ca của thầy giáo dạy Toán. Ở lớp chuyên Toán của Đạt, nhiều bạn khác cũng thích làm thơ cho vui sau những giờ học căng thẳng.

Lớp Đạt còn có hẳn một hội thơ và đội văn nghệ đàn hát. Yêu thích thơ văn nhưng cậu cho hay, vẫn chưa xác định sau này có theo đuổi niềm yêu thích ấy không.

Hiện tại, dù bận học nhưng cậu học sinh lớp 11 Toán vẫn luôn dành một khoảng thời gian nhất định để "giữ lửa đam mê". Hôm 30/4 vừa rồi, Quốc Đạt đã giành huy chương bạc trong cuộc thi Olympic Toán. Trước đó, chàng trai chuyên Toán này từng gây xôn xao với đơn xin nghỉ học bằng thơ độc đáo, mới lạ.

Hiện, bài tóm tắt truyện Kiều của Đạt được chia sẻ khắp các diễn đàn với nhiều bình luận bày tỏ sự ngưỡng mộ và thích thú. Nickname Tronganh223 viết: "Hay và sáng tạo, thích hợp cho những ai lười đọc truyện như mình mà muốn biết tóm tắt nội dung".

Chung quan điểm, nickname Finding.nemo bình luận: "Học toán mà làm thơ thế này là quá chuyên nghiệp rồi, học hành nghiêm túc và có sáng tạo". Còn người khác lại nêu ý kiến: "Học sinh bây giờ rất sáng tạo làm cho thế hệ đi trước như chúng tôi rất bất ngờ. Hy vọng bài thơ trên như một cơn gió lạ thổi mới vào cách dạy và học môn Văn ở trường".

Ngoài những những lời khen, bài thơ của Đạt còn nhận được nhiều góp ý vì thiếu nhân vật. "Đúng là thiếu nhân vật đình dám Sở Khanh thì hơi tiếc nhưng dùng mấy câu

lục bát (đặc sản của cụ Nguyễn Du) để tóm tắt đời Kiều thế cũng hay rồi", nickname Linh_lana nhận xét.
Trong khi đó, một số lại cho rằng bài thơ "bình thường" và "không có gì phải xôn xao".
Bình Minh

- *Bài thơ tóm tắt Truyện Kiều*

"Mình xin thay mặt tổ hai,
Bàn về tác phẩm của ngài Nguyễn Du.
Thúy Kiều tuy chẳng ở tù
Nhưng mà hồn đã ngàn thu giấc tròn
Sắc, tài sánh lại nước non,
Đây người con gái chẳng còn điểm chê.
Gặp Kim, như trúng bùa mê,
Hai người đính ước hẹn thề Đạm Tiên.
Bỗng đâu oan lớn ập liền,
Thuý Kiều buộc phải kiếm tiền chuộc cha.
Chẳng may mắc bẫy Tú Bà,
Biến Kiều bỗng chốc thành quà thanh lâu.
Đương cơn nhục nhã tủi sầu,
Thúc Sinh xuất hiện, phép mầu nhuộm lên.
Tưởng rằng Kiều đã gặp hên,
Hoạn Thư đày đoạ như tên ngục tù.
Nàng đau trong nỗi căm thù,
Phận đời sóng gió mây mù xa trông.
Bạc Bà giết những kiếp hồng,
Lầu xanh Kiều lại vào tròng lần hai.
Chẳng còn nhờ vả được ai,
Kể như nàng đã tương lai mịt mù.
Từ Hải khí phách trời thu,
Kiều được giúp đỡ trả thù bấy lâu.
Ngỡ chăng chấm dứt nỗi sầu,
Lại Hồ Tôn Hiến hiểm sâu đánh lừa.

Từ Hải chết đứng không thưa,
Thuý Kiều lại kiếp ngày xưa quay về.
Nỗi đau, nhục nhã ê chề,
Nàng nay chẳng muốn quay về nhân gian.
Tiền Đường kết liễu kiếp oan,
Giác Duyên sư phụ cứu đàn con thơ.
Rời xa thực tế bẩn dơ,
Nương nhờ cửa Phật đợi chờ tương lai
Ngày kia Kiều đã gặp ngàiTái duyên Kim Trọng, cả hai đều mừng.
Đến đây xin phép được ngừng,
Cảm ơn cả lớp chẳng ngừng lắng nghe!"

Mong rằng học trò ngày nay vẫn yêu thơ văn Việt Nam và được thảo luận tự do dưới nhiều cách nhìn, không chỉ nhìn văn chương qua lăng kính duy vật biện chứng.

Thời Của Thánh Thần – tác giả Hoàng Minh Tường

Nhà văn Hoàng Minh Tường – Hình lấy trên net

Đoạn viết sau đây trong quyển Thời Của Thánh Thần của Hoàng Minh Tường, tác giả đã khám phá ra cụ Nguyễn Du không những là nhà thơ, cụ còn là nhà Chiêm Tinh. Cụ Tiên Điền đã đoán đúng vận mệnh đất nước gần hai thế kỷ sau ngày cụ ra đời.

Không tài nào ngủ được. Đúng 12 giờ khuya, Vọng rón rén cầm cuốn Truyện Kiều đi ra đầu nhà. Dưới ánh sáng ngọn đèn điện đỏ quạch ở đầu hồi, Vọng kính cẩn ấp hai bàn tay vào cuốn sách, lầm rầm khấn vái: "Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thuý Kiều". Đó là lời khấn mà bà nội Vọng, bà Đồ Kha, thường khấn mỗi lần bói Kiều. Kỳ lạ thay là người bà không biết chữ của Vọng. Chữ nho cũng không mà chữ quốc ngữ càng mù tịt. Vậy mà bà cụ thuộc làu làu cả cuốn Truyện Kiều. Không những đọc xuôi, mà bà cụ còn đọc ngược. Nói đến đoạn nào là cụ lại đọc vanh vách đoạn ấy. Độc đáo nhất là cụ Đồ Kha có tài bói Kiều. Bất cứ nhà có việc gì, lành dữ, con cháu có điều gì uẩn khúc, mắc mớ, bà cụ lại mang Truyện Kiều ra bói. Vọng nhớ như in từng cử chỉ, và nét mặt đầy thành kính, trang nghiêm của bà. Rồi bà giở một trang bất kỳ, mở cuốn sách trước mặt, bảo Vọng đọc cho bà nghe.
"Trai tay trái, gái tay phải. Tuỳ người muốn bói là nam hay nữ mà đọc trang lẻ hay trang chẵn con à".
Sau khi khấn vái xong, Vọng mở trang Kiều, nhìn vào trang bên trái:
"Tông đường chút chửa cam lòng
Cắn răng bẻ một chữ đồng làm đôi?
Không tin ở mắt mình, Vọng chớp chớp mắt, rồi đọc lại. Đúng là câu Kiều thứ 1954: "Cắn răng bẻ một chữ đồng làm đôi". Chẳng lẽ lời cụ Nhiêu Biểu nói với ông Lý Phúc hồi Tết vừa rồi lại linh nghiệm chăng? Vọng nhớ lại buổi nói chuyện giữa ông cụ Nhiêu Biểu với thầy:
- Văn chương cụ Nguyễn Tiên Điền tài tình lắm ông ạ. Còn tôi còn ông, tôi xem. Đây này, câu thơ "Cắn răng

bẻ một chữ đồng làm đôi", đúng vào câu thứ 1954. Thế là nhà ông có chuyện. Mà có khi cả nước nhà cũng có chuyện. Năm nay là năm Giáp Ngọ, theo công lịch là năm thứ 1954, năm chia lìa, ly tán. Nhất định rồi ông ạ. Cuộc tao loạn này nhất định rồi phải kết thúc. Nhưng không phải là sự đại đoàn viên. Tôi bấm quẻ, xem âm dương, ngắm sao trên trời đều thấy triệu chứng chia đôi, phân ly ông ạ.
Phân ly. Đến bao giờ? Loáng thoáng có người nói với Vọng: Pháp đồng ý với Việt Minh sẽ hiệp thương trong hai năm. Hai năm nữa, chính phủ liên hiệp thống nhất sẽ được thành lập. Thời gian ấy đủ cho Vọng học xong Tú tài phần hai, với nhiều cơ hội thi vào đại học. Vọng sẽ đi du học nước ngoài hoặc trở về Hà Nội học tiếp. Vọng Bẽ lại gặp thầy u, anh em, bạn bè.
Một tháng sau ngày hiệp định Giơnevơ được ký kết, giữa trưa ngày hạ tuần tháng 8 năm 1954, chiếc máy bay Dakota chở Nguyễn Kỳ Vọng cùng Tạ Đôn, Tạ Thu Uyên và bốn mươi hai đồng bào Công giáo từ phi trường Gia Lâm đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất.

Năm 1954 là năm Giáp Ngọ. Năm nay 2014 là Năm Giáp Ngọ. Đất nước đi giáp một chu kỳ 60 năm. Năm 1954 là năm chia đôi đất nước, năm chia lìa ly tán. Năm 2014 là năm ly tán hay năm xum họp? Tôi tìm đến câu 2014 của truyện Kiều để xem

Giận dầu ra dạ thế thường,
Cười dầu mới thực khôn lường hiểm sâu!

Diễn giải câu 2013 và 2014 lấy trên net, như sau : *Cổ nhân có câu: Nộ giả thường tình, tiếu giả bất khả trắc,* nghĩa là: Giận dữ là thói thường, cười thì không thể lường được.

Tôi không biết cụ Nguyễn Du gởi thông điệp gì cho đất nước Việt Nam qua hai câu thơ trên. Tôi mời anh bạn tôi đến nhà chơi. Anh bạn tôi giỏi về khoa tử vi, phong

thủy, trước năm 1975 là giáo sư Việt văn. Sau khi nêu nhiều điểm thắc mắc của tôi về bói Kiều và hai câu 2013 và 2014 của truyện Kiều, tôi nói :

- Tôi không tin rằng cụ Nguyễn Du là Chiêm Tinh Gia.
- Ông lầm rồi. Cụ Nguyễn Du là đại Chiêm Tinh Gia. Tôi giải thích cho ông. Câu 2013 là nói về ông Nguyễn Bá Thanh, trưởng ban Nội Chính Trung Ương. Năm ngoái, vừa được giao nhiệm vụ Trưởng ban Nội chính Trung Ương, từ Hà Nội ông đã tuyên bố ai phạm tội thì « *bắt hết, hốt hết* ». Nộ giả thường tình. Giận dữ là thói thường. Câu 2014 là nói về nụ cười của ông Nguyễn Tấn Dũng. Ông Nguyễn Tấn Dũng là chính trị gia lão luyện. Từ một anh y tá du kích, ông mau chóng trở thành người quyền lực nhất nước Việt Nam. Đầu năm dương lịch 2014, ông mở đầu thông điệp bằng nhiệm vụ : "*Đổi mới thể chế và phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân ... Xây dựng Nhà nước pháp quyền, với nguyên tắc "người dân được làm tất cả những gì luật pháp không cấm và sử dụng luật pháp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Cơ quan Nhà nước và cán bộ công chức chỉ được làm những gì luật pháp cho phép*" Thông điệp của ông lóe lên hy vọng sự đổi mới tích cực trong năm con ngựa 2014. Ông Dũng có nụ cười xem thường, khinh thường người đối diện. Cho nên cụ Nguyễn Du mới nhắc người dân Việt Nam đừng vội tin. Tiếu giả bất khả trắc. Cười thì không thể lường được.

- Câu 2013 và 2014, cụ Nguyễn Du nói về ông Nguyễn Bá Thanh và nụ cười Nguyễn Tấn Dũng, cụ không nói năm 2014 là năm thái bình đến với dân tộc à?

- Cụ Nguyễn Du nói wait and see. Ông muốn biết bao giờ đất nước thái bình, xum họp thì ông đưa quyển Kiều cho tôi.

Tôi đưa quyển Kiều cho bạn tôi. Bạn tôi cầm quyển Kiều. Bạn tôi không khấn vái. Anh dở quyển Kiều và đọc :

Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà:
3010. *Xuân già còn khỏe huyên già còn tươi.*
Hai em phương trưởng hòa hai,
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa!
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!

Anh ta trả lại quyển Kiều cho tôi. Nhìn con số 3010 của câu *Xuân gía còn khỏe huyên già còn tươi*. Tôi đếm đến câu *Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao* là câu số 3014. Tôi đưa mắt thẫn thờ nhìn bạn tôi và nói :

- Một thế kỷ nữa đất nước mới thái bình ?
- Một thế kỷ nữa đất nước được hưởng thái bình mà ông cho là quá lâu sao? Maudấy, ông bạn già.
- Ông giải thích cho tôi biết tại sao cần tới một thế kỷ Việt Nam mới thái bình.
- Ông nhớ năm lớp nhất (lớp năm bây giờ), tụi mình học bài tập đọc Hận Sông Gianh không ?

Đây sông Gianh đây biên cương thống khổ
Đây sa trường đây nấm mộ trời Nam
Đây dòng sông dòng máu Việt còn loang
Đây Cổ Độ xương tàn xưa chất đống.
Sông còn đây hận phân ly nòi giống
Máu còn đây cơn ác mộng tương tàn

Và còn đây hồn dân Việt thác oan
Bao thế kỷ chưa tan niềm uất hận.

Thời Trịnh Nguyễn phân tranh không có những vấn đề : Chủ Nghĩa, Tôn Giáo, Địa Phương … Sự xâm lăng của phương Bắc cũng không xảo quyệt đa dạng như hiện nay. Vậy mà *bao thế kỷ chưa tan niềm uất hận*. Ngày nay vấn đề chủ nghĩa, tôn giáo, địa phương, tham nhũng nhấn chìm đất nước trong hận thù, ly tán. Lại thêm nạn xâm lăng không tiếng súng đã xảy ra bao năm nay mà nhà nước vẫn bịt mắt và ngóng tai chờ đợi tiếng súng, tiếng bom của Bắc phương. Chúng có nổ súng đâu mà chờ … Văn hóa, đạo đức thì suy thoái đến tận gốc rễ. Một trăm năm đâu phải là quá lâu …

Anh bạn đứng dậy,vỗ vai tôi và nói như để an ủi tôi :

- Thiên cơ bất khả lậu. *Có trời mà cũng tại ta (Kim Vân Kiều - Nguyễn Du)*. Trời mang cái duyên, mang cơ hội cho mình. Nhưng nếu mình không biết nắm bắt cái duyên, nắm bắt cơ hội mà trời mang đến cho mình, đó là tại mình chứ đâu phải tại số. Tôi chưa bao giờ tin Sấm Trạng Trình và Bói Kiều
  Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh
  Can qua xứ xứ loạn đao binh
  Mã đề dương cước anh hùng tận
  Thân Dậu niên lai kiến thái bình
  Từ thời cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 – 1585) đến nay đã hơn bốn trăm năm, bao nhiêu năm Thân, năm Dậu đến rồi đi, vậy mà đất nước đã thái bình đâu. Còn Bói Kiều thì sao ? Truyện Kiều tôi thuộc làu làu. Quyển Kiều quá quen thuộc với tôi. Tôi biết trang số mấy có có truyện vui, trang mấy có truyện buồn. Muốn vui hay buồn, tôi dở ra được ngay … Tương lai dân tộc là do người Việt

quyết định không phải do Trời, Phật hay Chúa …

Đĩ Thúi – Tác Giả Nguyễn Viện

Nhà văn Nguyễn Viện – Hình lấy trên net

Trong cuốn tiểu thuyết phản lịch sử, phản hư cấu, phản hiện thực và phản tiểu thuyết này, các nhân vật chính của tác phẩm văn học Việt Nam nổi tiếng nhất, Truyện Kiều, và cả tác giả của nó, Nguyễn Du, bước thẳng ra từ hư cấu và lịch sử để lăn lộn trên một bàn cờ thế sự quái đản mà tất cả chúng ta dường như đều có mặt.
Bạn có thể thích hay ghét, rất thích hay rất ghét, khen hay chê tác phẩm Phản Kiều, hay Tân Đoạn trường tân thanh này, nhưng tôi tin rằng bạn sẽ không thể dửng dưng với nó. Tôi hân hạnh giới thiệu tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Viện, đăng thành 5 kì trên pro&contra.
Phạm Thị Hoài

Trên đây là lời giới thiệu của nhà văn Phạm Thị Hoài về quyển Đĩ Thúi của nhà văn Nguyễn Viện. Lời giới thiệu hấp dẫn khiến tôi đọc quyển Đĩ Thúi hai lần. Tác giả tả lại xã hội hiện nay tại Việt Nam. Nhân vật trong truyện là những nhân vật của truyện Kiều như Hồ Tôn Hiến, Từ Hải, Thúc Sinh, Kim Trọng, Vương Quan, Mã Giám Sinh … Họ đều trở thành những đảng viên quyền thế của chế độ hiện nay. Nguyễn Du đóng vai thân phận của người trí thức Việt Nam. Ba nhân vật nữ Đạm Tiên, Thúy Kiều, Mã Kiều Nhi hành nghề mãi dâm, chủ chứa. Đúng như nhà văn Phạm Thị Hoài nói : *nhưng tôi tin rằng bạn sẽ không thể dửng dưng với nó.* Tôi đọc Đĩ Thúi thêm hai lần nữa. Tuy đọc quyển Đĩ Thúi đến bốn lần, nhưng tôi vẫn không hiểu nhiều ẩn ý của tác giả. Lý do thứ nhất là tôi sống xa Việt Nam đến nay đã 22 năm và kến thức của tôi về kinh tế, chính trị Việt Nam không nhều. Lý do thứ hai là tất cả nhân vật trong truyện Đĩ Thúi đều có tuổi thọ dài hàng thế kỷ và đóng nhiều vai trong xã hội hiện tại. Đặc biệt hai nhân vật Thúc Sinh và Mã Giám Sinh là những nhân vật hay đại diện cho thế lực nào hiện nay mà lại có quyền hành quá lớn khiến các thế lực khác phải e dè? Cục gạch của Hồ Tôn Hiến cũng khiến tôi suy nghĩ mà không hiểu đươc sự quan trọng của nó. Tôi nghĩ, cũng chẳng cần biết họ là những nhân vật hay đại diện thế lực nào trong xã hội hiện nay. Đọc trích đoạn sau đây đủ nói lên điều mà nhà văn Nguyễn Viện muốn nói : *Vương Quan được đưa về trung ương với chức vụ Trưởng ban Thanh tra Quốc gia. Ra mắt báo chí, Vương Quan nói: "Tôi đến để làm sạch sẽ ngôi nhà chung của chúng ta. Tất cả những ai bôi bẩn ngôi nhà sẽ bị trừng phạt". Anh được tán thưởng, nhưng cũng không ai kỳ vọng gì ở anh. Bởi ai cũng biết, sự dơ bẩn của căn nhà là bản chất của các chất liệu xây dựng nên nó, vì thế không thể lau chùi, chỉ có một cách duy nhất là đập đổ nó và xây lại bằng các chất liệu khác.*

Trong bài " *Nguyễn Viện viết lại Truyện Kiều*" của Mạc Vấn đăng trên net BBC, nhà văn Mạc Vấn viết : " *Ông là nhà văn trên mạng, cũng có thể hiểu là "liều mạng". Một nhà văn húc đầu vào những vấn nạn bùng nhùng của đất nước, trước những đống đá chực ném vào mình và trước còng số 8, nếu không liều mạng thì là gì? Cũng có thể bảo rằng ông là nhà văn cách tân vì đã dám bước qua những định kiến đúc sẵn, những lối mòn xưa cũ, dám đi theo lề của mình chứ không theo lề của những con cừu. Nhưng dù gì thì cũng có thể khẳng định rằng, ông rất Nguyễn Viện, nghĩa là rất dũng cảm. "*

Tôi đồng ý với ông Mạc Vấn : nhà văn Nguyễn Viện rất dũng cảm. Dũng cảm vì ông sinh năm 1949 tại Hải Dương - Học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn - Sau 1975, tù cải tạo 3 ngày - Hiện sống và viết tại Sài Gòn -

Sau đây là những trích đoạn trong quyển Đĩ Thúi để chứng minh Nguyễn Viện là nhà văn dũng cảm

Trích đoạn 1

Từ Hải hỏi: "Anh biết sai từ bao giờ?"
Thúc Sinh đáp: "Ngay sau khi vào Đảng."
Từ Hải lại hỏi: "Đảng sai từ bao giờ?"
Thúc Sinh đáp: "Ngay sau khi thành lập."
Từ Hải hỏi tiếp: "Người thành lập Đảng sai từ bao giờ?"
Thúc Sinh im lặng một lúc rồi nói: "Từ Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp tại Tours tháng 12.1920, gia nhập Cộng sản Quốc tế thứ ba và trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp."

Trích đoạn 2

Khi ấy có nhiều người chính thức ra khỏi Đảng của Hồ Tôn Hiến, hoặc tiêu cực hơn thì lẳng lặng không sinh

hoạt chi bộ nữa. Đạm Tiên nói với Từ Hải: "Để phù hợp với bản chất của anh, anh không thể bó thân mãi trong cái đảng ẩm ương ấy, vào Hội Bạch Mi với chúng em, anh tha hồ tung hoành. Sự nghiệp của anh sẽ bền vững muôn đời cùng với sự bất biến của đĩ nghiệp chúng em."
Từ Hải trừng mắt hỏi: "Sao lại gọi là ẩm ương?"
Đạm Tiên nói: "Một cái đảng độc tôn, độc tài toàn trị, nhưng lại lãnh đạo tập thể. Không ai chịu trách nhiệm. Cứ một thằng làm thì hai thằng phá, bọn ngu dốt còn lại thì ỡm ờ ăn theo. Vì thế đảng của anh suốt bao năm nay chỉ biết loay hoay tự sướng, vơ vét và làm khổ nhân dân."
Từ Hải hỏi: "Cô không sợ bạo chúa à?"
Đạm Tiên nói: "Bạo chúa mà được việc thì vẫn còn hơn cái lũ ham hố quyền lực mà không biết làm gì ngoài việc bắt nạt dân chúng. Em nói cho anh biết nhé, không phải chỉ có Đảng của Hồ Tôn Hiến mới theo đuổi quyền lực. Bọn đĩ điếm chúng em cũng muốn thực thi công lý theo cái cách phổ quát nhất, anh cứ nhìn kỹ xem."
Từ Hải cười lớn: "Công lý ở chỗ nào?"
Đạm Tiên: "Ăn bánh phải trả tiền. Có phải là công lý không?"
Từ Hải đáp: "Phải."
Đạm Tiên: "Bọn anh vơ vét của nhân dân, có đền bù gì xứng đáng?"
Từ Hải: "Em không thấy đất nước tiến bộ à?"
Đạm Tiên: "Anh so sánh với cái gì?"
Từ Hải: "Hôm qua."
Đạm Tiên: "Thối. Các anh chỉ so sánh theo chiều dọc mà không so sánh theo chiều ngang."
Từ Hải: "Dù sao vẫn là tiến bộ."
Đạm Tiên: "Có rất nhiều cái thụt lùi đấy. Cần em chứng minh không?"
Từ Hải im lặng.
Đạm Tiên chua chát: "Chưa bao giờ chúng ta độc lập, cũng như tự do và hạnh phúc."

Trích đoạn 3

Cũng từ đó, Đạm Tiên vĩnh viễn rời bỏ ngôi mộ hoang rầu rầu ngọn cỏ, về ngự trong am con nhện giữa Thất Sơn huyền bí.

Đạm Tiên đưa cho Nguyễn tờ giấy ở dạng tro than và bảo chàng đọc.

- Lịch sử là hư cấu và được hư cấu theo một logic mang tính lý thuyết. Đối với Hồ Tôn Hiến và thời đại của ông ta chỉ có một thứ logic duy nhất là ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Và cái lý thuyết của nó tất nhiên cũng là chính nghĩa thuộc về ta bất kể nó như thế nào.

- Khi chính trị và văn học nghệ thuật ăn cánh với nhau, con người bị giết chết.

- Trong các chế độ độc tài, văn nghệ sĩ chính thống là kẻ đồng lõa với tội ác.

- Hư vô hóa cục sống cũng chỉ là cách trốn trách nhiệm.

Nguyễn hỏi: "Của ai vậy?"

Đạm Tiên bảo: "Của nhân dân đấy."

Nguyễn nói: "Cứt đái."

Đạm Tiên ra vẻ nghiêm trọng: "Trước sự thống khổ của con người, nhà văn không thể là kẻ vô tội."

Nguyễn nói: "Cứt đái hết."

Đạm Tiên cười sằng sặc.

Trích đoạn 4

Sở Khanh con nhà nòi đẹp trai, được xếp vào loại "người đương thời" mẫu mã chính thống, tài năng và thành đạt của báo chí lá cải. Để tả Sở Khanh có thể nói một cách đặc trưng, hắn giống đại gia và cũng giống quan quyền. Phổ thông và ba hoa. Văn nghệ sĩ các loại phục tùng hắn vì hắn là biểu tượng của khát vọng chinh phục.

Sở Khanh tâu với Hồ Tôn Hiến: "Văn nghệ sĩ và các loại tương cận đều rất háo danh, để sai khiến được bọn

này cần ban tặng cho chúng các chức danh này nọ. Vì các chức danh, chúng sẽ như lũ thiêu thân."
Hồ Tôn Hiến bảo: "Được. Ta biết sức mạnh của các nghệ sĩ. Đồng chí rất thâm sâu. Ta sẽ ban cho chúng mọi tước vị cao cả."
Sở Khanh tâu tiếp: "Văn nghệ sĩ và các loại tương cận cũng đều rất thích được sai khiến, xin hãy giao việc cho chúng vì chúng sẽ tưởng đấy là điều cao cả."
Hồ Tôn Hiến bảo: "Được. Hãy tập hợp chúng lại dưới ngọn cờ vinh quang của ta."
Sở Khanh trở thành Hội trưởng của Hội Văn nghệ sĩ và các loại tương cận.
Nhiệm vụ của Hội là lừa tình toàn thể bầy cừu. Nhưng làm gì thì cũng cần phải lo cho bản thân trước. Cơ hội không phải lúc nào cũng có. Vì thế, Sở Khanh lừa ngay bọn háo danh muốn trở thành văn nghệ sĩ cung đình. Chúng sẵn sàng cống nạp cho Sở Khanh tất cả mọi thứ kể cả vợ con.
Quả thật cao cả đáng kính khi người ta trở thành lực lượng dẫn dắt dư luận và tạo khuôn mẫu cho toàn xã hội. Càng cao cả đáng kính hơn khi môi trường hoạt động của nó cũng là một quan trường. Vì thế, chẳng có lý do gì Sở Khanh lại không trở thành nghệ sĩ nguyên soái khi các nghệ sĩ dưới trướng hắn là nghệ sĩ công huân, nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú, hay nghệ sĩ bá tước, nghệ sĩ nam tước, nghệ sĩ tử tước các loại... Nhưng cuộc đời vốn tréo ngoe khốn nạn, lại càng tréo ngoe khốn nạn hơn với Sở Khanh khi gã lừa tình của mọi thời đại này bỗng trở nên bất lực giữa lúc sự nghiệp huy hoàng nhất. Các cao thủ làng chơi như Đạm Tiên, Mã Kiều Nhi hay Vương Thúy Kiều dù đã diễn hết nghề vẫn không làm cho cặc Sở Khanh cứng và xuất tinh được. Sở Khanh mô tả trường hợp của mình là "bi kịch nghề nghiệp".

Trích đoạn 5

Từ Hải dằn ly rượu xuống, nói: "Cuộc sống đã trở nên không chịu nổi. Tất cả những gì ông Hồ Tôn Hiến lên án chế độ thực dân đang lặp lại ở mức độ kinh tởm hơn nhiều lần."

Nguyễn bảo: "Bây giờ ông mới thấy sao?"

Từ Hải: "Trước đây tôi vẫn cho rằng đó chỉ là hiện tượng của thời kỳ quá độ. Nhưng với thời gian, những cái xấu xa và tình trạng không thể sửa chữa của nó đã minh chứng rằng đó là bản chất."

Nguyễn cười: "Anh sẽ làm gì?"

Từ Hải không cần rào đón: "Không có cách nào khác ngoài việc thay đổi nó."

Nguyễn vẫn cười: "Bằng cái gì và như thế nào?"

Từ Hải nhìn thẳng vào mặt Nguyễn: "Đó là việc của ông và những trí thức như ông."

Nguyễn không cười được nữa, chàng cầm ly rượu lên soi qua ánh đèn, rồi đặt ly xuống mà không uống.

Nguyễn không thể tự cho phép mình bỏ qua cái gánh nặng mà Từ Hải vừa quăng cho chàng.

Nguyễn và những trí thức như chàng đã làm gì trước hiện thực cuộc sống và lịch sử?

Cúi đầu và im lặng. Người ta vẫn sống như trách nhiệm thuộc về người khác.

Từ Hải vỗ vai Nguyễn: "Tôi cần ông."

Nguyễn im lặng một lúc rồi nói: "Tôi không phải Cao Bá Quát."

Từ Hải cười lớn: "Tôi không cần quân sư quạt mo. Ông là nhà văn, điều tôi muốn là ông hãy sống và viết như một nhà văn. Nếu tất cả các nhà văn đều sống và viết như một nhà văn thì có lẽ đất nước này đã khác."

Nguyễn nói: "Tôi hiểu. Chúng ta cần sự thức tỉnh của mọi công dân và một áp lực xã hội đủ mạnh buộc chế độ phải thay đổi."

Đạm Tiên bảo: "Các bác hơi bị lạc quan quá. Âm phủ càng ngày càng đông."

Từ Hải nói: "Những xác chết cũng cần lên tiếng."
Đạm Tiên bảo: "Họ đã lên tiếng bằng cách không nhắm mắt."
Khi nhà văn tự đặt mình dưới sự lãnh đạo của đảng cầm quyền và trở thành bồi bút cho bọn thống trị, họ đánh mất nhân cách. Tự xóa bỏ cái đa nguyên của tư tưởng và đặt gông cùm ý thức hệ lên vai mình, họ xóa trắng bản thân.
Từ Hải nói: "Họ cũng cần sám hối."
Đạm Tiên bảo: "Họ đã sám hối bằng sự vô ích của mình."
Từ Hải nói: "Họ cần hành động để chuộc tội bởi ngay cả sự im lặng cũng có tội."
Đạm Tiên bảo: "Không một ai còn khả năng hành động."

Trích đoạn 6

Từ Hải lại gặp Nguyễn nói: "Chúng ta phải tự cứu. Hôm nay người nông dân vì giữ đất của mình mà vào tù. Ngày mai vì chữ nghĩa của anh, anh cũng sẽ vào tù. Chúng ta bị cướp đoạt từ tài sản đến phẩm cách. Chúng ta không thể im lặng nhịn nhục gìn giữ sự ổn định thống trị của bọn lưu manh trên sự bất công và tàn ác mãi. Anh cần phải làm một cái gì đó."
Nguyễn nói: "Những gì cần phải viết, tôi đã viết rồi."
Từ Hải bảo: "Một tay anh cầm viết, tay kia anh cần phải biết cầm búa."
Nguyễn cười: "Còn cái liềm thì cắt bằng chân?"
Từ Hải nói: "Vứt mẹ nó cái hình ảnh và quan điểm giai cấp điếm thúi ấy đi."
Nguyễn bảo: "Vâng. Công dân là đủ."
Từ Hải nói: "Nhân việc anh nông dân vào tù, tôi muốn nhờ anh soạn giùm một cái tuyên ngôn tự do. Tự do cho nông dân. Tự do cho tất cả chúng ta. Anh viết thế nào

thì tùy, điều quan trọng là không để sơ hở tạo cớ cho tụi nó bắt anh hay bắt những người ủng hộ tuyên ngôn đó."
Nguyễn bảo: "Để tôi suy nghĩ."
Từ Hải nói: "Đừng để vuột mất cơ hội cất tiếng nói."
Nguyễn bảo: "Tôi biết những kiến nghị, những tuyên ngôn chẳng có giá trị gì đối bọn vừa điếc vừa mù. Nhưng quả thật, trước hết chúng ta cần phải nói với nhau, cho nhau về sự thật và khát vọng thay đổi."
Từ Hải nói: "Đúng. Nếu chúng ta muốn thay đổi nhưng không hành động cho sự thay đổi thì sẽ không bao giờ có sự thay đổi."
Không phải Nguyễn. Không phải Từ Hải. Trong chảo lửa của sự phẫn uất và lương tâm công chính, một loạt các tuyên ngôn cho công lý và tự do công dân đã xuất hiện trên các trang mạng xã hội, tuyên bố quyền xã hội dân sự và đòi hỏi thay đổi thể chế cũng như công lý cho những người bị tù tội.
Những tuyên ngôn không làm rung rinh chế độ nhưng nó biểu thị sự bất tín nhiệm và tạo ra áp lực thay đổi đối với Hồ Tôn Hiến ngày càng lớn.
Từ Hải gặp Nguyễn, hắn nói: "Làm thế nào tạo ra một phong trào bất tuân rộng khắp, đồng thời sẵn sàng phản ứng khi có cơ hội thuận lợi?"
Nguyễn bảo: "Nếu biết liên kết các sự kiện, nó có thể tạo ra hiệu ứng dây chuyền."
Bỗng tỏ ra mừng rỡ, Từ Hải nói: "Tôi nghĩ ra rồi."
Rồi hắn đứng lên và đi thẳng tới nơi những đám lửa đang cháy.
Từ Hải có mặt trong đám đông vây quanh một quan tài người dân vừa bị công an đánh chết. Từ Hải có mặt trong số dân oan khiếu kiện hoặc đòi chất vấn chính quyền về những vụ cưỡng chiếm đất đai. Từ Hải có mặt trong số những công nhân đình công đòi cải thiện bữa ăn trưa. Từ Hải có mặt trong số những sinh viên kêu gọi tẩy chay hàng độc hại Trung Quốc. Từ Hải đi biểu tình chống Trung Quốc xâm lấn biển. Từ Hải đồng hành với

người mẹ đi tìm con trong lao tù. Từ Hải đi xe đạp treo bảng chống tăng giá xăng. Từ Hải lên tiếng đòi xử quan chức tham nhũng. Từ Hải cùng với người dân khiêng giường ra đường chống tăng viện phí. Từ Hải có mặt trước cửa các phiên tòa bất công, dối trá...

Lần nào Từ Hải cũng bị bắt và bị đánh trong đồn công an, nhưng chính quyền không bỏ tù được Từ Hải vì Từ Hải đứng về phía lẽ phải và ôn hòa bất bạo động.

Hồ Tôn Hiến nói: "Hãy bẻ chân bọn ngông cuồng."

Và Từ Hải bị một lũ côn đồ tấn công. Chúng đón đường đánh hắn giữa phố ban ngày. Đánh bầm dập. Rồi bẻ chân hắn.

Cả thế giới nhìn thấy việc ấy và việc ấy cũng như hàng nghìn vệc đê tiện tàn bạo khác không làm cho con người phẫn nộ hay xấu hổ.

Không chỉ có một Từ Hài, mà có rất nhiều Tư Hải khác cũng đã bị bẻ chân hoặc bẻ tay. Sau này, họ đã thành lập Hội Nạn nhân Bạo quyền với biểu tượng cái nạng để đi đá bóng, mặc dù không được cấp phép hoạt động nhưng không ai ngăn cản được họ chống nạng đá bóng và góp mặt trong các cuộc tranh đấu bất bạo động và hợp pháp.

Hồ Tôn Hiến nói: "Hãy thu gom tất cả nạng trên mặt đất cho vào lửa."

Thế là không còn một cái nạng nào được chống ra đường. Những người tìm cách chống nạng bị qui kết là phản động, chống chính quyền.

Hội Nạn nhân Bạo quyền ra tuyên ngôn "Chúng ta là con người" và họ xuống đường bằng một chân hay một tay còn lại.

Hồ Tôn Hiến nói: "Bọn thú vật này không muốn sống."

Thế là từng người một trong số họ dần dần mất tích cho đến khi không còn ai được gọi là nạn nhân bạo quyền.

Nhà nước của Hồ Tôn Hiến ứng cử vào Hội đồng Nhân quyền của Liên Hiệp Quốc và họ được chấp thuận.

Trích đoạn 7 : Những đoạn trích (1 đến 6) trên là những phê phán mạnh mẽ chế độ Cộng Sản hiện nay, đã có nhiều nhà tranh đấu đã đề cập đến những vấn đề này. Trích đoạn 7 này là điều mới lạ chưa ai viết hay nói, nhà văn Nguyễn Viện đã diễn tả Vương Quan Nguyễn Bá Thanh đưa được Hồ Tôn Hiến Nguyễn Tấn Dũng ra trước vành móng ngựa về tội lạm quyền gây hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế quốc gia và an ninh tổ quốc và cái chết bi thảm của Hồ Tôn Hiến Nguyễn Tấn Dũng.

Thúc Sinh nói: "Đây chính là lý do tôi tìm gặp cậu."
Vương Quan: "Tôi xin lĩnh giáo."
Thúc Sinh: "Chắc cậu cũng đã biết, tình hình đang rối tung rối mù. Thù trong giặc ngoài lăm le, chỉ cần một ngọn lửa nhỏ cũng có thể làm bùng cháy thiêu đốt cả chế độ. Uy tín của triều đình không còn. Một là chúng ta phải tự thay đổi, hai là dân chúng sẽ lật đổ chúng ta. Theo cậu, phương án nào tốt nhất để thoát ra khỏi tình cảnh này?"
Vương Quan nói: "Tôi chỉ là một chức quan nhỏ. Không dám lạm bàn."
Thúc Sinh bảo: "Nói thật với cậu, trong mọi tầng lớp cán bộ lãnh đạo của chúng ta hôm nay, không một ai không nhúng chàm. Người duy nhất có bàn tay sạch là cậu. Cậu chính là giải pháp để tái tạo niềm tin trong dân chúng. Vì thế, chúng tôi sẽ đưa cậu về trung ương. Mong cậu nhận lời kỳ vọng của toàn thể triều đình."
Vương Quan thẳng thắn: "Làm bung xung cho các bác à?"
Thúc Sinh: "Thượng phương bảo kiếm sẽ được giao cho cậu."
Vương Quan: "Thượng phương bảo kiếm để chém Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh, Sở Khanh... hay chém gió, hoặc để chém nhân dân?"

Thúc Sinh bình tĩnh nói: "Cậu đã đi đúng vào tâm điểm của vấn đề. Và chắc chắn cậu biết, chúng ta không thể chém bất cứ ai trong số đó. Thượng phương bảo kiếm chỉ là một biểu tượng thôi mà."

Vương Quan: "Vậy thì tôi sẽ phải sử dụng thượng phương bảo kiếm như thế nào?"

Thúc Sinh: "Đây là một kịch bản phức tạp. Chúng ta trước hết cần tự bảo vệ mình, bảo vệ chế độ, sau đó làm hài lòng dân chúng, hóa giải mọi chống đối của bọn dân chủ."

Vương Quan: "Một chế độ không Hồ Tôn Hiến nhưng vẫn là Hồ Tôn Hiến?"

Thúc Sinh: "Gần đúng như thế. Nhưng chúng ta không thể thuyết phục Hồ Tôn Hiến từ chức."

Vương Quan: "Vậy thì chẳng làm gì được. Không có hy sinh thì không giải quyết gì được."

Thúc Sinh: "Bản lĩnh của chúng ta, sự khôn khéo của chúng ta, sự nghiệp của chúng ta không cho phép chúng ta thua cuộc."

Vương Quan: "Vai trò của tôi ở chỗ nào?"

Thúc Sinh: "Chúng tôi không cần cậu phải làm gì. Vai trò của cậu sẽ là biểu tượng cho sự thay đổi."

Vương Quan được đưa về trung ương với chức vụ Trưởng ban Thanh tra Quốc gia. Ra mắt báo chí, Vương Quan nói: "Tôi đến để làm sạch sẽ ngôi nhà chung của chúng ta. Tất cả những ai bôi bẩn ngôi nhà sẽ bị trừng phạt". Anh được tán thưởng, nhưng cũng không ai kỳ vọng gì ở anh. Bởi ai cũng biết, sự dơ bẩn của căn nhà là bản chất của các chất liệu xây dựng nên nó, vì thế không thể lau chùi, chỉ có một cách duy nhất là đập đổ nó và xây lại bằng các chất liệu khác.

Ngôi nhà chung ấy càng lúc càng bốc mùi hôi thối.

Vương Quan gặp Thúc Sinh nói: "Tôi không thể chịu đựng nổi cái mùi của nó."

Thúc Sinh bảo: "Không phải chỉ có cậu không chịu đựng nổi. Ngoài kia, dân chúng cũng không chịu đựng

nổi. Họ đang cầm đuốc chạy đến và đòi đốt nhà của chúng ta."
Vương Quan nói: "Và chúng ta sẽ chết cháy theo nó?"
Thúc Sinh bảo: "Không, đây là lúc cậu phải hành động."
Vương Quan cười nhạt: "Tôi có thể làm gì?"
Thúc Sinh bảo: "Cậu hãy giương thượng phương bảo kiếm lên, chúng tôi ủng hộ cậu."
Vương Quan đến gặp Kim Trọng: "Tôi cần anh giúp đỡ."
Kim Trọng hỏi: "Chuyện gì?"
Vương Quan nói: "Đây là chuyện trong nhà, nếu anh không đồng ý thì coi như tôi chưa nói gì với anh. Nhưng tôi hy vọng anh sẽ cộng tác. Như anh biết, tôi vẫn ấm ức về vụ chị Thúy Kiều xưa kia. Nỗi đau của anh cũng như nỗi nhục của gia đình chúng ta đến lúc cần phải được thanh tẩy. Hơn nữa, dân chúng cũng đang nổi loạn, đây là cơ hội để chúng ta rửa hận. Hồ Tôn Hiến và Mã Giám Sinh phải bị quăng vào lửa. Ngay trước khi tôi công bố tội trạng của chúng, anh phải bắt được cả hai. Nếu thất bại, anh biết hậu quả sẽ ra sao..."
Kim Trọng nói: "Trong thế tương quan lực lượng hiện nay, chỉ có thể hạ bệ Hồ Tôn Hiến được thôi. Đụng đến Mã Giám Sinh, chúng ta sẽ đụng đến toàn bộ hệ thống."
Vương Quan bảo: "Thôi thế cũng được. Thằng Mã Giám Sinh tính sau."
Dựa trên biên bản thanh tra quốc gia, Hồ Tôn Hiến đã bị Quốc hội phế truất và Viện Kiểm sát Tối cao truy tố về tội lạm quyền gây hậu quả nghiêm trọng đối với nền kinh tế quốc gia và an ninh tổ quốc.
Trước ngày xảy ra phiên tòa xét xử Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh vào trại giam đưa cho Hồ Tôn Hiến một chai thuốc độc.
Mã Giám Sinh hỏi: "Ông còn nhớ cái bùa chú mật tông thỉnh từ Tây Tạng trên cục đá mẹ ở Đền Hùng và 2301 cục đá con xuyên Việt không?"

Hồ Tôn Hiến nói: "Nhớ. Mày đã đánh tráo nó?"
Mã Giám Sinh bảo: "Phải. Muôn năm trường trị là của Mã Giám Sinh chứ không phải Hồ Tôn Hiến."
Nghe xong, Hồ Tôn Hiến hộc máu tung tóe, tim ngừng đập. Tuy nhiên, Mã Giám Sinh vẫn đổ hết chai thuốc độc vào miệng Hồ Tôn Hiến.
Lịch sử ghi: Năm Gia Tĩnh thứ 43 (1565), Hồ Tôn Hiến bị bắt giam. Đến ngày 3 tháng 11 năm ấy, Hồ Tôn Hiến uất ức tự vẫn, chết trong ngục.

Ông bạn giỏi tử vi, phong thủy nói với tôi :

- Ông Nguyễn Viện đoán sai. Tuần trước, tôi xem sao trên trời, bấm quẻ, chấm lá số tử vi của ông Dũng và ông Thanh, tôi thấy sao bổn mạng của hai ông vẫn sáng lạn.
- Ông nói sao lạ quá. Không logic chút nào. Sao của ông Dũng sáng thì sao của đối thủ phải mờ hoặc ngược lại chứ.
- Ông sống lâu mà đầu óc vẫn chưa sáng ra. Trong lãnh vực nhân văn, nhất là chính trị thì hai cộng hai không phải là bốn mà thường là năm, sáu hay có khi là tám. Sau khi nhìn sao, bấm quẻ tôi lý giải lá số tử vi của ông Dũng và ông Thanh như sau. Đại hội đảng kỳ tới sẽ bầu ông Nguyễn Tấn Dũng là Tổng Bí Thư đảng. Đảng giao nhiệm vụ thì ông Dũng nhận, ông không xin và cũng không từ chối. Đảng bầu ông Nguyễn Bá Thanh là Thủ Tướng. Không cặp nào trong đảng lại sáng giá và uy tín hơn cặp Tấn Dũng – Bá Thanh. Một chính trị gia lão luyện và một quan chức trong sạch dám làm. Ngôi sao Nguyễn Tấn Dũng càng ngày càng sáng. Bốn năm sau của nhiệm kỳ Tổng Bí Thư, Nguyễn Tấn Dũng trở thành Gorbachev. Ông cải tổ chính trị, chấp nhận đa đảng theo

nguyện vọng của dân chúng. Khai tử đảng Cộng Sản của tổng bí thư Lê Duẫn. Tái sinh đảng Lao Động của chủ tịch Hồ Chí Minh. Giải tán Quốc Hội. Bầu quốc hội Lập Hiến. Bản hiến pháp mới ra đời gần giống như bản hiếp pháp của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ. Nguyễn Tấn Dũng trở thành Tổng Thống đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất.

- Diễn tiến ông nói giống như những gì xảy ra tại Miền Nam sau 1964. Hội đồng quân lực VNCH bầu trung tướng Nguyễn Văn Thiệu là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ là Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, bầu Quốc Hội Lập Hiến, bản Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa ra đời … Chẳng nhẽ lịch sử tái diễn. Nếu ông đoán đúng thì sao của ông Dũng sáng vằng vặc như trăng rằm, còn sao Việt Nam vẫn tối thui như đêm ba mươi.
- Lịch sử tái diễn là chuyện bình thường. Nhưng ông cũng nhớ rằng : Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Thôi thì Chờ *xem con Tạo xoay vần đến đâu ! (Mà xem con Tạo xoay vần đến đâu! - Kim Vân Kiều - Nguyễn Du)*

Trích đoạn 8 và … vân vân….

Nhà văn Nguyễn Viện đã văng tục với chế độ ông kinh tởm. Đọc bài thơ *Tôi chỉ muốn chửi thề* của ông trước khi viết Đĩ Thúi để thấy sự tức giận đến uất hận của một người trí thức dũng cảm qua quyển Đĩ Thúi

Tôi chỉ muốn chửi thề - Nguyễn Viện

Từ hôm nay tôi sẽ chửi thề
Mỗi khi mở miệng
Tôi chửi thề mỗi khi ca hát
Cho dù đó là tiếng lòng tôi
Tôi chửi thề mỗi khi chào hỏi
Cho dù đó là một bạn hiền
Tôi chửi thề mỗi khi viết
Cho dù đó là một câu thơ trong suốt
Tôi chửi thề trước khi ngủ
Cho những giấc mơ biến mất
Tôi chửi thề trước khi ăn
Cho những thực phẩm trở nên không chịu nổi
Tôi chửi thề khi ra đường
Để biết là tù ngục
Tôi chửi thề khi về nhà
Để biết con người không tổ ấm
Tôi chửi thề khi ngước nhìn trời
Để thấy sự hèn mọn thần thánh
Tôi chửi thề khi cúi nhìn mặt đất
Để thấy cái chết sâu bọ
Tôi chửi bọn súc sinh
Mày chạy đâu cho thoát?!

Ước Mong

Bắt Đầu Bằng Những Điểm Chung Nho Nhỏ

Đọc trên net trích đoạn cuộc phỏng vấn nhạc sĩ Phạm Duy : *Cái Nhìn Trong Tân Nhạc Việt Nam* của trang net Vietnamese Post :

NS : Vào thời gian này, nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc truyện Kim Vân Kiều. Nhạc sĩ có thể nói sơ qua dự định chương trình sẽ dàn dựng như thế nào ?

Pham Duy : Tôi làm việc rất mạnh mẽ vào lúc này vì tự thấy mình đã sắp sửa đi chơi một thế giới khác, vậy tôi phải mau trả nốt thế giới này một món nợ cuối cùng là việc phổ nhạc truyện Kim Vân Kiều. Nhất là tôi luôn luôn có cái mà người Pháp gọi là " la volonté du désespoir ", mình càng tuyệt vọng thì mình lại càng hy vọng ! Tôi xuất thân là người soạn dân ca mới cho nền Tân Nhạc và kết thúc sự nghiệp của mình bằng việc xưng tụng truyện Kiều, đó là cách bầu dương thái độ của một ca nhân Việt Nam. Tôi không dám cả gan phổ toàn bộ trên 3000 câu thơ của cụ Nguyễn Du đâu, tôi chỉ có ý định soạn bốn bức Minh Họa (illustration) Kiều với một Prologue và một Epilogue. Nhờ sự đóng góp quý báu của người con thứ Duy Cường trong phần hòa âm phối khí ... việc minh họa của tôi chỉ cốt ý thăng hoa những vần thơ Kim Vân Kiều. Ví dụ trong khi thi sĩ chỉ có 6 chữ để diễn tả cảnh " cỏ non xanh tận chân trời " thì nhạc của chúng tôi phải cho người nghe thấy được cánh đồng Việt Nam bát ngát cỏ xanh đó ... Hoặc khi nàng Kiều " buồn trông cửa bể chiều hôm " thì cái buồn đó phải được diễn tả ra sao bằng giai điệu, bằng hòa điệu ... Ngoài ra, trong nhiệm vụ hóa giải những oan

khiên Việt Nam, sau những tác phẩm nhỏ nhoi của tôi như Con Đường Cái Quan, Mẹ Việt Nam, Bầy Chim Hồi Xứ ...tôi muốn lấy thêm tác phẩm vĩ đại của cụ Tiên Điền ra để làm nơi gặp gỡ cho những người Việt Nam đang muốn tìm lại nhau, thương yêu nhau, sau 50 năm khinh thị thù ghét lẫn nhau ... Lấy truyện Kiều làm nơi tự tình là một điều tuyệt diệu!

Bắt đầu bằng những điểm chung nho nhỏ. Nhiều điểm chung nhỏ sẽ tạo thành những điểm chung lớn. Truyện Kim Vân Kiều của đại thi hào Nguyễn Du là một điểm chung nhỏ của dân tộc Việt Nam.

Một yêu câu hát truyện Kiều
Lẳng lơ như tiếng sáo diều làng ta
Và yêu cô gái bên nhà
Miệng xinh ăn nói mặm mà có duyên
Tình Ca - Phạm Duy

Cầu Mong Giòng Họ Tiên Điền Sinh Hiền Tài

Năm ngoái, ngày 23 tháng chạp âm lịch 2012, tôi khấn nguyện với mong ước :" Những người Việt Nam đã gây ra cuộc chiến tương tàn ở phía bên này, bên kia, hay không bên nào hãy nhớ đến công ơn của tiền nhân đã dầy công hy sinh xương máu trong công việc dựng nước, mở mang bờ cõi và giữ nước. Tất cả hãy cam đảm nhận, xin tổ tiên và đồng bào tha tội, và cương quyết từ bỏ những lỗi lầm của mình trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn để cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam Độc Lập, Tự Do và Phú Cường". Năm nay, ngày đầu năm con Ngựa 2014, tôi khấn nguyện với mong ước khiêm nhượng hơn năm ngoái rất nhiều.

Tôi khấn : Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy tiên Thúy Kiều, lạy thánh Nguyễn Du.
Câu ca dao :
Bao giờ ngàn Hống hết cây,
Sông Rum hết nước họ này hết quan
là chỉ việc làm quan của họ Nguyễn Tiên Điền. Nghĩa là thời nào giòng họ Nguyễn Tiên Điền cũng có người làm quan. Vậy mà thời nay không có vị quan lớn nào trong Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản là thuộc giòng họ Tiên Điền. Cũng là may cho giòng họ Tiên Điền. Ngày nay, làm quan thì khó tránh khỏi là quan tham nhũng, hại dân, hại nước. Đó cũng là ý của trời muốn giúp thánh Nguyễn Du.
Đọc trên net : *Núi Hồng Lĩnh tên Nôm là Ngàn Hống hay Rú Hống, cũng đọc là Hống, tên chữ là Hồng Sơn (núi Hồng) hay Hồng Lĩnh, là dãy núi nổi tiếng nhất Hà Tĩnh. Núi Hồng Lĩnh nằm giữa địa phận Thị xã Hồng Lĩnh và hai huyện Nghi Xuân và Can Lộc. Cùng với sông Lam, núi Hồng Lĩnh được xem là biểu tượng hồn thiêng sông núi của xứ Nghệ. Từ xưa, Hồng Lĩnh là rừng cây rậm rạp, nhiều muông thú, và nhiều loại gỗ quý. Các ạ già kể lại: vào những năm 30, 40 của thế kỷ XX đã từng có đàn khỉ, đàn lợn rừng đêm vẫn kéo ra trộm khoai, lúa trên cánh đồng Kẻ Thổ - Ngọc Sơn và Kẻ Vọt - Bình Lạng (*theo bút ký sử liệu của Thái Kim Đỉnh*). Nhưng rồi trải qua năm tháng, do sự tàn phá của con người và chiến tranh rừng Hồng Lĩnh ngày một cạn kiệt, nhiều vùng đã trở thành đồi núi trọc, muông thú ngày một ít đi có loại hầu như không còn thấy ở rừng Hồng Lĩnh nữa. Những năm gần đây, dân chúng phá nát núi Hồng tìm 'thần dược'.*
Sông Roòn (Rum), còn có tên gọi khác là Loan Giang, là một con sông chảy qua huyện Quảng Trạch, tỉnh

Quảng Bình. Sông Roòn bắt nguồn từ dãy núi Hoành Sơn và đổ ra biển Đông, tại nơi giáp ranh của Quảng Phú và Cảnh Dương thuộc huyện Quảng Trạch. Sông Roòn có tổng chiều dài 30 km. Cửa biển sông Roòn là nơi ra vào, neo đậu, tránh bão cho hơn 520 tàu thuyền. Trong những năm gần đây, khu vực lạch ra vào cửa biển dần bị cát bồi lấp, gây khó khăn cho việc ra vào và gây nên gần trăm vụ mắc cạn, lật tàu

Núi Hồng sông Lam danh lam thắng cảnh xứ Nghệ - Hình lấy trên net

Tàu của ngư dân mắc cạn ở cửa Roòn - Hình lấy trên net

Ngày nay, thời thế đã chín mùi cho một sự đổi thay của đất nước. Tổ quốc đang cần những người tài, thanh liêm để thay cho bọn dòi bọ đã đục khoét làm kiệt quệ đất nước. Cầu xin vua Từ Hải, vãi Giác Duyên, tiên Thúy Kiều, thánh Nguyễn Du phủ xanh lại núi Hồng Lĩnh, khơi lại giòng chảy của sông Rum để cho giòng Tiên Điền lại sinh ra những người hiền tài phục hưng lại đất nước … Cầu mong, cầu mong "

Những ngày đầu năm Giáp Ngọ 2014

Hình lấy trên net

KIM VÂN KIỀU

(*Tên quyển truyện thơ của văn hào Nguyễn Du*)

Năm đệ tứ, lớp tôi có những cuộc tranh luận thật sôi nổi đề tài về truyện Kiều. Thầy Hồng, giáo sư Việt Văn lớp tôi, là người Minh Hương. Cả lớp ai cũng quý mến thầy vì thầy là giáo sư giỏi, tính tình cởi mở, thẳng thắn. Thầy thường đưa ra những đề tài hấp dẫn để chúng tôi thảo luận như : "Phạm Quỳnh nói :" Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn …" trò nghĩ sao về câu nói này ". Chúng tôi có một giờ để thảo luận đề tài này.

Hoàng Lùn tán đồng với cụ Phạm Quỳnh, Hoàng nói:

- Mỗi Quốc Gia đều có một biểu tượng. Biểu tượng sụp đổ thì Quốc Gia sụp đổ theo. Truyện Kiều là một thi phẩm tuyệt vời. Từ khi dựng nước đến nay không có thi phẩm nào hay hơn truyện Kiều. Cho đến ngày tận thế cũng không có một thi phẩm nào hay hơn truyện Kiều. Truyện Kiều là tiêu biểu về văn học để cho cả dân tộc ta hãnh diện. Truyện Kiều đã trở thành báu vật quí giá của dân tộc Việt Nam. Báu vật mất đi, biểu tượng mất đi thì tất nhiên dân tộc phải suy, rồi đi tới chỗ diệt vong. Dân tộc mất đi không phải là không còn một nước Việt Nam, không phải là không còn một giống người được gọi là Việt Nam trên trái đất này. Vẫn còn một nước Việt Nam, vẫn còn một giống người được gọi là Việt Nam, nhưng đó là một nước Việt Nam không còn sức sống. Còn con người Việt Nam thì không còn tình cảm, không còn biết xấu đẹp, không còn biết yêu thương, không biết tự do. Dân tộc đó chẳng khác chi một cây khô. Có thể ví dân tộc Việt Nam như một cây, còn truyện Kiều như một giòng suối đem nước nuôi cây. Suối cạn, tất

nhiên cây phải chết. Dân tộc ta là một dân tộc thi sĩ. Người thi sĩ là người yêu cái đẹp và yêu tự do. Nay cái đẹp mất. Chúng ta không còn được nghe hay đọc những câu thơ thật hay và lãng mạng như tiếng sáo diều làng ta mà nhạc sĩ Phạm Duy viết trong bản nhạc Tình Ca :"*Một yêu câu hát truyện Kiều, lắng lơ như tiếng sáo diều làng ta* ". Đối với tôi 3225 câu thơ là những tiếng sáo diều, là dòng suối chảy, là giòng máu nóng nuôi sống người Việt Nam, là tiếng nói truyền đi những tình cảm của dân tộc. Truyện Kiều ra đời, đất nước hóa thành thơ. Cả nước làm thơ, cả nước đọc thơ, cả nước ngâm thơ. Thúy Vân, Thúy Kều, Kim Trọng, Từ Hải, Tú Bà, Sở Khanh không còn là của Trung Hoa mà đã trở thành của Việt Nam. Tôi hỏi các bạn :" Trong lớp có trò nào không làm thơ ?"

Diệp dơ tay :" Tui "

Hoàng Lùn nhìn Diệp. Hoàng nói :

- Trò Diệp nói dối. Hè năm đệ ngũ, trò Diệp viết lưu bút cho trò Thiên Nga. Trò Diệp có làm câu thơ mà tôi còn nhớ :" Thiên Nga tung cánh - Trong trời nắng ấm. - Lá xanh tươi thắm – Cũng muốn bay theo – Đôi cánh trắng trong – Cho đời tươi thắm…

Diệp ấp úng

- Bài thơ, tôi nhờ trò Giá làm, không phải tôi làm …

Giá Bồng Nga đứng dậy nói

- Thơ của tôi nhưng ý là của trò Diệp. Trò Diệp thuê tôi một tô phở để tôi làm thơ có đôi cánh trắng và lá xanh.

Cả lớp cười ầm. Thiên Nga cười hớn hở và nói lớn :

- Vậy mà trò Diệp nói với tôi, trò sáng tác bài thơ Đôi Cánh Thiên Nga.

Diệp cười bẽn lẽn. Tôi nhớ một ngày hè năm đệ ngũ, Thiên Nga cầm quyển lưu bút của nó và nói :

- Tụi mi nghe thằng Diệp làm thơ tặng tao.

Thiên Nga đọc cả bài thơ dài hai ba chục câu, không phải chỉ mấy câu Hoàng Lùn vừa đọc. Tôi còn nhớ những câu đối thoại giữa Thiên Nga, Hoàng Lùn và Diệp năm ngoái. Thiên Nga vừa đọc xong bài thơ, Hoàng Lùn nói :

- Thằng Diệp nó nói mi là con cò.
- Diệp, mi nói tao là cò phải không ?
- Bài thơ của tao là Đôi Cánh Thiên Nga, đâu có phải là Đôi Cánh Cò. Thằng Hoàng nói bậy.
- Tung cánh trắng bay là cánh cò trắng chứ chi nữa. Mi nói Thiên Nga là cò. Cổ Thiên Nga dài như cổ cò.
- Mi suy diễn bậy bạ. Cánh thiên nga cũng trắng và dài vậy.

Sau khi Thiên Nga đọc xong bài thơ, tôi thắc mắc Diệp làm thơ hay đạo thơ. Từ trước đến nay, Diệp chưa làm thơ và rất yếu về môn Việt Văn. Tôi mất cả tuần để tra cứu nhiều sách văn thơ để xem Diệp đạo thơ của thi sĩ tiền bối nào, nhưng không tìm được. Chừ chúng tôi mới biết bài thơ là của Giá Bồng Nga, không phải của Diệp

Thầy Hồng lên tiếng

- Các trò im lặng. Trò Hoàng tiếp tục.

Hoàng Lùn nói tiếp :

- Nhiều người không làm thơ, nhưng cả dân tộc ta có hồn thơ từ ngày cụ Nguyễn Du viết Truyện Kim Vân Kiều. Truyện Kiều không còn nữa đó là điều không thể xẩy ra, nhưng nếu điều đó xẩy ra thì còn ai làm thơ, làm

nhạc, làm văn chương cho để nuôi nấng sức sống tươi trẻ của dân tộc. Tôi hoàn toàn đồng ý với cụ Phạm Quỳnh :" Truyện Kiều mất, tiếng ta mất, nước ta mất ".

Tôi phát biểu để phản bác lại ý kiến của Hoàng Lùn. Tôi nói :

- Không ai phủ nhận được rằng, truyện Kim Vân Kiều là một thi phẩm tuyệt tác. Cụ Nguyễn Du đã đưa thơ lục bát lên tuyệt đỉnh. Nhưng nhận định về truyện Kiều của cụ Phạm Quỳnh :" Truyện Kiều mất, tiếng ta mất, nước ta mất " thì tôi hoàn toàn không đồng ý. Tôi cho rằng nhận định của cụ là vô nghĩa vì những lý do sau đây : Trước khi có truyện Kiều, dân ta nói tiếng Việt. Sau một ngàn năm Bắc Thuộc, sau mười năm đô hộ của giặc Minh tiếng nước ta vẫn còn. Dân ta vẫn nói tiếng Việt, không nói tiếng Tàu. Sau Truyện Kiều, dân tộc ta bị Pháp đô hộ hơn một trăm năm. Chúng ta vẫn nói tiếng Việt, chúng ta không nói tiếng Pháp. Trước truyện Kiều, dân tộc ta có kho tàng văn chương truyền khẩu đẹp, bóng bẩy, triết lý cao siêu. Chúng ta có những truyện cổ tích vừa nhân bản, vừa sâu sắc, chúng ta có triết lý về Thiền độc đáo, khác với thiền Trung Hoa, thiền Nhật Bản … Tiếng nói của dân tộc ta, văn chương của dân ta từ đồng bằng sông Hồng đã tiến lên rừng núi Tây Bắc, tiến về phương Đông đến giáp Ai Lao, tiến về phương Nam đến tận mũi Cà Mâu, vượt biển ra đến tận Phú Quốc, Côn Sơn. Như vậy thì làm sao tiếng nói của ta, văn chương của ta mất chỉ vì truyện Kiều mất ? Tiếng nói của

dân tộc ta có trước khi dân tộc ta lập quốc. Đất nước ta có trước khi truyện Kiều ra đời cả mấy ngàn năm. Vậy cụ Phạm Quỳnh nói truyện Kiều mất, tiếng ta mất, nước ta mất thì thật vô nghĩa và không có căn bản lý luận.

Kho tàng văn chương của dân tộc ta gồm ca dao, truyện, thơ, âm nhạc. Trong kho tàng thơ cũng có nhiều thể loại: thơ Đường, thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt, thơ tự do vân vân. Truyện Kiều là tuyệt đỉnh trong thể thơ lục bát, nhưng Truyện Kiều không là tất cả nền thi ca. Truyện Kiều có mất đi thì nền thi ca của chúng ta vẫn còn. Trước truyện Kiều, nước ta cũng có những thi phẩm lớn như Cung Oán Ngâm Khúc, Phong Dao, Trê Cóc, Chinh Phụ Ngâm. Trước truyện Kiều chúng ta cũng có thi sĩ lớn như Đặng Trần Côn, Nguyễn Trãi. Sau truyện Kiều chúng ta có những tác phẩm lớn, những thi sĩ lớn như Chu Mạnh Trinh, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương. Dân tộc ta là dân tộc thi sĩ. Thời đại nào, nước ta cũng sản sinh ra những nhà thơ lớn, những tác phẩm lớn.

Cụ Nguyễn Du đã phóng tác một quyển truyện văn xuôi của Thanh Tâm Tài Nhân là Kim Vân Kiều Truyện của Trung Hoa. Nhiều người Trung Hoa ngạc nhiên khi thấy dân ta trân quý truyện Kiều của cụ Nguyễn Du như một báu vật, trong khi quyển Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân là một quyển truyện tầm thường ở Trung Hoa. Thật vậy truyện Kiều là một áng thơ hay nhưng triết lý của truyện Kiều không sâu sắc bằng nhiều thi phẩm khác như Cung Oán

Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều, Trê Cóc, Lục Xúc Tranh Công. Những học giả, văn sĩ, thi sĩ khen truyện Kiều chỉ khen về phương diện mỹ thuật như Chế Lan Viện nói :" *Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn* ". Nhưng hầu như không ai ca tụng về triết lý, về nội dung của truyện Kiều. Nếu có, chỉ nói đến nỗi đau khổ của Kiều sống trong chế độ tham nhũng thối nát được tả một cách tài tình bằng ngòi bút của cụ Nguyễn Du. Không ai tranh cãi về mặt mỹ thuật, về nghệ thuật làm thơ tài tình của cụ Nguyễn Du, nhưng cho đến ngày nay người ta vẫn còn tranh cãi về tính cách giáo dục của truyện Kiều. Ngày xưa truyện Kiều bị lên án gay gắt nên đã có câu ca dao :" *Con trai chớ đọc Phan Trần. Con gái chớ đọc Thúy Vân, Thúy Kiều* ". Ngày nay mặc dầu truyện Kiều đã được đưa vô chương trình giáo dục trung học, nhưng sự tranh cãi vẫn còn. Không ít người lên án tính cách giáo dục của truyện Kiều, trong số những người này không có tôi, nhưng có cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Nguyễn Bách Khoa vân vân. Cụ Huỳnh Thúc Kháng nói về truyện Kiều:" *Về mặt mỹ thuật rõ là cực tốt, mà ở trong đựng những vật có chất độc*". Cụ Nguyễn Bách Khoa nói về truyện Kiều :" *Truyện Kiều là một thứ văn chương đã ở vào một vị trí phản tiến hóa lúc đương thời của cụ Nguyễn Du. Nó chứa chan một chất tàn héo, tiêu ma. Nó là kết tinh phẩm của một chặng đường suy đồi nhất trên tràng kỳ tiến hoá của cá tính Việt Nam* ".

So với Trung Hoa, Ấn Độ, Nga, Ba Tư, Ai Cập, Anh , Pháp, Ý, Hy Lạp nước ta không

có nền văn hóa lớn bằng. Tư tưởng và công trình văn hóa, nghệ thuật, chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật của dân tộc ta chỉ giới hạn trong nước, chưa trải rộng ra khắp năm châu bốn bể. Trong khi tại các nước tôi vừa kể, họ đã sản sinh ra những tôn giáo lớn, những tư tưởng và công trình vĩ đại ảnh hưởng ra nhiều nước khác, thậm chí ảnh hưởng cả thế giới. Nhưng người Trung Hoa không nói :"Truyện Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, Tây Du Ký, Hồng Lâu Mộng, Thủy Hử mất thì tiếng Trung Hoa mất". Người Nga không nói :" Chiến Tranh và Hòa Bình mất thì dân tộc Nga mất ". Người Anh không nói thi hào Shakespear mất thì tiếng Anh mất, Người Pháp không nói Tháp Eifel đổ thì nước Pháp mất …v..v... Như vậy ta nói :"Truyện Kiều mất, tiếng ta mất, nước ta mất" thì quả thật là hàm hồ.

Để kết luận, tôi muốn nhấn mạnh một điều Đoạn Trường Tân Thanh là thi phẩm tuyệt hay, nhưng không thể đặt truyện Kiều trên vận mệnh dân tộc được. Đoạn Trường Tân Thanh chỉ là một viên ngọc trong nhiều viên ngọc của kho tàng văn chương nước ta. Cụ Phạm Quỳnh đã đánh giá quá thấp kho tàng văn chương của dân tộc và khả năng sáng tác thi ca của dân tộc. Câu nói của cụ Phạm Quỳnh nên được sửa lại :" Nước ta còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, kho tàng thi ca của ta còn, kho tàng thi ca của ta còn, truyện Kiều của cụ Nguyễn Du còn ". Nước ta làm răng mà mất được. Nước ta còn mãi và truyện Kiều còn mãi. Các bạn hãy nhìn câu khẩu hiệu trước mặt các bạn TỔ QUỐC TRÊN

HẾT. Không một tôn giáo nào, không một chủ nghĩa nào, không một tư tưởng nào, không một cá nhân nào, không một tác phẩm nào được đặt trên Tổ Quốc. Tôi không đồng ý với câu nói của cụ Phạm Quỳnh. Câu nói của cụ Phạm Quỳnh chỉ là câu nói vô nghĩa.

Cả lớp vỗ tay. Chị Mai, Hoa, Giá Bồng Nga phát biểu đều bênh vực lập luận của tôi. Thậm chí Giá Bồng Nga còn nói câu nói của cụ Phạm Quỳnh nằm trong âm mưu của thực dân Pháp muốn cho thanh niên Việt Nam quên cuộc đấu tranh dành độc lập bằng cách cổ súy những tác phẩm lãng mạng, bi thương, tin vào lý thuyết số mệnh. Đồng thời tên toàn quyền Decoux còn cho tổ chức những trò giải trí, những cuộc tranh tài thể thao như vòng đua xe đạp Đông Dương để cho thanh niên Việt quên đi cao trào dành độc lập trong lúc thế lực của Pháp đang suy tàn.

Cả lớp bỏ phiếu. Tôi đại thắng với tỉ lệ 47/1. Tôi thắng nhờ tinh thần ái quốc của học trò lớp tôi, nhưng tôi không nói Hoàng Lùn không yêu nước. Hoàng Lùn, bạn thân trong ban văn nghệ, cũng yêu nước như chúng tôi. Hoàng Lùn cũng từng tham gia với chúng tôi trong trận đánh tụi học trò trường College.

Trên đường về nhà, Hoa vui như con chim họa mi. Hoa nói tối nay mạ Hoa nấu món bánh canh Nam Phổ mà ba của Hoa rất thích để kỷ niệm ngày khởi đầu của cuộc tình duyên của ba mạ Hoa. Hoa nói ba của Hoa thích bánh canh Nam Phổ không phải vì ngon mà vì theo như ông nói : Những sợi bánh canh tuy mềm nhưng đã cột chặt ba mạ Hoa từ ngày đó tới nay. Ngày này cách đây 20 năm, ba của Hoa và một số bạn bè tới nhà mạ Hoa ở kiệt Hoàng Hôn, Vỹ Dạ, Huế. Bà ngoại Hoa nấu nồi bánh canh Nam Phổ để đãi khách. Mạ Hoa bưng tô bánh canh cho ba của Hoa, không biết lúng túng hay vì

mắc cỡ mà mạ Hoa làm đổ tô bánh canh vô người ba của Hoa. Mạ Hoa vội vàng đưa tay phủi những sợi bánh canh nóng hổi trên áo ba của Hoa. Ba của Hoa nắm chặt tay mạ Hoa, khiến mạ Hoa đỏ bừng mặt vì thẹn. Mạ Hoa xuống bếp, không dám lên nhà trên. Đám bạn bè cười vang. Có người bạn ngâm câu thơ để chọc mạ Hoa

Nam nữ thụ thụ bất thân.
Nắm tay em rồi, em trả lời răng?

Mọi người nhao nhao nói :

- Nắm được tay em thì em trả lời răng ? Còn trả lời răng nữa ? Câu hỏi thừa.

Thật ra ba của Hoa để ý mạ Hoa đã lâu. Có lần tôi nghe, ba của Hoa nói với ba mạ tôi :" Yêu quá hóa liều. Nắm tay đại mà lại thành công ".

Tối nay ba mạ tôi và tôi được ba mạ Hoa mời sang ăn cơm. Dĩ nhiên, bữa cơm có nồi bánh canh Nam Phổ. Trong bữa cơm, Hoa nói nhiều hơn ba mạ Hoa. Hoa kể cho mọi người nghe buổi thảo luận chiều nay. Hoa làm cho mạ tôi hãnh diện về tôi, mạ tôi nói với Hoa :

- Cả tuần ni, thằng Thanh nó thức đọc sách đến một hai giờ khuya. Dì dục đi ngủ mà nó không chịu đi ngủ.

Hoa đưa tay đuổi con ruồi đậu trên đĩa thịt gà. Con ruồi bay đậu trên vai tôi. Hoa đuổi con ruồi đậu trên vai tôi. Tay Hoa chạm vai tôi. Tôi nhìn Hoa. Bốn mắt g ặp nhau. Hoa nở nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt diễm lệ. Nụ cười của Hoa tươi đẹp như một đóa hoa hồng làm tôi ngẩn ngơ. Tôi muốn nắm thật chặt tay Hoa.

Đề tài gây tranh luận sôi nổi, gay cấn nhất lại là :"KIỀU YÊU AI NHẤT". Cuộc tranh luận về đề tài này thật sôi nổi kéo dài cả tháng trời. Sôi nổi vì chúng tôi thảo luận trong lớp thì ít mà ngoài lớp học thì nhiều. Tất cả học trò lớp tôi đều cho rằng Kiều yêu Kim Trọng nhất. Trừ tôi

và Hoa cho rằng Kiều yêu Từ Hải nhất. Mới đầu Hoa cũng cho rằng Kiều yêu Kim Trọng nhất, nhưng sau đó Hoa đổi ý để đứng về phía tôi. Tôi và Hoa tối nào cũng họp bàn cho tới tối mịt để sửa soạn cho buổi thảo luận chung kết. Chủ lực của phe đối phương là chị Mai, Giá Bồng Nga, Báu Cà Nhắc, Hoàng Lùn. Phe đối phương chuẩn bị thật chu đáo, phân công rõ ràng. Chị Mai và Báu Cà Nhắc nghiên cứu luận cứ để thuyết minh Kiều Yêu Kim Trọng Nhất. Giá Bồng Nga và Hoàng Lùn tìm những chứng cứ để phản bác lại tôi và Hoa cho rằng Kiều Yêu Từ Hải Nhất. Buổi thảo luận dài hai tiếng, gồm ba phần. Phần đầu hai bên trình bầy Kiều Yêu Ai Nhất, phần thứ hai, hai bên phản bác luận điểm của đối phương, phần thứ ba cả lớp biểu quyết..

Báu Cà Nhắc mở đầu bằng câu thơ của Thế Lữ :" *Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy, Ngàn Năm chưa dễ đã ai quên* " Sau đó Báu nói :

Khó ai có thể quên được mối tình đầu. Trước hết, tôi nói về mối tình của Kim Trọng và Thúy Kiều từ lúc hai người gặp nhau vào một buổi chiều, bên chiếc cầu, trên giòng nước, trong dịp hai người đi dự hội Đạp Thanh. Tiếp theo, chị Mai sẽ nói về phần sau của cuộc tình Kim Kiều. Kim Kiều tái ngộ sau mười lăm năm. Sau khi nghe tôi và chị Mai trình bầy thì các bạn sẽ thấy ngay Kiều yêu Kim Trọng nhất.
Thưa các bạn, Kim và Kiều gặp nhau, hai người yêu nhau liền :

Tình trong như đã mặt ngoài còn e

Nhiều người cho rằng Kim và Kiều bị tiếng sét ái tình. Theo tôi, Kim và Kiều không bị tiếng sét ái tình. Kim Trọng là bạn đồng môn của Vương Quan. Kim Trọng đã để ý đến chị em Thúy Kiều và Thúy Vân vì chàng đã nghe Vân và Kiều là hai cô gái có tài và có sắc.

Vẫn nghe thơm nức hương lân

Một nền đồng tước khóa xuân hai Kiều
Nước non cách mấy buồng thêu
Những là trộm nhớ thầm yêu chốc mòng

Tuy rằng cụ Nguyễn Du không nói Thúy Vân, Thúy Kiều đã nghe hay đã biết ít nhiều về Kim Trọng, nhưng tôi chắc chắn rằng chị em Kiều cũng đã nghe và biết về Kim Trọng. Kim Trọng là con gia đình danh tiếng trong vùng. Kim Trọng nổi tiếng là người tài hoa và giỏi văn chương. Kim Trọng là bạn đồng môn của Vương Quan. Như vậy cả hai Kim, Kiều đều có trong đầu hình ảnh người yêu lý tưởng của mình sau này. Buổi gặp gỡ ngắn ngủi trong ngày hội Đạp Thanh chỉ là cuộc tương phùng giữa tri âm gặp tri âm. Cuộc gặp gỡ chỉ để Kim, Kiều xác nhận rằng mình đã gặp đúng người trong mộng. Hai người đều tỏa ra tài năng và phong cách thật đẹp đẽ, thật hài hòa khiến họ nhận được nhau ngay.

Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao

Cái may là họ gặp được nhau.

Kiều gặp Thúc Sinh và Từ Hải thì khác hẳn Kiều gặp Kim Trọng. Cuộc gặp gỡ giữa Kiều và Thúc Kỳ Tâm hay Từ Hải chỉ là hai cuộc mua bán giữa chủ thanh lâu và Thúc Sinh hay Từ Hải. Thúc Sinh và Từ Hải là hai tay chơi có tiền, nghe Thúy Kiều có tài có sắc thì tìm đến và chuộc Thúy Kiều về làm vợ. Thúy Kiều đâu có quyền được lựa chọn. Sống với Thúc Sinh và Từ Hải, Kiều có được một thời gian yên ổn, ấm no nhưng không phải là thời gian hòa hợp của những tâm hồn tri kỷ. Kiều có thể đã đàn và ngâm thơ cho Thúc Sinh và Từ Hải nghe. Nhưng Thúc Sinh và Từ Hải có đủ trình độ để thưởng thức thơ nhạc của Kiều hay không ? Tôi chắc là không. Còn họa thơ và nhạc với Kiều chắc chắn là không. Sống với Thúc Sinh, Kiều chỉ có:

Mảng vui rượu sớm cờ trưa

Kiều sống với Từ Hải thì chẳng có chi cả, chỉ có quyền hành sinh sát và tiền của.

Trái lại, những lần gặp gỡ giữa Kim và Kiều, mặc dù cộng lại thời gian chưa đến một ngày, nhưng đã khiến Kim và Kều đã ngàn năm không quên nhau được như câu thơ Thế Lữ : *Ngàn Năm chưa dễ đã ai quên*. Các bạn đọc từ câu 243 đến câu 573. Ba trăm ba mươi câu thơ tả lại cuộc tình nồng nàn, đằm thắm, thanh cao của Kim và Kiều. Phải nói rằng cụ Nguyễn Du là Thánh Thi vì chỉ có Thánh Thi mới tả được những cái đẹp của mối tình Kim Kều mà người đời chỉ mơ tưởng mà không diễn đạt được. Tôi đưa ra một vài ví dụ. Tả Kim Trọng tương tư :

Sầu đong càng lắc càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê

Người ta thường nói nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại. Ốm tương tư thì cũng giống vậy, nhất nhật tương tư và đợi chờ dài bằng thiên thu của đời sống vui tươi bình thường.

Những câu thơ thật đẹp tả bước chân Kiều khua động Kim Trọng đang trong trạng thái mơ màng nửa thực, nửa chiêm bao :

Tiếng sen sẽ động giấc hoè
Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần
Bâng khuâng đỉnh giáp non thần
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng
Nàng rằng :" Khoảng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa
Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao

Nói tóm lại cả ba trăm ba mươi câu thơ đều hay. Trở về đề tài thảo luận tôi nói một điều các bạn sẽ ngạc nhiên. Điều tôi nói là sự thật một trăm phần trăm. Kiều yêu Kim Trọng hơn là Kim Trọng yêu Thúy Kiều. Nếu các

bạn đọc kỹ ba trăm ba mươi câu thơ, bạn sẽ thấy điều tôi nói là đúng. Mặc dù cụ Nguyễn Du đã tả cơn đau tương tư của Kim Trọng sau lần gặp Kiều thật là ghê ghớm

Chàng Kim từ lại thư song
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây
Sầu đong càng lắc càng đầy
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê

Yêu thì yêu ghê gớm như vậy, nhưng sau hai tháng, Kim Trọng thuê được nhà của Ngô Việt, Kim Trọng chưa có một phương cách hay kế hoạch để gặp được Kiều.

Song hồng nửa khép cánh mây
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông
Tấc gang đồng tảo nguyên phong
Tuyệt mù nào thấy bóng hồng vào ra
Nhẫn từ quán khách lân la
Tuần trăng thấm thoát nay đà thêm hai

Kim Trọng không lợi dụng được tình đồng môn của mình với Vương Quan để qua chơi nhà Kiều. Trong khi đó Kiều đã có kế hoạch và tìm được phương cách để gặp được người mơ. Tôi chứng minh và trình bầy cho các bạn thấy kế hoạch của Kiều để gặp Kim Trọng.

Kiều có biết Kim Trọng là người hàng xóm của mình không ? Chắc chắn Kiều biết. Nhà hàng xóm lâu nay vắng chủ, nay có người ở. Người mới tới, hàng ngày đứng ở hiên Lãm Thúy nhìn sang nhà Kiều thì làm chi Kiều không biết. Kiều cũng biết người hàng xóm là người mình gặp buổi chiều ngày hội Đạp Thanh. Một ngày đẹp trời, Kiều đã ra cuối vườn nơi có cây hoa Đào, Kiều treo chiếc trâm trên cành Đào. Cây Đào không thấp. Trâm chỉ rơi xuống đất chứ không thể nào rơi trên cành Đào được. Như vậy Kiều Phải với tay treo trâm lên cành Đào và phải treo ở chỗ nào cho người khác dễ thấy. Kiều đã treo trâm lên cành Đào thật nhanh rồi trở vô phòng và kín đáo nhìn ra vườn và chờ kết quả.

Chàng Kim thoáng thấy bóng dáng ai thướt tha bên vườn nhà Kiều, chàng vội bỏ đàn xuống và ra hiên Lãm Thúy để nhìn, nhưng

Buông cầm xốc áo vội ra
Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh

Không thấy người mình thương, nhưng Kim Trọng lại thấy ngay kim thoa trên cành cây hoa đào. Kim Trọng chỉ dơ tay lấy kim thoa một cách hết sức dễ dàng. Kiều ở trong nhà theo dõi và nàng nở nụ cười thật tươi vì cá đã cắn câu. Con cá Kim Trọng đã đớp mồi kim thoa do Kiều giăng. Lúc đó nàng tái xuất hiện nơi cây đào và hai người tỏ lời thề nguyền, trao đổi vật làm tin để chính thức xác định họ thuộc về nhau. Kiều thì hứa:

Rằng :"Trong buổi mới lạ lùng
Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang
Đã lòng quân tử đa mang
Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung "

Kim Trọng thì thề :

Rằng :" Trăm năm cũng từ đây
Của tin gọi một chút này làm ghi "

Câu thơ tuyệt vời sau đây của cụ Nguyễn Du đã chấm dứt buổi gặp gỡ lần thứ hai giữa Kim và Kiều. Những câu thơ để lại trong tâm hồn của mỗi người chúng ta một mối tình đẹp và thanh cao như hoa và lá. Nàng thì như cánh hoa, chàng thì như chiếc lá. Hoa và lá cùng bay trong gió.

Một lời gắn bó tất giao
Mái sau dường có xôn xao tiếng người
Vội vàng lá rụng hoa rơi
Chàng về viện sách, nàng dời lầu trang

Lần gặp gỡ thứ ba hoàn toàn do Thúy Kiều sắp đặt. Trước hết Kiều phải tìm cách nói dối để được phép ở nhà mà không phải theo gia đình đi dự sinh nhật bên ngoại. Cụ Nguyễn Du không nói Kiều đã nêu lý do gì để được phép ở nhà. Kiều là người thông minh, chắc

chắn nàng tìm được lý do hợp lý để được cha mẹ chấp thuận. Kiều chuẩn bị cho lần gặp này thật chu đáo. Sau khi gia đình vừa dời nhà, Kiều bày sẵn bàn thức ăn, bánh và trái cây trong mùa với mục đích khi cha mẹ và các em trở về thì đã có thức ăn sẵn cho mọi người và không ai nghi ngờ Kiều bỏ nhà đi chơi suốt ngày. Sắp xếp nhà cửa và thức ăn xong xuôi, Kiều đi nhanh ra mé tường. Nàng đằng hắng nhỏ thì đã thấy ở bên kia tường Kim Trọng đã đứng chờ trông :

Thì trân thức thức sẵn bầy
Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mé tường
Cách hoa sẽ dặng tiếng vàng
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông

Trong lần gặp gỡ này cụ Nguyễn Du cho ta thấy tài năng và nhân cách của hai người. Về tài năng thì chúng ta thấy rất rõ ràng. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh ở đây nhân cách của hai người thật hòa hợp khiến cho hai người tương kính nhau, lắng nghe nhau rồi hiểu nhau đó là nhân tố chính của tình yêu. Tôi đưa ra vài ví dụ để các bạn thấy. Nghe Kiều đàn bản Bạc Mệnh quá sầu thảm, Kim Trọng khuyên Kiều :

Rằng : " Hay thì thật là hay
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào
Lựa chi những khúc tiêu dao
Dột lòng mình cũng nao nao lòng người ?"

Kiều chấp nhận lời khuyên và hứa sửa chữa

Rằng :" Quen mất nết đi rồi
Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao !
Lời vàng vâng lĩnh ý cao
Họa dần dần bớt chút nào được không

Khi Kim Trọng ra chiều lả lơi, Kiều trách

Thưa rằng :" Đừng lấy làm chơi
Dễ cho thưa hết một lời đã nao
Vẽ chi một đóa yêu đào

Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh
Đã cho vào bậc bố kinh
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu
Ra tuồng trên bộc trong dâu
Thì con người ấy ai cầu làm chi
Phải điều ăn xổi ở thì
Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày

Kim Trọng nhận lỗi

Thấy lời đoan chính dễ nghe
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân

Hai người kính trọng và hiểu biết nhau. Đó là yếu tố của tình yêu.

Tôi vừa trình bầy những vần thơ tả về một mối tình thật đẹp bằng những câu thơ tuyệt vời. Các bạn tìm đâu ra những bài thơ tình hay như vậy. Những thi sĩ được xưng tụng là những nhà thơ của tình yêu như TTKH, Xuân Diệu, Nguyễn Bính đã có những câu thơ hay đoạn thơ nào để tạm gọi là so sánh với đoạn thơ tôi vừa trình bầy với các bạn. Sau đây chị Mai sẽ trình bầy đoạn sau của mối tình Kim Kiều. Xin mời chị Mai.

Chị Mai nói :

- Chúng ta thường nghe nói Tình Nghĩa. Hai danh từ này gắn liền với nhau để nói nên quan niệm về tình yêu của dân tộc ta. Có tình có nghĩa thì tình yêu mới bền chặt, mới thật là tình yêu. Thành ra các bạn thấy hai vợ chồng đôi khi hết tình còn nghĩa, hay trái lại hết nghĩa còn tình, hai vợ chồng vẫn sống chung với nhau cho đến đầu bạc răng long. Chỉ khi nào cạn tình, cạn nghĩa hai vợ chồng mới chia tay. Khác với người phương Tây, họ quan niệm hai vợ chồng lấy nhau vì tình. Hết tình là họ chia tay. Do đó, các bạn thấy số vợ chồng người phương tây ly dị nhau

nhiều gấp cả trăm lần vợ chồng người Việt ta. Trò Báu đã nói về tình của Kim và Kiều mà cụ Nguyễn Du đã tả ở phần đầu. Tôi sẽ trình bầy cái Nghĩa của Kim Kiều mà cụ Nguyễn Du tả ở phần sau. Trước đêm ra đi theo Mã Giám Sinh, Kiều đã sắp đặt cho trọn nghĩa với Kim Trọng Kiều đã khuyên em thay mình làm vợ Kim Trọng. Gán Thúy Vân cho Kim Trọng không phải để dứt tình với Kim Trọng mà để trọn nghĩa với chàng Kim. Kiều mong muốn Kim Trọng được an vui hạnh phúc. Còn cuộc đời mình long đong khổ sở cũng chẳng có sao. Kim Trọng cũng trọn nghĩa với Kiều. Trở lại hiên Lãm Thúy, biết Kiều đã bán mình chuộc cha, biết cha mẹ và hai em Kiều đang sống trong cảnh bần hàn sa sút, Kim Trọng đã cưu mang gia đình Kều thay cho Kiều. Gia đình Kiều cũng trọn nghĩa với chàng Kim. Mặc dù Thúy Vân đã là vợ của Kim Trọng, nhưng gia đình Kiều luôn nghĩ rằng Kiều mới chính là vợ của Kim Trọng còn Thúy Vân chỉ là vợ tạm bợ trong thời gian Kiều vắng mặt. Cho nên khi gia đình Kều gặp lại ni cô Trạc Tuyền tại am Thảo Lư của sư cô Giác Duyên, gia đình Kều đã giới thiệu Kim Trọng là chồng của Kiều với sư cô Giác Duyên :

Nghe tin ngơ ngác rụng rời
Xúm quanh kể họ rộn lời hỏi tra :
Này chồng này mẹ này cha
Này là em ruột này là em dâu

Buổi tiệc vui đầu tiên mừng Kiều trở về đoàn tụ với gia đình, Thúy Vân cũng đề nghị trả Kim Trọng lại cho Kiều. Sau đó ông bà Viên Ngoại cũng ép Kiều phải làm đám cưới với Kim Trọng.

Các bạn thấy đoạn đầu cụ Nguyễn Du nói về tình yêu giữa Kim Kiều, đoạn giữa nói về cái nghĩa trọn vẹn của Kim Kiều, đoạn cuối tôi trình bầy sau đây cho ta thấy cụ Nguyễn Du trở lại mối tình của Kim Kiều. Trong đoạn cuối này cụ Nguyễn Du đã đưa mối tình của Kim Kiều lên tuyệt đỉnh. Một mối tình mà tôi gọi là Mối Tình Cao Thượng. Vì thời gian không cho phép, nên tôi chỉ đọc cho các bạn nghe, lời thưa của Kiều sau khi Kim Trọng chấp nhận đổi tình yêu nam nữ ra tình bạn với Kiều.

Nghe lời sửa áo cài trâm
Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng
"Thân tàn gạn đục khơi trong
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
Mấy lời tâm phúc ruột rà
Tương tri dường ấy mới là tương tri
Chở che đùm bọc thiếu gì
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay "

Các bạn thấy lời Kiều nói với Kim Trọng đầy tình và đầy nghĩa giữa hai người tri âm.

Còn giữa Kiều và Từ Hải hay giữa Kiều với Thúc Sinh chỉ có nghĩa mà không có tình. Kiều biết ơn Thúc Sinh đã cứu mình ra khỏi Thanh Lâu và cho nàng sự ấm no. Kiều biết ơn Từ Hải đã đưa mình ra khỏi Lầu Xanh, đã cho Kiều hưởng giàu sang và quyền thế, đã giúp Kiều báo ân trả oán. Nhưng đó là nghĩa chứ không có tình. Kiều đã nói rõ điều này

Tạ ân lậy trước Từ công :
"Chút thân bồ liễu nào mong có rày
Trộm nhờ sấm sét ra tay
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi
Chạm xương chép dạ xiết chi
Dễ đem gan óc đền nghì trời mây"

Đó là ơn nghĩa không phải là tình nghĩa, khác hẳn với lời nói đầy tình, đầy nghĩa của Kiều nói với Kim Trọng mà tôi vừa đọc cho các bạn nghe.

Qua phân tích và trình bầy của trò Báu và tôi thì các bạn cũng dễ dàng nhận ra rằng Kiều yêu Kim Trọng hơn cả.

Đến phiên phe tôi trình bầy. Tôi nói :

- Thưa các bạn trả lời thắc mắc của Ni Sư Giác Duyên :" Kiều tài sắc hiếu nghĩa. Tại sao kiều gặp nhiều hoạn nạn ?"

Người sao hiếu nghĩa đủ đường
Kiếp sao gập những đoạn trường thế thôi

Đạo Cô Tam Hợp trả lời:

Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm

Kiều là giống nòi tình. Kiều yêu nhiều người. Kiều yêu Kim Trọng, Kiều yêu Thúc Sinh, Kiều yêu Từ Hải và nếu Hồ Tôn Hiến không :

Nghĩ mình phương diện quốc gia
Quan trên nắm xuống người ta trông vào

Có khi Kiều cũng trở thành hầu thiếp của Hồ Tôn Hiến. Bị gả cho thổ quan. Nếu thuyền của thổ quan chở Kiều không ở trên sông Tiền Đường hay Kiều không biết sông đó là sông Tiền Đường thì Kiều không tự tử và an phận làm vợ của thổ quan. Kiều là giống nòi tình nhưng không tà dâm đúng như nhận xét của Đạo Cô Tam Hợp. Kiều luôn luôn ước mơ một mái gia đình yên ổn đầm ấm, một cuộc sống an lành.

Thưa các bạn Kiều yêu ai nhất ? Kiều chẳng yêu ai cả. Kiều là cô gái bệnh hoạn. Bệnh của Kiều là bệnh tự kỷ ám thị. Bệnh của Kiều là bệnh nan

y. Kều cho rằng mình đã có tên trong sổ đoạn trường. Một người bị bệnh tự kỷ ám thị như Kiều thì cuộc đời phải nổi trôi gian truân bầm dập. Trong suốt mười lăm năm lưu lạc, người theo ám ảnh sâu đậm trong tâm trí Kiều nhất là : Đạm Tiên. Nhưng trong mười năm lăm lưu lạc Kiều đã gặp nhiều may mắn hơn là xui xẻo. May mắn là do Kiều có sắc, có tài. Đề tài thảo luận hôm nay Kiều yêu ai nhất trong ba người Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải ? Tôi xin trả lời Kiều nặng nợ tình cảm và ân tình với Từ Hải hơn cả.

Tôi chỉ so sánh Từ Hải và Kim Trọng vì Thúc Sinh chỉ là con một nhà buôn không tài năng và bản lãnh.
Trước nhất so sánh diện mạo.
Dung nhan của Thúy Kiều và Thúy Vân :

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười

Kim Trọng và Từ Hải cũng mỗi người một vẻ khác nhau. Kim Trọng thì phong lưu nho nhã.

Phong tư tài mạo tót vời
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa

Từ Hải thì hùng dũng oai phong.

Râu hùm, cằm én, mày ngài
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

Thấy Kim Trọng, Kiều chịu liền

Tình trong như đã mặt ngoài còn e

Gặp Từ Hải, Kiều cũng ưa ngay

Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa

Như vậy diện mạo Kim Trọng và Từ Hải không ai hơn điểm ai dưới mắt Kiều.

Tôi so sánh tài năng giữa Kim và Từ. Khi Kiều gặp Kim Trọng, chàng Kim cũng bằng tuổi Kiều hoặc hơn Kiều một hai tuổi. Kim Trọng làm

bạn đồng môn với Vương Quan, em của Kiều, mới mười lăm tuổi. Chàng Kim không có bạn là những bậc văn nhân nổi danh. Điều này chứng tỏ Kim Trọng cũng không tài giỏi xuất chúng. Sau này Kim Trọng và Vương Quan thi đậu cùng một khóa:

Chế khoa gặp hội tràng văn
Vương, Kim cùng chấm bảng xuân một ngày

Như vậy chứng tỏ chàng Kim học hành cũng không xuất sắc. Đậu cùng khóa với người thua mình bốn, năm tuổi.

Còn Từ Hải không những được cụ Nguyễn Du khen:

Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài
Đội trời đạp đất ở đời
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông

Từ Hải còn được ngay chồng cũ của Kiều là Thúc Sinh ca tụng :

Đại vương tên Hải họ Từ
Đánh quen trăm trận sức dư muôn người
Gặp nàng khi ở Châu Thai
Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên
Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên
Làm nên động địa kinh thiên đùng đùng

Dân chúng thành Lâm Truy nói về Từ Hải :

Bỗng đâu gặp được một người
Hơn đời trí dũng nghiêng trời uy linh
Trong tay mười vạn tinh binh
Kéo về đóng chật một thành Lâm Truy

Thúc Sinh và dân thành Lâm Truy dám ăn gan khen Từ Hải trước mặt Kim Trọng, một vị quan của triều đình. Điều này chứng tỏ tài năng và đạo đức của Từ Hải là có thật. Tài và công danh của Từ Hải vượt xa Kim Trọng.

Tôi đã so sánh về tài, nay so sánh về đức, về phong cách giữa họ Kim và họ Từ. Phong cách và lối cư xử của Từ Hải đúng là của bậc nam nhi. Sống với Kiều được nửa năm, Từ Hải quyết tâm ra đi kiếm công danh sự nghiệp. Chàng để Kiều ở lại nhà, mặc dù Kiều đòi đi theo chàng. Chàng ra đi vào hiểm nguy, không chỉ để đạt được công danh, thỏa chí ngang tàng của mình mà còn để dâng hiến cho Kiều một niềm hãnh diện, một cuộc đời vinh hoa phú quí. Từ Hải không chỉ nghĩ đến mình mà còn nghĩ đến người mình yêu là Kiều. Cụ Nguyễn Du đã nói về chí nam nhi ửa Từ Hải bằng câu thơ thật đẹp, thật mạnh:

Nửa năm hương lửa đương nồng
Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương
Trông vời trời bể mênh mông
Thanh gươm yên ngựa lên đàng thẳng giong
Nàng rằng:" Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi ."
Từ rằng:" Tâm phúc tương tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình ?
Bao giờ mười vạn tinh binh
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường
Làm cho rõ mặt phi thường
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia,
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận biết là đi đâu ?
Đành lòng chờ đợi ít lâu
Chầy chăng là một năm sau vội gì ?"
Quyết lời dứt áo ra đi,
Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi

Từ Hải nam nhi chí khí bao nhiêu thì Kim Trọng ủy mị yếu đuối bấy nhiêu. Kiều là nữ nhi trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng đầy khó khăn, nàng còn tỉnh táo, tính toán đâu ra đó. Chàng Kim thì

khóc lóc vật vã đau thương mà không hành động dũng cảm như Từ Hải. Ở vào địa vị Kim Trong, tôi chắc chắn Từ Hải sẽ nhẩy lên ngựa rong ruổi tìm theo dấu vết của người mình yêu. Ta hãy xem tính cách ủy mị của Kim Trọng :

Ông bà càng nói càng đau
Chàng càng nghe nói càng dàu như dưa
Vật mình vẫy gió tuôn mưa
Dầm dề giọt ngọc thẫn thờ hồn mai !
Đau đòi đoạn ngất đòi thôi
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê

Chàng Kim bỏ tiền thuê người tìm kiếm Kiều mà không tự mình đi tìm. Chỉ ở nhà mài lệ chép thơ thông báo về việc tìm Kiều:

Đinh ninh mài lệ chép thơ
Cắt người tìm tõi đưa tờ nhắn nhe

Lâu không thấy tin Kiều, Kim Trọng rơi vào tình trạng tâm thần hỗn loạn:

Người một nơi hỏi một nơi
Mênh mông nào biết bể trời nơi nao ?
Sinh càng thảm thiết khát khao
Như nung gan sắt như bào lòng son
Ruột tằm ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve
Thẫn thờ lúc tỉnh lúc mê
Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao

Tình trạng tâm thần của Kim Trọng thật não nề, khiến gia đình Viên Ngoại lo lắng hoảng sợ. Viên Ngoại tìm ra một cách chữa bệnh cho Kim Trọng là mau mau làm đám cưới cho Thúy Vân và Kim Trọng:

Xuân huyên lo sợ xiết bao
Quá ra khi đến thế nào mà hay
Vội vàng sắm sửa chọn ngày
Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng

So sánh ta thấy tính cách đàn ông của Từ Hải và tính cách ủy mị đàn bà của Kim Trọng.

Tình yêu của Từ Hải đối với Kiều là tình yêu chân thật, bao la, chung thủy. Một tình yêu đáng cho chúng ta phải trân trọng. Trước hết tôi nhấn mạnh về lòng chung thủy của Từ Hải. Từ Hải gặp Kiều lúc Kiều đang là gái ở trong lầu xanh. Thanh lâu chỗ tận cùng khổ đau, nhục nhã của người phụ nữ. Vậy mà Từ Hải vẫn giữ lời hứa với Kiều. Gặp Kiều khi thanh thế chưa to lớn. Xông vô hẩm nguy để tìm vinh hiển cho vợ chồng với lời hứa một năm trở về. Đúng một năm, Từ Hải với uy quyền lừng lẫy, chàng trở về đón Kều đến nỗi Kiều và những người xung quanh Kiều không dám tin điều này xẩy ra:

Ngất trời sát khí mơ màng
Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh
Người quen kẻ thuộc xung quanh
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi

Lòng thương yêu, bao dung, độ lượng của Từ Hải đối với Kiều thật là bao la. Từ Hải chấp thuận mong ước của Kiều là trả ân báo oán:

Tấm thân rầy đã nhẹ nhàng
Chút còn ân oán đôi đường chưa xong

Việc trả ân báo oán khiến Kiều được mọi người khen

Tóc tơ các tích mọi khi
Oán thì trả oán, ân thì trả ân
Đã nên có nghĩa có nhân
Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen

Từ Hải còn khoan dung với cả Thúc Sinh. Chấp thuận sự phán xử của Kiều. Chấp nhận Thúc Sinh là ân nhân của Kiều và thưởng vải vóc, vàng bạc cho Thúc Sinh:

Cho gươm mời đến Thúc Lang
Mặt như chàm đổ, mình nhường giẽ giun
Nàng rằng:"Nghĩa trọng nghìn non
Lâm Truy người cũ, chàng còn nhớ không?
Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng
Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân ?
Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân
Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là.

Tôi không đồng ý với Kiều một điểm trong việc trả oán. Tha cho Thúc Sinh và Hoạn Thư là điều hợp lý. Còn gia hình Ưng, Khuyển đến thịt nát xương tan thì thật là bất công. Ưng, Khuyên chỉ làm theo lệnh của Hoạn Thư. Còn việc trả ân thì Kiều quên trả ân cho một người có công ơn rất lớn với Kiều. Có thể coi là người tái sinh ra Kiều lần thứ hai. Người đó là ông quan tòa huyện Lâm Tri. Ông quan huyện không bắt Kiều trở lại lầu xanh như ý muốn của Thúc Ông. Quan Huyện thử tài thơ văn của Kiều bằng cách bảo Kiều vịnh bài thơ Cái Gông. Sau khi xem thơ của Kiều, không những tha bổng Kiều mà còn tổ chức đám cưới cho Kiều và Thúc Sinh.

Cười rằng :" Đã thế thì nên
Mộc già hãy thử một thiên trình nghề "
Nàng vâng cất bút tay đề
Tiên hoa trình trước án phê xem tường
Khen rằng :" Giá lợp Thịnh Đường
Tài này sắc ấy, nghìn vàng chưa cân
Thật là tài tử giai nhân
Châu Trần còn có Châu Trần nào hơn
Thôi đừng rước dữ cửu hờn
Làm chi lỡ nhịp cho đàn ngang cung
Đã đưa đến trước cửa công
Ngoài thì là lý song trong là tình

Dâu con trong đạo gia đình
Thôi thì dẹp nỗi bất bình là xong. "
Kíp truyền sắm sửa lễ công
Kiệu hoa cất gió đuốc hồng ruỗi sao
Bày hàng cổ xúy xôn xao
Song song đưa tới trường đào sánh đôi

Ân tình của ông quan Huyện đối với Kiều thật lớn, nhưng Kiều đã quên. Còn sư cô Giác Duyên yêu quí giúp đỡ Kiều, nhưng sư cô cũng là người gián tiếp đưa Kiều trở lại lầu xanh lần thứ hai. Sư cô gởi Kiều đến ở nhà Bạc Bà mà sư cô không biết rõ về Bạc Bà. Sư cô cũng không theo dõi, hỏi han trong thời gian Kiều trú ngụ tại nhà Bạc Bà. Sư cô Giác Duyên phải có trách nhiệm trong việc Kiều bị bán cho Lầu Xanh lần thứ hai.

Trở lại với lòng yêu thương Kiều của Từ Hải. Từ Hải hiểu được ước mong canh cánh bên lòng của Kiều là được trở về cố hương để gặp lại cha mẹ. Chính vì ước muốn này của Kiều đã đưa Từ Hải đến cái chết. Hiếm người chồng hiểu được ước vọng của người vợ :

Xót nàng còn chút song thân
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa
Sao cho muôn dặm một nhà
Cho người thấy mặt là ta cam lòng

Từ Hải còn trân trọng tài năng của Kiều. Từ Hải cùng Kiều bàn luận việc quân cơ.

Biết Từ là đấng anh hùng
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn

Từ Hải đã đưa Kiều lên tuyệt đỉnh. Từ Hải đã công nhận nhân phẩm và tài năng của Kiều mà trước đây đã bị người ta phủ nhận và chà đạp. Nhưng buồn thay chính vì tình yêu mà Từ Hải đã bị chết. Tội nghiệp cho nàng Kiều, người phụ nữ

tài sắc bị đời vùi dập. Kiều chỉ ước ao một cuộc sống yên ổn. Theo Sở Khanh để mong thoát khỏi tay Tú Bà, chịu làm lễ Thúc Sinh để mong có cuộc sống yên ổn. Nhận của lễ nhiều và lòng mong muốn một cuộc sống an lành để gặp lại mẹ cha, Kiều đã giết Từ Hải và giết chính mình khi khuyên Từ Hải ra hàng Hồ Tôn Hiến. Ta nghe tâm sự của Kiều mà thông cảm với quyết định của nàng và trách xã hội đã vùi dập nàng khiến nàng luôn có ước mong một cuộc sống bình thường yên ổn :

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo
Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân
Bằng nay chịu tiếng vương thần
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì
Công tư vẹn cả hai bề
Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương
Cũng ngôi mệnh phụ đường đường
Nở nang mày mặt rỡ ràng mẹ cha
Trên vì nước dưới vì nhà
Một là đắc hiếu hai là đắc trung

Khi sống, Từ Hải yêu Kiều chân thật đằm thắm. Lúc chết rồi Từ Hải đã yêu Kiều chân thật vị tha. Từ Hải đã tha thứ cho Kiều. Chàng thảnh thơi đi về cõi hư vô vì chàng biết Kiều đã hiểu rằng nàng đã được chàng tha thứ với tình thương yêu. Trong các truyện các thơ văn tiểu thuyết Á, Âu, Phi, Mỹ tôi được đọc, tôi chưa thấy một hình ảnh về tình yêu vừa đẹp vừa hào hùng và cảm động hơn đoạn thơ sau đây:

Tử sinh liều giữa trận tiền
Dạn dầy cho biết gan liền tướng quân
Khí thiên khi đã về thần
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng

Trơ như đá vững như đồng
Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời
Quan quân truy sát đuổi dài
Ầm ầm sát khí ngất trời ai đang
Trong hào ngoài lũy tan hoang
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi
Trong vòng tên đá tơi bời
Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ
Khóc rằng:" Trí dũng có thừa
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống thác một ngày với nhau "
Dòng thu như dội cơn sầu
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên
Lạ thay oan khí tương triền
Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra

Từ Hải chết rồi, chàng vẫn đứng chờ Kiều. Kiều tới quỳ xuống bên chàng. Từ Hải nói với Kiều :"Ta tha thứ cho nàng. Ta vẫn yêu nàng tha thiết". Nói xong chàng thảnh thơi đi về hư vô.

Bây giờ tôi nói về tình yêu của Kim Trọng đối với Kiều. Kim Trọng là người ủy mị, trai thanh niên mà mau nước mắt hơn đàn bà như tôi đã trình bầy. Lời nói của Kim Trọng thường không đi đôi với việc làm. Về thọ tang chú, Kim Trọng nói với Kiều sẽ về thọ tang trong ba năm đúng như Lễ nghi về tang gia hồi xưa và dặn Kiều chung thủy đợi chờ

Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy
Gìn vàng giữ ngọc cho hay
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời

Nhưng mới nửa năm, Kim Trọng đã trở lại vườn Thúy để tìm Kiều

Từ ngày muôn dặm phù tang

Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà
Vội sang vườn Thúy dò la
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa

Như tôi đã trình bầy, Kim Trọng tỏ ra tha thiết đi tìm Kiều. Nhưng Kim Trọng không tự đi tìm mà thuê người đi dò la tin tức của Kiều. Kim Trọng để tất cả thì giờ để mài lệ và chép thơ thông báo

Đinh ninh mài lệ chép thơ
Cắt người tìm tõi đưa tờ nhắn nhe

Tệ hơn nữa Kim Trọng định từ quan để đi tìm Kiều. Nhưng Kim Trọng nào có từ quan và cũng không lội sông vượt núi vào sinh ra tử để tìm Kiều.

Rắp mong treo ấn từ quan
Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha
Dấn mình trong án can qua
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau
Nghĩ điều trời thẳm vực sâu
Bóng chim tăm cá biết đâu mà tìm

Điều đáng chê trách nhất là Kim Trọng không làm đúng ý muốn của Kiều. Khi ra đi, Kiều muốn Kim Trọng và Thúy Vân thành vợ chồng để giúp Kiều không còn vướng mắc với lời thề với Kim Trọng. Thúy Kiều những mong Kim Trọng thương yêu Thúy Vân để cùng Thúy Vân tạo dựng được một gia đình hạnh phúc mà vì phận mỏng Kiều không có được. Vậy mà Kim Trọng đối với Thúy Vân rất ư là hờ hững, lạnh lẽo, coi Thúy Vân như vật thừa. Kim Trọng lúc nào cũng tưởng nhớ Kiều và nhất là muốn tìm Kiều về cho mình. Tấm lòng của Kim Trọng rất là vị kỷ hẹp hòi. Kim Trọng làm cho cuộc đời Thúy Vân thật buồn thảm. Lấy người mình không yêu và người chồng cũng không thương

yêu mình. Thúy Vân không yêu và không được yêu. Cho nên ngay bởi tiệc xum họp đầu tiên, Thúy Vân đã đề nghị giao trả Kim Trọng lại cho Kiều ngay. Thúy Vân coi như mình đã làm xong nhiệm vụ.

Những là rày ước mai ao
Mười lăm năm ấy biết bao là tình
Bây giờ gương vỡ lại lành
Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi
Còn duyên may lại còn người
Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyền xưa
Quả mai ba bảy đương vừa
Đào non sớm liệu se duyên kịp thì

Nói tóm lại tình yêu của Kim Trọng dành cho Kiều là tình yêu vị kỷ không bao dung. Kim Trọng yêu Kiều mà quên đi cái nghĩa, cái trách nhiệm đối với Thúy Vân và các con. Kim Trọng cũng biếng nhác trong việc quan, tức là quên nghĩa vụ chăm sóc cho dân.

Trên đây tôi so sánh tài năng và tư cách của Từ Hải và Kim Trọng và tình yêu của hai người dành cho Kiều.

Bây giờ ta xem nhân vật chính là Kiều yêu Từ Hải hay Kim Trọng.
Kiều và Kim Trọng gặp nhau tất cả bốn lần. Tổng cộng thời gian bốn lần gặp chưa đến một ngày. Lần đầu Kim và Kiều gặp nhau trong lễ Tảo Mộ và hội Đạp Thanh. Hai người chỉ gặp nhau độ khoảng mười lăm hai mươi phút vào buổi chiều màn đêm đang buông, lúc ba chị em Kiều sửa soạn đi về:

Bóng tà như dục cơn buồn
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo

Lần thứ hai gặp bên tường chia đôi hai nhà. Gặp lần này thời gian chỉ đủ để cho Kim Trọng và Kiều trao kỷ vật làm tin, khoảng mười lăm phút:

Một lời vừa gắn tất giao
Mái sau dường có xôn xao tiếng người
Vội vàng lá rụng hoa rơi
Chàng về viện sách nàng dời lầu trang

Lần thứ ba, nhân dịp gia đình đi về quê chúc thọ bên ngoại, Kiều sang nhà Kim Trọng đến hai lần từ sáng đến tối. Lần thứ tư ngay sau lần gặp thứ ba, Kim Trọng đến báo cho Kiều chàng phải về Liêu Đông thọ tang chú.

Thời gian Kiều ở với Từ Hải dài hơn. Tổng cộng tất cả sáu năm Kiều làm vợ Từ Hải trong đó có một năm Từ Hải xa Kiều để đi tìm danh vọng. Người ta thường nói :"Xa mặt cách lòng". Kiều gặp Kim Trọng một ngày và chỉ mới thề nguyền chứ chưa chính thức là vợ chồng. Kiều ở với Từ Hải sáu năm, thề nguyền yêu thương cùng Từ Hải, chính thức làm vợ Từ Hải. So sánh các bạn thấy Kiều phải yêu thương và có ân tình với Từ Hải nhiều hơn đối với Kim Trọng.

Một điểm quan trọng nữa. Chúng ta so sánh tâm tình của Kiều với Kim Trọng và Kiều với Từ Hải. Kiều gặp Kim Trọng khi nàng mới mười tám tuổi. Kiều tài giỏi thông minh nhưng trong trắng thơ ngây. Tình yêu ở tuổi mười tám là tình yêu bồng bột và lãng mạn. Do đó ta thấy cụ Nguyễn Du đã tả lại mối tình Kim Kiều với những vần thơ thật hay thật đẹp như trò Báu và chị Mai đã dẫn chứng. Tôi chỉ đọc thêm một vài câu như

Từ phen đá biết tuổi vàng
Tình càng thắm thía dạ càng ngẩn ngơ

Tình thương yêu giữa Kiều và Kim lúc bấy giờ thật nồng cháy. Nhưng được bao nhiêu lâu. Tôi nghĩ chỉ kéo dài tối đa đến lúc Kiều gặp Thúc Sinh. Dĩ nhiên, mới ra đi Kiều nhớ đến Kim Trọng và cha mẹ. Nhưng trong lúc nhớ Kim Trọng, Kiều bao giờ cũng mong Kim Trọng và Thúy Vân thành vợ thành chồng để cho lời thề nguyền của Kiều với Kim Trọng được tẩy sạch.

Nhớ lời nguyện ước ba sinh
Xa xôi ai có biết tình chăng ai ?
Khi về hỏi liễu Chương Đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
Tình sâu mong trả nghĩa dầy
Hoa kia đã chắp cành này cho chưa ?

Từ khi gặp Thúc Sinh, Kiều chẳng còn nhớ gì đến Kim Trọng. Kim Trọng chỉ còn là hình ảnh rất mờ trong Kiều. Khi Kiều trở thành ni cô Trạc Tuyền và tu trong am nhà Hoạn Thư, Kiều có nhớ nhung gì Kim Trọng đâu. Kiều chỉ mong Thúc Sinh đến cứu nàng.

Quan phòng, thẹn nhặt lưới mau
Nói lời trước mặt rơi châu vắng người
Gác kinh viện sách đôi nơi
Trong gang tấc lại gấp mười quan san

Nhưng anh chàng Thúc Sinh bất tài và dối trá đã không dám giải thoát cho Kiều với lý do rất ư là buồn cười vì chưa có con nối giõi.

Quản chi lên thác xuống ghềnh
Cũng toan sống thác với tình cho xong
Tông đường chút chửa cam lòng
Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai

Đến khi gặp Từ Hải thì mối tình của Kiều và Kim Tọng chỉ còn là chút nghĩa cũ càng. Chẳng còn chút gì thương nhớ vấn vương. Trong

trí tưởng tượng của Kiều thì nay Kim Trọng và Thúy Vân đã có một đàn con

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng
Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng
Duyên em dầu nối chỉ hồng
May ra khi đã tay bồng tay mang

Kiều đối với Từ Hải như thế nào? Ta hãy đọc những câu thơ đầy yêu thương, đầy kính phục, đầy sự nhớ ơn của người phụ nữ đã bị vùi dập trong đau khổ, từng trải trong cuộc đời, nên suy nghĩ rất chín chắn, chín chắn trong lời nói và tình cảm. Những lời nói của Kiều lúc này không phải của con tim bồng bột khờ dại mà là lời nói của con tim và của lý trí :

Tạ ân lạy trước Từ công
Chút thân bồ liễu nào mong có rày
Trộm nhờ sấm sét ra tay
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi
Chạm xương chép dạ xiết chi
Dễ đem gan óc đền ghì trời mây

Hay

Khóc rằng :"Trí dũng có thừa
Bởi nghe lời thiếp nên cơ hội này
Mặt nào trông thấy nhau đây
Thà liều sống thác một ngày với nhau

Tôi đã so sánh dện mạo, tài, đức của Kim và Từ. Tôi cũng đã so sánh tình yêu của Kim và Từ dành cho Kiều. Tôi cũng đã so sánh tình cảm của Kiều dành cho Kim và Từ. Tôi chắc chắn rằng các bạn phải đồng ý với tôi rằng :"Mối tình của Kiều và Từ Hải là một mối tình đằm thắm, hùng tráng và bi thương. Còn mối tình của Kiều và Kim Trọng là mối tình bồng bột, ngắn ngủi như khói bay, đến nhanh và tan biến cũng nhanh ". Tôi chắc chắn các bạn sẽ bỏ phiếu cho tôi và Hoa.

Phần hai sôi nổi hơn. Phe đối phương phát biểu trước.

Giá Bồng Nga nói :

- Trò Thanh và trò Hoa không phân biệt được nhân vật chính và nhân vật phụ của truyện Kiều. Nhân vật chính dĩ nhiên là Thúy Kiều. Có đào thì phải có kép. Kép là nhân vật chính thứ hai để tạo nên truyện Kiều. Nhân vật chính không bao giờ chết hoặc chỉ được đề cập đến ở giữa truyện. Nhân vật chính bao giờ cũng xuất hiện cho đến hết câu truyện. Nhân vật chính chết là hết truyện. Từ Hải chết, truyện Kiều vẫn còn kéo dài. Như vậy Từ Hải không phải là nhân vật chính. Kim Trọng xuất hiện từ đầu và đến cuối câu truyện. Kim Trọng là nhân vật chính thứ hai sau Kiều. Như vậy truyện Kiều phải được xây dựng quanh mối tình của Kim và Kiều. Còn các mối tình khác chỉ là râu ria để làm nổi bật mối tình của hai nhân vật chính. Tên của tập thơ là Đoạn Trường Tân Thanh. Nhưng dân tộc ta thường gọi là Kim Vân Kiều. Kim là Kim Trọng, Vân là Thúy Vân, Kiều là Thúy Kiều. Như vậy nhân vật chính của tập thơ là Kim Trọng, Thúy Vân và Thúy Kiều. Những nhân vật khác chỉ là vai phụ. Không phân biệt được nhân vật chính và phụ, trò Thanh và trò Hoa cũng không quan tâm đến thời gian, hoàn cảnh và tâm lý của Thúy Kiều khi nhận xét, phê bình. Kiều gặp Kim Trọng, Kiều là con người tự do hoàn toàn, không bị ai kiềm chế. Kiều lựa chọn người yêu đúng tiêu chuẩn về dung mạo, tài năng, đạo đức mà Kiều muốn. Kiều gặp Từ Hải lúc Kiều là nô lệ, hoàn toàn

không có tự do, bị nhục mạ về tinh thần và thể xác. Trong hoàn cảnh đó Kiều luôn mong ước có một người nào đó cứu Kiều ra khỏi địa ngục mà Kiều đang phải gánh chịu. Nếu có người nào thấp, lùn, răng hô và già khú đế, nhưng có tiền để chuộc Kiều ra khỏi thanh lâu thì Kiều cũng phải cắn răng chịu. Kiều không có tự do lựa chọn. Cho nên gặp Từ Hải và được Từ Hải hứa này nọ là Kiều chịu liền. Kiều chịu Từ Hải không phải vì Từ Hải có đủ tiêu chuẩn về tài, đức, dung mạo mà Kiều muốn, mà chỉ vì Kiều muốn thoát khỏi lầu xanh. Kiều chọn Kim Trọng đúng theo những tiêu chuẩn nàng mong muốn.

Chúng ta hãy xem dung mạo và phong thái của Kim và Từ.

Dung mạo và phong thái của chàng Kim được cụ Nguyễn Du tả :

Trông chừng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng
Đề huề lưng túi gió trăng
Sau chân theo một vài thằng con con
Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời

Hay

Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao

Hay

Nguyên người quanh quất đâu xa
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh
Nền phú hậu, bậc tài danh
Văn chương nết đất, thông minh tính trời
Phong tư tài mạo tót vời
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa

Kim Trọng đẹp đẽ, phong lưu, tài hoa còn Từ Hải thì sao? Các bạn hãy nghe cụ Nguyễn Du tả Từ Hải :

Lần thâu gió mát trăng thanh
Bỗng đâu có khách biên đình đến chơi

Hay

Giang hồ quen thói vẫy vùng
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo

Hay

Nửa năm hương lửa đương nồng
Trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương

Hoặc

Từ công nghe nói thủy chung
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang
Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao

Hành động phong thái của Từ Hải là hành động của một anh võ biền, vai u thịt bắp, ít học. Hành động nóng nẩy không có một chút điềm tĩnh của một người có chí lớn. Cả văn và cả võ của Từ Hải chỉ được nửa gánh thì đủ biết tài văn võ của Từ Hải cũng không là bao. Tôi muốn nhấn mạnh cho các bạn chữ gánh mà cụ Nguyễn Du dùng để tả tài năng của Từ Hải. Gánh là ban hát nhỏ như ban hát ạo trong Dọc Đường Gió Bụi của Khái Hưng, gánh hát xiệc dạo trong Vô Gia Đình của Hector Mallot, hay gánh quảng cáo thuốc Sơn Đông của lực sĩ Huỳnh Nghĩa Long mà các bạn xem ở vườn Hoa Diên Hồng. Với tài năng và kiến thức như vậy cho nên suốt sáu năm chung sống, chưa bao giờ Từ và Kiều ngâm thơ họa nhạc cùng nhau. Mối tình của Từ Hải và Kiều như đôi đũa cộc cạch, so le cao thấp. Cụ Nguyễn Du cũng dùng chữ chèo để nói về tài và hoài bảo của Từ Hải. Nước Trung Hoa to lớn như vậy mà Từ Hải dùng một mái chèo cỏn con để chèo chống. Từ Hải cùng lắm chỉ bằng một anh hùng trong bộ tiểu thuyết Thủy Hử, nổi lên trong thời đất nước nhiễu nhương ly loạn. Hồ tôn

Hiến không dùng mưu giết Từ Hải thì việc tiểu trừ Từ Hải cũng chỉ là thời gian. Tôi xin nhường lời cho trò Hoàng. Trò Hoàng sẽ vạch cho các bạn một sai lầm khác của trò Thanh và trò Hoa.

Hoàng Lùn nói :

- Một điểm sai lầm nữa của bạn Thanh và bạn Hoa là đứng ở quan điểm thời đại bây giờ để đánh giá nhân vật thời nhà Minh bên Tàu. Ngày nay nhiều sử gia đánh giá lại công tội của các bậc tiền nhân. Chẳng hạn trường hợp Phạm Đình Trọng và Nguyễn Hữu Cầu, hay như Đoàn Trưng cầm đầu cuộc nổi loạn Giặc Chầy Vôi để mong lật đổ vua Tự Đức. Tất cả các nhà sử học, chính trị học đó đã đứng trên quan niệm chính trị, pháp luật ngày nay để đánh giá và phê phán. Cho nên những đánh giá và kết luận của họ khác hẳn với người đương thời còn nặng đầu óc coi vua là con trời. Ở thời nhà Minh tôi chắc chắn rằng ngay những người dân bình thường cũng cho rằng Từ Hải chỉ là giặc, huống chi Kiều là con của một gia đình thấm nhuần đạo Nho. Ngay khi Kều là vợ của Từ Hải, nàng cũng phải thừa nhận rằng Từ Hải chỉ là giặc chống lại triều đình do đó mới khuyên Từ Hải ra hàng để tránh mang tiếng xấu sau này :

  Làm chi để tiếng về sau
  Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào

Từ Hải là một anh hùng đứng lên trừ gian diệt bạo giúp dân như trò Hoa và trò Thanh quan niệm thì không bao giờ Từ Hải chịu bó thân đầu hàng một viên quan tham ô như Hồ Tôn Hiến. Nếu Hồ Tôn Hiến có tha chết cho Từ Hải thì tên giặc cỏ Từ Hải cũng chỉ trở thành một viên quan nhỏ của triều đình thối nát nhà Minh. Rồi Từ

Hải cũng hà hiếp người dân như bao cơ quan khác. Ở trong bộ máy thối nát của nhà Minh, Từ Hải không thể thoát ra được guồng máy tham quan ô lại.

Trò Báu, trò Giá và chị Mai đã chứng minh được mối tình của Kim Trọng và Thúy Kiều là xứng đôi vừa lứa, môn đăng hộ đối vì cả hai tài sắc vẹn toàn, tâm đầu ý hợp. Tôi đồng ý với chị Mai rằng mối tình của Kim và Kiều đẹp và cao thương. Tôi xin đưa ra một thách thức. Bạn nào đưa ra một mối tình trong sáng và đẹp như mối tình Kim và Kiều, tôi thưởng cho bạn đó một vé đi xem xi nê rạp Văn Cầm.

Cả lớp vỗ tay tán thưởng thách thức của Hoàng Lùn.

Hoàng Lùn nói tiếp :

- Tôi xin nhường lời cho chị Mai để vạch ra cho các bạn thấy trò Thanh và trò Hoa đọc truyện Kiều nhưng không hiểu được truyện Kiều, đọc truyện Kiều nhưng không hiểu được tâm sự của cụ Nguyễn Du

Phe đối phương dùng chiến thuật xa luân chiến để hạ chúng tôi. Chị Mai giáng cho tôi và Hoa một đòn chí tử.

Chị Mai nói :

- Trò Thanh và trò Hoa khi phê bình truyện Kiều đã phân tích từng chữ giống như chúng ta làm những bài phân tích ngữ pháp trong giờ Pháp Văn. Đọc thơ văn, phải đọc ý, chứ không phân tích từng chữ, nhất là đọc thơ Trung Hoa và Việt Nam cổ. Thơ văn Trung Hoa và Việt Nam cổ dùng nhiều hình ảnh, âm thanh, và điển tích nên có tính cách ước

lệ. Đọc ý, không phân tích chữ. Nếu như phân tích từng chữ như trò Thanh và trò Hoa thì mặt Thúy Vân làm răng gọi là đẹp được.

Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Phân tích như trò Thanh và trò Hoa thì mặt Thúy Vân tròn như mặt trăng mười sáu, lông mày của Thúy Vân to như hai con tằm lớn. Thúy Vân có đẹp chi hơn chị Doãn của Vũ Trọng Phụng. Còn Từ Hải thì là người dị tướng :

Râu hùm, cằm én, mày ngài
Vai năm thước rộng, thân mười thước cao

Râu dài, thưa vàắc nhọn như râu của con hổ, cằm nhọn và mỏng như cánh én, lông mày thì như con bướm lớn, vai thì rộng năm thước ta bằng một thước sáu mươi lăm tây, cao thì cao mười thước ta bằng ba thước tư tây. Như vậy Từ Hải khác gì quái vật.

Phân tích chữ mà không tìm hiểu ý cho nên trò Thanh và trò Hoa đã sai lầm trong khi phê bình Kim Trọng là mít ướt, là mau nước mắt hơn đàn bà. Như câu:

Đinh ninh mài lệ chép thơ.

Đâu phải là Kim Trọng khóc nhiều đến nỗi có đủ nước mắt để viết những tờ thông báo tìm Kiều. Câu này chỉ tả nỗi lòng thương nhớ và lo lắng của Kim Trọng đối với Kiều. Hoặc câu :

Vật mình vẫy gió tuôn mưa.
Dầm dề giọt ngọc thẫn thờ hồn mai.
Đau đòi đoạn ngất đòi thôi.
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê ".

Kim Trọng không vật mình xuống đất hay ngất đi ngất lại nhiều lần như trò Thanh hiểu. Câu này chỉ tả nỗi buồn rất lớn của Kim Trọng khi được biết Kiều phải bán mình chuộc cha.

Trò Thanh và trò Hoa còn một sai lầm to hơn nữa trong việc phân tích truyện Kiều. Ngày nay chúng tôi sống tại miền Nam Tự Do, chúng ta không khó khăn lắm trong việc tìm hiểu mục đích của tác giả viết một tác phẩm văn học. Tác giả viết những tâm sự và hoài bảo của mình mà không cần phải dấu diếm che đậy. Nhưng ngày xưa trong chế độ quân chủ không có tự do, các tác giả phải gửi tâm sự của mình trong tác phẩm một cách kín đáo. Người đọc không những phải đọc kỹ tác phẩm mà còn phải biết về cuộc đời của tác giả, cùng lịch sử của thời đại tác giả sống. Tôi buồn cho cụ Nguyễn Du là trò Thanh và trò Hoa đọc truyện Kiều mà không hiểu tâm sự cụ Nguyễn Du gửi gấm trong truyện Kiều. Cụ Nguyễn Du đã đem tất cả tài năng, tâm huyết của mình để viết truyện Kiều vì cụ muốn gửi tấm lòng của cụ vô nhân vật Thúy Kiều. Tấm lòng hoài Lê của cụ là lý do chính cụ viết truyện Kiều. Cụ Nguyễn Du nhớ nhà Lê, Thúy Kiều nhớ Kim Trọng.

Sai lầm lớn nhất của trò Thanh và trò Hoa là lạc đề. Đề tài thảo luận là Kiều yêu ai nhất. Tất cả những điều trò Thanh và trò Hoa trình bầy chỉ để trả lời câu hỏi Ai Yêu Kiều Nhất, Ai Làm Cho Kiều No Ấm Danh Vọng Nhất. Tôi, trò Giá, trò Hoàng và trò Bái đã phân tích, chứng minh để trả lời đúng câu hỏi thảo

luận : Kiều yêu ai nhất. Chúng tôi đã đưa ra chứng cứ để đi đến kết luận Kiều yêu Kim Trọng nhất. Tôi, trò Hoàng, trò Giá cũng đã phân tích cho các bạn thấy những sai lầm của trò Thanh và trò Hoa. Chừ, chắc chắn không bạn nào còn nghi ngờ gì nữa mà không trả lời Kim Trọng là người được Kiều thương yêu quí trọng nhất.

Đến lượt phe chúng tôi lên nói.
Tôi nói :

- Chị Mai phê bình tôi phân tích chữ mà không phân tích ý khi đọc truyện Kiều. Lời phê bình này của chị Mai phải dành cho trò Giá. Tôi trích dẫn cả một đoạn thơ, tôi không phân tích từng chữ. Trong khi trò Giá đã phân tích chữ chèo và chữ gánh để đánh giá Từ Hải. Trong văn thơ các bạn thường thấy câu : *đôi vai gánh vác sơn hà, vững tay chèo chống đưa đất nước qua cơn nguy biến*. Hai hình ảnh gánh vác và chèo chống để giúp nước thật là đẹp. Mặc dù chữ gánh và chèo trong câu thơ của cụ Nguyễn Du là những danh từ, nhưng ý của cụ Nguyễn Du vẫn là dùng hình ảnh gánh vác và chèo chống cứu dân độ thế của thanh niên yêu nước để tả Từ Hải.

  Chị Mai nói tôi và Hoa không hiểu cụ Nguyễn Du. Trái lại tôi và Hoa hiểu rất rõ, cụ Nguyễn Du muốn nói gì khi viết truyện Kiều. Chị Mai cho rằng cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều để gửi tâm sự hoài Lê của cụ. Chúng tôi không đồng ý với chị Mai. Nhiều nhà phê bình văn học gán ghép cho tác giả những điều họ không hề nghĩ tới trong khi

sáng tác. Cụ Nguyễn Du cũng được nhiều nhà phê bình phong cho là chiến sĩ chống lại xã hội bất công tham nhũng thời bấy giờ. Theo tôi thì cụ Nguyễn Du không có hoài bảo đó. Nếu cụ Nguyễn Du có tư tưởng dùng truyện Kiều để chống lại chế độ tham nhũng thời bấy giờ thì cụ phải tả chính quyền của Kiều và Từ Hải là chính quyền thanh liêm và nhân đạo. Một chính quyền cụ mơ ước khác với chế độ đầy tham nhũng và bất công hiện cụ đang sống. Chính quyền của Kiều và Từ Hải cũng vẫn là chính quyền vơ vét tiền bạc của dân. Ta hãy xem : Tiền đâu mà Kiều ban thưởng hào phóng cho Thúc Sinh :

Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân
Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là

Ban thưởng hậu hĩ cho sư Giác Duyên và bà quản gia của Hoạn Thư

Nghìn vàng gọi chút lễ thường
Mà lòng phiếu mẫu mấy vàng cho cân.

Tiền đó, Kiều có được là do vơ vét của nhân dân. Nếu không vơ vét của nhân dân thì cũng do cướp đoạt tài sản của các quan chức chế độ cũ.

Chế độ của Kiều cũng không công bằng, không nhân đạo và vô luật pháp. Kiều cũng không công bằng với Khuyển Ưng như tôi đã nói và có những hình phạt dã man không nhân đạo:

Lệnh quân truyền xuống nội đao
Thề sao thì lại cứ sao gia hình
Máu rơi thịt nát tan tành
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời

Kiều cũng không thanh liêm. Kiều ăn của đút lót nên chính quyền Từ và Kiều mới xụp đổ :

Đóng quân làm chước chiêu an
Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng

Lại riêng một lễ với nàng
Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân

Tôi phê phán chính quyền của Kiều và Từ Hải nhưng tôi cảm tài năng tư cách, chí lớn và tình yêu chung thủy nồng ấm của Từ Hải đối với Kiều. Từ Hải không phải là tên giặc cỏ ít tài năng như chị Mai, trò Hoàng và trò Giá đánh giá.

Theo cụ Hoàng Xuân Hãn thì lịch sử Trung Hoa thời nhà Minh có đoạn nhắc đến vị quan tên là Hồ Tôn Hiến đem quân đi tiểu trừ giặc Vương Trực và Từ Hải. Vương Trực là minh chủ, còn Từ Hải là phụ tá. Đám giặc này chống lại Minh Triều, âm mưu chiếm vùng ven biển và các hải đảo để lập một quốc gia độc lập. Minh sử cũng chép rằng Hồ Tôn Hiến đã dùng mỹ nhân kế để tiêu diệt Từ Hải. Từ Hải đã chịu qui hàng nhưng Hồ Tôn Hiến đã đánh úp bất ngờ. Từ Hải nhảy xuống biển tự tử với hai người vợ. Điều đó chứng tỏ rằng thanh thế của Từ Hải rất lớn nên mới được ghi vô sử Trung Hoa. Trong truyện Kiều, Từ Hải đã chiếm được một nửa nước Trung Hoa to lớn. Triều đình của Từ Hải là một triều đình to lớn và vững mạnh. Từ Hải là trang nam nhi, vừa có tài vừa có đức khiến nhân dân kính trọng. Kiều và Từ Hải là đôi vợ chồng và bạn tri âm. Từ Hải đã phục hồi nhân phẩm, tài năng của Kiều. Kiều đã thấy được tài năng, chí khí, lòng thủy chung nghĩa hiệp của Từ Hải. Những việc Từ Hải làm cho Kiều thật to lớn đã trở thành ân sâu nghĩa nặng. Từ và Kiều sớm tối bàn luận việc trị nước an dân, không bàn văn thơ phù phiếm trong những buổi trà dư tửu hậu. Mối tình của Từ Hải và Kiều là mối tình trong sáng, đẹp đẽ và bi hùng.

Trò Hoàng nói a đưa ra được mối tình trong sáng và đẹp hơn mối tình của Kim Trọng và Kiều thì trò thưởng cho một vé xi nê Văn Cầm. Tôi đưa mối tình của Từ Hải và Kiều. Tôi dám chắc mối tình của Từ Hải và Kiều trong sáng và đẹp hơn mối tình của Kim Trọng và Kiều ngàn lần. Trò Hoàng thua tôi một vé xi nê Văn Cầm.

Cả lớp vỗ tay. Hoàng Lùn đứng dậy nói :

- Thắng thua, chờ chút nữa bỏ phiếu sẽ biết.

Chị Mai đứng dậy :

- Thưa thầy cho em nói. Trò Thanh thua, tôi vẫn thưởng cho trò Thanh và trò Hoa hai vé xi nê Văn Cầm để hai trò đi xem phim.

Cả lớp cười ầm và vỗ tay. Hoa mặt đỏ bừng. Tôi cười miệng méo xệch. Thầy Hồng phải can thiệp :

- Các trò im lặng. Trò Thanh nói ngắn gọn. Chúng ta chỉ còn mười lăm phút là hết giờ. Trò Thanh có năm phút để trình bầy.

Tôi nói tiếp

- Cụ Nguyễn Du không hề gửi gấm tâm sự hoài Lê vô tác phẩm Kiều như chị Mai nói. Ngoài truyện Kiều, cụ Nguyễn Du còn có nhiều tác phẩm thơ văn khác như Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh, Văn Tế Sống Hai Cô Gái Trường Lưu, Thác Trai Phường Nón … Không một ai nêu được một bài thơ, câu văn hay lời nói nào ngoài truyện Kiều để chứng minh cụ Nguyễn Du luyến tiếc nhà Lê. Các bạn nên nhớ cụ Nguyễn Du làm quan thời nhà Lê và cụ được nhà Nguyễn trọng dụng. Tôi chắc chắn rằng không thiếu gì những vị công thần khai quốc của nhà Nguyễn ganh tị với cụ. Chắc chắn những người này phân

tích từng câu, từng ý để bắt bẻ hòng hãm hại cụ. Chỉ vì hai câu thơ :

Chọc trời quấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai

Vua Minh Mạng phạt rượu cụ Nguyễn Du với lý do trên đầu phải có vua tại sao trên đầu không có ai, huống hồ chi là tội hoài Lê.

Mục đích của cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều nằm ngay trong câu đầu của truyện Kiều

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Cụ là người có tài và cụ cảm thấy tài của cụ không được trọng dụng đúng với tài năng của cụ. Có thể vì vậy mà cụ Nguyễn Du đã không đi thi tiếp để đậu tiến sĩ hay trạng nguyên. Cái chết của Từ Hải là một cái chết bi thương hùng tráng cũng chứng tỏ điều cụ Nguyễn Du muốn nói "Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau". Một người tài xuất chúng bị định mệnh ghen ghét bắt chết lúc còn trẻ và để lại một mối tình đẹp, chung thủy, trong sáng. Vì không còn thì giờ, chúng tôi xin kết luận rằng Kiều mang nặng ân tình với Từ Hải nhất.

Sau phần thảo luận là phần biểu quyết. Kết quả làm tôi buồn lòng. Tôi và Hoa thua thảm hại. Sĩ số lớp tôi 48, tôi chỉ được 2 phiếu, một phiếu của tôi và một phiếu của Hoa.

Thầy Hồng nói lời cuối cùng để kết thúc buổi thảo luận. Thầy Hồng nói:" Thầy cám ơn các em rất nhiều. Một điều bất ngờ và thích thú là sau hai giờ thảo luận, thầy đã học được rất nhiều điều mới lạ của các em nói về truyện Kiều. Sau khi nghe các em trình bầy, thầy có chút phân vân không biết Kiều yêu Kim Trọng nhất hay

yêu Từ Hải nhất. Bên nào cũng có phần có lý, mặc dù đôi khi các em đặt Kiều trong các em mà không đặt các em trong Kiều để lý luận. Những điều các em trình bầy có thể đúng, có thể không đúng. Nhưng đúng sai không quan trọng lắm. Điều quan trọng là các em đã đưa ra được những vấn đề và những vấn đề này được thảo luận một cách tự do và thẳng thắn. Thầy rất hài lòng và cảm động về sự hăng hái và cố gắng của các em trong buổi thảo luận. Các em đã tạo nên một sự thích thú trong việc học môn Quốc Văn mà ít người thích học. Thầy cám ơn các em ".

Sau buổi thảo luận, ra khỏi lớp, tôi nghe giọng Giá Bồng Nga oang oang :" Từ Hải bị Kiều dụ, con Hoa bị thằng Thanh dụ ". Trên đường về nhà, Hoa lẽo đẽo đi bên tôi. Hai đứa không nói với nhau một câu. Đi đến ngã ba để rẽ vô đường Nguyễn Hoàng, tôi nghe tiếng chị Mai gọi :

- Thanh, Hoa.

Chị Mai xuống xe đạp và đến trước chúng tôi. Chị Mai nói :

- Hai đứa mi đừng buồn. Ba tao nói Thanh giỏi. Ba tao nói chuyện với mi nhiều lần, ba tao khen mi giỏi nhất trong mấy đứa.

Chị Mai véo má tôi:

- Mi giỏi hơn tao.

Chị Mai nhìn hai đứa tôi. Ánh mắt chị Mai thật trìu mến đã xoa dịu nỗi buồn của tôi. Chị Mai nói :

- Rạp Văn Cầm đang chiếu phim Mirage De La Vie hay vàảm động lắm. Nữ tài tử Sandra Dee đẹp và dễ thương.

Chị Mai véo má Hoa và nói :

- Nhưng không đẹp và dễ thương bằng mi.

Chị Mai đút cái gì vô túi áo tôi. Chị Mai nói thật nhanh:

- Tao thưởng cho hai đứa mi tiền để đi xem phim.

Tôi chỉ kịp nói :

- Em không lấy mô.

Chị Mai đã đạp xe đến gần cửa trường Nam Tiểu Học. Tôi buột miệng xưng em với chị Mai. Lần đầu tiên tôi xưng em với chị Mai. Tôi nhìn theo chị Mai trong lòng tôi có một tình thương yêu của đứa em đối với người chị. Chúng tôi đi về. Bước chân của chúng tôi không còn nặng nề. Có sự giúp sức của chị Mai nên bước chân của chúng tôi nhẹ nhàng thanh thản hơn. Trước khi bước vô nhà, Hoa nói với tôi :

- Mi lý luận rất hay. Trong lớp, không đứa mô hiểu mi, chỉ có tao hiểu mi. Mi là một người rất chung thủy.

Hoa đi vô nhà. Tôi còn đứng ngơ ngẩn một lúc lâu rồi mới bước vô nhà.

Buổi tối hôm đó, Hoa sang nhà tôi. Tôi và Hoa phụ mẹ tôi may quần áo. Tôi cắt những sợi chỉ còn sót trên áo và quần. Hoa đơm cúc và xếp thành từng bộ. Hoa hỏi mạ tôi :

- Dì có biết truyện Kiều không dì ?
- Dì biết. Truyện cô Kiều bán mình chuộc cha.
- Theo dì, Kiều yêu ai nhất ?
- Kiều yêu Kim Trọng nhất.
- Tại sao ?
- Dì không bết. Mọi người đều mong muốn cuộc đời không có trắc trở về tình duyên. Ai cũng mong muốn Kiều và Kim Trọng thành vợ thành chồng. Khởi đầu tốt đẹp và kết thúc tốt đẹp.

Lúc về, Hoa nói với tôi:

- Không ai quên được mối tình đầu chân thật.
- Mi hối hận đã theo tao.
- Không.
- Mi giận tao.

Hoa nhìn tôi, lắc nhẹ đầu. Hoa nói thật nhỏ :

- Không, không bao giờ tao giận mi…lâu quá ba ngày
- Chủ nhật đi xem phim Mirage De La Vie ?

Hoa đưa mắt nhìn tôi. Đôi mắt thật hiền và thật đẹp. Tôi chờ đợi một ân huệ Hoa ban cho. Hoa gật đầu nhẹ. Nhìn Hoa bước về nhà, lòng tôi bâng khuâng. Hoa trân trọng những chiến thắng dù rất nhỏ nhoi của tôi và chia sẻ những thất bại rất bé của tôi. Tôi tự hỏi, tôi đã yêu Hoa ? Đúng, tôi đã yêu Hoa.

LỄ TỐT NGHIỆP KHÓA I CTKD

CHO ĐI LẠI TỪ ĐẦU,
CHƯA ĐI VỘI VỀ SAU
Kỷ Niệm - Phạm Duy

Chủ Nhật ngày 05 tháng 01 năm 1969

Máy bay hạ cánh xuống phi trường LIÊN KHƯƠNG. Tất cả mọi người trên máy bay bỗng im lặng. Hình như có ai ra lệnh cho mọi người im lặng. Mọi người đang nói, đột nhiên im lặng như một cỗ máy bị mất điện. Không còn nghe ai nói, cũng chẳng thấy ai cười. Máy bay ngừng hẳn. Tấm cửa của máy bay C130 từ từ hạ. Luồng khí lạnh tràn vào máy bay. Đà Lạt đã chạm vào thân thể tôi, thấm vào tâm hồn tôi. Người tôi run lên, không phải vì lạnh. Tôi đã chạm được Đà Lạt, mặc dầu tôi vẫn còn đứng trong lòng máy bay. Chúng tôi ba lô đã sẵn sàng trên vai, nhưng chưa ai bước xuống máy bay. Đứng im lặng chờ lệnh. Nguyễn Kim Hùng vẫy tay ra lệnh cho mọi người xuống máy bay. Đoàn người di chuyển, tiếng nói cười cũng di chuyển theo. Ra khỏi máy bay, mọi người hít mạnh để hưởng không khí trong lành của Đà Lạt.

Tiếng Hùng Beau (Nguyễn Kim Hùng) và Tư Liệt (Mai Kim Đỉnh) vang lên :

- Tập họp, tập họp.

Hùng Beau và Tư Liệt hét :

- Tập họp bốn hàng dọc

Những con hổ về rừng, những đứa có mộng lớn mộng nhỏ, những đứa coi trời bằng vung, những đứa chẳng biết kiêng nể ai, những đứa đã khênh xe thày Khoa Trưởng Trần Long đi dấu, những đứa bắn súng náo loạn trong thời kỳ quân sự học đường, và thằng mới hai mươi hai tuổi đã dựng lên cả một phong trào thanh niên văn nghệ vang lừng cả nước. Chúng nhanh chóng xếp thành bốn hàng dọc. Mới vô quân trường chưa đầy hai tháng chúng đã khép vô kỷ luật. Đúng như người ta nói kỷ luật quân đội là kỷ luật thép.

Hùng Beau ra lệnh :

- Bây giờ chúng ta về Viện. Một xe, hai mươi người. Nghe rõ?
- Rõ
- Nghiêm. Năm hàng dàu, trước, bước, một, hai, một hai

Xe thiết giáp dẫn đầu đoàn xe. Dọc đường từ phi trường Liên Khương về thị xã Đà Lạt, tiểu đoàn 23 Biệt Động Quân được bố trí để bảo vệ đoàn xe. An ninh lộ trình được thực hiện thật chu đáo.

Đoàn xe chạy qua thác Datanla, ánh đèn điện thấp thoáng trong các ngôi biệt thự, tôi đã thực sự ở trong vòng tay Đà Lạt. Xe xuống dốc nhà thờ con gà, tôi đã thấy hơi ấm của Đà Lạt tỏa ra. Xe đỗ trước văn phòng Viện Đại Học Đà Lạt, chúng tôi đã trở về nhà. Chúng tôi nhảy xuống xe. Chúng tôi cười , la, hét, nói năng khác hẳn khi chúng tôi ở tại phi trường Liên Khương. Vào viện thì hết là lính rồi chăng ? chắc có lẽ không phải. Tác phong quân đội biến mất cũng chỉ vì một số thằng bạn được hoãn dịch chưa phải đi lính hay không phải đi lính và các bạn đồng môn phái nữ đón chúng tôi. Chúng nó bắt tay, chúng nó ôm nhau, chúng nó tranh nhau nói. Hùng Beau, Tư Lật bây giờ có la hét hay có rút súng bắn đùng đùng lên trời, tôi chắc chúng nó cũng phớt lờ. Chúng nó còn sợ gì nữa. Cha Viện Trưởng đang đứng trước văn phòng viện tươi cười đón chúng, những đứa con trưởng cưng của cha. Đối với chúng nó, bây giờ chỉ có bạn bè, người quen, ngoài ra chúng phớt lờ hết.

Chúng tôi ăn cơm tối tại phòng cơm Đại Học Xá. Được lệnh ra phi trường lúc bẩy giờ sáng. Ngồi chờ máy bay đến sáu giờ chiều. Chín giờ tới Viện. Mười giờ ăn cơm. Đói, mệt nhưng rất vui. Bữa cơm tối thật ngon miệng.

Chúng tôi được sắp xếp chỗ ngủ tại các phòng trong Đại Học Xá. Tôi được ngủ tại giường cũ, trong căn phòng cũ thuộc lầu II.

Thứ Hai ngày 06 tháng giêng năm 1969

Mới sáu giờ sáng tôi nghe tiếng Hùng Trâu Bò :''Một hai ba bốn". Những tiếng hô nhịp nhàng theo sau :''Một hai ba bốn". Hùng Trâu Bò đang dẫn một toán chạy bộ. Có lẽ lạnh không ngủ được nên chúng nó chạy cho ấm. Khi đi, chúng tôi có đem theo đâu ngoài bộ quần áo lính và đồ cá nhân. Chúng tôi vẫn vô tư. Chúng tôi mới nếm mùi đời hơn một tháng nay. Vô lính cũng vui như lúc đi học. Cả hơn trăm thằng khóa I gặp nhau trong tiểu đoàn Nguyễn Huệ thì làm sao mà không vui cho được. Hầu như tất cả những trò nghịch ngợm thời sinh viên, chúng đem vào quân trường. Chúng lấy số đông để áp đảo bọn trường Luật, Quốc Gia Hành Chánh và các trường Đại Học khác để dành chức tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó khóa sinh cho Hùng Beau và Tư Liệt. Buổi sáng lúc mười lăm phút nghỉ giải lao, chúng dành nhau tờ báo để xem truyện Cô Gái Đồ Long. Tôi và Vũ Trọng Thức đánh volley cá độ với sinh viên Quốc Gia Hành Chánh, trường Luật. Nhờ tài vừa chiến đấu, vừa chọc quê đối phương của Thức nên tôi và Thức thứ bẩy và chủ nhật thường được đi ăn cơm phần tại nhà hàng thay vì ăn cơm cá mối nhà bàn. Phạm Văn Răng múa thần quyền, cả tiểu đoàn phục lăn. Răng còn bắt ấn, gọi ma làm khiếp đảm trung úy Đại Đôi Trưởng Hùng.. Chúng đem ban văn nghệ vô hội quán của tiểu đoàn. Lưu Văn Dân lại hát bài Love P otion Number 9, San Francisco. Phong Râu (Trần Ngọc Phong) gân cổ ngân dài bài Ave Maria , Cúc Cu Ru như một đại danh ca Tây Ban Nha. Tiếng hát của Dân và Phong Râu đã vượt Viện Đại Học Đà Lạt ra đến quân trường Quang Trung.

Tiếng khóc của đứa trẻ mới sinh mà Khai Giao Linh (Đinh Văn Khai) diễn trong một vở kịch đóng chung với Phong Râu và Dân đã cứu cả tiểu đoàn không bị ông đại úy tiểu đoàn trưởng Hiến phạt. Tiếng khóc của Khai Giao Linh làm rúc hội trường cười vang. Ông đại úy Hiến và sĩ quan cán bộ tiểu đoàn ôm bụng cười. Lệnh của ông đại úy Hiến là khóa sinh cả tuần tập mệt, nếu ban văn nghệ không tạo được những nụ cười thoải mái cho khóa sinh thì rúc tiểu đoàn bị phạt. Lệnh cũng có điểm lạ là cả tiểu đoàn bị phạt, chứ không phải chỉ ban văn nghệ bị phạt.

Tôi nằm yên trên giường để hưởng cái thú vị, cái thanh thản của đời sống sinh viên mà cuộc sống nhà binh không có. Các bạn tôi đã đi lên văn phòng viện để lãnh áo mũ tốt nghiệp từ sáng sớm. Mười giờ rưỡi, tôi mới ra khỏi phòng.

Văn phòng viện vắng heo. Có lẽ tôi là người cuối cùng lãnh mũ áo tốt nghiệp. Mỗi sinh viên được cha Viện cho một phiếu chụp hình tại tiệm hình Hồng Thủy gần góc đường Minh Mạng và Phan Đình Phùng. Cha còn cho mỗi sinh viên đầu hai phân 500 đồng để dằn túi. Cha Viện đã lo cho sinh viên khóa I thật chu đáo.

Tôi đi ra khỏi viện. Con đường dốc từ cổng Viện đến ngã tư Phù Đổng Thiên Vương và Võ Tánh thật thân thương. Dọc theo bờ tường của Viện, cỏ được cắt gọn gàng. Những cây Anh Đào dọc theo hai bờ tường viện trổ những bông màu hồng. Tôi nhớ cây Mimosa bên bờ tường Viện. Cha Viện Trưởng đã thuê toán Hướng Đạo chúng tôi chặt tất cả những cây không phải là cây Anh Đào dọc theo bờ tường Viện. Cây Mimosa thật đẹp, chính tay tôi chặt gẫy. Nhìn cây Mimosa nằm sóng soài trên mặt đất, tôi bùi ngùi cảm thấy mình có tội. Nay bờ tường quanh viện, những cây anh đào đang nở hoa thật

đẹp. Những cây anh đào toàn hoa, không lá. Mầu hoa anh đào hồng thắm nổi bật trên màu xanh của khung trời Đà Lạt ….

Đi đến ngã tư, tôi lưỡng lự chưa biết nên đi ra phố bằng đường đi ngang Giáo Hoàng Chủng Viện có đồi Cù cỏ xanh và tươi xanh, hay đi bằng con đường Võ Tánh có xóm sinh viên thân quen. Tôi chọn con đường thân quen. Đi qua quán T2, tôi nhớ những giọng hát của các bạn sinh viên như Nhữ Văn Trí, Kha Tư Giáo. Tôi nhớ tiếng hát Lê Uyên và Phương lúc hai người chưa nổi danh, tôi nhớ giọng hát của Đoàn Chính và câu thơ của Phạm Thành Tài tả mùa thu " *Một chút vàng trong lá trong cây* " . Tôi nhớ những đêm lang thang ngoài phố đến tận gần nửa đêm. Trên đường về Đại Học Xá, đi ngang quán T2, trời khuya và lạnh, những đứa bạn kéo tôi vô quán T2 tán dóc, bỗng tôi cảm thấy thật ấm áp.

Tôi nhớ đám cưới của Nguyễn Tường Cẩm, chủ quán T2. Tuổi trẻ ngông cuồng, tuổi trẻ đam mê, tuổi trẻ liều lĩnh. Không tiền, chưa nghề, đôi mắt còn ngơ ngác như mắt nai, tâm hồn còn gắn bó với đám bạn chỉ biết các trại công tác xã hội, vậy mà chúng nó dám xông lên như những chiến sĩ tiền phong. Đúng là điếc không sợ súng. Đám cưới linh đình với cờ lọng, áo dài khăn đóng, chiêng trống rộn rã. Một đám cưới của thế kỷ mười chín. Bạn bè giúp, cha Viện cũng giúp, đám cưới đã được ghi vô lịch sử của khóa I trường Chánh Trị Kinh Doanh. Tôi nhớ tiếng trống liên hồi trước quán T2 trong đêm tân hôn của vợ chồng Cẩm. Hùng Trâu Bò sao mà hăng quá. Nó đánh trống liên hồi như trống vỡ đê sông Hồng, khiến Chang phải nhắc:

- Tha cho hai vợ chồng nó. Mày đánh trống mau mà dồn dập như thế làm sao thằng Cẩm nhịp theo kịp. Không khéo sáng mai, tụi

mình phải đưa hai vợ chồng nó vào bệnh viện cứu cấp vì kiệt sức.

Đám cưới Nguyễn Tường Cẩm và Ngô Kim Liên trên đường đi đến giảng đường Spellman

Đi qua trường Bùi Thị Xuân của các cô gái áo dài xanh. Những cô nữ sinh đã làm rung động trái tim nhiều chàng sinh viên và ngược lại. Thơ, nhạc, hạnh phúc, niềm vui, nỗi nhớ đẹp như trời Đà Lạt, đã được viết, đã được kể, đã được hát để ca tụng những mối tình của những cô nữ sinh áo xanh xinh tươi, ngây thơ với chàng sinh viên từ phương trời xa xôi nào đó, đến xin nhận Đà Lạt làm quê hương.

Tôi đi lên đồi Lữ Quán Thanh Niên. Tôi đến bên cây Mimosa. Cây Mimosa trước cửa phòng tôi trong năm đầu tiên đẹp tuyệt vời. Buổi sáng đi học, tôi chào cây Mimosa. Buổi chiều cây Mimosa đón tôi đi học về. Tôi mân mê những chiếc lá xanh mốc trắng. Cây Mimosa hoa vàng không lá thật đẹp. Nay cây Mimosa toàn lá xanh mốc, không hoa cũng rất đẹp. Tôi sắp phải xa cây Mimosa hoa vàng lá mốc. Tôi muốn thời gian ngừng lại để tôi được đứng bên cây Mimosa lâu hơn. Trên trời,

mây vẫn trôi, thời gian vẫn đi, tôi phải cất bước. Tôi vĩnh viễn xa cây Mimosa Hoa Vàng Lá Mốc.

Đứng trên đồi Lữ Quán, tôi nhìn đường Võ Tánh vắng lặng, khu sinh viên Võ Tánh im lìm nhưng vẫn đầy sức sống. Khóa I ra đi, khóa II, III, IV đã có mặt. Càng ngày càng đông, càng ngày càng vui. Tôi tự thấy mình đã có quyết định sai lầm: Năm II, tôi bỏ khu Võ Tánh - Lữ Quán Thanh Niên để xin vô ở Đại Học Xá. Sinh hoạt sôi nổi, sống động của sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt đều tập trung tại khu Võ Tánh - Lữ Quán Thanh Niên.

Gây ấn tượng cho tôi nhất là quán T2 của Nguyễn Tường Cẩm và Nguyễn Lập Chí. Quán T2 là nơi tụ họp văn nghệ của đủ loại nghệ sĩ: Những ca sĩ hát hay không bằng hay hát, những ca sĩ thượng hạng, hảo hạng Nguyễn Minh Tuấn, Lưu Văn Dân, Trần Ngọc Phong, Nhữ Văn Trí, Kha Tư Giáo … những ca sĩ, nghệ sĩ, văn sĩ nhà nghề Lê Uyên và Phương, Đoàn Chính, Phạm Thành Tài, Steve Adis, Ngô Đức Quang Du Ca, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Miên Đức Thắng, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Tú Kếu, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Đỗ Quý Toàn … và tay đàn classic thượng đẳng Cao Hoàng …

Tại khu Võ Tánh, hoạt động báo chí rất sôi nổi. Nhiều tờ báo ra đời như Diễn Đàn Sinh Viên của Nguyễn Tường Cẩm, Tí Ti và Chính Danh của Nguyễn Lập Chí, Nước Mắt Mẹ của Nguyễn Quang Tuyến và Trần Trọng Thức … với những cây viết Sơn Râu (Nguyễn Văn Sơn), Minh Hân Lê Kim Ngọc, Trần Đại, Hoàng Ngọc Nguyên, Mai Kim Đỉnh, Nguyễn Khải, Phạm Chí Thành, Phan Thạnh, Nguyễn Quang Tuyến, Trần Trọng Thức, Phan Đình Đẳng, Nhan Ánh Xuân …

Khóa I CTKD có ba ban nhạc. Ban nhạc Les Laborers của Huỳnh Thành Công trong Nam Đại Học Xá. Nữ Đại Học Xá có ban nhạc của Phong Lan, Huệ An, Thạch Trúc … Ban nhạc nữ mặc đồng phục như những ban nhạc nhà nghề. Nhưng nổi trội nhất là Ban nhạc Leviathan với Trần Văn Lưu trống, Trần Trọng Chung guitar và hai ca sĩ Trần Ngọc Phong và Lưu Văn Dân của khu sinh viên Võ Tánh. Ban Leviathan đã gây được niềm vui và sự sống động trong đời sống những sinh viên xa nhà. Tôi nói mà không sợ sai rằng: Trong tâm hồn và trái tim của sinh viên khóa I lọc toàn thời gian đều có giọng ngân dài : cúc cù ru cù ru … của Trần Ngọc Phong, một nghệ sĩ tài tử mà ai cũng yêu mến.

Những thanh niên đầy lý tưởng phụng sự quần chúng thì làm việc không mệt nhọc trong hai tổ chức THANH NIÊN THIỆN CHÍ do Nguyễn Tường Cẩm thành lập và ĐOÀN SINH VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI do Hoàng Văn Lộc sáng lập. Những trại công tác xã hội được thường xuyên tổ chức khắp vùng hẻo lánh của cao nguyên Lâm Viên, ra tận Đông Hà Quảng Trị, vào tận Cần Thơ, Châu Đốc. Hai tổ chức xã hội này đã tạo được tình đồng chí và tình anh em gắn bó giữa các đoàn viên. Nhớ tới hai tổ chức hoạt động xã hội Thanh Niên Thiện Chí và Đoàn Sinh Viên Công Tác Xã Hội, tôi cũng nhớ tới nhân vật xuất sắc của nhóm Hướng Đạo chúng tôi: Lê Đường. Lê Đường thành lập Tráng Đoàn Hùng Vương. Mộng nhỏ của Lê Đường là thành lập những toán Hướng Đạo gồm những thanh niên nông dân tại Trại Hầm, Trại Mát để sinh hoạt chung với toán Thụ Nhân gồm toàn sinh viên và toán Giòng Chúa Cứu Thế gồm những vị tu sĩ … Mộng lớn của Lê Đường là thành lập những toán nữ Hướng Đạo sinh hoạt chung với nam Hướng Đạo trong Tráng Đoàn Hùng Vương. Mộng lớn của Lê Đường bị các Trưởng Hướng Đạo tại Đà Lạt kịch liệt phản đối. Nhưng Lê Đường vẫn quyết tâm thực

hiện. Một điểm son của Lê Đường là đã thuyết phục được các Trưởng lãnh đạo tại Đà Lạt cho phép các tráng sinh của tráng đoàn Hùng Vương mặc quần dài thay vì quần ngắn.

Lẫy lừng nhất là Nguyễn Đức Quang Du Ca. Quang Du Ca là sinh viên duy nhất của khóa I, trong thời gian đi học đã tạo được sự nghiệp vang lừng cả nước. Sự nghiệp của Quang Du Ca không phải về ngành Kinh Doanh hay Chính Trị mà hắn theo học. Sự nghiệp của Quang Du Ca là phong trào văn nghệ thanh niên mang tên Phong Trào Du Ca. Điều làm tôi cảm động là sáu anh chàng sáng lập Phong Trào Du Ca đã không quên cội nguồn của mình là cư dân Đà Lạt và cũng là sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt. Họ đã từ Sài Gòn trở về Đà Lạt tổ chức lễ ra mắt Phong Trào Du Ca tại giảng đường Spellman.

Đất nước đang hồi chiến tranh khốc liệt, chính phủ phải ban lệnh Tổng Động Viên. Vậy mà tại Viện Đại Học Đà Lạt, thanh niên vẫn được hưởng tự do: Quyền tự do đóng góp, sáng tạo và thực hiện lý tưởng. Sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt được hưởng tự do quý báu nhất: TỰ DO TƯ TƯỞNG.

Tôi nhìn Núi Lâm Viên. Núi Lâm Viên xanh ẩm in trên bầu trời xanh lơ có vài cụm mây trắng. Bốn năm học tại Đà Lạt, tôi chưa hề trèo lên đỉnh núi Lâm Viên. Chiến tranh đã không cho phép tôi thực hiện mơ ước của tôi: CẮM CỜ HƯỚNG ĐẠO TRÊN ĐỈNH NÚI LÂM VIÊN. Đứng trên đồi Lữ Quán Thanh Niên nhìn những cụm mây trắng như những bông hoa đang nở trên nền trời màu thanh thiên, màu xanh của da trời Đà Lạt. Tôi nhớ một bài viết về Đà Lạt của ông Phạm Công Thiện trong quyển Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ TRIẾT HỌC. Tôi đoán ông Phạm Công Thiện viết bài

này một mạch từ chữ đầu đến chữ cuối, không nghỉ ngơi, không thêm bớt. Văn trào ra từ tim ông như giòng nước cuồn cuộn chẩy vô biển khơi. Phạm Công Thiện và thi sĩ Hàn Mặc Tử đã góp phần giúp Đà Lạt trở thành đất linh thiêng. Tôi rung động khi đọc bài của Phạm Công Thiện viết về Đà Lạt và tôi xúc động bồi hồi khi nghe anh Khoáng ngâm bài thơ ĐÀ LẠT TRĂNG MỜ của thi sĩ Hàn Mặc Tử tại căn phòng basement Lầu Hồng vào một buổi tối năm sáu bốn, lần đầu tiên tôi và anh Khoáng quen nhau. (Lầu Hồng là ngôi biệt thự màu đỏ nằm trên đỉnh đồi Lữ Quán Thanh Niên. Lầu hồng có một bà cụ, chúng tôi thường gọi là bà ngoại. Bà ngoại săn sóc bốn cô cháu gái. Năm bà cháu ở trên lầu. Basement cho sinh viên thuê)

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ

Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hò reo
Để nghe tơ liễu rung trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu

Hàng thông lấp loáng đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm
Hư thực làm sao phân biệt được
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm

Cả trời say nhuộm một màu trăng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng
Không một tiếng gì nghe động chạm
Dẫu là tiếng vỡ của trăng sao

Nhìn về phía nhà của vợ chồng nhạc sĩ Lê Uyên và Phương trên đường Võ Tánh. Lê văn Lộc gốc người Quảng Nam . Nhắc đến anh, không gợi nhớ cho ai về đất Quảng Nam Đà Nẵng. Nhắc tới Lê Uyên và Phương người ta nhớ đến Đà Lạt, mặc dù nhạc của anh không có chữ Đà Lạt nào. Nhạc anh có đầy hình ảnh, màu sắc của Đà Lạt :

*Theo em **xuống** phố trưa nay đang còn chất ngất cơn say*
Theo em bước xuống cơn đau, bên ngoài nắng đã lên mau
(Vũng Lầy Của Chúng Ta – Lê Uyên Phương)

Nhìn về hướng Domain De Marie nằm trên đường Calmet, tôi thấy như có hình bóng một người thiếu nữ trong chiếc áo dài tím đang đi trong nắng ấm Đà Lạt. Người thiếu nữ ấy là thi sĩ Lệ Khánh, tác giả tập thơ EM LÀ GÁI TRỜI BẮT XẤU. Nhà của Nguyễn Đức Quang và thi sĩ Lệ Khánh đều ở trên đường Calmet. Nhắc đến tên Nguyễn Đức Quang chỉ gợi nhớ cho tôi về phong trào Du Ca mà hắn sáng lập, không gợi nhớ một chút gì về Đà Lạt. Nhắc đến tên thi sĩ Lệ Khánh, tôi nhớ đến Đà Lạt. Lệ Khánh là của Đà Lạt. Nguyễn Đức Quang là của Miền Nam Việt Nam. Đứng trên đồi Lữ Quán Thanh Niên nhớ lại những ngày đầu và thầm tiếc những ngày vui qua mau. Tôi ước mơ như nhạc sĩ Phạm Duy mơ ước trong bài hát Kỷ Niệm :

Trong tim thì sôi máu, khéo mắt có trăng sao
Bông hoa cài trên áo, trên môi một nguyện cầu
Cho đi lại từ đầu, chưa đi vội về sau

Tôi đứng lặng nhìn núi Lâm Viên, nhìn mây trời, nhìn khu Võ Tánh … nhìn lần cuối. Tôi dang tay và hít mạnh

để ôm trọn khung trời Đà Lạt. Nước mắt dâng và trào trên má.

Từ đỉnh đồi Lữ Quán Thanh Niên, tôi đi xuống đường Hàm Nghi bằng con đường mòn. Con đường hầu như hàng ngày tôi xử dụng để xuống phố trong năm I. Tôi ghé vô phở Đắc Tín để xem có Tường đang ăn phở và ngắm cô bé Đắc Tín không ? Nhìn vô tiệm phở không thấy đứa bạn học nào, cũng không có cô bé Đắc Tín. Tôi bước đi vì tôi nghĩ ngồi ăn một mình cũng không vui và không ngon. Tôi mở cửa cà phê Tùng. Chẳng có thằng bạn nào ngồi uống cà phê. Đi hai vòng quanh khu Hòa Bình, cũng không gặp đứa bạn nào. Không biết chúng biến đi đâu. Tôi đi vòng quanh khu Hòa Bình đến ba mươi vòng. Tôi gặp ông vua Hòa Bình ba mươi lần. Tôi phải nhìn ba mươi lần khuôn mặt đỏ gay vì rượu của ông ta và nghe ông ta đang chửi đổng ba mươi lần. Tuy tôi không nghe những lời chửi của ông ta, nhưng tôi biết ông Vua Hòa Bình chửi gì và chửi ai. Trước đây, có đôi lần, tôi dừng lại ngắm ông ta và nghe ông ta chửi. Ông ta chửi thế thái nhân tình, ông ta chửi chính quyền tham nhũng, bất công và bất tài. Không ai chú ý tới ông ta vì ông ta là một tên ăn mày nát rượu. Chúng tôi đặt ông ta là ông vua Hòa Bình vì ông mặc áo manteau đỏ bạc màu đã ngả màu vàng như áo hoàng bào. Ông đóng đô ở khu Hòa Bình từ trước ngày có trường Chánh Trị Kinh Doanh. Ông say suốt ngày và suốt ngày ông chửi rủa mọi người, kể cả chính quyền. Ông ta chẳng sợ ai.

Tôi mỉm cười chào cô Bích Liên đang ngồi trong tiệm bán vàng ba mươi tuổi. Cô bé Bích Liên lớn hơn, đẹp hơn. Lông mày cô Bích Liên đậm hơn, má cô Bích Liên hồng hơn, môi cô Bích Liên đỏ hơn. Cô Bích Liên đã biết trang điểm khác hẳn bốn năm trước, cô ngồi coi cửa hàng trong chiếc áo dài xanh lọc trò. Tôi nhớ Lương

Việt Hùng. Những chiều Thứ Bẩy, chúng tôi lũ lượt từ Đại Học Xá ra phố chơi. Thấy cô Bích Liên, Hùng vào trong tiệm vàng và dặn tôi :" Già Cơ, khi nào về, nhớ kêu tao về " …

Không gặp được thằng bạn nào, tôi định đi thêm ba mươi vòng nữa để phá kỷ lục đi vòng quanh khu Hoà Bình của Nguyễn Khải. Khải đi đôi giầy da cao cổ, mặc áo pardessus cà phê sữa đã đi vòng quanh khu Hòa Bình năm mươi tám vòng trong buổi chiều nắng đẹp ngày thứ bảy. Người đếm những vòng đi của Khải là Hồ Phán và Trương Duy Hào. Phán và Hào rủ tôi uống nước trong quán Đông Hải và đếm những vòng đi của Khải quanh khu Hòa Bình. Tôi chỉ đi thêm được một vòng nữa và phải bỏ cuộc. Cho đến tận thế cũng không ai phá nổi kỷ lục đi năm mươi tám vòng quanh khu Hoà Bình của Nguyễn Khải.

Thư Ba ngày 07 tháng giêng, năm 1969

Bẩy giờ sáng, chúng tôi đi lên nhà Nguyện, nơi tổ chức lễ mãn khóa của Trường Chánh Trị Kinh Doanh và Đại Học Văn Khoa. Nhân viên an ninh đang rà mìn, xem xét, lục soát khu vực hành lễ. Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đến dự lễ nên an ninh được canh phòng cẩn mật. Nhân viên an ninh rút khỏi khu hành lễ. Chúng tôi được hướng dẫn đứng dọc theo hai bên đường từ văn phòng Viện lên Nhà Nguyện để đón đoàn rước Quốc Kỳ Việt Nam Cộng Hòa.

Sau đó, chúng tôi vô ngồi trên những ghế xếp bằng sắt. Khán đài được trang hoàng giản dị với những chậu hoa. Quan khách tham dự đông đảo. Những vị quan khách tên tuổi gồm có Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình, Viện trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh thượng tọa Thích Minh Châu, Trung

Tướng Tổng Cục Trưởng Cục Chiến Tranh Chính Trị Trần Văn Trung … Có thể có những Viện Trưởng Đại Học Sài Gòn, Huế, Cần Thơ, Minh Đức mà tôi không biết mặt.

Linh mục Viện Trưởng hướng dẫn quan khách đến địa điểm hành lễ

Hướng dẫn Tổng Thống Thiệu đi vào chỗ ngồi, cha Viện Trưởng chỉ cho Tổng Thống Thiệu thấy những đôi Bốt Đờ Sô của chúng tôi.

Những ông Cử chân đều mang Bốt Đờ Sô và đầu hai phân

Buổi lễ diễn ra ngắn gọn, không nhiều diễn văn. Chỉ có ba người đọc diễn văn : Cha Viện Trưởng, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và ông Dương Văn Ba. Diễn văn của cha Viện Trưởng dài khoảng nửa tiếng. Ngài nói về đóng góp của Viện Đại Học trong quá khứ và tương lai cho nền giáo dục và đào tạo nhân tài cho Việt Nam . Đáp lại Tổng Thống Thiệu nói ngắn gọn. Tổng thống Thiệu ca ngợi những đóng góp và sự thành công của Viện Đại Học Đà Lạt. Ông Dương Văn Ba được cha Viện mời đọc diễn văn làm tôi ngạc nhiên đến sửng sốt. Tôi và các sinh viên đều nghĩ rằng người đọc diễn văn hôm nay sẽ là thủ khoa Mai Kim Đĩnh của cả hai phân ngành Chánh Trị và Kinh Doanh. Ông Dương Văn Ba là một cựu sinh viên. Hầu hết chúng tôi không biết ông Dương Văn Ba là cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt,

tốt nghiệp phân khoa nào, năm nào. Chúng tôi chỉ biết hiện nay ông Dương Văn Ba là dân biểu đối lập. Ông Dương Văn Ba không nói gì đến chính trị hay thời sự. Ông chỉ nhắc đến những tình cảm và kỷ niệm đẹp của ông trong thời gian ông theo học phân khoa Triết tại Viện Đại Học Đà Lạt. Ông ca tụng sự phát triển lớn mạnh và tốt đẹp của Viện Đại Học Đà Lạt ….

Linh Mục Viện Trưởng đọc diễn văn

Sau đó Tổng Thống Thiệu gắn Bảo Quốc Huân Chương Đệ Ngũ Đẳng cho linh mục Viện Trưởng. Bảo Quốc Huân Chương chỉ dành cho quân đội là những người cầm súng giữ nước. Còn ngành giáo dục có huân chương khác hoặc những bằng tưởng lục. Người được Bảo Quốc Huân Chương hằng năm được lãnh một số tiền tượng trưng sáu trăm, khi chết có một trung đội đến làm giàn chào từ lúc niệm cho đến khi an táng. Trong bài diễn văn ngắn trước khi gắn Bảo Quốc Huân Chương cho cha Viện Trưởng, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã ca ngợi tài điều khiển khéo léo của cha Viện Trưởng trong vụ biến động tại Đà Lạt đã tránh cho thị xã Đà Lạt không bị xáo trộn và thiệt hại. Tổng thống Thiệu không nhắc gì đến thành tích về giáo dục của cha Viện.

Tổng thống Thiệu đã coi cha Viện Trưởng như người chiến sĩ cầm súng dũng cảm có thành tích to lớn trong việc giữ gìn an ninh cho đất nước nên đã trao Bảo Quốc Huân Chương Đệ Ngũ Đẳng cho ngài.

Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trao Đệ Ngũ Đẳng Bảo Quốc Huân Chương cho Linh Mục Viện Trưởng.

Bỗng tiếng nhạc nổi lên. Tiếng nhạc trầm hùng, tiếng chiêng, tiếng trống vang dội hội trường khiến mọi người im lặng đến ngẩn ngơ. Giọng của ban hợp xướng sinh viên trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn cất lên mạnh và trầm hùng " *Lệnh vua hành quân trống kêu dồn. Quan với quân lên đường. Đoàn ngựa xe cuối cùng. Vừa đuổi theo lối sông. ……* " Mọi người đứng dậy vỗ tay. Tiếng vỗ tay kéo dài thật lâu để tán thưởng khi ban hợp xướng trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn chấm dứt nhạc phẩm Hồn Vọng Phu của nhạc sĩ Lê Thương. Riêng tôi, nước mắt tôi chầy. Tôi thầm cám ơn cha Viện Trưởng đã riêng tặng cho chúng tôi một nhạc phẩm gần hợp với hoàn cảnh và tâm trạng của chúng tôi, những sinh viên vừa tốt nghiệp cử nhân lại vừa trở thành quân nhân mới hai tháng. Cha viện

trưởng đã lo cho sinh viên đúng như lời ngài phát biểu :"*Tôi điều khiển Viện của tôi bằng trái tim tôi : Thương yêu tận tình, tranh đấu tận tình, cả về tinh thần lẫn vật chất làm cho các sinh viên có thể học hành được thoải mái.* "

Phần chính của buổi lễ : Trao văn bằng cho các ông cử, cô cử. Tên tân khoa được xướng danh, nhưng không trao bằng cho từng ông cử, cô cử. Thủ khoa Mai Kim Đĩnh của Trường Chính Trị Kinh Doanh và thủ khoa Nguyễn Thanh Châu của Văn Khoa được trao bằng và gắn khiên chương. Sau đó mỗi vị giáo sư phụ trách một hàng ghế để gắn khiên chương cho các tân khoa. Các tân khoa tung mũ. Tiếng reo mừng của tân khoa, của thân nhân, của quan khách vang dội khu nhà nguyện.

Buổi lễ chấm dứt. Quan khách ra về. Mọi người túa ra. Từng nhóm năm, mười, mười lăm… quây quần trước nhà nguyện, văn phòng viện, thư viện, giảng đường Spellman, trên cầu gỗ đỏ…hoặc hàn huyên hoặc chụp hình. Ba ông thợ chụp hình chuyên nghiệp bằng máy ảnh polaroid bấm không ngừng tay. Tôi phải chờ đến mười lăm phút mới có được một tấm hình ngồi trên thành cầu gỗ đỏ …

Hai giờ chiều, chúng tôi ra chụp hình tại tiệm Hồng Thủy. Ba giờ, tôi và Tường móc túi đếm được tổng cộng hơn năm trăm đồng. Tôi theo Tường đi đến tiệm phở Đắc Tín, mặc dầu tôi thích ăn phở Ngọc Lan. Tường muốn ngắm cô bé Đắc Tín. Ăn phở xong, chúng tôi đến cà phê Tùng uống cà phê. Bốn giờ rưỡi, chúng tôi đi ra đường đầu đường Minh Mạng để uống sữa đậu nành nóng và ăn bánh đậu xanh. Chúng tôi xuống chợ mua mứt mận, mứt dâu cho mấy thằng bạn lính ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung. Năm giờ rưỡi, chúng tôi trở về viện để trả mũ áo tốt nghiệp. Sau bữa cơm tối,

chúng tôi tụ họp thành từng nhóm tán dóc. Mười hai giờ rưỡi, nghe Hàn Sĩ Phan Thạnh ngâm bài thơ vừa mới làm mà lòng ngậm ngùi :

NGÀY ẤY … ĐÀ LẠT … THỤ NHÂN

Khoá Một nhập môn, sáu mươi lẻ bốn
Trưởng tràng hạ sơn mới sáu tháng tròn
Nhớ ngày khăn gói lên non thấm thoát đã năm niên
Hơn một ngàn năm trăm ngày xuất thân làm kẻ sĩ
Nhẩm tính thời gian, đại đăng khoa hơn trăm đứa, tuổi đời mới quá đôi mươi
Kiểm tra nhân sự, việc xuất xử chưa mấy tay kịp làm nên chuyện kinh bang tế thế
Nên đã có tên than thở :" Tại chúng mình đã đầu thai lầm thế kỷ "
Trời đã sinh ta, sao còn sinh bọn phỉ.
Nhưng than thở làm gì ! Cứ kiên tâm trì chí sẽ có ngày làm nên chuyện lớn
Đừng xem trần thế là phù du, là hư ảo
Nhớ ngày xưa bao công lao dùi mài kinh sử
Kỷ niệm đẹp, ta nhắc lại thời khoác áo thư sinh
Nhớ ngày nào, Đà Lạt sân trình dập dìu sĩ tử
Nữ yêu kiều, có nàng tóc xõa, tóc bồng nhởn nhơ kheo sắc thắm
Nam thanh lịch, vài tên ria mép râu cằm bày tỏ nét phong lưu
Không cần biết nàng từ đâu, anh ở đâu ?
Nơi xứ lạnh không phải mùa mưa Ngâu ta cũng gặp
Ngày khai khoá cùng lắng nghe Bố Lập :
" NHẤT NIÊN CHI KẾ MẠC NHƯ THỤ CỐC
THẬP NIÊN CHI KẾ MẠC NHU THU MỘC
BÁCH NIÊN CHI KẾ MẠC NHƯ THỤ NHÂN "
Bậc Thái Sư đã có Tam Long

Cùng ra chiêu đưa môn sinh quá hải
Bốn năm kinh sử dùi mài
Luyện Chính, Quản, Kinh bang đủ loại
Việc thi cử có đứa ngắc nga, ngắc ngoải
Chuyện ăn chơi lắm tay đại loại bậc trung
Đời sinh viên thửa ấy đẹp vô cùng
Giờ nghĩ lại cũng đôi lần tiếc nuối
Nhớ câu ca :" Ngày hợp hôn nàng không đòi may áo cưới "
Phần chúng mình nay mãn khóa ặn toàn đồ quân đội
Bốt đờ sô còn vướng bụi quân trường
Nhớ ngày xưa ông Cử về làng thênh thang áo mão
Còn nay các Tân Khoa nhập trại quân phục chỉnh tề
Trai thời loạn khi Tổ Quốc lâm nguy
Phải góp sức cùng chung lo vận nước
Dù đến n gày đầu bạc răng long vẫn nhớ mãi ngày trước
Từ việc quảng cáo bầu bán Ban Đại Diện
Đến nơi tụ họp bàn chuyện phiếm quán T2
Nhớ dạo ấy lắm vị cũng đa tài :
Đàn địch, hát hò, viết, vẽ, nhảy dẻo, tán phét, nói dai …
Đem so sánh cũng vào hàng cao thủ
Việc học hành chỉ đậu trên thầy Trần là đủ
" Nhân sinh tự cổ thùy vô tử "
Không vui chơi để lỡ tuổi xuân sao ?
Đời sinh viên thủơ ấy đẹp biết bao
Nhẩm tính lại đã trôi qua sáu tháng
Thế mới biết cuộc đời dâu bể
Nước tang thương, kẻ sĩ chẳng gập thời
Đồng môn sắp lưu lạc khắp mười phương
Nay chỉ gọi thầm tên nhau là chủ yếu
Chắc có lẽ :

Quá nhất vạn vật, cát bụi thòi gian sẽ phủ che nét dung nhan yểu điệu
Gió sương năm tháng sẽ bào mòn dáng thanh lịch phong lưu
Nhưng đó là chuyện tương lai. Xin đừng yếm thế
Vườn Thụ Nhân đầy hoa trái xum xê
Một xuống núi hai ba tư còn ở lại
Năm sáu bảy ... tiếp nối hai ba tư
Luôn tự hỏi :
Thế hệ một trồng được người chưa nhỉ ?
Hãy cố lên tiếp tục bắt tay cùng hậu thế
Chuyện trồng người, trăm năm, đâu có lúc nào là trễ
Để sau này chúng mình trở về trường Mẹ lập " Văn Bia "
Rằng chúng con những học sĩ xưa kia
Dù lưu lạc bốn biển năm châu nhưng vẫn nhớ lời thầy dặn :
LUẬT TRƯỜNG ĐỜI LÀ LUÔN LUÔN VÀO TRẬN
HÃY NHANH HƠN, MẠNH HƠN VÀ CAO HƠN

Một giờ rưỡi sáng, chúng tôi đi ngủ. Tôi thao thức không ngủ được. Thỉnh thoảng tôi nghe tiếng cựa mình của Tường, tiếng thở dài nhè nhè của Phước, tiếng đằng hắng nho nhỏ của Chính. Không biết chúng nó đang nghĩ gì, nhớ gì. Riêng tôi biết mình sắp xa Đà Lạt rất lâu … có khi…. chẳng có ngày trở về quê …

Thứ Tư ngày 08 tháng giêng, năm 1969.

Sáng sớm mọi người đã tụ tập trước văn phòng Viện. Từng nhóm quây quần nói chuyện. Nhóm đông nhất vây chung quanh cha vận Trưởng, thầy cô Trần Long, thầy Phó Bá Long, thầy cô Ngô Đình Long. Mọi người đang nói cười vui vẻ thì đoàn xe GMC nhiều chiếc chạy

đến đậu trước cổng viện. Giờ chia tay sắp điểm. Châu và vợ chưa cưới Quảng Hoa nói lời chia tay với tôi :"Đi bình an, mạnh khỏe, về mạnh khỏe bình an. Khi nào rảnh về Đà Lạt thăm hai đứa tao". Tôi im lặng không nói. Có một cái gì chận ở cổ họng tôi.

Tiếng Hùng Beau hét :

- Tập Họp . Sáu hàng dọc, trước thẳng

Đang cười nói, bỗng im phăng phắc. Gần hai trăm người đứng trong một một chu vi rộng khoảng một trăm mét trước văn phòng viện bỗng im lặng. Chỉ còn nghe những tiếng giầy của chúng tôi đi mau đến chỗ tập họp, theo lệnh của Hùng Beau. Hùng Beau ra lệnh:

- Nghiêm, bên phải quay

Chúng tôi quay mặt vào cửa văn phòng viện. Mọi người tiễn đưa chúng tôi đã di chuyển đến trước văn phòng Viện. Tôi thấy có Cha Viện Trưởng, Cha Bích giám đốc Đại Học Xá, các thầy cô Trần Long, thầy Phó Bá Long, thầy cô Ngô Đình Long, thầy Dương, thầy Diệu tổng thư ký, anh Sửu bí thư của cha Viện, bác Năm tài xế lái xe của Viện, bạn bè và thân nhân.

Hùng Beau ra lệnh :" Nghiêm, chào tay, chào."
Hùng Beau bước ra trước hàng quân và nói :

- Kính thưa cha Viện Trưởng, kính thưa thầy cô, chúng con là sinh viên khóa I trong Chánh Trị Kinh Doanh Đà Lạt. Chúng con xin cám ơn cha đã lo lắng thật đầy đủ cho chúng con. Những điều cha làm cho chúng con, đến nay chúng con vẫn tưởng như trong mơ. Lịch sử thế giới sẽ không diễn lại một lần thứ hai. Tám mươi phần trăm sinh viên dự lễ ra trường của trường đại học dân sự mặc quân phục, đi giầy bốt đờ sô, đầu hai phân. Chúng con nhớ mãi những gì cha và thầy cô

đã làm cho chúng con. Để đáp lại công ơn của cha và thầy cô, chúng con hứa sẽ sống đúng làm đúng theo tinh thần mà Viện Đại Học Đà Lạt đề ra: **Tinh Thần Thụ Nhân**. Xin cha, thầy cô và anh chị em nhân viên của viện Đại Học nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng con ….

Cha Viện Trưởng đáp lại lời Hùng Beau:

- Các con lên đường. Cha cầu nguyện cho các con luôn luôn được bình an mạnh khoẻ. Viện Đại Học Đà Lạt không chỉ trang bị cho các con kiến thức mà cả đạo đức làm người, đúng như câu nói của Quản Trọng mà cha đã nói với các con trong ngày nhập học đầu tiên Trăm Năm Trồng Người. Dù sau này làm chức vụ gì, công việc gì, các con cũng nên nhớ trong các con có Tinh Thần Thụ Nhân. Sống và suy nghĩ như một con người. Nghĩa là sống vị tha, khiêm nhượng và thành thật. Các con đi, cha chúc các con mạnh khỏe .

Hùng Beau hét :" Nghiêm. Bên Trái, Quay. Trước bước. Một, hai , một hai ba bốn…"

Chúng tôi bước đến cổng Viện Đại Học thì nghe tiếng la ơi ới :" Chờ một chút, chờ một chút …". Hai vợ chồng ông Thầu đang gồng gánh hớt hơ hớt hải vừa chạy vừa vẫy tay :"Chờ một chút, chờ một chút …" Thật là cảm động, vợ chồng ông thầu gồng gánh bánh mì, trái cây đến cho chúng tôi. Vợ chồng ông thầu phát cho mỗi đứa chúng tôi một ổ mì thịt và một trái chuối. Lúc ông thầu đưa bánh mì cho tôi, tôi ôm vai ông thầu nói :" Cơm của ông thầu ngon hơn cơm cá mối nhà bàn ở quân trường nhiều lắm. Cám ơn ông thầu. Ông thầu ở lại mạnh giỏi"

Chúng tôi lên xe. Cha Viện Trưởng và thầy cô vẫn đứng trước văn phòng viện. Thân nhân và bạn hữu tiễn

chúng tôi ra tận xe. Châu như muốn leo lên xe đi theo với chúng tôi để bỏ mặc cô vợ chưa cưới của nó ở lại. Đoàn xe chuyển bánh, tôi thấy nước mắt chảy trên má nhiều người. Tôi thấy nước mắt rơm rớm trên mắt Châu và Hoa. Tôi ứa lặng lặng nhìn những giòng nước mắt chảy. Người đi không khóc, người ở lại nước mắt rơm rớm, nước mắt thành giòng. Xe chạy đến ngã tư viện, nước mắt tôi dàn dụa chảy. Nước mắt tôi trào ra như giòng sông chảy vô biển. Tôi biết, bây giờ người đi mới khóc.

Đoàn xe đến khu Hòa Bình. Những anh tài xế quân vận thật điệu nghệ. Các anh cho xe chạy chầm chậm như để cho chúng tôi chào tạm biệt thành phố Đà Lạt.

Phi cơ đã lên cao. Nước mắt tôi dàn dụa chảy. Tôi không có một mối tình với cô thiếu nữ nào ở Đà Lạt. Tôi đã gởi tất cả tình thương yêu về xóm ga Huế, nhưng nước mắt tôi đã bao lần tuôn tràn vì Đà Lạt. Tôi để dòng nước mắt tự do chảy, tôi biết có muốn ngăn nước mắt đừng chảy, cũng không được. Tôi trở về Đà Lạt như một người về quê. Tôi có nhiều quê. Đà Lạt là quê hương quan trọng của cuộc đời tôi. **Đà Lạt là quê hương tinh thần của tôi. Đà Lạt, từ nơi đó tôi bước vào đời.** Bao giờ mới được trở về thăm quê lần nữa.

Tình Hoài Hương

Trình bày: *Nguyễn Đức Quang*

Liên lạc: *Nguyễn Đức Quang*
Điện thoại: 206-841-2728
Email: quangseattle2@hotmail.com

In tại: *EE Printing, Kent, WA*
Điện thoại: 425-656-1250
Email: Info@eeprining.com